

Thanh Cung Mười Ba Triều

Contents

Thanh Cung Mười Ba Triều	1
1. Chương 1: Nuôi Ong Tay Áo	2
2. Chương 2: Bảy Điều Hận Lớn	4
3. Chương 3: Tình Trong Khói Lửa	8
4. Chương 4: Mãn Minh Khai Chiến	11
5. Chương 5: Mãn Minh Đại Chiến Tại Hồn Hà	15
6. Chương 6: Lui Về Bảo Vệ Kinh Đô	18
7. Chương 7: Đánh Hưng Kinh, Quân Minh Thảm Bại	21
8. Chương 8: Liên Minh Mông Mãn	24
9. Chương 9: Muốn Ăn Chơi Hãy Làm Hoàng Đế	28
10. Chương 10: Ai Đầu Độc Giết Vua	31
11. Chương 11: Quân Minh Đại Bại, Mất Liêu Dương	35
12. Chương 12: Anh Minh Hoàng Đế Bị Tử Thương	38
13. Chương 13: Tình Nở Trong Mơ	42
14. Chương 14: Giai Nhân Sa Miệng Cọp	44
15. Chương 15: Tình Vương Ý Nhạc	48
16. Chương 16: Thoát Cơn Nguy Hiểm	56
17. Chương 17: Trai Hai Mươi Lấy Gái Lục Tuần	59
18. Chương 18: Đô Đốc Hiến Châu Vệ	62
19. Chương 19: Chinh Phục Để Mở Nước	66
20. Chương 20: Tình Cô Sơn Nữ	70

Thanh Cung Mười Ba Triều



Giới thiệu

Một câu chuyện dẫn dắt bạn đọc vào thế giới cùng cảm hoàng triều đầy những bất ngờ, những bí ẩn

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/thanh-cung-muoi-ba-trieu>

1. Chương 1: Nuôi Ong Tay Áo

Năm trước, Thư Nhĩ Cáp Tề theo anh là Nỗ Nhĩ Cáp Tề vào Trung Quốc tiến cống nhà Minh, thấy cung điện lâu đài của vua Minh tráng lệ nguy nga, lấy làm khâm phục và thích thú.

Hắn còn được Thần Tông hàng đế thưởng tứ nên lại càng cảm thấy vinh dự. Bởi vậy, khi về nhà hắn chẳng coi anh hắn ra gì. Ít lâu sau, Nỗ Nhĩ Cáp Tề khởi công xây cất cung điện bắt chước nếp sống đế vương hoa lệ của vua Minh thì Thư Nhĩ Cáp Tề càng ham hố cái khoái lạc của một vương gia.

Thư Nhĩ nghĩ rằng hai anh em hắn đều là con trai của Tháp Khắc Thế thì không có lý do gì mà chỉ mình anh hắn được hưởng phúc còn hắn phải chịu mãi cái kiếp tôi mọi cho anh hắn. Nỗ Nhĩ Cáp Tề thường đem Thư Nhĩ đi đánh trận nên hắn cũng lập được chiến công, bởi vậy hắn càng ngày càng làm tàng, thậm chí nhiều khi ở trước mặt anh, hắn cũng bất chấp cả luật lệ. Nỗ Nhĩ Cáp Tề biết vậy nhưng vì tình nghĩa anh em, lại cùng nhau chịu hoạn nạn từ nhỏ, nên bỏ qua, chẳng trách cứ gì. Không ngờ Thư Nhĩ lại cho rằng ông anh sợ, nên hắn ngầm điều binh khiển tướng, chuẩn bị một cuộc đảo chính... Hắn có hai đứa con trai, thằng cả gọi là A Mân; thằng thứ gọi là Tế Nhĩ Cáp Lãng. Hắn lại có đến cả vài ngàn binh sĩ thủ hạ dưới quyền. Trong nhóm âm mưu này, còn có cả đứa con thứ sáu của Nỗ Nhĩ Cáp Tề, tên gọi là Chử Anh.

Chử Anh thấy cha mình quý hai đứa con khác mẹ là Đại Thiện và Hoàng Thái Cực nên đem lòng oán hận, ngầm nuôi quân lính, cấu kết với ba cha con Thư Nhĩ thành một bè cánh khá mạnh.

Ba cha con Thư Nhĩ vốn cũng ở trong thành Hưng Kinh với Nỗ Nhĩ, sợ việc mưu phản có chỗ bất tiện và khó bề bảo mật nên ngầm sai gia nhân đến vùng Hắc Chỉ Mộc xây cất cung điện lâu đài, giống hệt của Nỗ Nhĩ. Chúng định ước với Chử Anh sau khi chuyển qua Hắc Chỉ Mộc rồi, sẽ mang quân về đánh Hưng Kinh. Chử Anh mai phục quân sĩ ở trong thành, khi nghe hiệu pháo nổ tức thì khởi binh, nội ứng ngoại hợp, ắt thế nào cũng thành công. Chẳng ngờ A Ba Thái lượm được tin này vội về nói với mẹ là Y Nhĩ Căn Giác La Thi.

Bà này vốn là vợ của Nỗ Nhĩ Cáp Tề nhưng từ khi Nỗ Nhĩ lấy thêm một nàng hầu tên O Lạp Thị thì bị thất sủng. Nay được tin này, bà muốn lấy lòng chồng, nên bảo con tới tố cáo ngay cho Nỗ Nhĩ biết.

Nỗ Nhĩ Cáp Tề nghe A Ba Thái nói xong, đột nhiên cả giận, tức khắc sai Hổ Nhĩ Cổ điếm binh mã chờ lệnh. Nỗ Nhĩ bảo Hổ Nhĩ Cổ:

- Người đem bốn ngàn quân vào thành, đóng chặt cổng lại, rồi đi bắt ba cha con Nhị bối lạc cùng cả công tử Chử Anh điếu về đây cho ta tức khắc!

Hổ Nhĩ Cổ thấy sắc mặt Nỗ Nhĩ đầy sát khí, chẳng dám nhiều lời, vội lĩnh mệnh đi ra. Hổ Nhĩ Cổ vừa quay gót thì Nỗ Nhĩ kêu lại bảo thêm:

- Nếu bọn chúng kháng mệnh, người hãy chém ngay, mang thủ cấp về cho ta!

Hổ Nhĩ Cổ điếm đủ bốn ngàn quân đóng ập cổng thành rồi chia làm ba cánh; cánh hai ngàn chia nhau giữ chặt bốn cửa, cánh một ngàn bảo vệ đô đốc phủ, còn cánh một ngàn do chính y chỉ huy tới bao vây phủ đệ của Thư Nhĩ như một bức thành đồng, con kiến cũng khó lọt qua. Hổ Nhĩ Cổ đem ba trăm thần binh xông qua cửa trước mà vào. Trong nhà, ai nấy hoảng hồn bạt vía, người nào chân cũng như đình đóng xuống đất, không nhúc nhích được nửa bước.

Hổ Nhĩ Cổ quát lên một tiếng “Trối lại!” tức thì ba trăm thần binh hùng hổ tiến lên, bắt toàn gia già trẻ, lớn bé, trối ké lại, nhốt vào một căn phòng. Tiếng kêu khóc rầm lên. Thư Nhĩ Cáp Tề cậy mình có công, nhất định không tuân mệnh. Hắn cầm đại đao, thấy người là chém. Bọn binh sĩ bị chém chết khá nhiều. Hổ Nhĩ Cổ thấy thế giận lắm, vội rút trong bọc ra một cây cờ lệnh, quát lên một tiếng lớn: “Giết chết hắn đi!”. Tức thì bọn xông binh ước đến bốn năm chục, nhất loạt tiến lên quát ngã Thư Nhĩ xuống đất, rồi một trận loạn đao chém xuống. Thư Nhĩ chỉ còn lại một đồng thịt bầy nhầy lẫn máu đỏ ròng ròng. Hổ Nhĩ Cổ nhảy tới cắt vội đầu Thư Nhĩ, một mặt cho binh sĩ lôi toàn gia Thư Nhĩ đi theo, tới bắt trối nốt Chử Anh rồi mới điếu đến trước phủ Nỗ Nhĩ Cáp Tề.

Chử Anh cậy mình là con trai của Nỗ Nhĩ, nghĩ vẫn còn tình nghĩa phụ tử, nên chạy đến trước mặt cha quỳ xuống, khóc rống lên một cách thảm thiết, mong được tha tội. Nào ngờ vừa thấy mặt Chử Anh, máu hỏa càng ngùn ngụt nổi lên Nỗ Nhĩ không ngờ kẻ phản mình chẳng ai xa lạ mà chính là con trai mình, bởi vậy

chẳng còn phân vân gì nữa, lập tức tuốt đao chém luôn một nhát. A Mẫn cùng Tể Nhĩ Cáp Lãng thấy vậy, kinh hồn bạt vía, vội chạy tới trước quỳ mọp xuống đất. Nỗ Nhĩ Cáp Tề nổi hung, đôi mắt như bắn lửa ra ngoài, tay vung lưỡi đao định chém nốt, song bỗng nhớ tới Thư Nhĩ Cáp Tề, vội dừng tay hỏi.

Hồ Nhĩ Cổ dâng thủ cấp lên. Nỗ Nhĩ thấy hai mắt của người em ruột đã từng gian lao vất vả với mình buổi thiếu thời giờ đã nhắm nghiền, bỗng xúc động can tràng. Ông nhớ lại khi anh em ông bị cha đuổi ra khỏi nhà, trải biết bao cực khổ, đói lạnh có nhau, mà đến nay chẳng ngờ xảy ra chuyện đau lòng như vậy. Ông lại nghĩ đến chuyện chỉ vì tức giận nhất thời mà giết chết chính đứa con thân yêu của mình. Ông đau khổ nhớ tới Chữ Anh rồi lại nhớ tới mối tình ân ái xưa kia với người vợ đã quá cố, bất giác đôi dòng lệ trào ra. Ông quăng cây đao đi, rồi bước lên hai bước, nâng hai người cháu dậy, tha tội cho đồng thời khuyên phải cải tà quy chính. Hai anh em được bá phụ tha tội, vội gục đầu lạy tạ, khóc lóc một hồi rồi ra về.

Nỗ Nhĩ Cáp Tề giết mất em và con liền một lúc, trong lòng buồn bã chẳng vui, nên cũng chẳng còn muốn kéo binh đi đánh Minh triều nữa. Ông ở lì trong phủ, ngày ngày cùng với mấy viên võ tướng, đại thần bàn việc cải biến binh chế. Cuộc bàn soạn kéo dài tới mấy ngày, lúc đó mới quy định được binh chế gọi là “Chế độ Bát Kỳ”.

Theo binh chế này thì quân đội của Nỗ Nhĩ được phân biệt qua các sắc cờ. Binh chế Mãn Châu vốn đã có bốn loại cờ: Cờ vàng, cờ trắng, cờ xanh, cờ đỏ. Nay lại lấy thêm một màu khác để viền vào các lá cờ màu kia, gọi là: Cờ viền vàng, cờ viền trắng, cờ viền xanh, cờ viền đỏ. Cộng cả thấy có tám loại cờ.

Cấp bậc võ quan chỉ huy thì chia làm bốn: Ngưu lộc ngạch chân, Giáp thích ngạch chân, Cổ sơn ngạch chân và Mai lạc ngạch chân. Mỗi một Ngưu lộc chỉ huy ba trăm quân. Mỗi một Giáp thích chỉ huy năm Ngưu lộc. Mỗi một Cổ sơn chỉ huy năm Giáp thích, lại còn điều khiển cả hai Mai lạc nữa. Mỗi khi xuất quân, nếu thế đất rộng rãi thì quân Bát Kỳ bày thành hàng ngang nhưng nếu thế đất chật hẹp thì bày thành hàng dọc không được chạy hoặc rối loạn. Đến lúc đối chiến thì những đội quân mặc kiên giáp, cầm giáo dài, hoặc khoai đao sẽ xông lên trước làm tiền phong, còn những đội quân mặc khinh giáp, sử dụng cung tên thì tiếp ứng ở phía sau. Ngoài ra còn có một đội kỵ binh thường tới lui khi ở mặt trước lúc ở mặt sau để chiếu hộ và cứu ứng.

Kiên giáp tức là áo giáp bằng thép. Người ta lấy dây tơ và những mảnh gỗ kết lại thành quần áo, mặt trong lót một tấm thép dày hai tấc hoặc một tấc bốn phân (tấc, phân của Trung Quốc cổ).

Khinh giáp tức là áo giáp nhẹ, chỉ dùng có dây tơ và các mảnh gỗ kết thành chứ không có thép lót bên trong.

Nỗ Nhĩ Cáp Tề biên định xong binh chế, chia cấp bậc đại tướng xong, ngày ngày thao luyện diễn tập. Ông lại bảo Ngạch Nhĩ Đức Ni, Ba Khắc Chảm và Cát Cái Nhĩ Khắc Tề phỏng theo chữ Mông Cổ mà chế ra chữ Mãn.

Hồi đó Kiến Châu chiếm địa thế khá lớn ở Mãn Châu. Trừ những vùng như vùng phụ cận mặt nam Khai Nguyên, vùng nội địa rộng Liêu Hà, suốt hai dọc từ Liên Sơn quan tới Phượng Hoàng thành, còn tất cả những vùng bình nguyên phì nhiêu ở Nam cũng như Bắc Mãn Châu rộng rãi bao la đều do một tay Nỗ Nhĩ Cáp Tề nắm hết. Ngay cả miệt bắc đất Triều Tiên lúc đó cũng bị Kiến Châu chiếm cứ.

Nói đến binh lực của Kiến Châu thì riêng mình giải Tô Tử Hà Cốc đã có tới tám vạn tinh binh rồi. Thời đó, người Minh thường có câu tục ngữ “Nữ Chân không đủ vạn, du vạn ắt khó địch” là để tả cái đức dũng cảm và cái công tập luyện tinh nhuệ của người Mãn Kiến Châu. Và nhờ những hành động đặc biệt về tổ chức này, ai cũng cho rằng Nỗ Nhĩ Cáp Tề phải là một người có chí lớn lắm.

Những tin tức về sự biên định quân đội của Nỗ Nhĩ Cáp Tề chẳng mấy chốc đã lọt tới tai tể tướng triều Minh. Diệp Hướng Cao giật mình, miệng lắp bắp:

- Nguy tai! Bọn ta phải liệu đề phòng ngay chứ không thì nguy!

Nói đoạn Cao cầm bút, viết sớ dâng lên. Sớ rằng:

“Thần trộm nghĩ: Về việc biên phòng ngày nay duy chỉ có bọn rợ Kiến Châu là đáng ngại. Sự thế có thể đi tới phản loạn. Thế mà nay, cửu biên (việc đề phòng chín mặt biên ải) không tốt, nhất là miền Liêu Tả thì lại càng tệ! Tên tù trưởng Lý Hoá Long mà động thì ắt là khó chống. Cả một trấn Liêu Dương, đành

khoanh tay chịu cướp. Ví thử có phát binh cứu viện cũng chẳng thể kịp. Hơn nữa lương thực trong trấn thấy đều khánh kiệt, quân binh cứu viện một khi kéo tới, biết lấy gì mà ăn? Lúc đó, nếu không quay giáo trở về thì ắt phải làm điều cướp bóc. Như thế thì đại sự trong thiên hạ chỉ có tàn hoại chứ không thể cứu vãn. Thần nghe lời tới đó, ngủ không yên giấc, ăn không xuống cổ. Xin thánh thượng tìm phương phòng bị, đó là điều cần yếu trước mắt”.

Thần Tông hoàng đế xem xong tờ sớ, cũng giật mình lo lắng, ăn ngủ không yên.

Ngài tuyên triệu ngay binh bộ thượng thư vào cung, dặn bảo phải gấp tăng quân đóng giữ quan ải. Quan thượng thư binh bộ trở ra liền phái ngay Phả Đình Tướng tới nhận chức phó tướng Liêu Dương, Bồ Thế Phương đương chức tham tướng Hải Châu và Liêu Dương. Hồi đó Quảng Ninh tổng binh Trương Thừa âm và Quảng Ninh tuần phủ Lý Duy Hân cùng tiếp được văn thư cáo cấp bảo bọn họ tùy thời gian giám sát tình hình Kiến Châu, đồng thời báo cáo tin tức về triều.

Không ngờ chính giữa lúc triều Minh đang rối loạn cuống cuống thì Nỗ Nhĩ Cáp Tề lên ngôi Đại Hãn, xưng nước Kim Quốc. Đúng vào năm 44 niên hiệu Vạn Lịch đời Minh thì đại điện hoàn thành ở Hưng Kinh.

Hôm đó Nỗ Nhĩ Cáp Tề, toàn thân nai nịt ngồi trong đại điện, có đại bồi lặc Đại Thiện, nhị bồi lặc A Mẫn, tam bồi lặc Mãng Cổ Nhĩ Thái, tứ bồi lặc Hoàng Thái Cực cùng rất đông bồi lặc chỉ huy quân Bát Kỳ đem theo các vị đại thần, đứng chờ trước điện, chia làm hai bên, y theo vị trí trước sau của tổ chức Bát kỳ.

Lễ quan xướng to hai tiếng “Hành lễ”, tức thì bốn bồi lặc đại thần cùng văn võ bá quan, nhất tề quỳ xuống, chặt kín cả sân điện. Họ lặng lẽ quỳ xuống đứng lên làm lễ “Tam quy cửu khấu” (ba quỳ chín lạy) một cách vô cùng trọng thể, khắp điện chỉ nghe có tiếng sột soạt của tấm bào mới, hoặc tiếng giấy nện nhẹ xuống mặt đất mà thôi. Giữa lúc bá quan dập nhẹ những cái đầu có đủ loại mũ giắt ngọc thêu hoa rực rỡ loè loẹt thì Nỗ Nhĩ Cáp Tề ngồi trên bảo tọa trông xuống. Ông chỉ thấy khắp mặt điện những chiếc lông vũ, cái nào cái nấy dựng ngược lên tua tủa y như trong một vườn rau lá dày đặc. Lòng ông tự nhiên cảm thấy sung sướng vô cùng.

Cuộc hành lễ vừa xong, tám vị đại thần Bát Kỳ xuất ban quỳ xuống đất, hai tay bưng cao tờ biểu. Liên đó, hai viên thị vệ tử trên điện xuống, A Đôn Ba Khắc Chấm và Ngạch Nhĩ Đức Ni, gơ tay tiếp lấy, rồi lại quay lên điện, quỳ xuống, lớn tiếng đọc tờ biểu tôn Nỗ Nhĩ Cáp Tề lên làm Phúc dục biệt quốc Anh Minh hoàng đế.

Anh Minh hoàng đế nghe xong biểu văn, liền bước xuống bừa tọa đất ba cây nhang, nước mắt lên tể cáo trời đất. Ông hạ lệnh cho triều thần làm lễ Tam quy cửu khấu. Lễ xong, ông trở lên điện, ngồi vào bảo tọa. Đám đông bồi lặc, đại thần chia từng ban một, tuần tự tiến lên chúc mừng tân hoàng đế.

Thánh chỉ từ trên điện ban xuống: đổi niên hiệu làm Thiện Mệnh nguyên niên. Rồi ông thưởng cho bá quan uống rượu mừng Kim Quốc thịnh trị lâu dài.

Anh Minh hoàng đế bãi triều, vào hậu cung, đã có các bà Kế Đại Phi, Trắc Phi, cùng thứ phi dắt theo bọn công chúa, phúc tấn chúc mừng. Sau khi làm xong gia lễ, cả bọn mời hoàng đế vào dự yến.

Nỗ Nhĩ Cáp Tề lúc đó mềm môi uống đầy, chẳng ngờ say bí tỷ lúc nào không hay. Đám cung nữ tiến tới nâng hoàng đế lên, đưa về cung của bà O Lạp Nạp Thích an nghỉ. Đêm đó chẳng cần phải nói, ai cũng có thể biết được cái cảnh điên loạn đảo phụng, trăm sự tự nhiên tốt đẹp không bút nào tả nổi...

2. Chương 2: Bầy Điều Hận Lớn

Sáng ngày thứ hai, mới vừa canh năm, Anh Minh hoàng đế đã trở dậy tọa trào. Từ đó, ông phỏng theo hoàn toàn cách thức của triều Minh, từ cung điện lâu đài đến cấp bậc quan tước. Thỉnh thoảng ông lại triệu các bồi lặc, đại thần cùng rời cung du ngoạn hoặc bàn tính quốc gia đại sự.

Hồi đó, Anh Minh hoàng đế rất căm giận Minh triều vì họ đã khinh khi ông nhiều lần. Ông thường đưa chuyện này ra cùng các đại thần bàn luận để tìm cách báo thù. Một hôm thám mã tại biên quan về tâu:

- Dân chúng miền biên tái của Minh triều thường vượt biên giới để trộm nhân sâm và đông mộc.

Anh Minh hoàng đế tức khắc hạ thánh chi, sai Đạt Nhĩ Hán và thị vệ Hồ Nhĩ Hán đem quân tới biên giới tuần tra, nếu thấy người Minh vượt tuyến thì giết sạch.

Viên thị vệ Hồ Nhĩ Hán y lệnh, giết đến năm mươi người Minh. Anh Minh hoàng đế còn sai Vông Cổ Lý, Phương Cáp Nạp tới gặp Quảng Ninh tuần phủ là Lý Duy Hãn, hạch hỏi về chuyện vượt biên đó.

Lý Duy Hãn nghe nói quân Mãn giết chết dân mình, nổi giận đùng đùng, liền sai bắt hai sứ thần Kim Quốc, bắt luôn chín tên tùy tùng, trói chặt lại, một mặt viết thư gửi Nỗ Nhĩ Cáp Tề đòi đền mạng. Nỗ Nhĩ lòng tuy tức giận nhưng sứ thần hiện bị bắt giam thành thử đành chờ đợi, cho đưa mười tên phạm nhân bắt được ở Diệp Hách bộ hồi trước đến phủ Thuận Quan, nhất loạt chém hết, giả bộ đền mạng cho những người Minh bị giết. Nhờ vậy, Vông Cổ Lý và Phương Cáp Nạp mới toàn mạng trở về.

Anh Minh hoàng đế tuy nói nhất thời nhẫn nhục cho qua nhưng thực ra ý niệm báo thù ngày càng sâu thêm mãi.

Vào tháng giêng năm thứ ba, niên hiệu Thiên Mệnh, một hôm Nỗ Nhĩ Cáp Tề vừa thức dậy, sửa soạn ra thị triều, khi đẩy cánh cửa sổ nhìn ra ngoài thì chỉ thấy nơi vàng trắng mờ nhạt còn treo lủng lẳng góc trời tây một làn khói vàng vắt ngang, dài tới hơn bốn trượng, rộng có tới hai thước. Ông liền quan sát kỹ lưỡng rồi bất giác cười phá lên, nói:

- Khí số nhà Minh hết rồi! Đây là điềm báo nước Kim của ta đang vượng lên.

Bà Kế đại phi đứng ở đằng sau, cũng đang xem hiện tượng lạ lùng đó, chợt nghe lời Anh Minh hoàng đế, bèn hỏi:

- Bệ hạ lấy gì làm bằng cứ mà nói vậy?

Anh Minh hoàng đế nói:

- Khanh không thấy đó sao? Cái mặt trắng kia há không phải triều Minh sao? Mặt trắng sáng nhưng ánh sáng nhạt mờ há không phải là điềm báo của sự suy vong? Bây giờ, khanh xem tới làn khói vàng kia đi, nó ứng vào nước Kim ta đấy. Chữ Kim có nghĩa là vàng, tức là sắc vàng. Làn khói vàng kia, rất sáng, há lại không phải điềm báo nước Kim ta sẽ thịnh vượng ư? Hơn nữa, làn khói vàng lại còn vắt úp lên trên vàng trắng thì nước Kim diệt nước Minh há là đương nhiên rồi.

Bà Kế đại phi nghe giải thích mới hiểu ra, vội quỳ lạy, luôn mồm tung hô vạn tuế. Anh Minh hoàng đế vội nâng dậy, hối hả đòi ra thị triều.

Văn võ bá quan triều bái xong, Anh Minh hoàng đế bèn đem thiên tượng vừa xảy ra lúc ban mai rồi kết luận:

- Ý trời đã định. Chư khanh chớ nghi ngại nữa. Trẫm đã quyết, năm nay ta phải đánh người Minh.

Lúc đó, dưới điện, văn quan võ tướng đứng đầy. Họ nghe nói đánh Minh, lấy làm khoái chí, kẻ nào kẻ nấy xoa tay xấn áo y như cuộc đấm đá đã xảy ra trước mặt, và nhất loạt tâu xin hoàng đế đích thân điều khiển cuộc chinh phạt.

- Chư khanh hãy lui. Đợi trẫm cùng pháp sư nghĩ kế thoả đáng đã, lúc đó tất nhiên sẽ có chỗ điều dụng chư khanh!

Qua hôm sau, chi ý được truyền ra, tuyên triệu pháp sư Hãn Lộc Dã Nhĩ Hãn Nang Tổ vào cung.

Vị pháp sư này vốn từ Tây Tạng đi bộ tới Mãn Châu, đạo hạnh hết sức cao thâm, thuyết pháp rất là huyền diệu, được Anh Minh hoàng đế vô cùng quý trọng. Anh Minh hoàng đế sai người xây cất một ngôi chùa rất lớn gọi là Thích Ma Tự cho pháp sư, cứ mỗi khi có việc nghi ngờ khó giải quyết, lại tới thỉnh giáo.

Anh Minh hoàng đế cùng với vị pháp sư bàn tính kỹ lưỡng, cuối cùng đã tìm được chủ ý.

Ngày 14 tháng 2 niên hiệu Thiên Mệnh, là một ngày quan trọng, một ngày đã được vị pháp sư dẫn đo tìm kiếm mới quyết định. Thế rồi, sáng tinh sương hôm đó, Anh Minh hoàng đế xa giá ra khỏi thành, khiến đủ Bát Kỳ người ngựa đến đại giáo trường chờ nghe lệnh. Hoàng đế mặc nhung trang, cưỡi trên lưng con ngựa

ô cao lớn, chọn hai vạn tinh binh kéo tới tổ miếu hành lễ. Toàn ban văn võ đại thần, bối lạc từng chinh cũng đều tới làm lễ, xong rồi quay về chỉnh đốn đội ngũ.

Chỉ trong chốc lát, người ta thấy cờ quạt rợp trời, kiếm kích như rừng, đại quân đội ngũ chỉnh tề, rầm rộ kéo thẳng tới Phủ Thuận quan.

Khi đại quân kéo tới Giới Phàm sơn, bỗng quân sĩ tiên phong bắt được một người Hán, áp giải tới trung quân. Anh Minh hoàng đế đích thân thẩm vấn. Mấy tên quân áp giải vừa đưa vào dưới trướng, nhà vua đã liếc mắt nhìn qua gã tù nhân một lượt để ước xét. Ông thấy người Hán này có bộ râu ngắn, mặt mũi rất thanh tú.

Chẳng cần phải xét lâu, nhà vua đã có thể biết rằng người Hán này phải là một kẻ độc sách, ông bèn hạ lệnh cởi trói, lại cho gã ngồi đằng hoàng rồi mới hỏi han kỹ lưỡng. Gã người Hán nói:

- Tâu bệ hạ! Hạ thần họ Phạm tên Văn Trình, tự là Hiến Đầu, vốn giòng dõi tiên tổ Phạm Văn Chính, tứ Trọng Yên, đời Tống. Từ thuở nhỏ đọc rộng mọi sách, trên biết thiên văn dưới tường địa lý, giữa hay nhân sự, lại còn rành cả thao lược, thần đã mấy lần dâng sách lên Minh Hoàng nhưng Minh Hoàng chẳng dùng, đến nỗi về sau thần lênh đênh lưu lạc rồi trôi dạt tới đây. Thần lại thấy khói vàng úp nguyệt, biết rằng Mãn Châu sẽ xuất hiện chân chúa. Do đó, thần chẳng quản búa rìu, lặn lội tới quan ngoại để mong gặp bệ hạ. Thần nguyện đem hết tài năng để phò tá bệ hạ.

Anh Minh hoàng đế nghe Trình nói một hồi, trong lòng rất lấy làm vui mừng. Ông gọi thị vệ đem rượu thịt để đãi Trình, lại bảo Trình:

- Trẫm đối với Minh triều có bảy điều đại hận, còn những việc tiểu oán thì chẳng cần nói làm chi, tiên sinh đã có lòng giúp Trẫm nên mới tới đây, vậy xin hãy bình luận rõ các mối hận của Trẫm xem sao?

Phạm Văn Trình nghe đoạn, bèn xin cho bút giấy, rồi ngay giữa bàn tiệc, viết thành bài “Thất hận đạo”. Bài đó như sau:

“Ông cha ta chưa từng cắt một cọng cỏ, cướp một tấc đất của người Minh nơi biên ải, thế mà Minh triều vô cớ gây hân, giết hại ông cha ta. Đó là cái hận thứ nhất. Tuy Minh triều gây hân nhưng ta vẫn cố tìm hoà. Ta dựng bia tuyên thệ ”Hán cũng như Mãn chớ ai vượt tuyến. Kẻ nào liều lĩnh, gặp tức khác giết ngay“. Thấy mà vẫn thả, ta giết đứa thả. Minh triều bất chấp lời ta. Lại còn cậy mạnh đem quân vượt tuyến giúp bọn Diệp Hách. Đó là cái hận thứ nhì. Hàng năm ở mé nam cũng như mặt bắc sông Minh Hà, người Minh thường đánh thuyền cướp bến, mặc sức lộng hành. Ta tuân lời thề nên phải giết. Minh triều lại phụ ước trước, trách ta giết bừa, bắt Quảng Ninh sứ thần của ta là Vồng Cô Lý, Phương Cát Nạp, lại trói cả người tháp tùng, uy, hiếp ta. Đó là cái hận thứ ba. Quân Minh vượt tuyến giúp Diệp Hách, khiến người vợ sắp cưới của ta phải cải giá sang Mông Cổ. Đó là cái hận thứ tư. Lài Hà, Tam Soái, Phủ An, ba lộ đó là những nơi ta chia quân đóng giữ đã nhiều đời. Dân ta ở đây chuyên nghề nông, cấy cày ruộng đất thế mà Minh triều không cho họ làm ăn, đem binh đuổi sạch: Đó là cái hận thứ năm: Bọn Diệp Hách dắc tội với trời ngoài biên ải, thế mà Minh triều riêng tin lời chúng, sai người đưa thư tới để hạch hỏi ta, làm nhục ta, chẳng coi ta ra gì. Đó là cái hận thứ sáu. Lúc trước, Cáp Đạt giúp Diệp Hách hai lần tới xâm lăng, ta phải thân hành đi báo phục. Do đó, trời đã trao cho ta cả dân Cáp Đạt, ấy thế mà Minh triều lại ùa theo họ, bức hiếp ta phải trở về nước, khiến Cáp Đạt bị người Diệp Hách xâm lược. Ôi, giữa cái lúc liệt quốc phân qua chinh chiến, kẻ nào thuận ý trời thì kẻ đó thắng và tồn tại, kẻ nào nghịch ý trời thì kẻ đó bại và mất nước, lẽ nào khiến kẻ đã chết có thể sống lại, khiến kẻ được lòng mọi người lại phải bỏ đi? Trời đã giúp ột nước lớn, một vị vua thì vị vua đó phải là người chủ chung của thiên hạ. Tại sao Minh triều lại oán giận nước ta? Buổi đầu Hồ Luân chư quốc họp binh lại để đánh ta, nên trời chán ghét bọn Hồ Luân gây hân đó. Nay Minh triều giúp bọn Diệp Hách, bị trời chán ghét, đó chính là chống lại ý trời, gây chuyện thị phi, tự ý làm bậy. Đó là cái hận thứ bảy, vì thế thì biết người Minh khinh ta quá đáng, tình thực khó bề chịu nổi. Đây là những nguyên cớ của bảy điều đại hận, bởi thế ta phải khởi binh đánh chúng!”

Phạm Văn Trình viết xong, A Đôn, bộ hạ Khắc Thập Ngạch Nhĩ Đức Ni dịch ra tiếng Mãn, rồi lớn tiếng đọc một lượt. Anh Minh hoàng đế luôn miệng tán thưởng, cuối cùng trịnh trọng ngợi khen họ Phạm:

- Phạm tiên sinh thật là người bề tôi tâm phúc của Trẫm.

Anh Minh hoàng đế bèn phong cho Trình làm quân sư theo trong đại doanh để tham tán chiến sự. Hoàng đế gọi Trình là tiên sinh. Khắp triều văn võ ai cũng gọi một tiên sinh, hai tiên sinh vô cùng cung kính.

Lúc đó, đại quân tới Cổ Lặc, Anh Minh hoàng đế hạ lệnh đóng trại. Ngay đêm hôm đó, trên một bãi đất trống rộng rãi, Anh Minh hoàng đế tuyên chỉ bày hương án, chung quanh có Bát Kỳ binh mã vây kín hết tầng này tới tầng kia. Hoàng đế cùng với văn võ bá quan, bối lặc, đại thần bước ra khỏi trướng, tới trước hương án, quỳ xuống ngược lên trời mà làm lễ “Tam quy cửu khấu”. Phạm Văn Trình tay nâng bức cáo văn THẤT HẬN, lớn tiếng đọc lên. Một cây long kỳ được dựng cao ngất trước ba quân. Tiếng quân nhạc trỗi lên vang lừng bốn phía.

Cuộc lễ chấm dứt, Anh Minh hoàng đế trở lui về dinh.

Ngày hôm sau, Anh Minh hoàng đế ngồi trên trướng đài, hạ lệnh chia đại quân ra làm hai lộ. Tả lộ đem bốn kỳ binh tiến đánh hai nơi Đông Châu và Mã Căn Đơn. Còn hữu lộ có bốn kỳ binh và tám kỳ hộ quân do chính nhà vua và các bối lặc chỉ huy tiến đánh phủ Thuận Quan. Khi nghe tiếng pháo hiệu, tức thì ba quân gióng cờ đánh trống lên đường.

Bốn kỳ quân hữu lộ vừa tới, Hãn Hồn Ngao Mạc chọn một khu đất trống hạ trại. Phạm Văn Trình lên trướng bệ kiến Anh Minh hoàng đế, tâu rằng:

- Tâu bệ hạ, thần ngửa xem thiên tượng, biết trời sẽ mưa lớn. Đại quân đóng tại bình nguyên sợ bị lụt ngập. Ở gần đây, về mé tây nam, có một toà núi cao tên gọi Phúc Kim Lĩnh, đó là chỗ đóng quân yên ổn. Rất mong bệ hạ lập tức truyền chỉ dời quân lên núi.

Anh Minh hoàng đế nghe lời Trình, hạ lệnh lập tức nhổ trại hành quân. Quả nhiên, đại binh mới chuyển tới nửa đường đã thấy mưa rơi tầm tã, hết trận này qua trận kia không ngớt. Đến khi kéo tới được sườn núi đóng doanh cắm trại, thì mọi người đã thấy thể nước mạnh như di sơn hải đảo, tràn ngập khắp nơi. Hoàng đế ngồi trong trướng phục tài Trình, cất tiếng khen:

- Phạm tiên sinh quả là người thần!

Trận mưa thật là dai, luôn một hơi mười ngày không lúc nào ngớt. Đứng trên nhìn xuống cả một cánh đồng dưới chân núi bị nước ngập mênh mông trắng xóa, y hệt biển khơi. Ngọn núi trơ trọi một mình giữa biển nước như một hòn đảo. Anh Minh hoàng đế ngồi trong trướng, bụng dạ như lửa đốt.

Một hôm, các bối lặc đại thần ngồi hầu bên cạnh hoàng đế nghe ngài nói:

- Trời mưa lớn quá, sợ không tiến quân được. Trẫm muốn hỏi binh, có nên chăng?

Đại bối lặc Đại Thiện ngồi bên cạnh, đứng dậy tâu:

- Không nên. Nếu trở về, chúng ta cùng Minh triều giảng hoà hay kết oán? Huống hồ đại binh đã kéo tới biên giới của Minh triều, nếu không đánh mà trở lui, ta biết lấy gì để cho họ khuất phục?

Phạm Văn Trình cũng lên tiếng:

- Thần xem thiên tượng, chỉ nội ngày tới, thể nào cũng trời quang mây tạnh. Xin bệ hạ nhẫn nại thêm một chút là có cơ hành động.

Để liền hỏi:

- Phạm tiên sinh! Theo ý tiên sinh thì quân ta tới khi nào thì mới có thể tiến quân được?

Trình nói:

- Hôm sau, vào giờ Hợi có thể tiến quân được.

Các tướng nghe lời Trình, cùng lấy làm quái lạ, bởi vì lúc đó họ vẫn nghe bên ngoài gió mưa rầm rập, không thấy một triệu chứng nào khả dĩ đoán được trời sắp tạnh.

Anh Minh hoàng đế rất tin lời Trình, nên ngày hạ lệnh:

- Ngày mai, giờ Hợi tiến quân vào thẳng tới phủ Thuận Quan.

Lại một ngày qua, mưa vẫn trút nước, gió vẫn giạt dữ dội, tình cảnh vẫn đáng chán như trước. Nhưng đến giờ Hợi, quả nhiên gió ngừng mưa dứt. Rồi trời quang mây tạnh. Trên không trung, vầng trăng bạc lại tươi cười nhìn xuống trần gian. Đã khuya mà trăng sáng chẳng khác ban ngày.

Anh Minh hoàng đế ngồi trên ngựa, vỗ mạnh vào yên nói:

- Phạm tiên sinh quả là người thần!

Nói đoạn, Đế truyền lệnh ba quân rút tiến lên, trong lòng cảm thấy vui vẻ vô cùng:

- Sáng sớm tinh sương ngày thứ ba, tiền quân đã nhìn thấy một toà thành lơ mờ trước mặt. Thì ra đó là thành phủ Thuận Quan. Anh Minh hoàng đế hạ lệnh cho binh mã dàn mỏng, đóng thành hàng ngang suốt mặt trước cửa thành dài dằng dặc.

Lúc đó, trong thành phủ Thuận Quan có một người nông dân vừa ra khỏi thành để đón củi liền bị quân tuần tra bắt trời dẫn tới chỗ Anh Minh hoàng đế. Đế lấy lời nói ôn tồn an ủi anh ta rồi hỏi xem trong thành có bao nhiêu người ngựa.

Anh ta cho biết chỉ có mình quan trấn thủ Lý Vĩnh Phương chỉ huy một ngàn quân.

Anh Minh hoàng đế hiểu rõ tình hình liền bảo quân sư Phạm tiên sinh viết một phong thư chiêu hàng rồi đưa cho anh nông dân đem về trao cho Phương.

3. Chương 3: Tình Trong Khói Lửa

Tuy đã trao thư chiêu hàng, hoàng đế vẫn sửa soạn, có ý muốn đánh. Quân sư họ Phạm vội tâu:

- Thuận Quan thành à hào sâu nhất thời khó bề phá nổi. Huống hồ bức thư chiêu hàng Lý Vĩnh Phương mới vừa gửi đi, trong chốc lát ta chưa thể có hồi âm. Mà khi chưa có hồi âm thiết tưởng bệ hạ cũng chưa tiện hạ lệnh đánh thành. Theo ngụ ý của thần, ta hãy tạm lui quân ra ngoài mười dặm, đóng ẩn trong các khu rừng cây rậm rạp. Thấy quân ta rút, bách tính trong thành tự nhiên theo lệ thường mở cửa ra ngoài họp chợ mua bán. Lúc đó, ta sai dăm chục tên gian tế trà trộn vào thành nằm chờ thời cơ hành động... Như thế, há lại không dễ thắng ư?

Hoàng đế nghe kể, bất giác vỗ đùi khen hay rồi tức khắc hạ lệnh lui binh xa mười dặm, lẳng lặng vào ẩn trong rừng.

Quan trấn thủ thành Thuận Quan thấy địch quân đã rút xa, bèn cho phép mở cửa thành, cho nhân dân mua bán, giao dịch như ngày thường.

Viên thiên tổng tên gọi Vương Mệnh Ân, thấy cổng thành mở, sợ quân Kiến Châu lại kéo đến liền khuyên Lý đóng lại.

Nhưng họ Lý không chịu nói:

- Bách tính Thuận Quan này toàn nhờ vào việc chợ búa để sinh sống. Nếu ta đóng cửa thành, đình việc mua bán, nhân tâm ắt bối rối, hoảng sợ.

Ân lại nói:

- Mở cổng họp chợ, sợ gian tế dễ trà trộn vào thành.

Phương không nghe, vẫn cho phép dân chúng hai chủng tộc Mãn, Hán tự do ra vào, chẳng ai tra hỏi gì.

Bảy, tám ngày sau, mọi người như đã quên luôn cả cái đám binh mã Kiến Châu xuất hiện mấy bữa trước, thì chợt có một tiếng gầm vang như đất lở trời long. Kiến Châu binh mã ào ào xông tới như một trận cuồng phong. Quân canh thủ vội đóng chặt cửa thành, nhốt luôn cả một số đông người Mãn lại. Trong nháy mắt, ngoài tường thành quân Kiến Châu đã bắc thang mây và bắn tên như mưa rào rào. Đứng trên địch lâu, Lý Vĩnh Phương cũng đốc quân bắn trả. Phương còn cho binh sĩ ném đá, lăn gỗ xuống để ngăn cản địch

quân. Giữa lúc đôi bên kịch chiến, bỗng bên vòng thành mặt tây lửa cháy ngút trời, khói toả rộng cả vùng. Phương nhảy vội lên lưng ngựa phóng như bay về cửa tây. Nhưng vừa tới nơi thì cửa đông lại bị cháy, lửa bốc còn dữ dội hơn nhiều. Phương lại quay ngựa về đông. Khi gần tới cửa đông, Phương lại thấy cửa nam, cửa bắc đều có lửa cháy ngùn ngụt. Đến lúc này, Phương đã rõ trong thành có gian tế trà trộn vào, nghĩa là đã trúng gian kế của địch. Phương hối hận đã không nghe lời Vương Mệnh Ân để đến nỗi hỏng việc, vội trở về nhà sở của mình. Nhưng khi vừa đạp tới cổng nha thì đã nghe tiếng người hò la ầm ĩ, lửa cháy sáng thấu trời, Phương tuốt cây đại đao cầm lăm lăm trong tay, phóng ngựa qua cửa. Mới được vài bước, ngựa Phương đã vướng chân vì mấy sợi dây chằng chịt bên dưới. khiến Phương cả người lẫn ngựa té nhào xuống đất, không ngóc dậy được nữa. Hơn chục đại hán từ hai bên nhảy ra. Chúng đề lên người Phương rồi dùng dây bện trói ké Phương như trói heo, đoạn khiêng vào bỏ trong căn phòng tối, khoá chặt lại.

Lý Vinh Phương nằm trong phòng, lắng tai nghe, chỉ thấy tiếng người ầm ĩ như cái chợ vỡ, rồi tiếng hò hét chém giết, tiếng kêu la thất thanh, mãi tới nửa đêm mới tạm nguôi. Đến lúc này, Phương mệt quá, cũng thiếp đi lúc nào không hay.

Sáng hôm sau cửa phòng bật mở, năm tên lính Mãn vào khiêng Phương ra. Phương ngẩng đầu lên thì thấy Anh Minh hoàng đế oai nghi ngồi trên ghế cao, đôi bên có văn võ bá quan dàn hàng túc trực. Để truyền chỉ xuống bảo Phương đầu hàng.

Nhưng Phương chỉ chửi bới om sòm. Mấy phút im lặng nặng nề trôi qua. Bên ngoài quân Mãn lần lượt khiêng vào rất nhiều thi hài. Phương nhìn xem, nhận ra là Thiên tử Vương Mệnh Ân cùng một bọn tướng lĩnh, cả vợ Phương là nàng Trần thị và mấy đứa con cũng có trong số đó. Phương vụt khóc lóc vô cùng bi thảm. Anh Minh hoàng đế lại khuyên nhủ Phương:

- Người bất tất phải bi thương. Vợ con người đều do loạn quân trong thành giết chết chứ không phải quân Mãn Châu. Trẫm thấy họ chết một cách thảm thương nên đã sai người mua quan quách bậc nhất để khâm liệm, mai táng thay người.

Vừa nói, Đế vừa sai quân sĩ đem thi thể Trần thị lên đại sảnh. Chẳng bao lâu, một số đông binh sĩ đem quan quách tới để khâm liệm. Khi Trần thị được nhập quan đàn hoàng rồi, Đế lại ra lệnh cho văn võ bá quan tiến lên tế lễ, tỏ ra rất cung kính và thương cảm.

Lý Vinh Phương thấy Anh Minh hoàng đế có những hành động đặc biệt như vậy đối với vợ con y, trong lòng bỗng thấy cảm phục lắm. Đế cời trối cho Phương, bày rượu thịt mời Phương ăn uống.

Phương nhin đói đã quá lâu, nên khi thấy rượu thịt, không thể không thèm. Phương vừa ăn uống vừa tự nhủ: ăn thì cứ ăn, nhưng hàng thì chẳng hàng. Để xem bọn chúng đối xử với ta ra sao.

Nghĩ vậy, Phương ra no say tuý lúy luôn. Vừa ngừng chén, Phương đã gục ngay xuống, ngủ li bì.

Phương không biết mình ngủ đã bao lâu, chỉ biết khi tỉnh dậy thì thấy đang nằm trên giường trong căn phòng đèn đuốc sáng choang, hương thơm ngào ngạt. Phương lấy làm lạ, quay mặt nhìn sang, bỗng giật mình vì thấy một cô gái tuyệt đẹp nằm bên. Phương định thần nhìn kỹ thì thấy là một cô gái Mãn Châu vì nàng trang điểm theo kiểu Mãn. Lọn tóc dài búi cao trên đỉnh, còn làn tóc mai thì lại để thấp mãi xuống đôi má phấn mịn màng, trắng muốt. Đôi mày ngài cong cong chạy dài vào lọn tóc mai đen lánh. Chiếc mũi dọc dừa nhỏ xinh xinh đặt trên cặp môi tô thắm, tươi như hoa, càng làm cho khách đa tình phải say sưa mê mết.

Cô gái đẹp người Mãn thấy Phương giương mắt nhìn mình chăm chăm như đo dò tìm hiểu, liền bật cười khanh khách, đôi tay vội kéo hai góc chăn lên che đôi má phấn. Phương ngẩng lên nhìn nàng. Nàng mặc bộ quần áo mỏng trắng như bạc, có điểm những chấm hồng lấm tấm; màu trắng chen màu hồng ấy càng làm cho đôi tay và chiếc lưng của nàng thêm trắng, thêm hấp dẫn muôn phần.

Phương cảm thấy trong lòng nóng như lửa cháy, đôi mắt đỏ ngầu, chỉ muốn cắn, muốn nghiền con mồi đã tự dẫn thân đến trước mặt. Nhưng giữa lúc định lặn mình sang bên để ôm lấy người đẹp, Phương bỗng la thất thanh: “ôi chao!” rồi vội đưa hai bàn tay rờ lên đầu mình.

Thì ra đầu Phương đã bị cạo trọc từ lúc nào, trên chót đầu treo lủng lẳng một bím tóc dài lê thê. Phương chẳng phải suy nghĩ lâu mới có thể hiểu được hoàn cảnh mình. Phương thở dài, cái thở dài hàm chứa cả

một bầu tâm sự bi thương, uất hận. Đôi dòng lệ cũng tủn từ tuôn trào trên đôi má đã quá dày dặn phong sương của Phương...

Người đẹp thấy Phương có vẻ bi thương quá, bèn lật tấm chăn hồng ngồi dậy. Nàng cất tiếng oanh vừa nhẹ êm, vừa tình tứ yêu đương, để khuyên nài an ủi Phương. Hồi lâu Phương mới khẽ hỏi nàng:

- Nàng là ai? Tại sao nàng lại chung chăn gối với ta?

Người con gái cười lên sáng sặc, tỏ ý chê Phương là ngây thơ như trẻ nít.

- Chàng thế mà ngốc thật! Chúng mình hai đứa đã thành vợ chồng rồi, tại sao không ngủ chung một giường, đắp chung một chăn? Nào, đồ chàng biết thiếp là ai nào? Thiếp nói ra sợ chàng vỡ mật tan hồn mất. Thiếp chẳng phải ai xa lạ mà là đại công chúa của đệ thất hoàng tử A Ba Thái, con của đương kim hoàng đế nước Kim đó!

Lý Vĩnh Phương nghe nói quả nhiên giật nảy mình, bật dậy bước xuống đất, quỳ dưới chân giường mong nàng tha tội.

Nàng công chúa vừa cười vừa bước xuống, nâng Phương dậy rồi truyền gọi thị nữ tới để hầu hạ phò mã thay mũ đổi áo. Mũ áo của Phương đã khác hẳn. Một áo bào dài rộng, một đôi giày đỏ tươi, một chiếc mũ màu hồng đính có cắm hoa. Nàng công chúa cũng trang điểm vô cùng đẹp đẽ. Thế rồi hai vợ chồng bước ra khỏi phòng để tạ ơn hoàng đế.

Anh Minh hoàng đế giáng chỉ, phong cho Phương làm quan tổng binh Phủ Thuận quan, trông coi mọi việc.

Lúc đó, Kiến Châu binh tá dực cũng tới hội tại Phủ Thuận. Đại quân đem toàn lực đánh phá luôn một lúc các nơi như Phủ An, Hoa Báo, Tam Soá. Sau đó, tiến tới Nha Cốt quan, vây Thanh Hà thành năm ngày năm đêm, cuối cùng phá tan thành này.

Khi quay trở về, Kiến Châu binh mã hội họp tại Giáp Bán, tướng sĩ lớn bé đều tới dâng công. Vàng bạc, người, vật cướp bóc được khá nhiều. Anh Minh hoàng đế thăng cấp cả cho các binh sĩ. Ngoài ra quân Mãn còn bắt được nhiều con buôn què quán tại các vùng Sơn Đông, Sơn Tây, Giang Nam, Tô Châu, Hàng Châu tới Phủ Thuận để buôn bán, đổi chác.

Hoàng đế sai các quan cấp ổi người đầy đủ tiền nong để dùng làm lộ phí trở về quê. Ngài còn sai các văn quan sao bài lịch “Thất Hận” thành nhiều bản rồi gửi ổi người một tờ để mang về cho dân Hán xem.

Mọi việc đã xong xuôi, Anh Minh hoàng đế truyền lệnh ban sư. Người ngựa rầm rập khải hoàn, Hoàng đế đích thân áp trận, các bồi lặc đại thần hộ giá.

Đại binh đã kéo về tới Tạ Lý điện, Đế truyền lệnh an dinh hạ trại. Thám mã bỗng chạy vội vào báo:

- Đằng sau, có Quảng Ninh tổng binh Thương Thừa Âm Liêu Dương phó tướng Phả Đình Tướng, Hải Châu tham tướng Bồ Thế Phương, đem một vạn quân Minh đang đuổi đánh tới đây.

Anh Minh hoàng đế nghe đoạn, cười gằn nói:

- Thật là cả một bọn nô tài hèn nhát, tham sống sợ chết. Khi đại quân ta tới thì chúng trốn biệt. Nay quân ta ra khỏi quan, chúng lại đuổi theo. Rõ ràng là chúng giả bộ để đánh lừa ông vua của chúng mà thôi. Ta xét chúng dù có tới cũng chẳng làm được trò trống gì. Hỡi các con! Hãy mau mau đi giết chúng nó một trận!

Lệnh truyền vừa tung ra, Đại bồi lặc cùng Tứ bồi lặc nai nịt gọn ghẽ, đem bản bộ binh mã đối địch. Ba Khách Thập Ngạch Nhĩ Đức Ni cũng theo gót hai bồi lặc đem quân mã đi tiếp chiến.

Trương Thừa Âm thấy quân Mãn xông tới hết sức hùng hổ bèn tựa vào núi mà đóng trại, chia thành ba doanh trung, tả và hữu rồi đào hố sâu bố trí hoả pháo.

Quân Bát Kỳ, kẻ nào kẻ nấy phấn dũng, đánh thẳng lên núi. Từ bên trên, hoả pháo nã xuống. Quân Mãn bên dưới chết như dạ. Giữa lúc hai bên đang cầm cự, quyết tranh tiên đoạt phần thắng về mình, bỗng từ phía tây nam nổi lên một trận cuồng phong, tung đá bay cát, ào ào đánh thốc vào doanh trại của quân Minh.

Đại bối lặc gầm lên một tiếng dữ dội rồi xông lên, thấy người là chém, thấy ngựa là đâm. Tứ bối lặc cũng phân lực đánh thẳng phòng tuyến phía nam mà xông vào. Cuộc huyết chiến trong chốc lát đã xảy ra vô cùng khốc liệt. Bỗng từ phía sau núi, tiếng trống chiêng vang động, Ba Khách Thập Ngạch Nhĩ Đức Ni đem người ngựa đánh xuyên vào hậu dinh của quân Minh, khiến quân đội của Trương Thừa Âm mắc kẹt ở lưng chừng núi, tiến thoái lưỡng nan. Bốn trăm xạ thủ của quân Mãn vây cả bọn tướng tá Minh triều vào trong. Đáng thương cho Trương Thừa Âm, Phả Đình Tướng, Bồ Thế Phương cùng chết gục trong cơn loạn. Tàn binh của Minh triều thấy chủ tướng chết sạch, vội vàng chạy trốn xuống núi, tan tác ở khắp cả bốn mặt, quân Mãn truy kích xa đến năm mươi dặm mới ngừng.

Trận ác chiến này đem lại cho ba vị bối lặc vô vàn chiến lợi phẩm. Họ bắt được chín ngàn con chiến mã, lượm được bảy mươi bộ giáp trụ. Còn khí giới, quân nhu, quân dụng, quân trang, họ thu được không biết cơ man nào mà kể. Đại binh thắng trận trở về, ca khúc khải hoàn vang dậy khắp sơn khê.

Anh Minh hoàng đế trong lúc vui mừng truyền cho bày yến tiệc khao thưởng tam quân.

4. Chương 4: Mãn Minh Khai Chiến

Thần Tông hoàng đế nhà Minh nhận thấy mỗi ngày nước càng yếu, dân càng nghèo, trăm quan thì lười biếng hèn hạ, thì trong lòng rất lo ngại.

Một hôm, được tin quân Kiến Châu phạm cảnh rồi Phủ Thuận thất thủ, Lý Vĩnh Phương đầu hàng, bao tôi trung khác tử tiết, ngày càng sợ hãi. Sau đó được thêm tin Trương Thừa Âm và toàn quân bị tiêu diệt, thì ngài không còn giữ được bình tĩnh nữa, tay chân cứ run bắn lên. Ngài bèn truyền dụ triệu tập lực bộ đại thần tể tộ lại Càn Chính điện để thảo luận kế sách thắng địch. Binh bộ thị lang quỹ xuông tâu rằng:

- Muôn tâu bệ hạ! Tên mọi Kiến Châu là Nỗ Nhĩ Cáp Tề vốn có ý phản từ lâu. Lúc trước, khi hắn được bổ làm tuần phủ Liêu Đông, thần đã đổi ba lần tâu bày. Song triều đình ta đang thiếu hụt về quân lương cho nên cứ dây dưa kéo dài mãi tới nay, đến nỗi cục diện ngày càng trầm trọng. Theo thiên ý của ngu thần thì tên mọi Kiến Châu đã tự xưng Khả Hãn, lại nhiều lần đem quân phạm cảnh, ắt đối với thiên triều hắn chẳng coi ra gì. Bởi vậy nếu không đại phát binh mã, đánh hắn tan hoang một phen thì không được. Tuy nhiên, xuất gia quan ngoại thực không phải là chuyện chiến sự tầm thường. Cho nên, nhất định phải chọn những người am hiểu thông thạo nơi quan ngoại mới có thể cử đi được. Cứ theo sự hiểu biết của thần thì lão tướng Lý Như Bá tuy về hưu đã lâu nhưng có thể đảm đương trọng nhiệm. Bởi vậy xin bệ hạ giáng chỉ triệu Lý tướng quân rồi phong cho chức Thống binh Liêu Đông. Ngoài ra còn mấy người như Đỗ Tùng, Lưu Đĩnh, Lưu Ngô Tiết, Mã Lâm, Ma Nham Hạ, Thế Hiện đều tỏ tường nơi quan ngoại, cũng xin bệ hạ cho vời họ về kinh, nhất nhất uỷ cho họ các chức lớn nhỏ, để cùng theo Lý Như Bá chỉ huy hai mươi vạn quân xuất quan, đốc tận lực chinh tiêu. Còn như việc xuất phát của các lộ quân thì ngu thần sớm đã có kế hoạch. Ta hãy chia đại binh ra làm bốn lộ. Lộ thứ nhất sẽ do Đỗ Tùng và Lưu Ngô Tiết chỉ huy với ba vạn quân mã, xuất phát từ Thẩm Dương tới Phủ Thuận quan, rồi theo tả ngạn sông Hồn Hà vào thẳng Tô Tử Hải cốc. Lộ thứ nhì sẽ do Mã Lâm và Ma Nham hợp binh với bọn Diệp Hách, điều động mười vạn rưỡi quân, theo mặt Khai Nguyên, Thiết Lĩnh ra Tam Soá rồi đột nhập vùng Tô Tử Hà. Lộ thứ ba sẽ do Lý Như Bá vào hạ Thanh Hà thành, rồi theo Nha Cốt chọc thẳng vào Hưng Kinh. Lộ thứ tư sẽ do Lưu Đĩnh đem một vạn quân hợp lực cùng một vạn quân tiếp viện của Triều Tiên, xuyên qua Khoan Điện và Đồng Gia giang rồi kéo thốc tới phía nam thành Hưng Kinh. Ngoài bốn lộ quân ra, ta còn uỷ riêng một viên đại tướng đem đại binh đồn trú Thẩm Dương, dùng làm quân tiếp ứng sau này. Theo kế hoạch này, tiến thoái thật là lưỡng lợi. Chỉ một mẻ lưới có thể lượm sạch. Kính mong bệ hạ chuẩn y cho.

Dương Cảo tâu xong, lui về chỗ cũ. Hai bên văn võ thấy Cảo trình bày kế sách một cách trôi chảy lưu loát, lý lẽ cao siêu nên chẳng ai có ý thêm thắt điều gì.

Thần Tông hoàng đế truyền lệnh bãi triều. Cảo vừa về tới nhà đã thấy một bọn đồng liêu đứng trực từ lâu chờ nghe tin tức.

Qua ngày hôm sau, quả nhiên thánh chỉ từ trong cung ban la, phong Dương Cảo làm binh bộ thị lang kiêm Liêu Đông kinh lược sứ, đồn trú tại Thẩm Dương, lĩnh chức tổng chỉ huy bốn lộ quân mã.

Còn bọn Lý Như Bá đều y theo sâu trình của Dương Cảo mà gia thêm quan hàm, theo đại quan xuất trận chinh phạt bọn mọi Kiến Châu. Quân sĩ tham chiến cùng lương bổng đều do các tỉnh Phúc Kiến, Triết Giang, Tứ Xuyên, Cam Túc cung cấp.

Thảm thay cho cuộc chinh tiểu lịch sử vô cùng bi thương này! Đạo dụ “Chinh nô” (bắt dân làm nô dịch đi đánh giặc) hạ xuống từ tháng tư năm thứ 46 niên hiệu Vạn Lịch mà mãi tới tháng hai năm sau mới biên chế được thành quân. Thế rồi, một hôm, đại quân nhổ trại lên đường. Dương Cảo truyền lệnh cho toàn bộ binh mã đều phải tới đại võ trường để nghe lệnh.

Lưu Đĩnh làm tướng tiên phong dợt trên trường dài từ lâu. Cảo cưỡi ngựa tới võ trường quan sát, thấy người ngựa tám phương bốn xứ kéo tới chẳng có hiệu lệnh duy nhất, phục sức lại lung tung không thống nhất, mỗi nơi một kiểu, Cảo trong lòng băn khoăn lo lắng, nhưng chẳng có cách nào khác... Cảo cưỡi ngựa duyệt một lượt rồi truyền lệnh tế cờ. Một con trâu đã bị trói sẵn, đặt nằm trên mặt đất, tướng tiên phong Lưu Đĩnh chạy tới chân cột cờ soái. Thấy chủ tướng đã tới, binh lính bèn tuốt dao chém trâu. Chém luôn một hơi ba nhát mà đầu trâu, buồn thay, chẳng đứt. Đĩnh thấy vậy nhủ thầm quân sĩ kém cỏi như vậy thì khi ra quan ngoại làm sao địch nổi quân Kiến Châu được. Ông tỏ vẻ buồn, miễn cưỡng tế cờ cho xong.

Dương Cảo chia đại quân ra làm bốn lộ. Xong đâu đấy, ông quay về phủ, vợ Cảo biết chồng sắp phải đem quân đi viễn chinh, trong lòng lo sợ. Bà dọn một bữa tiệc ngay trong phủ để cùng chồng nâng chén quan hà. Giữa lúc ngà say, bà ứa lệ than thở và lo sợ cho cuộc viễn chinh chưa biết thắng bại ra sao vì quân Kiến Châu vô cùng dũng mãnh. Rồi cả bà và các công tử, tiểu thư, đôi hàng nước mắt bỗng rơi xuống lã chã. Cảo vội quát bảo thôi đi.

Giữa lúc cả nhà đang lo buồn rầu rĩ, bỗng gia nhân ở ngoài cửa vào báo có Lưu tướng quân xin yết kiến. Cảo hỏi kỹ biết rõ là Lưu Đĩnh, lòng tự nhủ: “Ta với Đĩnh vừa gặp nhau ngoài võ trường, tại sao y lại tới tìm ta? Phải chăng có gì khẩn cấp?” Nghĩ thế, bèn chạy ra đón. Vừa giáp mặt, Đĩnh vội hỏi:

- Thế nào, đại soái thấy quân ta có thể dùng được không?

Cảo thở dài đánh sụt một cái rồi chậm rãi trả lời:

- Đành chịu vậy thôi!

Đĩnh nói tiếp:

- Đại soái nên biết phen này xuất sư chẳng phải là chuyện đùa đâu. Với thứ quân đội hèn kém như vậy, mặt tướng sợ rằng khó có thể mong chờ được. Theo ý của mặt tướng xin đại soái tâu rõ với hoàng thượng ạt tướng huấn luyện một số tân binh, vài ba vạn trong một năm để chúng trở thành tinh luyện. Lúc đó chẳng cần phải lắm tướng làm chi ệt, một mình mặt tướng cũng có thể địch nổi hàng mười vạn quân Mãn kia.

Cảo nghe xong lại thở dài, rồi đưa cao tay vỗ vào vai Đĩnh, nói:

- Lão đệ! Lão đệ còn chưa hiểu rõ nữa sao? Hiện nay quốc khổ không dư. Đây triều gần hết là bọn gian thần. Cái đám quân đội hỗn tạp như vậy mà cũng phải đến tám, chín tháng trời mới tập hợp được thì làm gì có chuyện cho lão đệ huấn luyện đến hàng năm bao giờ. Đừng nói đến việc quốc khổ hiện nay rỗng tuếch, mà chỉ nói đến chuyện chậm trễ thêm một năm, quân Mãn lại chĩa đánh dốc tới quan nội ấy ư? Việc đến lúc này, không còn nói thêm được nữa! Lão đệ! Hãy nể mặt tại hạ, cố gắng cùng nhau chịu đựng đi thôi.

Lưu Đĩnh vốn là một trang nam tử đầy nhiệt huyết, nghe xong lời Cảo, hăng hái đứng dậy, vỗ ngực mà nói:

- Nguyên soái đã nói như vậy thì mặt tướng cũng xin thí cái mạng tôm tép này một phen vì hoàng thượng, vì nguyên soái. Tuy nhiên...

Đĩnh nói tới đây ngấp ngừng hình như có điều gì khúc mắc làm cho y băn khoăn, không hé môi được. Cảo thấy vậy lấy làm ngạc nhiên, liền hỏi:

- Tuy nhiên... tuy nhiên cái gì?

Đĩnh liếc mắt nhìn Cảo một lượt, bỗng nước mắt chảy ròng ròng trên đôi gò má. Đến lúc đó, Cảo đã rõ đôi phần. Ông liền lấy tay vỗ vào ngực, vào bụng mà nói:

- Lão đệ! Hãy yên lòng! Lão đệ sợ phen này xuất quân bất lợi chứ gì? Nếu có điều gì thì chuyện gia đình của lão đệ, thượng quan sẽ thế lão đệ mà lo liệu.

Đĩnh vội bước lên vài bước, quỳ xuống nói:

- Như vậy thì nhận ạt tướng một lạy.

Cảo cũng quỳ xuống lạy đáp lễ rồi nói:

- Bọn ta hai người hãy kết nghĩa anh em với nhau đã.

Làm lễ xong, hai người đứng dậy cầm tay nhau, bốn mắt nhìn nhau mà cùng rơi lệ. Cảo trong lòng băn khoăn, tự nhủ: “Đại binh chưa xuất phát mà Đĩnh đã khóc than, đây phải chăng là một điềm chẳng lành?”.

Nghĩ vậy, Cảo vội khuyên Đĩnh thôi khóc, kéo Đĩnh vào trong yết kiến vợ mình rồi ngồi vào bàn rượu giải sầu.

Ngày hôm sau, Cảo trước hết cho đưa vợ con Đĩnh vào phủ cùng ở với gia quyến mình, sau đó cùng thúc giục đại quân kéo thẳng ra quan ngoại.

Khi gần tới Thẩm Dương, Cảo truyền lệnh cho các tướng lĩnh tập hợp để thảo luận quân cơ. Thám mã phi báo:

- Hoàng đế nước Kim đích thân chỉ huy Bát kỳ binh, mỗi kỳ bảy ngàn năm trăm người, ước vạn có sáu vạn quân cả thủy và cách quân ta không còn bao xa.

Nguyên soái Dương Cảo được tin, bèn rút lệnh tiến hạ lệnh cho bọn Mã Lâm đem bản bộ binh mã hội hợp với Diệp Hách, quân ước một vạn rưỡi, theo đường Khai Nguyên, Thiết Lĩnh mà ra Tam Soá rồi vào sông Tô Tử, phá rối mặt nam của địch.

- Chỉ cho phép hỗn chiến chứ không đối trận để dẫn dụ địch vào sâu miền nam. Được như thế thì công đầu thuộc các người!

Mã Lâm được lệnh ra đi, Cảo rút cây lệnh tiến thứ nhì, gọi Lưu Đĩnh lên trưởng, bảo:

- Người đem một vạn nhân mã hội hợp với một vạn viên quân của Triều Tiên, theo đường Khoan Điện ra Đông Gia giang rồi tiến thẳng vào mặt nam thành Hưng Kinh. Nếu nghe được tin quân ở tây lộ khai chiến, người sẽ theo đông lộ đánh nhử để cắt đường về của địch.

Đĩnh được lệnh, ra đi. Rút cây lệnh tiến thứ ba, Cảo cho gọi Lý Như Bá lên trưởng và dặn:

- Người đem hai vạn rưỡi quân mã dọc theo Thái Tử hà ra Thanh Hà thành, rồi lại từ Nha Cốt quan đánh thẳng tới sào huyệt Hưng Kinh của địch. Trong số ba lộ quân, lộ của người gặp đường đá gồ ghề, hết sức khó đi. Bởi vậy người phải ngày đêm ráng sức đăng trình, không được dừng chân, miễn sao tới sớm Hưng Kinh. Được vậy, công đầu cũng sẽ thuộc về người nữa.

Bá đã ra đi, Cảo rút cây lệnh tiên thứ tư, cho gọi Đỗ Trung cùng Lưu Ngô Tiết lên trưởng.

- Bọn người đem ba vạn người ngựa theo đường từ Thẩm Dương ra Phủ Thuận quan, rồi dọc theo tả ngạn sông Hồn Hà mà vào Tô Tử Hà, Hà Cốc để đương mặt chính của địch quân. Bọn người phải hết sức cẩn thận, khi chiến đấu cũng như lúc hạ trại. Khi nghe tin quân mặt nam đã khai chiến, các người mới được tác chiến, đem toàn lực mà xung kích, chớ có sai lời!

Bọn Tùng dạ dạ luôn mồm, nhận lệnh ra đi. Bốn lộ đã phân phát xong lúc đó Cảo mới viết chiến thư, sai người đưa tới Hưng Kinh. Mặt khác, Cảo phái Du kích quan sử An Nhân đôn đốc xe lương dọc đường, đồng thời trình sát địch tình.

Trong số bốn lộ quân vừa kể, lộ của Mã Lâm hành quân nhanh nhất. Bởi vậy đại binh của Anh Minh hoàng đế nước Kim đang tiến phát về ngã Giới Phàm Sơn, bỗng được tin thám mã phi báo:

- Mặt nam sông Tô Tử thấp thoáng có bóng cờ quạt của quân Minh. Ngoài ra ba mặt tây, bắc và đông không có bóng địch quân.

Các bối lạc đại thần nghe tin đồng thanh tâu lên Anh Minh hoàng đế:

- Quân ta đang thẳng tiến về hướng tây. Nay địch quân lại từ mặt nam xông ngang vào hông. Như thế, trung quân của ta phải hứng chịu tiền quân của địch. E là điều “bình gia sở kỵ”. Kính xin hoàng thượng truyền lệnh cho đại quân mau đổi hướng, quay mũi về phía nam mà tiến mới phải.

Để nghe lời chư tướng, do dự một hồi rồi mời quân sư lên trưởng. Phạm Văn Trinh được lệnh truyền gọi, vội chạy vào trung doanh. Để bèn đem quân tình tới khẩn ra kể một lượt cho Trinh nghe. Trinh suy nghĩ một lát rồi nói:

- Theo thiên ý của ngu thần thì quân ta không đi về ngả tây mà cũng khỏi quay về hướng nam. Tạm thời hãy đóng trại tại đây để chờ tin thêm hãy quyết.

Để gạt đầu mấy cái tỏ vẻ đồng ý rồi hạ lệnh dừng binh hạ trại, không được hành động. Một mặt sai nhiều đoàn thám mã đi tứ xứ trinh thám, điều tra địch tình.

Sáu vạn quân mã đang cấp tốc hành quân, bỗng được lệnh dừng lại khiến cho tướng tiên phong Hồ Nghi Hân bối rối chỉ còn biết giật đầu bứt tóc hậm hực nói:

- Quân địch đã ở trước mặt. Bọn ta chỉ còn tiếp gấp tới đánh ấy gây là chúng toi mạng hết, há lại không thú sao? Chẳng đã không gây, bệnh lại không nhuốm, không hiểu tại sao lại phải nằm bẹp tại đây? Phải chăng để bọn mình dưỡng sức cho khỏe?

Bọn bối lạc nghe mấy lời có vẻ vừa tức vừa giễu cợt của Hán đều phá lên cười! Tưởng rằng đóng quân một hôm rồi đi, ai ngờ, nay chẳng đi, mai chẳng đi, mốt cũng chẳng đi, luôn một lèo mấy hôm chẳng đi, đại quân cứ nằm ỳ ra giữa lộ. Các tướng lĩnh lớn nhỏ, anh nào anh nấy đều thì thầm chửi rủa ổng quân sư họ Phạm.

Qua ngày thứ tư, thám mã khắp nơi tới tấp chạy về phi báo:

- Bắc lộ có một đạo quân Minh dọc theo Thái Tử hà đang tiến về Thanh Hà thành. Đông lộ cũng có một đạo quân tiến về ngả Khoan Điện. Tây lộ có một đạo quân tiến theo con đường nhỏ hoang vắng dọc sông Hồn Hà. Độc chỉ có nam lộ, một đạo quân theo Khai Nguyên, Thiết Lĩnh, ngày đêm phát cờ hò hét tiến tới.

Anh Minh hoàng đế nghe tin báo, bèn hỏi quân sư họ Phạm xem bốn lộ nhân mã hành quân như vậy với mục đích gì. Phạm Văn Trinh mỉm cười nói:

- Lộ quân Thanh Hà đánh thẳng tới Hưng Kinh mười phần khẩn yếu, nhưng con đường gồ ghề khó đi, hết sức trì chậm, cho nên trong lúc này Hưng Kinh quyết không có gì đáng ngại. Lộ quân mặt đông vốn chủ trương tấn công sau lưng quân ta. Nếu tiên phong của ta chiến thắng ắt đông lộ của địch tự lui. Còn như tây và nam hai lộ quân mã vụt tới, nhất là quân nam lộ lại tiến rất gấp thì thần thiên nghĩ, hai lộ quân này quyết chẳng phải thứ quân chủ lực, mà chỉ là nghi binh, dụng tâm mai phục để dẫn dụ quân ta tiến thẳng về nam. Quân ta càng tiến xa, càng sâu, lúc đó, chúng mới đem toàn lực từ tây lộ đánh thốc vào hậu trận của ta. Trong khi quân ta trước cũng như sau, lưng cũng như bụng đều bị địch tấn công, hai lộ quân đông và bắc địch sẽ rảnh tay kéo dốc tới Hưng Kinh, khiến quân ta cứu được đằng này thì lại hỏng mất mặt kia. Chúng ta quyết không thể trúng kế của chúng. Bởi vậy xin bệ hạ truyền lệnh chỉ, dùng năm trăm quân đóng chặn những nơi hiểm yếu, cây cối um tùm rậm rạp của nam lộ, với những cờ quạt cắm rải la liệt. Thấy vậy, địch quân ắt không dám tiến mà chỉ đóng lì tại chỗ. Bệ hạ tự thống lĩnh Bát kỳ đại quân, đánh thẳng tới Phủ Thuận. Mặt này mới chính là quân chủ lực của Minh triều. Tây lộ một khi đã bị phá thì ba lộ quân kia chẳng cần đánh cũng phải hàng.

Trong khi quân sư họ Phạm thuyết trình kế hoạch, các bối lạc đại thần đứng vây xung quanh, lặng lẽ lắng nghe. Nghe đến đây, Hồ Nghi Hân khoái quá, nhảy ra ngoài hàng, khoa chân múa tay rồi giơ cao ngón tay lên nói lớn:

- Kế của tiên sinh tuyệt diệu! Tuyệt diệu!

Vừa nói xong, Hán quay đầu nhìn lại thấy Anh Minh hoàng đế đang ngồi trên ngai cao, y biết lỡ lời, vội nằm bò xuống mặt đất dập đầu kêu binh để tạ tội.

5. Chương 5: Mãn Minh Đại Chiến Tại Hồn Hà

Vừa nghe xong kế hoạch của quân sư họ Phạm, Anh Minh hoàng đến như mơ ngủ bình tĩnh, vội truyền lệnh để lại năm trăm quân đối phó địch quân ở mặt nam, một ngàn quân đối phó với giặc ở mặt Khoan Điện, còn tự mình thì kéo sáu vạn đại quân Bát Kỳ ngày đêm tiến gấp về hướng tây.

Chẳng bao lâu quân Mãn đã kéo tới Giới Phàm Sơn, ung dung hạ trại, xây đồn lũy kiên cố. Lúc đó, tướng Minh là Đỗ Tùng và phó tướng là Lưu Ngô Tiết đem ba vạn quân đóng tại núi Tát Nhĩ Hử, đối diện với quân Mãn, chỉ cách có con sông Tô Tử.

Vị tướng họ Đỗ này thuộc loại dũng tướng. Tại nơi biên ải, ông đã trải dư trăm trận, không bao giờ tỏ ra sợ hãi, nản nhụt. Ông có cái tính hết sức kỳ quái là cứ mỗi lần giao chiến đều cởi bỏ hết quần áo ngoài, để lộ cả thân hình đen thui như đất chảo. Dao thương nếu có trúng, máu chảy khắp mình, ông cũng chẳng thêm để ý tới. Bởi vậy, toàn thân không có chỗ nào là không có vết sẹo đao, kiếm, thương, kích. Cái khoái nhất đối với ông là rượu. Mỗi khi say ông thường cởi hết y phục rồi chỉ từng vết sẹo trên mình, thuật lại những trường hợp bị thương mà đối với ông, là đáng hãnh diện lắm. Chiến công của ông thì oanh liệt như thể nhưng thực tế thì bao lần chinh chiến ông chỉ theo bên cạnh chủ soái chứ chưa từng được độc quyền chỉ huy bao giờ. Bởi vậy, lần này được đeo ấn tiên phong, đích thân chỉ huy đoàn quân tiên phong, ông cảm thấy sung sướng vô cùng, cho đó là một ân sủng hiếm có xưa nay, bèn đem quân vượt sông nghênh chiến, phó tướng Lưu Ngô Tiết ngăn thế nào cũng không được.

Giữa lúc Tiết còn đang khuyên can thì quân Minh đã lấy thuyền qua sông đến quá nửa. Đỗ tướng quân có vẻ khinh khi Tiết, dặn bảo cứ việc ở lại giữ vững sơn doanh. Đỗ còn quát một tiếng lớn để giục toàn quân xung phong vượt đò cho lẹ.

Anh Minh hoàng để ngồi lại trong trướng, được tin quân Minh đã vượt sông bèn để lại Giới Phàm Sơn hai kỳ binh mã, còn toàn quân năm vạn rưỡi người ngựa, hoàng đế đích thân chỉ huy, hạ lệnh lặng lẽ vượt qua mạn thượng lưu sông Tô Tử.

Lưu Ngô Tiết y theo tướng lệnh, cố thủ sơn trại trên núi Tát Nhĩ Hử. Dọc sông tịch không có một tên quân nào canh giữ, chẳng ngờ Mãn quân sau khi vượt sông, ùn ùn như nước vỡ bờ kéo xuống. Lúc đó đã nửa đêm. Tướng sĩ Minh đang khểnh căng ngủ kỹ, chỉ nghe từ phía một tiếng gầm vang như trời long đất lở, rồi thấy quân Mãn ùn ùn xông lên đỉnh núi. Tướng Tiết giật mình tỉnh dậy, thấy nguy, vội nhảy lên lưng ngựa, xông ra.

Đêm đó trời tối như mực. Mãn quân đốt đuốc, chia tám lộ xông lên, đứng xa trông chẳng khác gì tám con rồng lửa đang vùng vẫy bay lên trời. Tiết biết thế khó địch, bèn chọn hơn một vạn quân tìm hướng nào không có lửa sáng để xông xuống. Buồn thay cho Tiết tuy là tướng nhưng chưa bao giờ đặt chân tới quan ngoại, còn quân của Tiết lại đều là dân miền Giang Nam, chẳng biết tí địa thế nào ở vùng này. Trái lại Mãn quân thì kẻ nào cũng thuộc đường biết lối, chỉ chọn những đường lớn xông lên tấn công. Bởi vậy, nhiều quân Minh chỉ vì không biết đường nên chạy lạc vào lòng quân địch, bị đánh tới bởi, một manh giáp cũng chẳng còn. Hơn một vạn quân do tướng Tiết chỉ huy cũng chỉ vì không biết đường nên số thì nhào vào bụi rậm, số thì rớt xuống hang hốc, số nữa bị người ngựa đạp lên mà chết. Tướng Tiết xông bên tả, húc bên hữu, chạy cùng bốn phía tìm đường mà chẳng thấy đường! Tiết chạy suốt đêm, chạy đến người ngựa mỗi mệt. Rồi bỗng trong nháy mắt Tiết bị dây thông lọng trói chặt, bị lôi tuột đến đại doanh của quân Mãn.

Bị điệu vào trước Anh Minh hoàng đế, Tiết thả sức chửi bới. Đại bồi lặc cả giận vung đao chém Tiết đứt đôi ngay trước trướng.

Kết quả thật tai hại đối với quân Minh: ba ngàn quân chết, năm ngàn quân trốn biệt, một vạn quân bị bắt sống, quân Mãn bắt được cờ quạt, chiến trống, ngựa lừa vô kể.

Tin đại bại truyền tới trại Đỗ Tùng. Tướng Đỗ hoảng hồn bạt vía, tay chân giật lên thon thót. Quân Đỗ vượt đò sang sông vùn vùn mất đúng một ngày trời. Tối đến, mưa lại đổ xuống như trút, khiến quân sĩ của Đỗ vừa ướt vừa lạnh, vừa mệt mỏi lại vừa đói. Từ tướng đến quân, không một ai là không oán hận Đỗ. Mặc

kệ, Đỗ vẫn cho quân tiến. Nhưng khi gần đến Giới Phàm, Đỗ thấy trong dinh địch không có ánh đèn đuốc nên dâm nghi, vội truyền lệnh dừng quân, rồi sai thám mã tiến trước thám sát.

Thám mã của Đỗ chưa thấy về, mà phía sau lại cấp báo đoàn quân trên núi Tát Nhĩ Hử bị tiêu diệt không còn lấy một tên. Đỗ vội truyền lệnh lặng lẽ lui binh về hữu ngạn sông Hồn Hà. Đỗ tính như vậy vì cho rằng hữu ngạn sông Tô Tử thể nào cũng có địch quân ngăn chặn.

Lúc đó, đêm đã sang canh tư. Trên không mây đen che khắp. Trời tối như mực. Chỉ còn bóng nước sông Hồn Hà là có chút sáng lơ mờ mà thôi. Đỗ vừa chạy vừa nghĩ bụng: May mà quân địch ở Giới Phàm Sơn không biết, chứ nếu biết, chúng đem quân đuổi đánh thì lúc đó, trước có sông lớn, sau có truy binh, mình không chết dưới đao kiếm thì cũng chết chìm dưới dòng nước. Càng nghĩ, Đỗ càng hú vía. Chẳng mấy chốc, toàn quân đã tới bờ sông Hồn Hà. Đỗ hạ lệnh vượt đò sang sông.

Trời hừng sáng quân của Đỗ mới qua đò được có một nửa. Chính Đỗ cũng đã xuống thuyền ra giữa sông để xem xét. Thuyền bè lúc đó đầy nghẹt người ngựa, qua lại chỉ chút. Một nửa quân chưa sang kịp còn đứng cả trên bờ chờ đợi.

Bỗng phía sau bụi bay mù trời, tiếng hò hét vang dậy. Thì ra đám quân Mãn đông ước vạn rưỡi đang xông tới như một trận cuồng phong, thấy người là đâm, thấy ngựa là chém. Thương hại thay cho quân Minh, rút chạy suốt đêm, vừa bị mưa gió đói lạnh vừa bị mệt mỏi kiệt quệ, nay lại gặp phải lúc quá nguy ngập, phía trước không có đường chạy, sau có truy binh.

Tướng Đỗ đứng ở giữa sông thấy quân Mãn vô cùng kiêu dũng, chạy nhảy ngang dọc như vào chỗ không người, mà quân mình thì bị tàn sát thê thảm, chỉ còn cách hô những thuyền quân trên sông chèo vội sang bờ bên kia trốn chạy mà thôi.

Lát sau, khi đã qua sông, tướng Đỗ chỉ thấy một bãi cát phẳng lì, xa tắp. Đỗ lúc đó mới tạm yên lòng. Quay lại nhìn đoàn quân, Đỗ chỉ thấy năm ngàn người ngựa tơi tả, thiếu nã; không còn lập nổi hàng ngũ. Tuy mệt, nhưng Đỗ vẫn không dám dừng chân, dẫn quân chạy về phía tây. Chạy ước được mười dặm, đám quân sĩ đã quá mệt vì đói, ngựa thì nằm quay ra đường thiếp đi lúc nào không biết, ngựa thì ngồi bệt xuống mặt đất rồi không đứng lên được nữa. Bọn tướng lĩnh đến dựng được ngựa này thì ngựa kia đã đổ xuống, cuối cùng đành khoanh tay vô phương. Tướng Đỗ thấy cảnh thê thảm đó lấy làm đau lòng, đành làm ngơ, mặc kệ chúng muốn sao tùy ý.

Nhưng giữa lúc mọi người đang nghỉ ngơi, bỗng một tiếng pháo hiệu nổ vang từ trong khu rừng vọng ra. Thế rồi, quân Mãn ồ ạt kéo tới, cánh tả có Đại bối lạc Đại Thiện, cánh hữu có Tứ bối lạc Hoàng Thái Cực. Chẳng còn kịp hô quân sĩ, tướng Đỗ vội mang theo Vương Tuyên và Triệu Mộng Lân cùng năm trăm thân binh nhảy lên ngựa chạy trốn như một vệt khói dài mất hút.

Hai vị bối lạc thả quân truy lùng lính nhà Minh quanh khu rừng. Quân Mãn mặc sức tung hoành, thẳng tay chém giết.

Tướng Đỗ cưỡi trên mình ngựa, gươm roi quất mạnh, chẳng còn phân biệt là đông, là tây, là nam, là bắc, cứ thấy đường là chạy. Khi tới một eo núi, Đỗ thấy bóng một chi quân mã xông ra. Rồi dưới bóng tán vàng lóng lánh, Đỗ nhìn rõ ràng không phải ai xa lạ mà là Khả hãn Kiến Châu ngồi đường bệ và oai nghiêm trên lưng con bạch mã cao lớn, bên tả có đại tướng Hồ Nhĩ Hán, bên hữu có quân sư Phạm Văn Trình.

Hồ Nhĩ Hán thúc ngựa tiến lên bảo Đỗ Tùng:

- Bọn ta đợi ngươi ở đây đã lâu. Ngươi hãy mau dâng cái đầu lên đi!

Tướng Đỗ biết thế nguy, vội quay đầu ngựa chạy ngược lại. Phía sau quân Mãn đuổi theo như gió. Đỗ hoảng quá chẳng còn nghĩ đến việc chọn đường, cứ phóng ngựa như bay vào con đường nhỏ hoang vắng dưới chân núi. Chạy được hai mươi dặm, Đỗ gặp một ngọn núi cao chặn mặt.

Ngọn núi cao chót vót, vách núi lại dốc đứng. Đỗ không còn biết đi đường nào. Đến lúc này, Đỗ biết rằng tính mệnh mình khó toàn. Bởi vậy Đỗ quay vụt đầu ngựa lại, quất lên một tiếng rồi xông tới đối đầu với quân Mãn. Thế là hai tướng ác đấu. Đỗ đem tận lực binh sinh xông tấp, chém hữu. Quân Mãn không đầy một giờ mà chết cũng khá bọn. Nhưng Vương Tuyên, Triệu Mộng Lân cũng không thoát chết dưới lưỡi đao của Hồ Nhĩ Hán. Đỗ nổi giận sôi gan, phóng ngựa lại ác chiến với Hán. Giữa lúc đó, một viên tiểu tướng

của Mãn quân phóng lên một mũi tên trúng ngay giữa yết hầu của Đỗ. Chỉ nghe một tiếng “ồ chao”, rồi cả thân hình to lớn đen đũi của Đỗ đổ xuống như một cây thối.

Ngon núi này tên gọi ngọn Chúc Cầm. Còn viên tiểu tướng quân vừa bắn chết Đỗ Tùng đó chính là cậu con trai thứ mười ba của Anh Minh hoàng đế nước Kim, tên gọi Lại Mộ Bố. Bố vâng lệnh phụ hoàng đem hai ngàn người ngựa chờ đợi tại Chúc Cầm sơn nên mới có chuyện chẳng may cho Đỗ.

Đỗ Tùng đã chết. Hai tướng Mãn chặt lấy thủ cấp, quay về đại doanh dâng công. Anh Minh hoàng đế luận công, thưởng cho đại bồi lặc là lớn nhất. Những chiến lợi phẩm thu được đều phát thưởng cho tướng sĩ.

Minh tổng binh Mã Lâm đêm đó được tin toàn quân của tiên phong Đỗ Tùng đã bị tiêu diệt, bèn hành quân tới Thượng Gián Nhai, đào hào đắp lũy mười phần kiên cố để tử thủ. Đại bồi lặc Đại Thiện sau khi uống rượu khánh công, bèn tâu với Anh Minh hoàng đế xin ba trăm kỵ binh ruổi tới Thượng Gián Nhai để diệt Mã Lâm.

Tướng Lâm thấy quân Mãn kéo tới, bèn dàn pháo binh bên ngoài doanh, còn kỵ binh cho ở bên trong. Lâm còn sai Phan Tôn Nhan đem một cánh quân đóng tại núi Nghi Phần về phía tây cách doanh trại ba dặm để làm thế ỷ dốc.

Đại quân của Anh Minh hoàng đế lục tục kéo tới, hợp với quân của Đại bồi lặc. Thăm mã phi báo:

- Vùng Ngạc Mạc, có tả dự của quân Minh, trung lộ hậu dinh là Cung Niệm Toại và Lý Hy Bĩ thống lĩnh bộ, kỵ binh một vạn, dùng đằng bài (khiên mộc bằng mây, song) bày trận che bên ngoài đại quân.

Kim đế được tin, liền dặn Đại bồi lặc trông coi đại doanh rồi tự mình cùng Tứ bồi lặc đem một ngàn người ngựa đi quan sát cánh quân của Toại. Tứ bồi lặc thấy doanh trại của quân Minh vây tròn như một bức tường thành, bèn quát bảo phóng tên lửa. Trong chốc lát, tên lửa phóng ra như mưa, chẳng khác gì những con hoả long bay vọt sang trại của quân Minh.

Trại Minh bắt lửa, cháy đỏ rực trời. Tứ bồi lặc gầm lên một tiếng lớn, phóng ngựa lên trước. Quân sĩ ở phía sau cũng lao mình xông lên. Quân Minh vừa bị tấn công kịch liệt, vừa bị đằng bài, hào lũy cản thân không tìm được lối thoát, chết đến quá nửa dưới đao kiếm của quân Mãn. Lý Hy Bĩ, Cung Niệm Toại, đem tàn lực chống cự cho đến chết.

Anh Minh hoàng đế đứng trên gò cao nhìn xuống quan sát trận thế, thấy con trai mình xông vào quân địch như vào chỗ không người, trong lòng lấy làm sung sướng cực độ. Bỗng một kỵ mã phi vụt tới đưa tin:

- Đại bồi lặc đang cùng với Mã Lâm tử chiến.

Anh Minh hoàng đế được tin, bỏ Tứ lặc đấy, vội quay về đại doanh, chỉ thấy quân đội của Mã Lâm trú đóng tại dưới chân Thượng Gián Nhai. Hoàng đế hạ lệnh cho quân sĩ theo phía núi khuất bóng cây bò tới, còn mình đích thân trèo lên núi phát cờ đỏ chỉ huy quân Mãn xông xuống chân núi. Hai bên ác chiến, nhưng quân Minh xem bề khó địch nổi, đã tính quay lui. Giữa lúc gieo neo đó, Đại bồi lặc lại thống xuất một vạn thiết kỵ từ mặt chính diện xông tới. Thành thủ quân của Lâm bụng, lưng đều chịu địch, chẳng dám đánh mà tự trốn; quân Kiến Châu của nước Kim đuổi giết một trận khiến quân Minh tan tác tới bởi, gần như không còn một manh giáp. Phó tướng Ma Nham của triều Minh cùng một số tướng sĩ đều bị trận vong, duy chỉ có Mã Lâm là thoát được mà thôi.

Lâm hốt hoảng chạy trốn. Đại bồi lặc rượt theo. Quân Minh mỗi lúc một thua, cuối cùng coi như chết sạch. Lúc đó, Tứ bồi lặc cũng đã đắc thắng trở về. Hai cánh quân hợp lại làm một, rồi quay về hướng ngả Phi Phần Sơn để tấn công Phan Tôn Nhan.

Địa thế Phi Phần Sơn rất hiểm trở. Anh Minh hoàng đế hạ lệnh kỵ binh xuống ngựa, tấn công ngược lên núi. Từ trên núi cao, quân Minh bắn hoả pháo xuống. Quân Mãn chết khá nhiều. Đại bồi lặc và Tứ bồi lặc đành quay về ngự doanh điều động một đại đội cung nỏ tới ứng chiến. Hai bên giáp chiến, tên bay như cào cào từ dưới lên. Nhưng trận cước quân Minh vẫn vững chứ không xao động. Quân Minh có lợi thế trông thấy.

Tướng Mãn Hồ Nhĩ Hán thấy dùng sức mạnh tấn công khó bề thủ thắng, bèn đem một ngàn tay đao tinh luyện, theo đường nhỏ phía sau núi đánh bọc hậu trại địch. Khi lên gần tới nơi, Hán cùng với đám quân sĩ gầm lên một tiếng lớn vang động cả sơn cốc rồi xông vào trại Minh chém giết.

Quân Minh đại loạn.

Quân Mãn dưới chân núi thấy địch quân trên núi rối loạn, trận cước đã xao động, lại nhất tề liều chết xông lên. Phan Tôn Nhan vốn là một dũng tướng, bất chấp rối loạn ở mặt sau vẫn quyết liệt cầm cự ở mặt trước. Khi thấy quân Mãn đã tiến tới lưng chừng núi, Nhan hạ lệnh quân sĩ phóng hỏa pháo tới tập xuống, quân Mãn rụng như rụng. Chỉ trong chốc lát mà quân Mãn đã tử thương ít ra cũng đến vài ba ngàn. Nhan chiến đấu vô cùng dũng cảm. Mãi tới khi quân Mãn do Hồ Nhĩ Hán chỉ huy chiếm cứ được đỉnh núi, Nhan vẫn còn đích thân khai pháo oanh kích rầm rầm. Quân Mãn đã kéo tới sau lưng Nhan vẫn khai pháo. Nhưng rồi khẩu đại pháo bị quân Mãn hất tung đi, đồng thời ném cùng cả xác Nhan theo xuống chân núi, lúc đó người ta mới không nghe tiếng nổ ầm ầm nữa.

Toán quân của Mã Lâm coi như hoàn toàn bị tiêu diệt.

6. Chương 6: Lui Về Bảo Vệ Kinh Đô

Diệp Hách bối lạc là Kim đài Bồ Dương Cổ vốn đã ước định với Minh triều đem ba ngàn quân tiêu diệt quân đội Kiến Châu. Cổ vừa đưa quân tới Trung Cổ thành miền Khai Nguyên thì được tin chiến bại của quân Minh. Cổ hoảng hồn bạt vía, vội cuốn cờ bịt trống lặng lẽ trốn về.

Đến lúc đó coi như Anh Minh hoàng đế đã phá tan được hai lộ quân của Minh triều. Quân sư Phạm Văn Trình bèn tâu:

- Tâu bệ hạ! Xin bệ hạ cấp tốc hành quân về phòng về Hưng Kinh, đó là điều tối khẩn.

Anh Minh hoàng đế nghe lời bèn hạ lệnh thu thập Bát Kỳ binh mã hồi quân tới Cổ Lạc ban mới tạm nghỉ.

Tổng binh quan của nhà Minh lúc đó là Lưu Đình và Lý Như Bá, cùng hai chỉ quân do hai tướng Đồng Ngạc và Hồ Lan tiến binh, không còn xa Hưng Kinh là mấy.

Tin tức báo về đại dinh quân Mãn. Anh Minh hoàng đế liền phong Hồ Nhĩ Hán làm tiên phong, đem một ngàn người ngựa đi suốt đêm ngày về trước để bảo vệ Hưng Kinh. Quá ngày thứ hai, hoàng đế lại cho Nhị bối lạc đem bản bộ binh mã bà ngàn tên tiếp ứng. Còn chính mình thì cùng với các bối lạc đại thần văn võ bá quan về Giới Phàm Sơn để cùng làm lễ Khai Tuyền, chém tám đầu trâu tế cờ cáo trời.

Đại bối lạc thấy Nhị bối lạc đã đi rồi, sợ em đoạt mất công đầu vội tới tâu phụ hoàng xin đem hai mươi kỵ binh đi trước để do thám tình hình. Anh Minh hoàng đế gật đầu cho đi. Tam bối lạc thấy anh cả được đi cũng có ý muốn theo. Tứ bối lạc lúc đó đang đi săn ở sau núi, được tin hai anh mình sắp ra trận, vội chạy về xin cha cho theo. Hoàng đế thấy vậy, lấy làm vui mừng, bèn kéo Tứ bối lạc vào lòng, mà bảo:

- Con ngoan của cha! Hai anh con đi cả. Con ở lại trong dinh bầu bạn với cha có phải vui không?

Tứ bối lạc lòng vốn nhớ nhà từ lâu, khẩn khoản cha ba, bốn lần để được về Hưng Kinh trước. Thế là cả ba anh em được phép cha cùng lên đường.

Được tin bốn vị bối lạc trở về, các bà phi từ trong cung gọi vào và vây lấy hỏi thăm tin tức nơi quan ải chiến binh.

Bốn vị bối lạc vui mừng cực điểm, khoa chân múa tay, đem tất cả tình hình nơi chiến trường kể lại một lượt. Các bà nghe xong vừa mừng vừa sợ.

Trong số bốn bối lạc có mặt lúc đó, chỉ có Tam bối lạc Mãng Hồ Nhĩ Thái là còn có mẹ. Bởi vậy khi bà Phú Sát thị ngồi nghe tới lúc xuất thần, bèn kéo con lại gần mình mà bảo:

- Chả trách mà mẹ thấy tim gan hồi hộp, nhiều lúc trống ngực tự dưng cứ thành thịch.

Kẻ đẹp trai nhất phải nói là Tứ bối lạc Hoàng Thái Cực, mẹ chàng là bà Diệp Hách thị tuy đã mất sớm, nhưng chàng có cái sắc tướng tươi trẻ đáng yêu nên ai cũng thích cùng chiều.

Các bà phi trong cung không ai là không quý mến chàng, nhất là bà Ô Lạp thị. Bà này lúc nghe kể chuyện quá hứng thú, cứ cầm lấy tay Hoàng Thái Cực mà xuýt xoa nói:

- Chả trách gì ta cũng thấy tim gan nó hồi hộp ghê gớm mấy bữa nay!

Hoàng tử thứ mười bốn là Đa Nhĩ Cổn thấy mẹ yêu quý anh Tư cũng vội chạy tới nằm vào lòng mẹ. Bà Ô Lạp một tay thì cầm tay Đa Nhĩ Cổn, còn một tay thì nắm tay Hoàng Thái Cực. Cả nhà nhướng mắt nhìn bà và hai cậu hoàng tử đẹp trai mà tấm tắc ngợi khen. Đa Nhĩ Cổn tuổi tuy còn nhỏ nhưng xem bề sắc diện còn có phần bảnh trai hơn anh đôi phần.

Đại bối lạc cùng Nhị bối lạc nhìn quang cảnh đó bỗng nhiên nhớ tới mẹ mình, bất giác thấy chua xót trong lòng, đôi mắt rưng rưng ứa lệ. Hai anh em vội quay đầu chạy ra khỏi cung.

Trời hừng sáng. Bỗng tiếng pháo liên châu nổ vang ngoài thành rồi trống, còi vang lên. Mọi người đều biết xa giá hồi kinh. Thế là trong thành, từ lớn chí bé, từ dân đến quan, ai nấy đều vội vã ra khỏi thành đón rước.

Anh Minh hoàng đế về tới cung. Bà Ô Lạp vội bày yến tiệc để hoàng đế đón gió. Lúc đó trong doanh có bắt được mấy trang mỹ nữ của Minh triều. Được lệnh, họ phải vào cung. Các bà phi và các nàng công chúa thấy phía dưới quần họ lộ một đôi chân nhỏ bé xinh xinh, ai cũng đều lấy làm lạ. Các bà, các nàng tò mò, vây quanh họ, cởi bỏ đôi hài của họ, nắm đôi bàn chân xoay đi xoay lại để xem xét khiến họ mắc cỡ đến mặt đỏ tía tai, không cất đầu lên nổi nữa.

Bọn cung nữ được lệnh đưa mấy cô gái đẹp người Hán từ trong phòng tắm ra để trang điểm. Rồi ngay đêm đó họ được đưa vào cung để phục thị hoàng đế. Anh Minh hoàng đế thấy mấy cô này vừa xinh đẹp lại vừa hiền hậu ngoan ngoãn nên rất sủng ái.

A Mẫn vốn hiếu sắc, nên đêm đó cố xoay cho kỳ được hai cô gái Hán đến phòng mình để hầu hạ mua vui.

Sáng hôm sau, cậu tới xin hoàng phụ và được cha phong thưởng cho hai nàng làm thị nữ của Mẫn, đồng thời cũng phong ấy người đẹp của mình làm thứ phi. Cậu hoàng A Mẫn lúc đó liếc mắt so sánh người đẹp của mình với người đẹp của cha, thấy của mình thua kém xa nên có vẻ chồm bơm, cười nói đùa tình chẳng nể mặt hoàng phụ. Anh Minh hoàng đế thấy vậy làm giận lắm, tức tốc sai cung nữ đuổi Mẫn ra khỏi cung. Từ đó, Đế trong lòng có ý chán ghét cậu hoàng nhi A Mẫn, rất ít khi cho gọi vào gặp mặt.

Ngày hôm sau, Anh Minh hoàng đế lâm triều. Đại tướng Hồ Nhĩ Hán xuất ban tấu lên:

- Tây lộ của Minh triều hiện đã theo đường Khoan Diện tiến tới Đồng Ngạc. Cư dân quanh vùng đều phải chạy trốn vào những nơi rừng sâu, núi thẳm. Tổng binh Lưu Đĩnh tung quân đốt làng, cướp của, giết chết dân chúng rất nhiều. Ngưu Lộc Ngạch Nhân, Thác Bao Ngạch Nhĩ, Nạp Ngạch Hắc Ất, ba người đã chỉ huy quân trú phòng năm trăm người tiến tới nghênh địch nhưng đều bị quân Minh bao vây khắp mặt, Ngạch Chân và Hắc Ất đã bị loạn quân giết chết, ba trăm binh sĩ cũng bị tàn sát theo. Thác Bao thoát chết vội đem tàn quân chạy tới Hưng Kinh cầu cứu. Xin bệ hạ truyền lệnh cho đại binh cấp tốc tiến tới nghênh địch.

Vừa nghe rồi tâu trình của Hán, Anh Minh hoàng đế vội hạ lệnh cho Đại bối lạc, Tam bối lạc, Tứ bối lạc điều khiển toàn bộ quân mã tới Đồng Ngạc trước để nghinh chiến. Lại sai Hồ Nhĩ Hán đem một chi quân ẩn trong rừng sâu để ứng sách, chỉ lưu có bốn ngàn quân lại Hưng Kinh, chuẩn bị để địch với lộ quân của bọn Lý Như Bá và Hạ Thế Hiền.

Xuất quân lần này, Đại bối lạc làm đại nguyên soái, Tam bối lạc làm phó nguyên soái, còn Tứ bối lạc làm tiên phong nguyên soái.

Tứ bối lạc thống lĩnh hai ngàn quân mã, nhổ trại đi trước. Khi gần tới địa phận Phú Sát, tiên phong nguyên soái được thám mã phi báo:

- Quân Minh ở phía trước tiến dọc theo Đông Gia Giang, chỉ còn cách có mười sáu dặm.

Tứ bối lạc hay tin hạ lệnh đóng trại tại nơi sơn cốc rồi cho gọi hai trăm tên quân Minh ở hậu doanh đều là những tên quê miền Chiết Giang lên trưởng, thưởng cho rượu thịt và dùng lời ngon ngọt vỗ về:

- Các người hãy mặc binh phục của Minh triều vào rồi vác cờ Minh đi thẳng tới Đông Gia Giang, gặp Lưu Đĩnh nói dối rằng: Đỗ Tùng tướng quân đã đánh chiếm được Hưng Kinh cho nên sai chúng tôi tới đây đón tướng quân vào thành thảo luận quân cơ.

Lại còn bảo thêm:

- Các người cẩn thận đi cho thành việc. Nếu lừa được Lưu Đĩnh tới đây, thì các người được kể như chiếm công đầu. Lúc đó ta sẽ tha hồ cho các người trở về Chiết Giang với vợ con, cha mẹ.

Bọn binh sĩ người Hán này nghe nói được về quê với gia đình, kẻ nào kẻ nấy cảm kích, liền hăng hái ra đi. Thế là cả bọn thay đổi Minh trang, vác cờ hiệu Đỗ nguyên soái, thẳng đường tiến tới Đông Gia Giang gặp Lưu Đĩnh.

Tướng Mãn Hồ Nhĩ Hán lúc đó cũng đã đem quân tới hợp với quân của bốn bối lạc. Thác Bảo với cánh tàn quân cũng chạy về tới, xin vào yết kiến bốn bối lạc, rồi được giao cho nhiệm vụ trinh sát địch tình, bằng cách phóng quân len lỏi trong các khu rừng cây rậm rạp.

Lại nói tướng Minh Lưu Đĩnh xuất phát từ Thẩm Dương, theo đường Khoan Điện, chạt vật lăm mới tới được Đông Gia Giang để tiến đánh Hưng Kinh. Đĩnh sợ Đỗ Tùng chiếm được Hưng Kinh trước, cướp mất công lớn của mình, nên đốc thúc quân sĩ ngày đêm tiến gấp. Đường xá ở đây lại hoàn toàn là đường núi gồ ghề hiểm trở cây cỏ hoang vu, gai góc mọc đầy. Gặp núi thì mở đường, gặp sông thì bắc cầu, quân sĩ chịu muôn phần mệt nhọc lao khổ. Chúng kêu khổ khắp trời. Khi tới Đồng Ngạc không chỉ mong mượn được nhà dân mà nghỉ ngơi đỡ mệt. Ai ngờ dân chúng nơi đây đã trốn chạy sạch, mười nhà thì đã tới chín không còn lại một cái gì! Khỏi nói đến trâu bò, dê gà, chó lợn, ngay cả nhà cửa cũng đã bị phá hoại hết sạch, không còn gì đáng giá. Quân Minh kéo tới, muốn tìm cái ăn, không có, muốn tìm chỗ trú cũng không. Tướng Đĩnh bực mình lắm. Bọn quân sĩ cũng cẩu tiết, châm một mối lửa thiêu rụi tất cả những gì còn sót lại, nào cái nhà bẹp, nào cái giường hư, nào cái cầu tiêu mục nát, nào cái bờ dậu xiêu vẹo...

Lộ quân lại kéo đi. Một con sông lớn chắn ngang, vượt qua phía đông là miền Phú Sát. Đây vốn là nơi hội ước với quân Triều Tiên. Trước đó mười ngày Đĩnh đã sai Hải Cái Đạo, Khang Ứng Kiên đem năm trăm bộ tốt đi trước để đón quân Triều.

Thế mà nay vẫn không thấy họ tới, ngay cả Kiên cũng chẳng thấy về, Đĩnh chẳng biết làm cách nào hơn, đành hạ lệnh cho đại quân đóng bên sông chờ khi hợp binh để tấn công.

Không ngờ chờ đã mấy hôm liền mà quân Triều vẫn biệt vô âm tín. Đĩnh không nhẫn nại được nữa, bèn lệnh cho quân sĩ mai ăn cơm sớm để canh năm vượt đò qua sông.

Giữa lúc quân Minh đang vội vã thu lượm doanh trại, bỗng một tiểu đội người ngựa đi dò từ bên kia sông sang, chiếc đi đầu rõ ràng thêu chữ Đỗ to tướng tung tẩy trước gió, trong ánh chiều vàng rực rỡ. Đĩnh cho gọi vào nhìn qua một lượt, quả nhiên đúng là quân của nhà. Đĩnh hỏi về Đỗ nguyên soái thì bọn quân Minh vừa tới kia báo bẩm:

- Trước đây ba ngày, Đỗ nguyên soái đã đánh chiếm được thành Hưng Kinh. Đô đốc Kiến Châu đã bị loạn quân giết chết. Đỗ nguyên soái hiện ở trong đô đốc phủ. Ông chỉ còn chờ Lưu nguyên soái ngai qua sông để tới phủ bàn tính việc thu phục các bối lạc ở miền bắc.

Nghe xong, Đĩnh bất giác vừa giận vừa mừng, mừng vì bọn mọi Kiến Châu đã bị diệt, quan dân từ đây gối cao ngủ yên khỏi phải lo lắng gì, giận vì quân Triều Tiên chậm trễ để đến nỗi công đánh chiếm Hưng Kinh bị Đỗ Tùng cướp mất, uống phí cái chức tiên phong nguyên soái. Hơn nữa, phen này xuất quân chẳng lập được chút công nào thì khi về gặp mặt quan kinh lược biết ăn nói làm sao.

Sau đó Đĩnh truyền lệnh sáng mai thông thả hành quân lên đường. Quân Minh tin chắc thắng trận nên vũ khí thấy đều gói lại vác vai giáp trụ cũng cởi bỏ, chỉ mong sớm vào thành an nghỉ ít hôm cho bỏ những lúc gian khổ trên con đường gồ ghề hoang vắng của cái vùng quan ngoại khi ho cò gáy này.

7. Chương 7: Đánh Hưng Kinh, Quân Minh Thảm Bại

Một vạn binh sĩ của Lưu Đĩnh đều là những tay khỏe mạnh, tinh luyện. Chỉ vì băng rừng xẻ núi mở đường, chịu bao nỗi phong trần gian khổ, mười người thì đã có đến năm bắt đầu phát bệnh. Nay được tin Đỗ tướng quân chiếm được Hưng Kinh, sai quân tới đón vào thành nghỉ ngơi ít hôm, ai nấy nhảy lên vì sung sướng. Nào binh khí nào giáp trụ, họ đều gói lại vác vai, vui ca qua sông. Bọn lính Chiết Giang tới báo tin hôm trước, đi đầu dẫn lộ. Đoàn quân đi vừa được 20 dặm đường, phía sau bỗng có chiêng trống vang rầm. Rồi một chi quân đánh tới. Đây chính là chi quân của Tam bối lạc nước Kim. Đĩnh hoảng hốt lo sợ. Trong chốc lát, đám lính Chiết Giang biến đâu mất, không còn thấy một tên. May thay Đĩnh còn có năm trăm tên thân binh chưa cởi bỏ giáp trụ, bèn hô quay ngay lại, bày thành trận thế. Đĩnh quát ngựa tiến lên. Tam bối lạc tiếp chiến. Quân Kiến Châu kéo tới mỗi lúc mỗi đông. Hậu đội quân Minh lại không kịp mặc áo giáp, tình thế nguy cấp vô cùng!

Lưu Đĩnh biết gần đây có một ngọn đồi tên gọi A Bồ Đại Lý, có thể đóng quân được, bèn truyền lệnh cho ba quân tướng sĩ rút vội về đóng tại đỉnh đồi rồi sẽ nghênh địch. Quân sĩ đi trước, Đĩnh đích thân áp hậu, vừa đánh vừa lui. Khi tới đồi A Bồ Đại Lý, quân Minh tiến thẳng lên đỉnh.

Nhưng vừa tới sườn đồi bỗng nghe từ trên đỉnh một tiếng pháo hiệu nổ vang rền. Tứ bối lạc cầm đầu một cánh quân vừa hò hét vừa xông xuống. Quân Minh lúc đó tay chưa lấy kịp vũ khí, mình chỉ mặc có nhuyến giáp.

Từ trên đỉnh đồi, tên đạn bắn xuống như mưa. Quân Minh tránh tên, té ngựa ra sau, lăn nhào xuống chân đồi thây lấp kín cả các hố hốc. Tướng sĩ chân tay của Đĩnh chết đã mất quá nửa. Tình cảnh thật vô cùng bi đát. Trước đã không có đường tiến, sau lại có truy binh, Đĩnh đành phải lượm lặt tàn quân chạy vội về hướng tây.

Một dãy núi đằng trước. Hai ngọn chọc trời song song. Quảng giữa là một đường độc đạo ngoằn ngoèo như ruột dê. Đĩnh bèn hô quân xếp thành hàng một từ từ rút qua. Đĩnh đích thân đoạn hậu. Nhưng khi đoàn quân của Đĩnh ra khỏi eo núi được một nửa, địch quân bỗng từ phía tây chia hai cánh giáp công. Bên trái có Đại bối lạc Đại Thiện, bên phải có Hồ Nhĩ Hán cắt hẳn đoàn quân Minh ra hai đoạn.

Đại bối lạc Đại Thiện vừa thấy Lưu Đĩnh, quát ngựa xông tới nghênh chiến! Đĩnh thấy Thiện, đôi mắt bốc hỏa, răng nghiến kèn kẹt, tay múa đại đao chém tới. Hai tướng đại chiến ngay tại eo núi, một qua một lại, chẳng mấy chốc đã năm, sáu chục hiệp không phân thắng bại. Thiện bỗng bỏ Đĩnh giữa lúc đang kịch chiến, chạy ra ngoài eo núi, Đĩnh tức giận đến cực độ, giục ngựa đuổi theo, nhưng quân Kiến Châu đã bốn mặt xô tới vây kín lại.

Đĩnh phóng ngựa xông đông phá tây, chạy qua chạy lại mong thoát trùng vây, nhưng rút cục vô phương. Thủ hạ binh sĩ theo sát Đĩnh thưa dần. Bốn mặt tên vẫn như cào cào phóng tới. Đĩnh múa tít cây đao gạt tên, đồng thời ra sức tìm đường trốn chạy. Bỗng một mũi tên vọt tới trúng ngay vào giữa mắt ngựa Đĩnh. Con ngựa đau quá cất đứng người lên cao, miệng hí lên rầm rầm, quật ngã Đĩnh xuống đất. Quân Kiến Châu xô tới bắt. Đĩnh nhanh tay, rút vội đao tự vẫn.

Đại bối lạc Đại Thiện cắt thủ cấp Đĩnh rồi quay ngựa đem bản bộ binh mã tiến thẳng sang miền Phú Sát. Bởi vì lúc đó Thiện đã được tin Khang Ứng Kiên đem một vạn quân Triều Tiên theo miền Phú Sát nam lộ kéo tới. Quân Triều Tiên mình đều mặc áo giáp giấy, đầu đội mũ dây liễu. Thiện biết vậy, nảy sinh một kế, đợi tới nửa đêm, đích thân chỉ huy một ngàn kỵ binh, đem theo đồ dẫn hỏa xông vào cửa trước trại địch mà khiêu chiến, còn cửa sau thì phóng hỏa đốt trại. Đêm đó, gió đông nam lại thổi mạnh. Ngọn lửa bốc lên, xông vào doanh trại, chỉ trong nháy mắt đã cháy rực khắp nơi.

Quân Triều Tiên áo giáp đều bắt lửa, chạy không thoát, bị chết cháy quá nửa. Số còn lại đều nắm mặt sém mày, vội chạy ra khỏi trại, lại bị phục binh của Thiện bắt hết.

Ba cánh quân khác của Kiến Châu do Tam bối lạc, Tứ bối lạc và Hồ Nhĩ Hán chỉ huy lúc đó cũng đã kéo tới, thấy vậy, liền bổ vây tứ phía, nhất loạt phóng tên vào.

Cuộc chiến kéo dài từ nửa đêm đến mãi trưa hôm sau, một vạn quân Triều Tiên kẻ chết vì lửa người chết vì tên, chỉ có Khang Ứng Kiên là người duy nhất chạy thoát mà thôi. Trong trận đánh này, quân Kiến Châu bắt được ngựa lửa, vũ khí không thể kể xiết.

Hồ Nhĩ Hán đem đoàn quân chiến thắng mở đường đi trước, lại gặp một tiểu đội quân mã du kích Kiều Nhất Kỳ của Minh Triều. Hai bên tiếp chiến. Kỳ đại bại, chạy trốn. Hán đuổi theo.

Khi đuổi tới chân núi Cổ Lạp Khố, Hồ thấy trên núi một dãy trại binh có cờ Triều Tiên bay phất phới. Hán nghi ngờ, cho Nhất Kỳ chỉ là một tướng dụ địch. Nên không dám tiến, sai người báo tin cho đại bối lạc cùng tam bối lạc biết. Chẳng bao lâu cả ba bối lạc đều đem quân tới nơi họp binh một chỗ.

Lại nói Đỗ nguyên soái Triều Tiên tên Khương Hoàng Lập được tin quân Minh thảm bại, bèn cất trống giầu cờ, sai thông sự quan tới doanh trại quân Kiến Châu để xin đầu hàng và bày tỏ:

- Việc giúp Minh triều vốn chẳng phải bản ý của quốc vương tôi. Chỉ vì ngày trước quân Nhật Bản xâm lăng tiến vào chiếm cứ thành trì nên quốc vương tôi phải nhờ tới quân Minh để đẩy lui quân Nhật. Nay Minh triều đưa thư tới gọi quân nước tôi tới Khoan Điện, quốc vương tôi vì nghĩa chẳng tiện từ chối. Bởi vậy quốc vương tôi sai một vạn quân đồn trú tại miền Phú Sát thực ra bọn tôi chẳng biết phải đánh nhau với ai, mãi nay mới biết là với quân Kiến Châu của các ngài. Bọn tôi đâu dám xúc phạm tới oai hùm của thượng quốc. Huống hồ một vạn quân binh của bọn tôi đã nhờ ơn thượng quốc giết cho bằng hết rồi. Do đó, nguyên soái nước tôi xin lập tức đình chiến để mưu cầu hoà bình cho hai nước.

Đại bối lạc Đại Thiện nghe xong, bèn cùng bọn Hồ Nhĩ Hán thương nghị. Tứ bối lạc liền có chủ ý, sai thông sự quan đi theo người Triều Tiên trở về núi Cổ Lạp Khố, đặt điều kiện với Lập:

- Nếu các người muốn xin hàng, hãy giết hết bọn quân Minh còn lại trong trại, sau đó Đỗ nguyên soái Khương Hoàng Lập phải đích thân đến trại ta xin hàng. Bọn ta lúc đó sẽ vì đức hiếu sinh của trời đất mà tha cho các người.

Thượng Hoàng Lập nghe thông sự quan nói vậy, không còn cách nào khác, bèn hạ lệnh cho bắt hết quân Minh trong trại rồi lao từng tên một từ đỉnh núi xuống, tay gãy chân què, máu me lênh láng, chết không kịp kêu. Quân sĩ Kiến Châu cắt thủ cấp Kiều Nhất Kỳ rồi đem theo Đỗ nguyên soái, phó nguyên soái của Triều Tiên về Hưng Kinh.

Về tới thủ đô Kiến Châu, Lập được vào yết kiến Anh Minh hoàng đế, vội bỏ rạp xuống đất, dập đầu kêu bình bình.

Anh Minh hoàng đế cho người nâng dậy, rồi bày rượu thịt ra ăn uống ở ngay điện bên cạnh. Đồng thời truyền lệnh tiệc để ăn mừng thưởng công. Để ới tất cả các quan viên lớn bé tòng chinh vào ngự hoa viên uống rượu. Trong cung cấm, Đế cũng cho triệu tập các bà phi, các thái tử, công chúa, các phúc tấn, mở một tiệc linh đình.

Các phi hôm đó có bà Phú Sát, bà Ô Lạp, bà Giác La, cùng các thứ phi. Bọn con cái thì có thái tử Đại Thiện, tam tử A Bá, tứ tử Thang Cổ Đại, ngũ tử Mãng Cổ Nhĩ Thái, lục tử Thập Bái, thất tử A Bát Thái, bát tử Hoàng Thái Cực, cửu tử Ba Nhĩ Thái, thập tử Đức Cách Loại, thập nhất tử Ba Bố Hải, thập nhị tử A Tế Cách, thập tam tử Lai Nộ Bố, thập tứ tử Đa Nhĩ Cổn, thập ngũ tử Đa Lạt, thập lục tử Phi Dương Cổ. Tất cả đều ngồi quây quần trong cùng một chiếu rượu.

Anh Minh hoàng đế lúc đó vừa uống rượu vừa nghe ba vị Đại, Tam và Tứ bối lạc kể lại trận đánh, trong lòng rất lấy làm sung sướng. Ông vốn yêu người con thứ mười bốn là Đa Nhĩ Cổn nhất. Thấy Cổn mặt mũi khôi ngô, tính tình nhu thuận, đầu óc lại thông minh, bọn các bà phi, các bà phúc tấn ở trong cung ai cũng đều ưa thích. Trong bữa tiệc Cổn chẳng khác gì một con bướm đùa hoa, chạy tung tăng khắp nơi, khi thì ngồi vào lòng bà phi này một lát, khi lại tựa vào gối bà phúc tấn nọ một chập.

Anh Minh hoàng đế uống rượu đến lúc quá hứng, bèn kéo Cổn vào lòng mình, lấy tay vuốt má Cổn mà hỏi:

- Mấy hôm nay con vẫn tập dượt cung tên đấy, chứ?

Cổn bĩu môi, nũng nịu đáp:

- Có chứ! Mấy hôm nay cứ độ canh tư là con trở dậy bắn cung đấy!

Vị sư phó ngồi gần tiếp lời:

- Cậu nhỏ tập chưa được tinh luyện. Còn phải cố gắng thêm nữa mới được.

Anh Minh hoàng đế mỉm cười nói:

- Chẳng cần cố làm gì! Chớ có dùng sức quá độ, e mệt con trẻ.

Giữa lúc hai cha con Đa Nhĩ Cổn trò chuyện với nhau, thì bà phi Ô Lạp lòng sung sướng như mở cờ bởi vì bà thấy con mình được chồng cưng chiều hơn hết. Bà vội rời khỏi ghế ngồi, uốn éo lưng ong, bước lại trước mặt nhà vua rồi vừa cười vừa nói:

- Bệ hạ đừng coi nó là một thằng bé mười tuổi nữa nhé! Nó đã theo sư phó học làm thơ Hán rồi đấy!

Anh Minh hoàng đế nghe đoạn, giơ cao ngón tay cái nhấn mạnh vào không khí để tỏ dấu khen ngợi:

- Thằng bé hay quá!

Thấy cha khen, Đa Nhĩ Cổn muốn tỏ tài bèn chạy đi lấy ngay giấy bút, viết bốn chữ: “Tây giao thí tiễn” (Thi bắn ngoài cánh đồng mé tây), rồi sau đó, viết luôn một bài thơ tứ tuyệt như sau:

”Rừng tây cờ gấm phát phơ bay.

Tên thép cung vàng rợp bóng cây.

Một phát bay ngang hơn tia chớp!

Nào ai giỏi bắn dám so tài?”

Thơ viết xong, Cổn liền dâng cho cha xem. Anh Minh hoàng đế cười khà khà, tỏ vẻ đắc chí, nói:

- Thật là uống! Cha mày làm đến thiên tử một nước mà chẳng biết lấy một chữ Hán này! Con của cha khá lắm! Mau dịch ra cho cha mày xem coi! Khà! Khà! Khà!

Cổn bèn đem ý tứ trong thơ giảng giải cho cha nghe một cách hoạt bát thông thạo. Cử tọa ngồi khắp điện, ai cũng đều phải vỗ tay khen giỏi!

Giữa lúc bà Ô Lạp hớn hở đắc ý về cậu con cưng của mình thì bà Phú Sát lòng chua như dấm, bực tức đến không thể chịu nổi. Bà đưa mắt nhìn hai cậu con mình. Mãng Cồ Nhĩ Thái được cha phong cho làm Tam bối lặc, trong lòng rất lấy làm cảm kích nên chẳng dám phóng túng bừa bãi. Duy chỉ có Đức Cách Loại không được cha phong cho làm bối lặc, nên có lòng oán hận đã lâu. Nay thấy mẹ biểu đồng tình với mình, nên lại càng vững chí, tính nhân dịp này mà xả bớt tức cho hả lòng phần nào. Nhưng Loại nhìn quanh chẳng thấy ai cổ vũ tự cảm thấy cô độc, lại thôi không dám hé răng. Đúng lúc đó, Loại nghĩ ngay tới Tứ bối lặc là Hoàng Thái Cực vì biết Cực không ưa Cổn. Loại bèn lên tới sau lưng Cực kéo tay áo Cực, đưa mắt cho Cực. Cực quay lại thấy vậy cũng đưa mắt cho Loại tỏ vẻ đồng tình.

Hoàng Thái Cực vốn là con trai bà Thái phi. Cực giỏi võ nghệ lại có bộ mặt xinh trai. Tuy vậy Cực vẫn không thể nào độ được với Cổn vì Cổn bảnh trai nổi tiếng, các bà phi trong cung cấm, ai mà chẳng khoái Cổn, Cực vì đó mà ghen tức.

Nay thấy Cổn vênh váo làm bộ quá đáng, Cực đột nhiên cả giận. Cực cậy mình có chiến công, chắc hẳn phụ hoàng cũng không nỡ rầy bèn nheo mũi khịt một tiếng rồi nhếch mép cười nhạt.

- Đó bắt quá chỉ là đồ trẻ nít cợt đùa! Nước đại Kim ta lấy việc tung hoành thiên hạ trên lưng ngựa mà thành nghiệp lớn chứ đâu có cần tới cái đồ trẻ nít đó!

Mấy lời nói của Cực tuy rất quang minh chính đại nhưng đối với Anh Minh hoàng đế, ngài đã thấy rõ được sự ghen tức giữa hai đứa con mình. Để tự nhủ ghen tức chẳng phải là điều tốt, tính rầy la Cực. Khốn nỗi Cực cũng là cục cưng của ngài, hơn nữa Cực lại chơi thân với khắp văn võ bá quan trong triều, đồng thời lại vừa mới lập được chiến công. Cho nên ngài thấy chẳng tiện thực hiện ý mình. Ai ngờ Cực vừa nói xong thì bên kia, Loại đã lên tiếng. Loại vừa cười nhạt vừa nói giễu:

- mấy câu thơ đó nghe đã quá quen mà! Sư phó ta cũng đã dạy ta từ lâu. Phải chăng mày đã chép lại trong sách nào đó để đem lừa dối phụ hoàng?

Cổn vốn chỉ là một đứa trẻ nít. Hắn nghe hai anh chém cụt hứng của mình, liền méo xệch mồm, oà lên khóc. Bà Ô Lạp vội vàng chạy lại kéo đi. Anh Minh hoàng đế tức quá, đôi mày dựng ngược lên, quát Loại:

- Hai anh em mày khinh nó trẻ nít phải không. Chỉ một chuyện nhỏ đó mà chúng mày cũng không chịu nhường nhịn, thử hỏi tương lai rồi đây sẽ ra sao?

Câu mắng của ông khiến bọn thất tử ngồi trong điện câm miệng lặng thinh. Ông truyền lệnh chỉ đuổi Loại ra khỏi cung và từ nay, phải có lệnh tuyên triệu mới được vào. Chỉ đó truyền xong, các thái tử mặt người nào người nấy cũng xám ngoét, rồi chả ai bảo ai, lần lượt rút êm ra khỏi cung cấm. Duy có Cực trong lòng bất phục. Bởi vậy, Cực mua chuộc văn võ bá quan, kết bè lập đảng để thủ thế. Đó là chuyện về sau.

Lại nói quan Kinh lược sứ nhà Minh là Dương Cảo ở Thẩm Dương lần lượt được phi báo ba lộ quân mã đều bị tiêu diệt thì hoảng hồn bạt vía, tay chân run lên bần bật. Một mặt ông viết sớ tâu về triều cho Thần Tông hoàng đế rõ sự thể, một mặt truyền lệnh cho Tổng binh Lý Như Bá đóng tại thành Thanh Hà lập tức rút quân về Thẩm Dương để bảo vệ thành trì.

Cuộc chiến tại Tát Nhĩ Hử sơn này, Minh triều chết mất cả thảy tám vạn tám ngàn năm trăm chín mươi tên quân và hơn ba trăm mười viên tướng. Quân Triều Tiên cũng bị chết cháy theo mất đến hơn một vạn.

Một việc làm cho Cảo bần khổ mãi chẳng yên, đó là thi hài của người anh em kết nghĩa Lưu Đĩnh. Cảo bèn sai năm mươi tên quân lẻ đến chân đồi A Bố Đạt Lý tìm xác Đĩnh đem về. Cảo lại sai thợ mộc dùng gỗ mộc hương làm một cái đầu người lắp vào cổ cụt của Đĩnh, mua sẵn một cỗ quan tài thượng hạng, khâm liệm rồi đích thân đưa về Bắc Kinh.

Vợ con Đĩnh trông thấy quan mộc, khóc đến chết đi sống lại nhiều lần. May có Dương phu nhân vốn là chỗ thân tình đem lời lẽ hơn thiệt khuyên giải nên họ cũng nguôi dần. Từ đó, con cái Lưu Đĩnh ở lại trong phủ Dương Cảo. Dương phu nhân đem con gái mình hứa gả cho Lưu công tử. Hai gia đình trở thành sui gia, và Lưu phu nhân cũng có chỗ nương nhờ.

Minh triều từ khi bị một võ chua cay, chết binh mất tướng một cách tai hại, chỉ còn biết giữ quan ải, không dám can thiệp đến chuyện quan ngoại nữa. Anh Minh hoàng đế bèn lợi dụng cơ hội tốt đó chiếm Khai Nguyên thành, phá Thiết Lĩnh thành, đánh bại quân Mông Cổ Khách Nhĩ Khách, bắt sống tù trưởng Tế Trai. Đại tướng Hồ Nhĩ Háp còn tâu với Kim đế:

- Diệp Hách bộ chủ trước đã chối bỏ cuộc cầu hôn của ta, nay lại giúp Minh triều để đánh bại ta. Cái hận ấy không thể không báo. Xin bệ hạ xuống lệnh chinh phạt.

Anh Minh hoàng đế nói:

- Trẫm đâu có quên cái thù của Diệp Hách. Chỉ vì Diệp Hách bộ chủ vốn có cái tình cậ cháu đối với Tứ bối lặc của ta. Nếu ta đem quân chinh phục, e khó coi về mặt bà con thân thích!

Đại bối lặc Đại Thiện lúc đó ngồi bên cạnh, vội đứng phắt dậy nói:

- Xưa nay thường nói: Vì đại nghĩa mà diệt thân tình. Chúng ta là những người muốn tạo nghiệp lớn há lại quá lo lắng đến điều nhỏ nhặt đó ư?

Anh Minh hoàng đế nghe Thiện nói, gật đầu luôn mấy cái, bèn bảo:

- Ủ, nói thế cũng phải!

Thấy cha tán đồng ý kiến của anh, Tứ bối lặc liền xin cha cho làm tiên phong nguyên soái, đem một vạn người ngựa đi trước. Anh Minh hoàng đế đích thân đem hai vạn quân lên đường theo sau; cái bối lặc đại thần cũng đều có mặt trong dinh để nghe lệnh điều động

8. Chương 8: Liên Minh Mông Mãn

Diệp Hách bộ chủ có hai anh em, một là Kim Đài Thạch đóng đô tại Đông Thành, hai là Bố Dương Cổ đóng đô tại Tây thành. Hai anh em nhà này, từ khi thấy quân Minh đại bại bèn vội vã đem quân trốn về bản bộ. Họ đêm ngày lo phòng bị, sợ quân Kiến Châu tới đánh bất thần. Quân Kiến Châu quả tới đánh họ thật.

Anh Minh hoàng đế đích thân công phá Đông Thành, sai bọn bối lạc đánh chiếm Tây Thành. Ông vây đánh đến ngày thứ ba thì phá được ngoại Đông Thành. Lòng ông vẫn còn băn khoăn về tình nghĩa cậu cháu, bèn sai quân sĩ hô lớn:

- Kim Đài Thạch hãy mau mau ra hàng, ta sẽ tha chết cho người.

Thạch đứng trên địch lâu ngang nhiên đáp lại:

- Nỗ Nhĩ Cáp Tề! Mi chớ nói điều đó. Ta đây, mi không thể ví với bọn Minh được. Ta cùng người đều là người Mãn, đều là những bộ chủ anh hùng. Ta há lại khoan tay chịu nhục. Đầu hàng mi thà tử chiến còn hơn!

Thạch nói đoạn, tức thì gõ đá từ trên thành lao xuống như mưa. Quân Kiến Châu bị dả thương, đầu vỡ máu chảy, nằm gục chết dưới chân thành vô số.

Anh Minh hoàng đế cả giận, tự lay mạnh cây lệnh tiễn, quát ngựa nhảy lên trước trận. Quân sĩ ở phía sau ồ vào, quân Diệp Hách liều mạng kháng cự. Thạch một tay kéo vợ, một tay bế đứa con trai nhỏ, ẩn tránh trên đài cao, quân Kiến Châu vây kín toà đài khắp bốn mặt, miệng hô lớn:

- Kim Đài Thạch, hãy mau mau xuống đầu hàng.

Thạch đứng trên đài cao nói vọng xuống:

- Tứ bối lạc của mi vốn là cháu ngoại ta. Nếu muốn ta đầu hàng, bọn mi hãy mời Tứ bối lạc lên cho ta gặp, lúc đó ta sẽ xuống hàng.

Anh Minh hoàng đế nghe lời Thạch nói bèn hạ lệnh cho quân sĩ lùi xa hơn tầm tên, lại sai người tới Tây thành gọi Tứ bối lạc. Tứ bối lạc chạy tới chân đài miệng kêu cứu phụ, Thạch vẫy tay bảo lên đài. Giữa lúc Tứ bối lạc tính leo lên, một tên thị vệ đứng cạnh nhanh mắt nhìn thấy Thạch có vẻ mặt hung ác vội chạy lại rí tai bảo: “Bối lạc, dừng! Không nên. Ngài có nhìn thấy sắc mặt của hần thể nào không? Lòng hần nhất định chứa ngầm ác ý”.

Được nhắc nhở, Tứ bối lạc tỉnh ngộ, vội dừng lại, nói với Thạch:

- Cháu hiện đã có mặt tại đây. Cứu phụ hãy mau xuống đài đi!

Thạch cười nhạt bảo:

- Mày đã không chịu lên đài, tao lại chưa từng biết mặt mày thì làm sao bảo tao tin mày đích thị là cháu ngoại tao. Bối vậy tao đâu có dại gì mà xuống.

Viên đại thần Phí Anh Đông, Ngạch Phò Đạt Nhĩ Cáp lúc đó đứng cạnh thấy vậy, quát lớn:

- Mi hãy thử nhìn xem trong đám người thường có ai là kẻ ngỗ nghịch anh tuấn như Tứ bối lạc của bọn ta không. Xuống thì xuống đi, bằng không ta sẽ đốt cháy rụi đài.

Thạch lại nói.

- Con trai ta là Đức Nhĩ Cách Lặc, nghe nói nó bị thương ở nhà. Bọn người hãy gọi hần tới đây để cho cha con ta gặp nhau, lúc đó hãy tính chuyện mời ta xuống đài.

Một lát sau, Lặc lên đài gặp cha, bèn nói:

- Việc đã đến nước này, có giữ một cái đài cao thực cũng vô ích lắm! Cha con ta nên mau xuống bái kiến Anh Minh hoàng đế, hoặc giả ngài nể tình thân thích mà tha mạng cũng chưa biết chừng.

Thạch thấy con khuyên hàng bất giác nổi giận tuốt ngay cây bội đao chém tới. Bà Phúc Tấn, vợ Thạch, giắt mình, vội chạy tới ôm chầm lấy con. Lặc thấy cha nhất định không chịu đầu hàng đành gạt lệ trở xuống. Vợ Thạch biết chồng cố chấp không chịu cũng bế đứa con nhỏ xuống theo, ba mẹ con Lặc chạy đến trước mặt Anh Minh hoàng đế dập đầu khóc lóc thảm thiết. Kim đế lấy lời lẽ ngọt ngào khuyên dỗ, lại thưởng rượu thịt cho ba mẹ con ăn uống. Ngài còn sai Tứ bối lạc ngồi hầu rượu rồi dặn bảo:

- Họ là anh em, là cứu mẫu của con. Từ nay về sau, con phải có biệt nhãn với họ.

Phí Anh Đông thấy Kim Đài Thạch nhất quyết không chịu hàng, bèn quát sai quân sĩ đánh tới. Quân Kiến Châu được lệnh, vác búa chặt cột. Thạch ở trên đài cao phóng hỏa đốt đài. Chẳng mấy chốc, ngọn lửa bùng bùng bốc cháy, khắp đài đỏ rực. Quân Kiến Châu ngẩn mặt, đứng nhìn chung quanh thành vòng. Đài cao bị cháy quá nửa, liền đổ ụp xuống.

Chân đài gãy đổ tan tành. Quân Kiến Châu nhảy tới bắt Thạch trối lại, rồi dùng dây thắt cổ chết. Anh Minh hoàng đế truyền chỉ dùng quan quách thượng hạng khâm liệm rồi đem chôn cất tử tế. Đông thành thất thủ, trong khi Tây thành bị bao vây cấp bách.

Bố Dương Cổ được tin Đông thành đã bị phá vỡ lòng lo sợ đến cùng độ. Cổ bàn tính với em là Bồ Nhĩ Hàng Cổ xin hàng, nhưng lại sợ Kim đế không cho. Bà mẹ nghe được nói:

- Để mẹ xuất thành thương thảo thoả đáng với Đại bối lạc trước, rồi các con hãy ra hàng sau.

Nói xong bà mẹ Bồ Dương Cổ ra ngoài thành xin gặp Đại Thiện. Thiện thấy bà ngoại tới vội chạy vội ra đón vào một cách rất cung kính. Bà ngoại tổ của Thiện nói:

- Hai cậu của cháu muốn xin hàng nhưng lại sợ cha cháu không cho. Bởi vậy nhờ bà tới đây hỏi cháu xem sao.

Thiện nghe xong tức khắc nâng chén rượu đầy trên bàn lên uống một nửa, còn một nửa sai đem cho Bồ Dương Cổ uống, rồi vỗ ngực nói:

- Thằng cháu ngoại này xin đảm bảo tính mệnh của các cậu được chẳng.

Bồ Dương Cổ uống cạn chén rượu rồi lại sai quân sĩ mở cửa thành, đón rước Thiện vào bàn tiệc.

Cạn chén được vài tuần, Cổ đem tình bà con thân thuộc ra nói, bắt giặc lệ trào xuống má như mưa. Thiện giục Cổ nên mau xuất thành đầu hàng. Cổ đứng lên, chạy vào nhà trong cáo biệt vợ con. Vợ Cổ nắm tay chồng khóc nói:

- Thiếp nghe nói Kim Đài Thạch đã bị quân Kiến Châu bức phen này nên khôn ngoan cẩn thận. Nỗ Nhĩ Cáp Tề lòng rất nham hiểm, sợ rằng hấn không có ý tốt thương tình.

Bồ Dương Cổ gạt lệ chia tay chạy ra tiền viện. Cổ cùng tới em là Bồ Nhĩ Hàng Cổ theo gót Đại Thiện tới đại doanh yết kiến Anh Minh hoàng đế. Cổ nhớ tới lời vợ lúc lâm diện lúc nào cũng cẩn thận đề phòng. Cổ ngồi trên mình, ngựa chạy tới sát cửa doanh môn mà chẳng ai ra đón tiếp. Cổ dăm nghi, ghì cương ngựa mà không dám xuống. Thiện vội chạy tới nắm lấy cương ngựa nói:

- Cậu thực chẳng phải một tay hảo hán. Việc đã quyết định có gì mà phải nghi ngờ.

Cổ miễn cưỡng xuống ngựa, tiến vào trướng. Anh Minh hoàng đế ngồi trên ngai từ lúc nào, mặt sẫm đen sì. Hai bên, một đoàn quân thị vệ đứng hầu, hông đeo yêu đao, mắt trừng trừng canh chừng Cổ. Bầu không khí nghiêm trang lạnh như tờ. Thật là oai phong lẫm lẫm, sát khí đằng đằng.

Cổ nhìn thấy cơ nguy, lòng mỗi lúc một sợ, vội quỳ xuống một chân, còn một chân phòng hờ. Hấn tự nghĩ nếu họ muốn giết ta, âu là ta vẫn có thể vùng chạy cho lẹ. Lát sau, Cổ chỉ nghe từ trên có lời ban xuống: “Thưởng rượu!”. Tức thì một tên thị vệ bưng ra một chén rượu đầy đặt trước mặt Cổ. Cổ cúi nhìn chén rượu, trống ngực đập thình thình. Y tự nhủ: Đây là chén rượu độc chứ còn gì. Ta không thể nào uống được.

Nghĩ vậy nhưng Cổ vẫn gơ tay nâng chén rượu lên môi. Hấn dùng tay áo che khuất chén rượu rồi lẳng lẳng đổ nhẹ xuống đất. Hấn chẳng lay tấc mà cũng chẳng đập đầu, đứng phất dậy.

Bỗng hấn nghe Anh Minh hoàng đế cười nhạt một tiếng rồi bảo đại bối lạc Đại Thiện:

- Hãy đưa anh em bà con mầy về Tây thành đi.

Hai anh em Bồ Dương Cổ vội lui ra, trở về Tây thành.

Bà Phúc Tấn, vợ Cổ nóng lòng mong đợi, thấy chồng trở về bình an vô sự, cả mừng cười nói vui vẻ, y như bắt được vàng.

Vợ chồng hai người sai bày tiệc ngay trong phòng thù tạc với nhau để trút nỗi lo âu đã bấy lâu đè nặng trong lòng. Chè chén đến mãi khuya, vợ chồng tan tiệc đi nằm, say giấc mộng lành đi gió về mưa.

Giữa lúc cả hai đang say sưa giấc điệp, bỗng có hai tên đại hán nhảy qua cửa sổ vào trong. Chúng cầm chiếc dây lớn tiến tới cạnh giường quấn chặt dây vào Cổ. Người ta chỉ nghe Cổ thét lên một tiếng rồi lịm bật. Thì ra Cổ đã bị thắt chết, không trối được một lời. Bà vợ Cổ, giật mình tỉnh dậy trông thấy tình cảnh hãi hùng, khóc đến chết đi sống lại nhiều phen.

Bọn thị vệ của Cổ đã trốn hết từ lâu nên lúc đó chẳng còn ai nữa để can thiệp cứu giúp. Hai tên đại hán nép trong bóng tối chờ mãi khi Cổ đã chết hẳn mới phi thân qua cửa sổ biến mất.

Hai tên đại hán đó do lệnh của Anh Minh hoàng đế sai tới để ám sát Cổ. Ngài thấy Cổ thuộc loại ngựa bất kham khó điều khiển, và sợ hắn còn có ý phản, nên đã nhỏ cỏ nhỏ cả gốc cho đỡ lo hậu họa. Còn Bồ Nhĩ Hàng Cổ thì được tha là bởi vì hắn không có gì đáng để cho Kiến Châu lo ngại.

Toàn bộ Diệp Hách, sau khi Cổ chết đều quy hàng Kiến Châu.

Anh Minh hoàng đế ở lại Đông thành hai ngày rồi mới ban sư hồi quốc.

Khi về tới giữa đường, quân Kiến Châu bỗng được thám mã phi báo:

- Mặt trước có một toán binh mã, trưng cờ Mông Cổ chặn ngang đường. Vị tướng quân đi đầu, miệng nói lớn: “Vâng mạng lệnh của Lâm Đan Hãn, đem lá thư tới muốn được bệ kiến Kiến Châu hoàng đế”.

Anh Minh hoàng đế được tin, tự nghĩ Mông Cổ vốn là nước lớn ở phía tây bắc, Lâm Đan Hãn lại là minh chúa của năm bộ lạc Mông Cổ, nay bỗng có sứ thần tới đây tất có sự gì quan trọng, ta chớ coi thường. Nghĩ vậy để vội truyền lệnh an ninh hạ trại, và ời sứ giả vào trướng.

Một viên đại tướng hai tay bưng lá quốc thư đi từ ngoài vào, miệng nói:

- Lâm Đan Hãn sứ thần Khanh Khách Nhã Bái Hổ xin bái kiến và thỉnh an Anh Minh hoàng đế!

Nói xong, viên đại tướng cung kính hành lễ. Lúc đó, Đại bồi lặc, Tứ bồi lặc, cả hai đều ngồi bên cạnh. Tứ bồi lặc gơ tay tiếp lá quốc thư của Mông Cổ đưa cho Anh Minh hoàng đế mở ra đọc, trong thư viết:

“Quốc chúa nước Mông Cổ Ba Đồ Lỗ Thành Cát Tư Hãn thống lĩnh bốn mươi vạn quân mã, xin hỏi thăm quốc chúa nước Mãn Châu Anh Minh hoàng đế chỉ huy ba vạn quân mã miền thủy tào có được bình an vô sự không. Minh với ta, hai nước vốn địch thù. Từ năm Ngọ tới giờ, người đã mấy phen gây cảnh khổ cho nước Minh. Mùa hạ năm nay, ta đích thân tới miền Quảng Ninh của Minh, chiêu dụ thành này, thu đồ tiến cống. Nếu người đem binh qua Quảng Ninh, ta sẽ ngăn chặn người ngay. Ta và người hai bên vốn không hiềm khích. Ví thử người cướp thành của ta đã chinh phục để làm thành của người thì danh ta còn gì. Nếu người chẳng nghe lời ta thì hai bên ắt có chuyện thị phi, có trời chứng giám. Trước đây sứ giả hai nước thường hay qua lại chỉ vì sứ thần của người bảo không lấy lễ tiếp đãi khiến hai bên không lấy lễ mà hỏi thăm nhau nữa. Như quả người cho lời ta là phải, người hay lại sai tên sứ trước tới nước ta”.

Anh Minh hoàng đế xem xong quốc thư của Hoàng đế Mông cổ, nín lặng không nói một lời. Ngài cầm thư đưa cho các bồi lặc xem. Bọn đại thần cũng đổ xô tới, người nào người nấy đều ngạc nhiên thét lên:

- Há lại có lý lẽ như thế này?

Trong đám này, Tứ bồi lặc là người thiếu tính nhẫn nại nhất, bèn bước tới nắm lấy Bái Hổ rồi ruốt cây bội đao định cắt mũi cảnh cáo. Anh Minh hoàng đế thấy vậy vội xua tay rồi một mặt sai người đưa Hổ ra ngoài lấy rượu thịt thết đãi, một mặt triệu tập tất cả bồi lặc, đại thần tới hỏ trướng để bàn cách hồi đáp Mông Cổ.

Trong cuộc hội, có kẻ bảo đem giết quách tên sứ báỉ Hổ rồi mặc chúng, chẳng nên để ý làm gì. Có kẻ nói bắt hết đám Mông Cổ, đem cắt tai đuổi về để cho chúng biết dân Mãn cũng chẳng vừa. Anh Minh hoàng đế lắc đầu nói:

- Không được, không được!

Thập tứ hoàng tử Đa Nhĩ Cổn tuy nhỏ tuổi nhưng lúc đó cũng theo vua cha hiện có mặt trong trướng, đứng phất dậy nói:

- Quân Mông Cổ có bốn mươi vạn. Ta có ý cướp nước Minh từ lâu tại sao ta không liên minh với họ để lợi dụng binh lực của họ hợp sức đánh phá Minh triều. Đường ta gần, đường chúng xa, khi chiếm được nước Minh rồi, lo gì nước Mông Cổ chẳng lọt và tay ta.

Cổn nói tới đây, Anh Minh hoàng đế bỗng ngồi ngay người lại, tỏ vẻ đắc ý đến tột độ, vỗ mạnh vào cổ con mà nói:

- Hay lắm! Hay lắm! Ý này quả trời cho!

Ngày hôm sau, Kim đế truyền Triệu Bái Hổ vào trướng, đem việc liên minh hai nước đánh phá triều Minh ra nói. Hổ luôn mồm khen: “Tuyệt diệu! Tuyệt diệu!”. Tức thì, Đế sai chém một đầu ngựa trắng, một đầu bò đen, rồi hai bên quỳ xuống chỉ trời lập thệ thề rằng:

“Nay bồi lặc chấp chính Bát Kỳ Mãn Châu cùng với bồi lặc chấp chính năm bộ lạc nước Mông Cổ mong nhờ trời đất phù hộ khiến hai bên hợp lực đồng mưu để đánh người Minh rửa hận. Nếu có thể cùng Minh cởi bỏ thù cũ, kết được mối hoà thì cả hai hợp lại định mưu rồi sau sẽ nhận. Nếu Mãn Châu bội ước, không cùng Khách Nhĩ Khách bồi lặc đồng mưu hoà hiếu với Minh thì trước xin hoàng thiên hậu thổ trừng phạt họ. Nếu Minh muốn hoà hiếu với Khách Nhĩ Khách bồi lặc, mặt sai lý gián mà bồi lặc không báo cho Anh Minh hoàng đế Mãn Châu biết thì xin hoàng thiên hậu thổ cũng trừng phạt cho. Hai nước chúng tôi cùng giữ lời thề. Xin đất trời phù hộ. Uống chén rượu này ăn miếng thịt này, bồi lặc chấp chính hai nước phải trọng mạng lệnh. Con cháu trăm đời đến mãi muôn thu, hai nước như một, cộng hưởng thái hoà”.

9. Chương 9: Muốn Ăn Chơi Hãy Làm Hoàng Đế

Lại nói Anh Minh hoàng đế Mãn Châu một mặt liên minh với Mông Cổ, một mặt cho người vào quan nội thám thính tình hình triều Minh, rồi mới ban sư về Hưng Kinh huấn luyện quân sĩ Bát Kỳ chuẩn bị cuộc ác chiến trong tương lai.

Một hôm, giữa lúc Kim đế đang cùng bọn bồi lặc đại thần nghiên cứu và thảo luận sách lược thôn tính đất nước triều Minh tại Tây Thiên điện, thì có Thừa tuyên quan lên điện tâu trình:

- Hiện đã có thám mã dò xét được tình hình Minh triều, đợi chờ chỉ ý của bệ hạ ngoài triều môn.

Anh Minh hoàng đế nghe xong liền truyền chỉ cho thám tử vào điện. Tức thì tên thám tử chạy vào quỳ trước điện ngọc, miệng tâu:

- Hiện nay, Thần Tông hoàng đế nhà Minh phong Trương Cư Chính làm tể tướng, chỉnh lý triều cương so với xưa khác hẳn.

Anh Minh hoàng đế bèn hỏi:

- Chính lý như thế nào?

Thám tử tâu tiếp:

- Trương Tể tướng cách chức bọn gian thần, dùng toàn người chính nhân quân tử để phụ chính tại triều. Lại sai người tới Giang Nam, Giang Bắc kiểm tra hộ khẩu, đo đạc ruộng đất, điều tra ra nhiều mối tệ về thuế má, do đó mỗi năm triều đình còn thu thêm được đến hơn trăm vạn lạng bạc. Ông ta giảm bớt hơn một ngàn viên quan thuế vô dụng. Tháng Giêng năm nay, ông lại ra lệnh miễn thu hơn hai trăm vạn lạng bạc thuế thiếu, khiến trăm họ ai cũng đều cảm kích đối với triều đình và đem hết trung can để phục vụ hoàng thượng của họ. Trương Tể tướng lại còn dặn dò Binh bộ thượng thư tuyển mộ binh mã dụng tâm huấn luyện, chuẩn bị cùng ta chiến chinh. Một mặt họ Trương cho Thích Kế Quan thống lĩnh đại binh đồn trú tại biên cảnh Mông Cổ nơm nớp đề phòng, mặt khác điều động những đoàn quân tinh nhuệ đóng giữ Sơn Hải quan. Thần Tông hoàng đế thấy Trương Tể tướng trung trinh ái quốc như vậy, hết sức kính trọng, và cũng hết sức sợ hãi.

Anh Minh hoàng đế nghe tới chỗ này, hết sức ngạc nhiên bèn hỏi:

- Kính trọng họ Trương là phải, chứ tại sao lại sợ hãi?

Tên thám tử lại tâu:

- Bệ hạ không rõ chỗ này là phải. Bởi vì Trương Tể tướng tỏ ra rất nghiêm khắc đối với Thần Tông hoàng đế. Nghe nói họ Trương tiến cử rất nhiều danh sĩ miền Giang Nam để làm nhật giảng quan cho nhà vua. Bất cứ cử chỉ nào của nhà vua như đứng ngồi cười nói, bọn này đều phải ghi vào sổ hàng ngày rồi đưa cho họ Trương xem xét. Thằng hoặc có những hành động không hợp đạo lý, họ Trương bèn phê phán ngay. Do đó Thần Tông hoàng đế chẳng bao giờ dám lười nhác hay sai quấy, lầm lẫn. Họ Trương lại còn gọi nhiều bậc đại thần ngày ngày ở bên cạnh đọc sách cho vua nghe. Chính bản thân Trương, cũng có nhiều lần hầu cận bên vua. Khi có cuộc giảng thuyết, Trương Tể tướng luôn luôn có mặt, nhiều hôm lâu đến nỗi lưng nhà vua mồ hôi toát ra nhễ nhại. Một hôm Thần Tông hoàng đế đọc sách luận ngữ khi tới câu “Sắc bột như dĩa”, ngài đọc trật chữ “bột” ra chữ “bội”. Trương Tể tướng bỗng đứng phắt dậy, mặt duỗi thẳng ra, tỏ vẻ bức bội, lớn tiếng bảo nhà vua : “Chữ đó đâu phải là chữ ”bội“. Đó là chữ ”bột nhiên đại ngộ” đấy chứ!”. Thần Tông hoàng đế giật mình đến thót một cái, ngay cả nhật giảng quan cả bọn biến sắc mặt.

Anh Minh hoàng đế nghe tâu đến đây, không khỏi thở dài:

- Thật là một viên Tể tướng xứng đáng. Minh triều có tên Trương Cử Chính ấy thì ta còn làm gì được họ nữa.

Nói đoạn, ông sai người thông báo tin tức đó cho Lâm Đan Hãn biết, mặt khác, ông lại sai tên thám tử trở vào quan nội dò la tiếp.

Ai ngờ Trương Tể tướng không được bao lâu thì mất. Thần Tông hoàng đế tuy mừng thoát được cái cùm kìm hãm nhưng từ đó mọi việc coi như hồng bét. Khắp triều toàn một bọn gian thần thao túng. Nhà vua lại sinh ra biếng nhác, chẳng để ý đến việc triều chính. Suốt ngày vua chỉ ở lý trong cung cầm cùng bọn phi tần vui đùa ca hát. Đại sự của triều đình đều do mấy tên thái giám tha hồ tác oai tác phúc.

Triều chính đổ nát tất sinh loạn. Cam Túc, Ninh Hạ nhiều nơi nổi dậy. Đại tướng Nhật Bản tên Phong Thanh Tú Cát thống lĩnh mười ba vạn lục quân, chín ngàn hai trăm thủy sư tới đánh Triều Tiên. Vua Triều Tiên là Lý Chiêu chạy trốn tới Nghĩ Châu, sai người tới Minh triều cầu cứu. Mặt khác Anh Minh hoàng đế nhân cơ hội đó bắt hai thái tử con Lý Chiêu đem về, rồi đánh phá mặt Bắc Triều Tiên.

Tin tức đó đến tai Thần Tông hoàng đế. Ông vội sai tướng quân Tổ Thừa Huấn thống suất đại đội binh mã đi tiếp viện.

Hành quân đến nửa đường, Huấn gặp tiền đội tiên phong Nhật Bản Tiểu Tây Hành Trương. Hai bên tiếp chiến, Huấn đại bại trốn về. Lý Như Bá lúc đó đồn trú quan ngoại, thường khoe khoang quân Minh tinh luyện hùng tráng, điều động đại đội binh mã ác chiến với tướng Nhật là Tiểu Hán Xuyên ở Bích Đế nhưng cũng đại bại, phải trốn về Bình Nhưỡng.

Tể tướng mới của Minh triều là Thạc Tinh được tin đó hết sức hoảng sợ, lập tức sai Thẩm Duy Kích đi giảng hoà. Lần này Minh triều ở Ninh Hạ dùng tới hơn một triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn lạng bạc binh phí, còn tổng cộng ở Triều Tiên trong bảy năm trời đã hết tất cả hơn bảy triệu tám trăm hai mươi hai ngàn lạng bạc. Những chi phí khổng lồ đó làm cho kho tàng trong nước rỗng tuếch, nhân tâm rối loạn. Thần Tông hoàng đế lo lắng, suốt ngày đêm đứng ngồi không yên mà vẫn không tìm ra giải pháp nào.

Thần Tông hoàng đế có một tên thái giám hầu cận tính rất xảo quyệt. Hắn thấy nhà vua gặp lúc quá lo lắng, bèn nhân cơ hội đó khuyên ngài cho phép dân khai thác các mỏ khoáng sản để lấy thuế, như vậy quốc khố sẽ thu vào được nhiều, có thể bù đắp chỗ hỏng gây ra vì chiến phí. Nhà vua nghe xuôi tai liền chấp thuận đề nghị và hạ chỉ cho dân chúng địa phương khai mỏ.

Bọn thái giám thừa gió bẻ măng, lợi dụng thông đồng với bọn quan nha địa phương, thôi thì tha hồ sách nhiễu trăm họ. Những miền nào có nhiều khoáng sản đều bị chúng chiếm đoạt làm của riêng. Chúng lại còn mượn thế lực triều đình, chỗ nào khai không được bèn bắt dân bồi thường phí tổn cho chúng.

Thằng có kẻ không chịu, chống lại, chúng liền bảo dưới nhà họ, dưới ruộng đất họ có khoáng sản, để tịch thu luôn ruộng đất, để đào xới cả nền móng cửa nhà cho bỏ ghét. Dân chúng không một ai không oán hận tận xương tận tủy. Ấy thế mà bọn thái giám này vẫn nhơn nhơn coi khinh. Chúng đã cướp bóc dân lành

vô khối, nhưng vẫn chưa cho là đủ. Chúng tâu xin Thần Tông hoàng đế nạ dụ cho thu thuế phổ xá ở Thiên Tân, thu thuế châu ngọc ở Quảng Châu, thu thuế muối ở Lương Hoài, thu thuế chợ, thuế thuyền ở Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, thu thuế gỗ quý ở Trùng Khánh, thu thuế thuyền ở Trảng Giang, thu thuế khách điểm ở Minh Châu, thu thuế cá ở Bảo Độ vân vân...

Tiếp tay bọn thái giám, có bọn tham quan ô lại. Tội này cũng nhờ lửa đánh cướp, mặc sức bóc lột dân lành. Trong xóm làng nhà nào có nuôi một con gà, một con heo cũng bị thuế, không chạy thoát được một cắc. Dân tình đo đỏ ngày càng khánh kiệt đói khổ mười nhà đã tới chín không đủ manh áo miếng cơm. Thế mà Thần Tông hoàng đế chẳng biết gì cả. Ngài chỉ biết ngày đêm nằm liệt trong cung cấm mà mua vui với bọn cung tần mỹ nữ.

. Bọn thái giám lộng hành sợ rằng ngài một hôm nào đó lâm trào tra ra điều bất minh của chúng nên thông đồng với tên Tổng quản cung cấm là Ngụy thái giám phỉnh gạt ngài rằng:

- Quốc gia đại sự đã có trăm quan lo liệu. Thiên tử ngọc thực vạn thượng, đương nhiên hưởng thụ mọi vui thú cõi trần gian. Người đời thường nói: đời sống được bao năm. Bệ hạ nếu không nhân lúc trẻ trung khoẻ mạnh này mà hành lạc thì rồi đây trăm năm một năm, thân nát theo cây cỏ há chẳng đáng tiếc lắm sao?

Câu nói phỉnh gạt khôn khéo đó quả thực đã khêu gợi được lòng dục của Thần Tông hoàng đế, thế là từ đó ngài buông mình vào khoái lạc, suốt ngày thâu đêm tha hồ ăn chơi phóng dăng. Kim Loan điện đã lâu lắm chẳng thấy ngài thiết triều. Tiếng chuông, tiếng trống không còn ngân vang nơi Cảnh Đường cung như trước. Đền đài miếu mạo làm bạn với cỏ cây hoang vắng mặc cho dơi bay én liệng, cáo chuột kết đàn kéo lũ trong các lau lách tốt quá đầu người, coi nơi cung đình như tổ ấm an toàn của chúng.

Ngụy thái giám thấy nhà vua ăn chơi đã đến lúc sượng khoái bèn bắt chức cực chế của triều Nguyên xây cất ngay trong đại nội nào là cung Đức Thọ, cung Thuý Hoa nào là lầu Liên Thiên điện, Hồng Loan, điện Nhập Tiêu, điện Ngũ Hoa với một chương trình kiến trúc vĩ đại.

Hồi đó vào giữa mùa hè, khí trời nóng bức, Ngụy Thái giám bèn chọn một nơi cây cối sum xuê bóng rợp, xây cất một toà Thanh Lâm Cát, bốn chung quanh trồng thông, trồng trúc, cành lá rườm rà.

Mỗi khi gió nam thổi qua kẽ lá, một tiếng nhạc vi vu êm dịu trôi dạt y như một bản hoà tấu với muôn ngàn đàn sáo tiêu hồ: Phía đông có đình Tùng Thanh, phía tây có đình Trúc Phong. Phía nam có gác Thanh Thuỷ. Dưới chân núi Vạn Thọ dựng một toà Xuân Hải đường, trên vách vẽ toàn cảnh hoa tiêu, bốn mặt treo toàn màn gấm. Cột gác trên đều bằng gỗ thơm. Bình phong toàn bằng ô cốt. Trướng kết toàn bằng lông công. Dưới đất trải nệm gấm vừa dày vừa êm, vừa mát, trong các phòng luôn toả một mùi hương thơm ngào ngạt. Thần Tông hoàng đế vừa mới đặt chân tới, thần hồn ngài bỗng điên đảo, mất xuyết bị choá, mũi như muốn nghẹt thở. Ngụy thái giám còn tuyển năm, bảy trăm mỹ nữ tuyệt sắc tại miền Giang Nam để trong các cung phòng cho hoàng đế ngài dùng. Họ Ngụy lại còn bắt chức nhà Nguyên lấy một số danh tú thực đẹp để chỉ các cuộc đại yến tùy theo thời tiết. Ví dụ vào lúc hoa Bích đào nở rộ, trong bày yến thì gọi là Ái Kiều yến; vào lúc hoa Hồng mai bắt đầu cười gió, thì gọi là Ô Hồng yến; vào lúc hoa Hải đường khoe thắm thì gọi là>Noãn Trang yến; vào lúc hoa Thuỷ hương rải hương thơm nức thì gọi là Bát Hàn yến; vào lúc hoa Mầu đơn đua màu đỏ rực thì gọi là Tả Xuân yến, vào lúc hoa chưa nở thì gọi là Đoạt Tú yến. Ngoài ra, còn có Lạc Mao yến, Đào Thanh yến, Bội Lan yến, Thái Liên yến: Tóm lại không có một việc gì mà không có yến, không chỗ nào là không có yến. Ngày nào cũng có yến, nơi nào cũng có yến. Tiếng đàn ca vang lừng khắp chốn, mùi hương phấn thơm nức cung đình. Tất cả mọi thứ đều quyến rũ, mê ly, khiến vị phong lưu thiên tử của Minh triều mê mệt suốt ngày đêm như mộng như mơ.

Người đẹp được Thần Tông hoàng đế sủng ái nhất phải kể Trịnh quý phi. Nhà vua ở đâu là có Trịnh quý phi ở đấy.

Mỗi khi không thấy bóng nàng nhà vua mặt ủ mày ê, chẳng còn gì khiến ngài vui lên được.

Trịnh quý phi cùng một phe với Ngụy thái giám, cả hai luôn luôn phát minh nhiều lối chơi hết sức tân kỳ độc đáo để phỉnh nịnh nhà vua.

Hồi đó tháng hè oi bức, trời đã vào khuya mà còn nóng nực. Mặt trăng gần treo sát trên không, Thần Tông hoàng đế vẫn còn mê mải trong cuộc truy hoan nơi Thanh Lâm các thì Trịnh quý phi bỗng nảy sinh một chủ ý: nàng mời đức vua sang Thái Dịch trì để thưởng nguyệt.

Nguy thái giám được lệnh gọi đi sửa soạn. Nơi đây Thần Tông hoàng đế cùng Trịnh quý phi dắt tay đến bên Thái Dịch trì, bước lên thuyền hoa từ từ chèo tới giữa hồ.

Trên trời lúc đó, ánh trăng vàng chiếu xuống đáy nước long lanh. Mặt hồ, những đoá sen tươi nào trắng, nào hồng, toả mùi hương thơm ngát. Quay nhìn bốn phía, nhà vua đều thấy có những chiếc thuyền hái sen nhỏ. Trên thuyền nào cũng có đội nữ quân. Chỉ huy toàn đội ở phía xa là một trang cung nữ tuyệt sắc, mặt đẹp như hoa, người xinh như liễu, đầu đội một chiếc mũ lông vũ màu đỏ, toàn thân mặc một bộ áo giáp vải pha màu, trong tay cầm một cây Nê Kim hoạ kích. Ở mũi thuyền nàng đứng có cắm một cây cờ đuôi phượng mỗi khi gió thổi bay tung, người ta thấy lộ ra hai chữ “Phượng đội” (đội chim phượng).

Còn ở phía hữu người ta cũng thấy một trang cung nữ đứng chỉ huy toàn đội. Nàng cũng đẹp cũng xinh chẳng thua gì nàng kia, nàng cũng có một nhan sắc chim sa cá lặn, đổ nước nghiêng thành. Trên đầu nàng đội một cái mũ Tắt chu đỏ thắm, toàn thân nàng mặc một bộ áo giáp bằng lông mao trắng như tuyết, trong tay nàng cầm một cây Lịch Phấn điều qua. Ở mũi thuyền nàng đứng có cắm một lá cờ cánh hạc. Dưới bóng trăng, người ta nhìn rõ trên lá cờ có hai chữ “Hạc đoàn” (đoàn chim hạc). Ngoài ra còn có nào mừng hái sen, nào mừng hái sủng. Thuyền mừng nào cũng đều kết hoa thắt gấm, chở đầy cung nữ xinh đẹp như mộng, hoạt bát lạ lùng, chèo lướt như bay trên mặt nước.

Trời đã khuya, mặt trăng đã đứng bóng. Mây ngũ sắc trên trời lơ lửng treo dưới trăng.

Trịnh quý phi dặn bảo nội thị bày tiệc thưởng trăng, cùng hoàng đế sánh vai hoà tấu bản nhạc tình muôn thuở.

10. Chương 10: Ai Đầu Độc Giết Vua

Trong bữa yến đêm đó, Thần Tông hoàng đế cùng Trịnh quý phi ngồi kề vai nhau trong khoang thuyền, bốn mặt cửa sổ đều mở toang để ánh trăng lọt vào soi sáng. Ngoài thuyền, kết hoa treo vóc. Một ban nhạc thổi sáo đánh đàn hoà tấu ở khoang giữa. Một đoàn cung nữ mặc toàn đồ tơ lụa, múa điệu Vũ Quần Tiên trước bàn tiệc, ánh trăng sáng chiếu qua làn tơ mỏng càng làm cho nước da trắng như tuyết của các nàng tăng vẻ mịn màng quyến rũ. Rồi ban đồng ca Hạ Tân lương trời dậy, khi nhẹ nhàng như tiếng gió thoảng ngoài hiên, khi thánh thót như suối tuôn lơ lững ngang đèo, khi êm ái như giọng tình tha thiết quện đôi tim... Thật là một cảnh tượng thần tiên nơi non bồng nước Nhược... Thần Tông hoàng đế càng nhìn càng mê, càng ngó càng say. Ngài sung sướng vô cùng, bèn cười lên khanh khách, vỗ vai quý phi họ Trịnh mà nịnh mà khen:

- Thuở xưa Tây Vương Mẫu thiết yến Mục thiên tử ở cung Diêu Trì, người đời sau ai cũng khen mừng ông. Từ xưa đến nay thử hỏi còn ai sung sướng bằng ông? Đêm nay trẫm cùng khanh kề vai thưởng nguyệt tận hưởng cái vui nơi Dịch Trì, nơi này có kém gì Diêu Trì thuở trước. Điều đáng tiếc phải chăng là thiếu mất Thượng nguyên phu nhân trong chiếu rượu khiến không nghe được tiếng oanh qua giọng hát, tiếng giày lướt nhẹ qua điệu múa!

Nghe lời phàn nàn của nhà vua, Trịnh quý phi liền bảo đội nữ nhạc hoà tấu khúc nhạc “Nguyệt chiêu lâm” rồi tự mình nhẹ gót rời tiệc, vừa múa vừa ca:

”Trăm hoa hè như dật

Sáng soi hè một sắc

Đẹp tuyệt hè trong giữa

Cùng vui hè muôn nước”.

Lời ca vừa dứt thì vũ điệu cũng dừng. Thần Tông hoàng đế như say như mộng, bàng hoàng nhìn người đẹp như tiên nga giáng thế, bèn đích thân đứng ra, hai tay bế người đẹp trở lại chỗ ngồi, ngài còn cho rót rượu bỏ vào chén ngọc để tặng thưởng cho nàng.

Quý phi họ Trịnh vội đứng dậy bái tạ hoàng ân. Bọn cung nữ trong thuyền đều lên tiếng chúc mừng nàng.

Thần Tông hoàng đế đến lúc đó đã ngà ngà say. Ngài tựa vào vai quý phi mà đứng dậy, bước lại gần cửa sổ nhìn ra ngoài. Tức thì, thuyền hái sen dâng tiến ngó sen, thuyền hái súng dâng tiến đoá hoa tươi.

Quý phi ngồi ngay dưới chân nhà vua, tự tay bóc sen lấy hạt đưa cho ngài ăn. Nhà vua vừa ăn từng hạt sen vừa đưa mắt nhìn qua cửa sổ. Vầng trăng tròn đã lên đến đỉnh, tứ bề phẳng lặng mênh mang. Mặt nước gợn sóng lăn tăn, xao động muôn ngàn tia sáng vàng. Những chiếc thuyền con nhẹ lướt trong ánh trăng. Tiếng đàn ca sênh phách lại nổi lên, êm êm, nhẹ nhẹ như đưa người vào mộng.

Thần Tông hoàng đế tựa bước lan can, truyền chỉ cho hai đội nữ quân “chơi nước”. Tức thì một hồi trống nổi lên vang dậy. Phụng đội, hạc đội rầm rập bày thành trận thế, rồi quay cuồng qua lại. Họ càng đua càng nhanh, mặt nước nổi lên những đợt sóng nhấp nhô. Họ bắt đầu tác chiến. Có cô cầm kích mà đập, có cô cầm thương mà chọc. Họ chọc, họ đập khiến nước trong hồ bắn lên tung toé, rơi lả tả xuống sàn thuyền. Họ nói, họ la, họ cười, họ giễu, tất cả đều nhộn nhịp trong cảnh hỗn loạn. Bề ngoài trông có vẻ vui tươi sung sướng nhưng bên trong họ nặng mối u tình khó tả.

Vui đùa như vậy một lúc lâu, hoàng đế hạ chỉ ngừng thuyền.

Hai đội thuỷ quân tức thì xếp thành hàng chữ nhất trước mặt ngài để cho ngài tặng thưởng tơ lụa son phấn. Máy trăm cô cung nữ nhất tề thỏ thẻ tung hô:

- Hoàng đế vạn tuế! Hoàng đế vạn tuế!

Thần Tông hoàng đế lại cho gọi hai cô đội trưởng chỉ huy lên thuyền, đem về cung Thuý Hoa để đêm đó ngài tha hồ thưởng thức của lạ.

Ít hôm sau, Ngụy Thái giám lại mời Thần Tông hoàng đế du ngoạn Giang Bích trì, được kiến trúc theo một kiểu đặc biệt. Chung quanh vòng ao, đều ghép đá xanh thành bờ. Bốn mặt treo màn đều sắc xanh lục. Hoa cỏ trồng ở đây đều một màu xanh biếc không lộn các màu khác. Trong ao nước ngâm trong vắt, trông như một chậu lớn bằng ngọc bích. Trên mặt ao, ba nhịp cầu vàng dài uốn cong lên không suốt bờ nọ sang bờ kia.

Ba toà Cẩm bình cất trên, mỗi toà mang một tấm biển vuông, tấm bên phải đề hai chữ Ngưng Hà, tấm bên trái đề hai chữ Thừa Tiêu, còn tấm ở giữa đề hai chữ Tiến Loan. Hoàng đế cùng các phi tần đều ngồi trong toà đình này để uống rượu mua vui. Uống rượu xong, một ban nhạc đem tất cả đám phi tần của ba mươi sáu viện tới Hương Tuần đầm (đầm suối thơm) để tắm gội, trong lúc đó hoàng đế ngồi ngay trên bờ đầm, dưới một cái lán lớn thêu chín con rồng đang áp đám mây đỏ, để ngắm những tấm thân trắng như tuyết, mát như ngà đang bơi lội đùa rờn dưới nước. Nước đầm này nóng, hơi bốc lên nghi ngút, mùi hương bay ngào ngạt. Đám phi tần, người nào cũng nhảy xuống nước đùa rờn. Giữa đầm có đặt những con nghê bằng ngọc bích những con hươu bằng thuỷ tinh những con ngựa bằng cẩm thạch màu hồng. Bọn phi tần đùa rờn dưới nước một lúc, nào bơi, nào lội, nào hụp, nào lặn rồi hè nhau nhảy lên lưng những con nghê, con hươu, con ngựa. Có cô nghiêng mình tựa vào nghê, có cô nằm ngang trên lưng ngựa, có cô ôm lưng hươu, có cô cười lê lưng nghê ngồi ngất ngểu miệng cười sằng sặc, có cô tay cầm đủ loại nào mẩu đơn nào hải đường nào cúc, nào sen. Có cô còn đem cả đàn sáo xuống rồi tựa bên hươu, ngựa mà thổi vang lên những điệu nhạc mê ly quyến rũ. Cũng có cô đem trái cầu chuyền xuống mà tung chuyền cho nhau; lại cũng có những cô hợp nhau thành ban vũ nhỏ múa ngay dưới nước những vũ điệu khi thông thả nhịp nhàng, khi vội vã loạn cuồng.

Trịnh quý phi ngồi bên Thần Tông hoàng đế ngắm bọn cung nữ đùa rờn trong nước, cũng nổi hứng, bèn cởi bỏ hết y phục nhảy xuống. Nàng bơi, nàng lội, nàng cười, nàng đùa cùng bọn cung phi. Một lúc sau nàng bò lên ngồi trên lưng con ngựa cẩm thạch.

Thần Tông hoàng đế thấy quý phi da trắng như tuyết, toàn thân mịn mát như nhung, từ đầu đến chân, chỗ nào cũng đẹp như hoa như ngọc, trong lòng thích thú đến cực độ, miệng không ngớt khen ngợi, và tự cho chỉ có mình mới có cái diễm phúc nâng niu người đẹp đến thế trong cõi trần này. Đám phi tần thấy quý phi cũng tìm vui với mình bèn vây chung quanh nàng vừa múa vừa hát. Mặt nước lúc này bị xao động mạnh. Ở khắp nơi, nước tung toé trên cao rồi rớt xuống lả tả. Cũng có khi những tia nước bắn cao vút lên bờ, khiến ướt cả quần áo râu tóc của Thần Tông hoàng đế. Thế mà nhà vua ngài chẳng giận, lại còn ha hả cười vang, cười đến đỏ cả ngài vàng.

Biết bao ngày tháng Thần Tông hoàng đế đã mất đi để tầm hoan hưởng lạc như thế! Tinh thần sức lực nhà vua càng ngày càng giảm và đã đến lúc phải báo động. Trịnh quý phi đem việc này nói cho Ngụy thái giám biết, hai người bàn tính cách giúp nhà vua tránh dương bổ khí. Thế là thái giám họ Ngụy rước ngay bàn đèn thuốc phiện vào cung cho ngài đủ sức tìm vui. Từ ngày có “phù dung nương tử” trợ lực, hoàng đế quả nhiên tinh thần càng thêm hứng khởi. Thế rồi là ngày đêm hoàng đế miệt mài đi mây về gió.

Ngày hết hút lại chơi hết chơi lại hút. Á phiện quả thực là một vị thần có quyền lực vô biên mà ngài sùng phụng hơn cả Trời Phật. Ngài hút đến quỷ khóc thần sầu: ngài nằm loét bên cạnh bàn đèn luôn một hơi đến hai chục năm liền đôi tai của ngài bẹp dí gần như không thấy đâu nữa.

Hai chục năm, lúc nào cũng có Trịnh quý phi, có Phù dung nương tử, Thần Tông hoàng đế quên cả quốc gia đại sự, việc thiết triều đối với ngài chỉ còn là một việc xa xôi mộng ảo. Bao nhiêu việc lớn của triều đình, ngài chẳng hiểu biết mà cũng chẳng thêm để ý đến.

Ngụy thái giám bên trong kết liên với Trịnh quý phi bên ngoài bồ bịch với bọn gian thần, tha hồ thao túng quyền oai, chẳng cần e dè kiêng nể ai cả.

Thần Tông hoàng đế vốn có hai trai. Người con cả tên gọi Thường Lạc, là con của Vương cung phi sinh ra. Người con thứ gọi Thường Tuân là con của Trịnh quý phi sinh ra.

Thường Tuân có mẹ được sủng ái, nên được cưng chiều, từ nhỏ tuổi đã được nhà vua cho làm Phúc Vương. Thường Lạc tuy là con cả nhưng lại phải chịu cảnh vô danh vô tước.

Bởi vậy nhiều vị đại thần ngay thẳng tỏ nỗi bất bình, thường thảo tấu chương lên nhà vua để xin ngài lập Thường Lạc làm thái tử, thâm ý giúp đỡ Thường Lạc trong tương lai mà tước đoạt quyền hành của nhóm Trịnh quý phi và Ngụy thái giám. Tuy nhiên Thần Tông hoàng đế không chuẩn. Bởi vì ngài chỉ nghe lời ngon ngọt của quý phi họ Trịnh chứ chẳng thêm nghe ai. Cuối cùng ngài không cho bất cứ thần tử nào được đề cập tới việc lập thái tử nữa. Bọn đại thần dễ gì chịu bỏ cuộc. Sáng một bản, chiều một bản dâng tấu chương về việc lập thái tử lên nhà vua như bướm bướm. Nhưng họ có ngờ đâu, những bản tấu chương này chỉ tới có nửa đường là đã bị bọn thái giám cho vào sọt rác, một chữ cũng không được nhà vua xem đến.

Suốt năm đó, năm thứ 26 tại vị của ngài, Thần Tông hoàng đế không hề có một lần thiết triều. Bọn đại thần này chẳng được dịp nào để diện tấu. Họ bức tức vô cùng. Trong số đó có một vị Lại bộ lang trung tên gọi Cố Hiến Thành tức quá hoá khùng. Ông không chịu nổi được nữa liền tìm cách liên lạc với một tên tiểu thái giám nhờ đưa giùm tờ tấu chương của ông vào cung.

Thần Tông hoàng đế xem xong, chẳng ngờ ngài nổi trận lôi đình, lập tức hạ chiếu cách tước chức của Cố Hiến Thành.

Thấy nhà vua thiên vị, cưng bọn thái giám mà vũ nhục trung thần, một số quan lại chính trực khác như Khảo công lang Triệt Nam Tinh, Tả đô ngự sử Trịnh Nguyên Tiêu, Vương Gia Bình đều treo ấn từ quan, dứt bỏ công danh trở về quê tập hợp thành một bọn, tự mệnh danh là bọn người đọc sách phong lưu trong sạch rồi thành lập thư viện gọi là Đông Tâm thư viện ở Vô Tích. Họ lấy tiếng giảng cứu sách vở, thực ra là để họp nhau đàm luận về triều chính, nhục mạ bọn thái giám. Trong bọn, có một người tên gọi Cao Phan Long vốn là một cao thủ lợi hại. Long nhiều bạn bè, thế lực lại lớn, chẳng bao lâu kéo thêm được khá nhiều đồng đảng. Do đó, ai cũng gọi họ là Đông Lâm đảng. Đảng Đông Lâm liên kết với đám quan ngự sử trong triều, nhờ họ dâng sớ đàn hặc bọn quan lại tư thông với lũ thái giám lộng hành. Ngoài ra, còn có Thang Tân Doãn vốn giữ chức Tế tửu quan, thành lập đảng Tuyên Côn. Đảng viên của đảng này rải rác các tỉnh Trực Lê, Sơn Đông, Hồ Bắc, Giang Tô, Chiết Giang. Về sau, hai đảng ngày càng đông. Bọn đại thần trong triều đều được nghe danh, nên trong lòng cũng rất lấy làm lo ngại.

Khi thanh thế đã mạnh, hai đảng đều lên tiếng buộc triều đình phải lập Thường Lạc làm thái tử. Lúc đầu còn khó, nhưng về sau thế lực ngày càng mạnh, càng dữ, bọn thái giám và bọn gian thần trong triều ngày càng cảm thấy nguy hiểm cho tính mệnh. Nhưng chúng chẳng tìm được kế sách gì thoát hiểm đành phải mời Thần Tông hoàng đế - vốn bỏ bê triều chính suốt 26 năm trường, không hề thiết triều thị chính - hôm đó ra toạ trào rồi dâng một tờ sớ tâu với nhà vua việc sôi động hung dữ của hai đảng Đông Lâm và Tuyên Côn.

Thần Tông hoàng đế xem sớ, đột nhiên cả giận. Ngài hạ luôn một hơi đến mấy đạo thượng dụ xem người

của hai đảng, kẻ thì cách chức, kẻ thì bỏ tù. Mặt khác, nhà vua sách phong Thương Lạc làm thái tử, rồi cho Phúc Vương xuống miền Hoa Nam xây cất vương phủ đồ sộ nguy nga với số tiền lên đến hơn ba vạn lạng bạc. Cách giải quyết này không đẹp lòng Trịnh quý phi. Bởi vậy nàng bàn tính với Ngụy thái giám âm mưu hành thích thái tử.

Thế rồi vào năm thứ 43 niên hiệu Vạn Lịch, người ta bỗng thấy một vị đại hán tên gọi Trương Tiết tay cầm một cây côn gỗ hùng hổ xông vào Từ Nghiêm cung nơi Hoàng thái tử ở.

Quân thị vệ giữ cửa vội chạy tới ngăn chặn nhưng đều bị đả thương. Bọn thái giám thấy thế nguy vội hô hoán ầm ỹ. Bọn hộ binh nghe hò la từ khắp nơi đổ về, nhất tề sấn tới bắt được Tiết đưa ngay tới Hình bộ nha môn để thẩm vấn. Tiết không giấu giếm, khai là do thái giám Mã Tam Đạo trong cung Trịnh quý phi sai đi hành thích thái tử.

Lời khai đó trong nháy mắt loan truyền ra ngoài. Dư luận nổi lên như sóng cồn. Ai cũng đều cho Trịnh quý phi mưu sát Thái tử. Nàng phi họ Trịnh linh cảm thấy nguy hiểm, vội chạy tới trước mặt Thần Tông hoàng đế, vừa làm nũng vừa khóc lóc minh oan.

Hoàng đế đứng giữa chẳng biết làm cách nào, cuối cùng ngài cho gọi thái tử vào cung, rồi một tay cầm tay Trịnh quý phi, một tay cầm tay Thái tử, miệng cố biện bạch cho Trịnh phi:

- Việc này, quý phi hoàn toàn chẳng biết gì. Thái tử nên vì tình cha con mà bỏ qua đi. Hơn nữa, Trương Tiết bắt quả chỉ là một tên khùng có hành động điên cuồng ngu xuẩn, để ý đến làm gì.

Hình bộ lang trung Hộ Sĩ Tướng đem vụ án ra xét xử, kết tội Trương Tiết rồi chém đầu. Tướng lại bắt Mã Tam Đạo, phát vãng xa ba ngàn dặm để sung quân.

Một điều lạ là sau khi xảy ra vụ hành thích, Trịnh quý phi bỗng đổi tính, đối xử rất tốt với Thái tử. Nàng thường tự tay khâu缝 những đồ rất đẹp tặng cho Thái tử. Thấy nàng không có ác ý, Thái tử cũng thường sang thăm.

Và cũng nhờ đó mà tình nghĩa cha con giữa Thần Tông và Thái tử cũng càng thêm thắm thiết nồng hậu. Trịnh quý phi sợ Thái tử chưa tin mình nên nói với Thần Tông hoàng đế hạ một đạo thánh chỉ cho Phúc Vương chỉ được phép tiến cung khi nào có lệnh tuyên truyền mà thôi.

Chỉ dụ này đối với Thái tử quả là một điều mong muốn. Bởi vậy Thái tử từ đó gần như không còn tí hiềm nghi ngao về những cuộc âm mưu có thể có sau này giữa hai mẹ con quý phi.

Không ngờ năm Vạn Lịch thứ 48, Thần Tông hoàng đế tạ thế. Thái tử Thường Lạc lên ngôi. Đó là Quang Tông hoàng đế.

Quang Tông hoàng đế thấy Trịnh quý phi tốt với mình, nên lưu lại trong cung đối xử như một người mẹ. Thế rồi chẳng được mấy ngày sau khi đăng vị, nhà vua nhuốm bệnh, một chứng bệnh nan y. Tuy vậy Quang Tông hoàng đế vẫn bình thần, không có vẻ gì là lo lắng, trái lại người lo lắng lại là Trịnh quý phi. Thế mới lạ! Nàng truyền lệnh ra ngoài cho gọi đại thần đi tìm thầy chạy thuốc. Hồi đó có một tên thái giám tên gọi Thôi Văn Thăng. Thăng hiến một phương thuốc gọi vị đan phương. Tưởng uống thuốc thì khỏi bệnh, nào ngờ nhà vua khi uống xong, bệnh lại trầm trọng hơn. Lại một vị đại thần khác tên Phương Tông Triết tiến cử Lý Khả Chức, giữ chức Hồng lô tự thừa, dâng lên ngài ngự một viên thuốc hoàn màu đỏ. Trịnh quý phi khuyên Quang Tông cố uống hết viên thuốc. Lý Tiểu thị, nàng phi của nhà vua do Trịnh quý phi làm mai, lúc đó cũng có mặt ở đấy, cũng hết sức khuyên ngài nên uống. Quang Tông nể tình hai vị phi tử nên nghe lời và nuốt viên thuốc xuống họng.

Qua ngày thứ hai, nào ngờ được tính phát tác khủng khiếp.

Tính mạng của Quang Tông hoàng đế, một vị vua trẻ tuổi tại vị chưa đầy một năm, coi mòì trăm trọng khó sống...

11. Chương 11: Quân Minh Đại Bại, Mất Liêu Dương

Quang Tông hoàng đế sau khi uống viên thuốc hồng hoàn của Lý Khả Chúc thì qua ngày hôm sau hôn ngài đã trở về với Diêm Chúa. Tam cung lục viện được tin động trời này, ai cũng hoảng sợ, bàn tán xôn xao. Có người cho rằng chính Lý Khả Chúc đã dùng viên thuốc hồng hoàn giết chết nhà vua.

Dư luận đồn đại đáng lẽ Chúc không thoát khỏi tội thí quân, thế mà trái lại, Chúc còn được thưởng thêm mới lạ.

Phượng Tông Triết tuyên bố với triều thần rằng theo di chỉ của Hoàng đế thì Chúc có công đáng thưởng. Bên ngoài, dân chúng thì cho rằng chính Trịnh quý phi đã chủ mưu điều khiển cuộc thí nghịch này. Bởi vậy, Lễ bộ thượng thư Tôn Thận Hành, ngự sử Vương Anh Thuần, cấp sự trung Huệ Thế Dương đều dâng sớ buộc tội Phượng Tông Triết đã chủ mưu giết vua.

Lúc đó, Hy Tông hoàng đế đã tức vị. Ngài biết việc nước đã nát bét đến cùng độ, cho nên chẳng muốn truy cứu việc nhà cho thêm phần rắc rối. Thế là cái án giết vua rơi vào bóng tối, oan hồn của Quang Tông hoàng đế đành phải ngậm hờn nơi chín suối, chẳng biết đến bao giờ mới rửa được hận.

Lại nói Minh triều từ khi Dương Cảo binh bại, Trương tể tướng qua đời thì biến cố dồn dập xảy ra, chẳng lợi cho việc duy trì uy thế. Nào là việc bỏ bê triều chính của Thần Tông hoàng đế suốt hai chục năm, nào việc ngộ thuốc mất mạng của Quang Tông hoàng đế làm vua chưa được một năm, nào là việc lộng quyền của bọn thái giám, nào việc tham nhũng, đút lót hối lộ của bọn đại thần, nào việc khai mỏ đánh thuế bóc lột nhân dân... Tất cả đều khiến cho triều đình dân oán đến cực điểm, lại thêm việc tù đầy chém giết đảng viên các đảng Đông Lâm, đảng Tuyên Côn, vụ án viên thuốc hồng hoàn sôi nổi trong cung đình, càng làm cho triều đình rối loạn, nát bét như tương. Cả nước từ bậc đại thần cho đến hàng tục tử, ai cũng lo lắng đêm ngày đau khổ, lúc nào cũng như sống trong đe dọa sợ hãi.

Bởi thế chẳng còn ai có thì giờ nghĩ đến Mãn Châu nơi quan ngoại. Anh Minh hoàng đế nước Kim chờ cơ hội đó, một mặt sửa sang triều chính, một giao hảo với Mông Cổ, đồng thời chiêu binh mãi mã, tích thảo đồn lương, ngầm sai đoàn quân tiên phong tiến tới Thẩm Dương, trước hết đánh lấy hai toà thành Y Lộ, Bồ Hà ở mặt đông cũng như mặt tây Thẩm Dương.

Quân tình nguy ngập cấp báo về triều. Thần tông hoàng đế lúc đang mải mê chơi bời với bọn phi tần trong cung cấm, vừa được tin này, sợ hãi quá, chân tay run lên như bị một cơn sốt, lập tức ngài thăng điện triệu tập bá quan lớn nhỏ, bàn tính sách lược cự địch. Triều thần ngây mặt nhìn nhau, vô kế khả thi. May thay, trong bọn có người tiến cử Hùng Đình Bật có thể kham nổi trọng trách. Bật vốn người Giang Hạ, hiểu rõ tình hình biên phòng nơi quan ngoại.

Thần Tông hoàng đế chuẩn tấu vội hạ chỉ triệu Bật tiến kinh trao cho ấn tín Liêu Đông kinh lược sứ. Ngài còn tặng Bật cây kiếm Phượng Thương, cho phép Bật tiền trăm hậu tấu.

Nhưng sau khi tiễn Bật lên đường, ngài quay về thâm cung tha hồ thưởng thức rượu nồng gái đẹp, chẳng bao giờ hỏi tới những việc bên ngoài nữa.

Trong quãng hai mươi sáu năm dài đằng đẵng, đây là lần duy nhất ngài toạ triều, gặp mặt các đại thần để bàn tính công việc triều đình.

Lại nói quan kinh lược Hùng Đình Bật sau khi vâng thánh chỉ thống lĩnh mười tám vạn quân ừn ừn kéo ra quan ngoại.

Vừa tới Sơn Hải quan, Bật được tin thám mã cho biết thành Tiết Lĩnh lại vừa thất thủ. Bật thúc giục đại binh tiến gấp.

Hành quân qua miền Liêu Dương, Bật thấy dân chúng tình cảnh thật đáng thương. Khi nhìn đến đoàn quân trú phòng đóng giữ các nơi cũng lạc lõng chạy trốn, Bật còn buồn hơn, bởi vì quân chẳng ra quân, tướng chẳng ra tướng. Bật cả giận hạ lệnh bắt ba tên đào tướng là Lưu Ngô Tiết, Vương Tiệp và Vương Văn Đỉnh trói vào cột, thẩm vấn rõ ràng rồi tức khắc chặt đầu đưa tới khắp các dinh trại để thị chúng. Bọn binh sĩ hoảng hồn bạt vía, từ đó tên nào cũng tuân lệnh răm rắp.

Bật một mặt huấn luyện quân sĩ, một mặt đồn đốc chế tạo chiến xa, hoả pháo, quật hào đắp thành. Bật lại chia mười tám vạn quân ra đồn trú các nơi hiểm yếu như ái Dương, Thanh Hà, Phủ Thuận, Sài Hà, Tam Phân, Trấn Giang.

Một hôm, được tin quân Mãn kéo tới đồn Phụng Tập, chỉ cách Thầm Dương có 45 dặm, Bật kinh lược vội thống lĩnh đại binh, thừa lúc đêm khuya tuyết xuống đầy trời, tiến tới Thầm Dương. Một mặt Bật vỗ yên bách tính, mặt khác đối trận cùng quân Mãn.

Lại nói Anh Minh hoàng đế lúc đó đã dò xét được nguồn gốc của Bật, biết Bật là một tay hảo hán của Trung Nguyên nên không dám tiến binh, truyền lệnh rút quân về bảo vệ Hưng Kinh. Minh triều quân tình thuận lợi, tướng phen này có cơ cứu vãn uy tín cho triều đình, không ngờ giữa lúc đang tập trung lực lượng sửa soạn tấn công thì Bắc Kinh liên tiếp gửi ra mấy đạo dụ cách chức Bật, đồng thời phái Viên Ứng Thái tiếp nhiệm chức Liêu Đông Kinh lược sứ! Thế là hết! Hết một cơ hội ngàn năm một thuở cho Minh triều!

Kinh lược sứ Hùng Đình Bật tiếp thánh chỉ, không thể không giao binh quyền ấn tín. Bật buồn rầu chán nản trở về, khi tới kinh sư mới biết mình bị cách chức chỉ vì có thông đồng với đảng viên đảng Đông Lâm. Thần Tông hoàng đế lúc đó lại đã chết, triều đình rối tinh như nồi canh hẹ. Bật đành thở dài cho vơi nơi buồn chán rồi quay về nhà cuốc đất trồng khoai cho qua ngày đoạn tháng.

Tin Hùng Đình Bật bị cách chức, Viên Ứng Thái lên tiếp nhiệm kinh lược sứ một hôm bay tới tại Anh Minh hoàng đế.

Ông vỗ tay cười lớn, tỏ vẻ sung sướng đến cực độ. Ông nói với quần thần:

- Ta vốn chỉ e có thằng cha họ Hùng. Nay hắn đã cút về vườn cuốc đất trồng khoai thì còn gì khiến ta phải quan ngại nữa chứ. Thằng nhãi họ Viên chỉ là một tên văn quan, hiểu thế nào được binh pháp mà đánh đấm?

Nói đoạn ông hạ lệnh cho đại binh tiến chiếm đồn Phụng Tập. Tướng Minh giữ đồn là Lý Bình Thành khai thành cự địch.

Anh Minh hoàng đế chia Bát Kỳ binh mã ra làm đôi. Cánh tả bốn kỳ xuất chiến với Thành còn cánh hữu bốn kỳ tiến đánh Hoàng Sơn. Độc một mình Tứ bối lặc đem một toán tân binh đánh thẳng tới Võ Tĩnh Doanh. Cuối cùng, chính Anh Minh hoàng đế tự thân thống lĩnh đại binh vây thành Thầm Dương. Mặt khác ông ước hẹn với Mông Cổ đem binh đánh phá tây bắc.

Hai bên kịch chiến mười ba ngày, thành Thầm Dương tan vỡ, Anh Minh hoàng đế tiến binh tới Liêu Dương. Kinh lược sứ Viên Ứng Thái lúc đó thống lĩnh quân Minh triều tại Liêu Dương được tin Thầm Dương thất thủ hoảng hồn bạt vía, vội triệu tập tướng lĩnh lớn nhỏ bàn tính kế sách giữ thành. Tuần án, ngự sử tên gọi Trương Khuyển hiến kế:

- Trước khi giặc tới ta nên mau tháo nước sông Thái Tử hà vào các thành hào cho đầy. Dọc theo bờ hào bày nổ pháo, tiểu thương rồi chia quân lo giữ vùng mọi nơi. Lại phái phân thủ đạo Hà Đình Khôi đem năm ngàn người ngựa đóng chân tại mé đông bắc ngoài thành để tạo thế ỷ giốc.

Mé đông bắc thành vốn có một toà núi, gọi Mã Yên Sơn. Đây là đường cuống họng tiến tới Liêu Dương.

Hà Đình Khôi vốn là viên võ tướng có tên tuổi, cho nên mới được phái đi đóng giữ nơi hiểm yếu này. Nói tới vị tướng quân họ Hà, ai cũng phải để ý tới một điểm đặc biệt. Đó là ông tuy có máu anh hùng nhưng lại mê gái. Ông có hai vị phu nhân một bà đàn giỏi, một bà họa tài. Hai bà ngày đêm bầu bạn với ông không rời nửa bước. Mỗi bà lại sinh cho ông một cô con gái, cô nào cũng xinh đẹp và giống mẹ như đúc. Ông cưng chiều hai cô con gái, do đó càng cưng chiều hai bà mẹ. Bởi vậy, được lệnh đi Mã Yên Sơn, ông băn khoăn thương nhớ, làm sao mà bỏ được bốn cái bầu bối này. Đứng trước hội nghị đủ mặt văn quan võ tướng ông nói cứng ở lỗ mồm nhưng thực ra sắc mặt ông đã tái. Viên Ứng Thái biết rõ cái tâm bệnh của ông nên hứa cho đem theo gia quyến ở trong dinh. Lời nói họ quả đúng tìm đen của ông, khiến ông cảm kích quá đến mềm nhũn cả người ra. Ông chỉ nói được có một câu để tỏ lòng tri ân với người thượng cấp hiểu mình và biết thương mình:

- Mặt tướng xin lấy cái chết để tận trung báo quốc!

Nói đoạn ông đem binh ra khỏi thành tức khắc.

Lại nói phía quân Mãn, Anh Minh hoàng đế được tin đầy đủ, bèn đem pháo ra vượt đò qua sông Thái Tử hà, cất ngay một toà đại doanh trên núi Đông Sơn, cùng Minh binh giao chiến hoả pháo. Quân Minh bắn trả dữ dội lúc đầu nhưng về sau xem chừng đuối sức. Anh Minh hoàng đế đích thân đem tám ngàn bộ tốt đánh phá cửa tây thành, một mặt ước hẹn với Mông Cổ đánh phá cửa đông. Ngài còn sai Đại bồi lặc đem đánh tả Tứ Kỳ đánh thẳng tới Mã Yên Sơn.

Lại nói tướng quân họ Hà của Minh triều khi kéo tới Mã Yên Sơn định đóng quân ở chân núi, nhưng nghĩ tới nghĩ lui ông lo ngại hai bà thấy đánh nhau mà sợ nên kéo quân lên trên đỉnh núi, để hai bà ở trong toà cổ “Nương nương miếu”, rồi sai một vài trăm tên quân đóng tạm phía dưới làm thám tử lượm tin và báo tin.

Không ngờ đại bồi lặc của quân Mãn bắt chắp cả đêm khuya đập trên tuyết mà tiến quân. Mấy trăm tên thám tử của quân Minh ngủ kỹ chẳng biết gì, bị quân Mãn lượm sạch.

Khi quân Mãn tiến tới đỉnh núi thì Hà tướng quân đang mơ màng bên cạnh hai bà vợ đẹp, mới giật mình tỉnh giấc. Ngài vội nhảy chồm dậy xách gươm tính xông ra, nhưng đã muộn. Quân Mãn vây kín khắp các mặt đến một con kiến nhỏ cũng khó lọt, huống hồ ngài tướng quân họ Hà lớn bằng cả triệu lần chú kiến. Hà tướng quân không cách nào khác, chỉ còn biết đứng trên đỉnh núi mà xem quân Mãn diễu võ dương ai dưới kia, tỏ ý không cần tấn công ngài.

Qua ngày thứ ba, Hà tướng quân bỗng thấy thành Liêu Dương lửa cháy ngút trời. Ngài biết rằng đại sự đã hỏng rồi nên chẳng còn tâm trí nào lo liệu được cho vợ con, bèn hò hét, đốc thúc quân binh liều chết xông xuống núi. Khốn thay quân Mãn quá đông, lại là quân thắng trận sẵn có hùng khí nên quân ngài kẻ chết, người bị bắt đến không còn một mống. Ngay chính ngài cũng bị bắt trói kè, hai tay quặt ra sau. Ngài tức quá mồm chửi oang oang. Quân Mãn nói khùng nhảy bổ lại bằm ngài như bằm viên, chỉ còn lại một đồng thịt lộn máu bầy nhầy trên mặt đất. Hai phu nhân trên núi được tin chồng đã chết, mỗi bà ôm một cô con mình chạy ra sau miếu nhảy xuống giếng tự tử chết cả.

Người sau vừa cảm động vừa kính phục hai bà, đổi tên miếu này thành Song liệt phụ miếu, đặt bài vị thờ phụng. Đó là việc sau.

Người sau vừa cảm động vừa kính phục hai bà, đổi tên Miếu này thành Song liệt phụ miếu, đặt bài vị thờ phụng Đó là việc sau.

Lại nói khi quân Mãn đánh phá cửa tây thành Liêu Dương, khi lọt vào rồi liền phóng hoả đốt cháy ngút trời. Trong thành bán loạn. Viên Ứng Thái không thể cứu, liền chạy lên địch lầu, ý muốn nhảy xuống chân thành tự vẫn. Tuần án ngự sử Trương Thuyên đứng mé sau vội chạy lên nắm giữ lại. Thái, lệ chan hoà đôi mắt, nói với Thuyên:

- Hạ thần vâng chịu ân của thánh thượng đã nhiều, thế mà không báo hộ được thành trì, lý đương nhiên phải lấy thân tuấn quốc. Tướng quân được ký thác mọi việc nơi biên ngoại, bởi vậy khi tại hạ chết rồi, tướng quân hãy thu thập tàn binh lui về giữ Hà Tây.

Nói đoạn, Viên kinh lược rút bội đao đâm cổ mà thác. Trương Thuyên ôm lấy thấy Viên kinh lược, khóc lóc thảm thiết một hồi, rồi xốc trên tay định mang xuống khỏi địch lầu. Nhưng quân Mãn đông như kiến từ bốn phía tiến lên bắt Thuyên, đưa tới trước mặt Anh Minh hoàng đế. Thuyên dậm chân cất tiếng chửi bới om xòm, tứ bồi lặc đứng cạnh, nổi giận, giơ đao chém phắt, đầu Thuyên rớt phịch xuống đất.

Sau trận đánh này, Minh binh đại bại, một mảnh giáp không còn. Hơn 72 thành về mạn đông sông Liêu Hà đều đầu hàng quân Mãn. Đại thắng, lại mở rộng được biên cương, Anh Minh hoàng đế bèn rời đô tới thành Liêu Dương.

Tin thất thủ thành Liêu Dương báo tới Bắc Kinh. Hy Tông hoàng đế lo sợ bàng hoàng, dậm chân đấm ngực suốt ngày. Hôm sau, ngài lâm triều, mở cuộc bàn thảo kế sách cự địch với quân Mãn. Đại thần Lưu Nhật Cảnh xuất ban tâu xin phục chức cho Hùng Đình Bất như cũ, lại tiến cử Vương Hoá Thần làm tuần phủ Liêu Đông. Nhà vua nhất nhất đều y tâu lập tức sai người về quê gọi Bất về Kinh.

Hy Tông hoàng đế ngự yển ở thiên điện, lại phong Bất làm Liêu Đông kinh lược sứ, thống lĩnh hai chục vạn quân lên đường chinh chiến. Hải quân đóng dọc suốt vùng Sơn Đông, Đặng Châu, Lại Châu cũng được lệnh thuộc quyền điều động của Bất.

Lúc đại binh xuất phát, Minh để đích thân tiễn Bật ra khỏi thành, thưởng một chiếc Kỳ Lân chiến bào và bốn rương vóc lụa. Một bữa yến lớn được tổ chức ở ngoài thành. Hôm đó có đủ mặt văn võ đại thần cùng với nhà vua dự tiệc tiễn hành.

Hùng kinh lược cho Vương Hoá Thần thống suất đại binh đi trước ra quan ngoại. Còn mình thì đi với bốn ngàn tên thân binh từ từ tiến về ngã Liêu Đông dọc đường quan sát địa thế, thăm hỏi dân tình. Khi đến Quảng Ninh, Hùng kinh lược vào trong nha kinh lược. Qua ngày thứ hai, Vương Hoá Thần đến yết kiến. Kinh lược họ Hùng bèn hỏi tới tình hình quân sự. Thần cho biết đã phân phối thành sáu doanh đóng dọc suốt tây ngạn sông Liêu Hà. Họ Hùng nghe qua, tỏ vẻ không vừa ý bảo:

- Liêu Hà đất hẹp khó giữ, đồn nhỏ khó chứa đại quân. Theo quân tình hiện nay, ta nên cố thủ Quảng Ninh mới phải. Nếu chia quân đồn trú bên sông, quân chia tất vô lực. Thắng hoặc địch quân dùng khinh kỵ qua sông, đánh chiếm một dinh tất dinh đó không địch nổi. Một dinh đã bại thì sáu dinh đều bại. Quảng Ninh lúc đó cùng sẽ bại theo, không có cách gì cứu được.

Hùng kinh lược nhắc đi nhắc lại ba bốn lần, giải thích đi giải thích lại, nhiều lần nhưng Thần, tính vừa tự ái vừa ương ngạnh, chẳng thèm nghe theo vẫn đóng quân như cũ tại Liêu Hà, mặc họ Hùng với bốn ngàn quân ở Quảng Ninh.

Họ Hùng thấy Thần không tuân lệnh nhưng nghĩ rằng y là một viên quan tuần, mình phải thận trọng chẳng nên làm mất lòng y. Ông đành viết sớ dâng về triều để báo cáo quân tình theo bốn phận.

12. Chương 12: Anh Minh Hoàng Đế Bị Tử Thương

Đúng như lời tiên đoán của Hùng kinh lược. Vương Hoá Thần bị đại bại. Số là Anh Minh hoàng đế thường dụng binh thần tốc, sau khi biết rõ tình hình của quân Minh, liền thống lĩnh Bát Kỳ đại quân, vượt qua sông Liêu Hà, đánh phá các lộ Minh binh khắp các miền Trấn Võ, Tây Bình, Lư Dương, Trấn Ninh. Quân Mãn kiêu dũng quá, đánh đâu được đấy, bao nhiêu thành trì đều theo nhau thất thủ. Miền Lư Dương bị mất, quân của Thần vỡ tan.

Tin chiến bại về tới Quảng Ninh. Hùng kinh lược kinh hồn bạt vía, tay chân run rẩy bầy, ông vội vã đem quân từ Cẩm Châu tới sông Đại Lăng. Đi tới con đường nhỏ trong khu núi cao rừng rậm, ông gặp Thần chân không giày, đầu không mũ, tóc râu bối bù, lẻo đẻo theo sau vài tên hầu cận.

Thần thấy họ Hùng oà lên khóc, lệ trào xuống như mưa. Hùng kinh lược thở dài nói:

- Người không nghe lời ta nên mới có việc đại bại ngày nay. Đại sự đã hỏng, bọn ta chỉ còn cách liều mạng mà thôi.

Giữa lúc hai người đang than vãn hồi tiếc, bỗng đằng trước mặt tiếng chuông tiếng vang dậy rồi một toán quân đánh tới.

Đây chính là đại bối lạc Đại Thiện xem một vạn quân thiết kỵ chặn lối. Một trận hỗn chiến xảy ra, bốn ngàn quân Minh bị đánh tan như xác pháo.

Hùng kinh lược cùng Vương tuần phủ vội bỏ sắc phục trà trộn trong đám thường dân chạy nạn trốn vào quan nội.

Tiêu diệt sạch quân Minh của bọn Vương, Hùng, Anh Minh hoàng đế liền chiếm thành Quảng Ninh. Bắc Kinh liền tiếp nhận được tin bại trận mất thành, khiến văn võ bá quan toàn triều hoảng hồn bạt vía, kẻ nào mặt mũi cũng xám ngoét.

Hy Tông hoàng đế vừa nhục vừa tức, cả giận, hạ chỉ bắt ngay hai tên bại tướng Vương, Hùng áp giải tới Tây thành chém đầu, rồi đem tới mãi miền biên địa để bêu đầu hiệu lệnh.

Lại nói Anh Minh hoàng đế sau khi chiếm được Quảng Ninh và những vùng lân cận, lại thiên đô lần nữa tới Thẩm Dương, tập trung Đông lộ binh mã tại thành này đông tới mười vạn người ngựa, một mặt thảo

luận với các bối lạc đại thần về kế hoạch tấn công Sơn Hải quan, mặt khác sai bọn thám tử thượng thặng vượt cảnh vào Trung Nguyên do thám tình thế Minh triều.

Lúc này, Minh triều đã cải nhiệm cho Vương Tại Tấn làm Liêu Đông kinh lược sứ. Tấn kinh lược xây cất một toà thành mới cách Sơn Hải quan tám dặm, thiết lập quan ải các nơi, hết tâm phòng thủ.

Một hôm, mọi người thấy một tên đại Hán cưỡi ngựa xông ra ngoài thành, miệng hô lớn:

- Ta chỉ cần xin hoàng thượng cấp cho ta quân mã tiền lương. Một mình ta đủ để đối phó với mười vạn quân Mãn.

Bọn quân sĩ canh cổng nghe tiếng hô, lập tức kéo tới và đưa tên đại Hán tới yết kiến Vương Tại Tấn. Hỏi tình hình Liêu Đông thì tên đại Hán giải thích đầu vào đây thao thao bất tuyệt, chứng tỏ y am tường mọi lẽ, không phải là kẻ tầm thường.

Vương kinh lược cả mừng, một mặt lưu y lại nơi phủ đệ, một mặt tâu lên Hy Tông hoàng đế.

Tên đại Hán đó là ai mà dám lớn miệng đến thế? Đó là Viên Sùng Hoán. Khi Hùng kinh lược còn tại nhiệm ở Liêu Đông, Hoán đã có nhận chức võ quan. Về sau Minh binh đại bại, Hoán lưu lạc nơi quan ngoại. Hoán đi tới đâu là quan sát địa thế, tìm hỏi phong tục tới đó. Hoán giao kết được với nhiều đồn trại nơi quan ngoại, đồng thời thu thập kêu gọi được nhiều tân binh trong quan nội. Bởi vậy, một đạo thánh chỉ từ Bắc Kinh gửi tới bổ nhiệm Hoán chức quan ngoại giám quân, xuất quốc khổ hai mươi vạn cho Hán chiêu mộ tân binh.

Binh bộ thượng thư Tôn Thừa Tông lúc đó cũng rất tín nhiệm Hoán. Ông thường hay đề cao Hoán trước Hy Tông hoàng đế.

Đến khi Vương Tại Tấn cáo lui, thì Hoán được thăng làm Liêu Đông kinh lược sứ. Chủ trương của kinh lược Viên Sùng Hoán là chú trọng cả hai mặt thuỷ lục. Lục bộ thì giữ Ninh Viễn thành. Thuỷ bộ thì giữ Giác Hoa đảo. Tại Ninh Viễn, Viên kinh lược xây cất một toà thành trì rộng lớn, kiên cố, khích lệ tướng sĩ, thề sống chết với thành.

Tháng giêng năm thứ sáu niên hiệu Thiên Khai, Anh Minh hoàng đế đích thân thống lĩnh mười ba vạn quân tiến đánh Ninh Viễn.

Viên kinh lược được tin quân Mãn kéo tới bèn cho kéo các khẩu đại bác kiểu Bồ Đào Nha ra bố trí trên mặt thành. Ông lại tuyển một đoàn quân binh người Phúc Kiến rất giỏi phóng hoả tiễn để phòng giữ mặt thành. Còn ông, đích thân lên thành đốc chiến, ăn uống ngủ nghỉ tất cả đều ở trên địch lầu, y hệt như các quân sĩ tại tiền tuyến. Bọn binh sĩ ai thấy ông cũng đều cảm kích, kẻ nào cũng dốc một lòng vì ông hy sinh tính mạng. Trên địch lầu những lúc rảnh ông thường đàm đạo thi văn với viên quan thông dịch của ông.

Rồi một hôm, ngoài thành tiếng chiêng trống vang rền, quân Mãn đã kéo tới. Viên kinh lược cười bảo tướng sĩ:

- Quân Mãn đã đến. Sửa soạn đại bác, chuẩn bị tác chiến!

Hạ lệnh xong, ông cho đưa lên mặt thành từng cái thùng gỗ lớn một trong đó ẩn các tay sành phóng hoả tiễn. Quân Mãn đã tiến tới thành ngoài. Theo kế sách của Viên kinh lược thì dụ cho địch tiến sâu vào thành ngoài, lúc đó nổ một phát pháo hiệu, tức thì cửa thành ngoài đóng lại, khiến quân Mãn bị vây chặt giữa hai lớp thành rồi hạ lệnh khai pháo phóng hoả tiễn.

Quân Mãn trúng kế. Giữa lúc bị kẹt, quân Mãn lại bị hoả tiễn vùn vụt phóng xuống như mưa rào. Rồi thấy người đổ xuống, máu bắn vọt lên. Tiếng khóc, tiếng la như ong vỡ tổ dưới chân thành. Quân Mãn tử thương vô số.

Tình cảnh hỗn loạn vừa lắng dịu được một vài phút bỗng nghe tiếng “đoàng, đoàng” như sét nổ sấm vang. Tức thì vô số quân Mãn bị tung thây lên không rồi phịch xuống đất tới tả kẻ vỡ sọ, người cháy lưng, kẻ gãy chân, người cụt tay. Thì ra đó là đạn đại bác Bồ Đào Nha đã bắt đầu bắn xuống. Anh Minh hoàng đế cũng bị kẹt trong vòng thành. Chính ngài cũng bị ngã ngựa. May thay cạnh đó một tên lính chân tay nhanh nhẹn, bẻ xích được ngài lên đem đi cấp cứu. Một tiếng “đoàng” tiếp theo. Hú vía cho hoàng đế nước Kim vì viên đạn đại bác này nổ tung ngay giữa chỗ ngài vừa ngã lăn ra hồi nãy. Tên lính Mãn chạy đã lẹ, nhưng

khi chạy dọc chân thành, đức hoàng đế chẳng may bị một viên đá lớn từ trên mặt thành rơi đúng vào ót. Ngài mê đi lúc nào không biết.

Mãn Châu binh mã lúc đó rối loạn tới bởi, kẻ nào cũng tự tìm lấy lối thoát, đại bồi lạc bị chôn từ lâu trong đồng gạch vụn, mãi lúc đó mới bò ra được, vội tìm đến chỗ cha nằm, vọt lên ngựa cố tìm cách thoát thân. May thay lúc đó chân thành phía đông bị đại bác bắn thủng một lỗ lớn. Đại bồi lạc bảo vệ Kim để nhờ lỗ đó chui qua. Chạy đến giữa đường, hai cha con gặp được Tứ bồi lạc đem quân tiếp ứng.

Anh Minh hoàng đế dần dần tỉnh lại, đau liệt khắp mình. Ngài biết mình bị thương trầm trọng, bèn dặn bảo Đại bồi lạc cấp tốc lui binh, quay về gần Quảng Ninh. Còn Ngài thì ngồi thuyền xuôi dòng nước sông Thái Tử Hà tới Thanh Hà, vào suối nước nóng tắm rửa, nghỉ ngơi lấy lại sức.

Anh Minh hoàng đế nằm trên giường bệnh, thương thể ngày một thêm nặng, nhiều lần đã ngất đi. Trong cơn hôn mê ngài nhớ tới bà kế đại phi là Ô Nạp Thích, người mà ngài sủng ái bậc nhất cùng người con trai của bà là Cữu vương tử Đa Nhĩ Cổn. Ngài bèn cho người ngày đêm đi gấp về Thẩm Dương gọi hai mẹ con tới, một mặt sai người tới đại doanh gọi đại bồi lạc Đại Thiện.

Đại bồi lạc Đại Thiện được cha gọi, vội giao binh quyền cho Tứ bồi lạc, lên đường về đồn Hà Kê cách Thẩm Dương thành bốn mươi dặm, trong lòng buồn bã âu sầu.

Bà Nạp Thích tới trước, thấy hoàng đế bệnh nguy trong sớm chiều, oà khóc ngay tại bên giường. Ngày hôm đó, đại bồi lạc cũng về tới. Anh Minh hoàng đế tỉnh lại, mở mắt nhìn vợ con rồi một tay cầm tay bà Nạp Thích, một tay Đại Thiện, trời trắng hết mọi việc về sau. Nghỉ một lát, ngài ân cần dặn bảo Đại Thiện:

- Bà Nạp Thích là một bà phi mà cha yêu quý nhất. Sau khi cha chết, con nên coi bà như mẹ đẻ.

Vừa nghe lời cha dạy, Đại bồi lạc quỳ ngay xuống trước mặt bà Nạp Thích lạy ba lạy, miệng gọi “Mẹ! Mẹ!” và nói tiếp:

- Xin mẹ yên lòng. Con luôn giữ điều hiếu thuận với mẹ!

Anh Minh hoàng đế nằm trên giường thấy vậy gật đầu, tỏ vẻ hài lòng nói:

- Có thể mới là đứa con hiếu thảo chứ!

Nghỉ một chút, ngài lại tiếp:

- Nói đến việc lập Thái tử, cha có ý dành cho Cữu vương tử Đa Nhĩ Cổn. Tiếc thay Cổn còn nhỏ tuổi quá không hiểu biết lắm. Con vốn là anh cả, lại là đứa con hiếu thảo, vậy sau khi cha chết con hãy làm nhiếp chính vương đợi khi em con khôn lớn con bảo trợ cho nó lên ngôi. Đó là nỗi niềm tâm sự của cha, ngày đêm thường thắc thỏm. Hiện không có một ai ở đây hai cha con ta bàn tính cho xong, mong tránh khỏi tranh chấp về sau.

Nói đoạn, ngài kéo bàn tay Đa Nhĩ Cổn đặt vào lòng bàn tay Đại bồi lạc Đại Thiện. Nhất thời cảm động về tình cốt nhục, Thiện kéo em vào lòng mình, ôm chặt lấy. Anh Minh hoàng đế nhận thấy vậy mỉm cười, rồi lim dim đôi mắt, cuối cùng nhắm hẳn lại, như có điều gì suy nghĩ...

Thực thế, Anh Minh hoàng đế đang thả hồn về dĩ vãng xa xăm của cả một dòng họ, từ cụ tổ ông, cụ tổ bà của ngài, rồi dòng trưởng, dòng thứ, đã bao nhiêu đời gian truân khổ cực mới đến ngài, và chính ngài cũng đã trải qua bao độ buồn vui mới có ngày vang danh trong thiên hạ như hiện nay. Ngài biết cái ngày chót của mình đã gần kề, nhưng có hề gì, bởi vì ngài đã tự tạo được một sự nghiệp huy hoàng cho dòng họ, hơn nữa Ngài có một đàn con đông đảo, toàn là những trang thanh niên tuấn kiệt, đầy tương lai.

Như có ý để cho cha nghỉ ngơi yên giấc, Đại Thiện nắm tay Đa Nhĩ Cổn lặng lẽ lui ra khỏi phòng, trong khi đó Anh Minh hoàng đế cố đào sâu vào ký ức, nhớ lại những trang đời của tổ tiên, dòng họ từ lúc phát tích lâu hàng mười thế kỷ, với bao biến đổi tang thương giữa khoảng núi rừng sâu thẳm của đất Mãn Châu lạnh giá...

Mãn Châu xứ núi rừng trùng điệp...

Trên cánh đồng rộng, cỏ non xanh rờn. Phía chân trời xa đồi núi nhấp nhô. Hoa xuân đua nở tươi như thêu, đẹp như gấm. Đây là mấy bông hạnh đầu mùa mở miệng chào đón đông xuân. Kìa rừng lê trắng xóa một

màu như tuyết rung rinh trước làn gió nhẹ. Trên không trung, ánh mặt trời vàng sưởi ấm cả bầu trời vừa dứt ngày đông. Trong rừng cây trên sườn đồi, đàn chim khuyên tung tăng bay nhảy trên cành. Những cánh hoa bị cánh chim chạm phải rơi xuống đất lả tả. Tiếng oanh ca, tiếng én hót, líu lo đây đó, phá tan cảnh tĩnh mịch của nơi trên tái cô liêu hoang sơ.

Giữa lúc muôn vật như đắm chìm trong bầu trời êm mát của ngày xuân, bỗng có tiếng nhạc ngựa từ xa vọng lại, tiếp theo là một trận cười xen lẫn những tiếng nói trong như ngọc dội trên mây bác. Rồi một con ngựa bạch phóng nhanh ra từ trong đám rừng lê, trên yên có một thiếu nữ trẻ đẹp, mặc một chiếc áo dài màu đỏ tía. Nàng giơ cao cánh tay ngọc để lộ làn da trắng như tuyết ra roi giục ngựa chạy nhanh. Đằng sau lưng nàng, xa chừng mười bước, hai thiếu nữ khác lớn tuổi hơn cũng cười ngựa đuổi theo ra, một người mặc chiếc áo dài màu xanh cánh chử, tuổi ước hai mươi, một người mặc một áo dài nguyên sắc ba màu xanh đỏ vàng, tuổi chừng mười bảy, mười tám. Hai thiếu nữ này vừa giục ngựa đuổi theo, vừa cười vừa rửa:

- Con khỉ kia. Thử xem mày có chạy được lên tới trời không?

Người thiếu nữ trẻ đẹp lúc đó nằm rạp xuống yên ngựa, cũng ngắt nghẻo cười, gần như ngồi không vững. Một trong hai thiếu nữ đuổi sau thấy thế, vỗ tay cười rồi hét lên:

- Té đấy! Té đấy!

Tiếng kêu vừa dứt thì người thiếu nữ trẻ đẹp, mặc áo đỏ tía, bật ngựa người ra sau, quả nhiên té xuống nằm sấp trên thảm cỏ xanh rờn chẳng khác gì nằm trên một tấm nệm nhung xanh mềm mại, êm ấm. Nàng đang định ngồi dậy thì phía sau, hai người thiếu nữ lớn tuổi hơn đã đuổi tới, nhảy xuống ngựa chạy xô lại, một người giữ lấy vai còn một người thì cười hân hân lên ngực, đè chặt xuống đất rồi. Cả hai đồng thời vén tay áo cù mạnh vào hai bên hông người thiếu nữ trẻ nằm bên dưới khiến nàng cười lên sằng sặc, hai chân đạp tứ tung, đôi hài nhỏ nhắn xinh xinh trùm bên ngoài đôi bàn chân thon mịn đẹp như ngọc. Hai người thiếu nữ lớn tuổi hơn cù một lúc chán rồi mới buông tay, để cho nàng kia ngồi dậy.

Người thiếu nữ trẻ đẹp ấy tuổi mới chừng mười lăm, mười sáu, gương mặt trái xoan, đôi má mịn màng thoa nhẹ chút phấn hồng, điểm thêm một cặp mắt sắc sảo đa tình, lóng lánh như làn nước hồ thu. Nàng vừa ngồi lên, liền đưa mắt nguyền hai người kia rồi bỗng phá ra cười. Thật là một nụ cười trăm duyên nghìn dáng, dù người sắt đá đến đâu cũng không thể không say đắm, băng khuâng. Người thiếu nữ lớn tuổi nhất lấy tay chỉ nàng rồi bảo người thiếu nữ mặc áo dài nguyên sắc xanh đỏ vàng:

- Nhị muội! Em không nhìn tam muội xem. Có phải nó ăn mặc lẳng lơ không?

Người thiếu nữ trẻ đẹp cười nói:

- Em lẳng lơ thì có can gì đến các chị chứ?

Giữa lúc nàng nói vậy, người thiếu nữ lớn tuổi nhất ngồi nhích lại gần em, vén ống tay áo lên vừa vuốt mái tóc mây của nàng vừa nói:

- Em trang điểm tóc tai kiểu này thì ra đường sao khỏi người ta cười cho. Về nhà thế nào mẹ cũng chửi cho đấy!

Người thiếu nữ trẻ đẹp cúi đầu xuống để cho chị sờ đầu vuốt tóc và phụng phịu nói:

- Về nhà nếu mẹ hỏi, em sẽ nói là hai chị ăn hiếp đứa em nhỏ bé này.

Thì ra ba chị em nhà này quen búi một kiểu tóc rất đặc biệt là uốn những lọn tóc mây đen nhánh trên đỉnh đầu thành một hình tròn rồi bỏ thông hai mối ra sau cái gáy trắng như ngọc khiến khuôn mặt xinh đẹp của các nàng càng thêm duyên dáng kiều diễm. Họ lại còn biết làm điệu khi chọn những bông hồng tươi thắm nhất đem cài lên mái tóc mai buông xoã xuống đôi má trắng mịn như tơ. Đôi lông mày cong và thanh, cặp mắt đen và trong, đôi môi hồng và tươi, hàm răng trắng và đều, tất cả đều là những tuyệt tác phẩm của hoá công hình như chỉ để dành riêng cho họ.

Một phút yên lặng qua đi. Cô thứ hai bèn giơ tay nhỏ mấy giọt cỏ non. Rồi cả ba cô quây quần lại với nhau, đem những giọt cỏ ra so sánh và quan sát vui đùa. Giữa lúc vui đùa êm ái ấy bỗng nghe có tiếng tù và thổi inh ỏi, cô chị cả liền lẹ rần lên:

- Gia gia về rồi. Bọn ta đi đón gia gia đi!

Ba cô quay đầu lại nhìn, quả nhiên thấy người cha cười trên lưng con ngựa cao lớn đi đầu dẫn một đàn lừa ngựa, có bảy tám tên đại hán tay cầm roi cùng cười ngựa theo sau, xa trông chỉ thấy một đám đông lúc nhúc đen ngòm đang từ từ vượt khỏi phía chân đồi.

13. Chương 13: Tình Nở Trong Mơ

Cô gái út trẻ đẹp thấy cha vội đứng dậy bỏ mặc hai cô chị, nhảy tót lên lưng ngựa phóng về phía người cha. Đằng sau, hai cô chị thấy em đã đi xa cũng nhảy lên ngựa chạy đuổi.

Người cha của ba cô tên gọi là Cán Mộc Nhĩ: ông thấy con gái chạy tới đón mình, bèn dừng ngựa lại đợi. Vốn cứng cô gái út nên khi cô gái vừa chạy tới trước mặt thì ông giơ tay ra nắm lấy tay con rồi kéo sang ngựa mình. Hai cha con cùng ngồi trên yên, vừa đi vừa nói chuyện.

Đoàn người ngựa đi được một lúc thì đã thấy mấy dãy nhà san sát nằm gọn trong lòng một vùng sơn ao rộng rãi đằng xa. Mấy dãy nhà này có chừng năm, sáu chục gian, bên ngoài bao quanh bởi một bức tường đá thấp lè tè. Ông Cán Mộc Nhĩ quay đầu lại, nói với những người đồng bạn:

- Bọn ta mau về tới nhà để...

Câu nói còn chưa xong, bỗng mọi người nghe tiếng “vút, vút vút”, vang dội trên đầu. Sau đó, ba mũi tên rơi phịch xuống đất trước đoàn người. Ông Cán Mộc Nhĩ thấy vậy mặt bỗng biến sắc, chỉ thốt ra được một tiếng “á”, tức thì râu ria dựng ngược cả lên, đôi con ngươi như muốn nhảy ra ngoài tròng, ông giật dử, lăm lăm nói một mình:

- Bọn chúng lại đã tới rồi!

Nói xong ông quay đầu lại phía sau hô lớn:

- Các anh em! Bọn ta lại có dịp đâm đá một phen đây!

Bọn đại hán theo sau, nghe ông báo động, đều quát rầm lên một tiếng rồi cầm binh khí lăm lăm trong tay, phóng ngựa như bay về phía sơn ao, bụi tung lên mù trời, thành một vệt dài trên con đường đất gồ ghề. Ba chị em nhà họ Cán cũng phóng ngựa đuổi theo sau. Cô út vừa chạy vừa quay đầu nhìn về phía đỉnh núi Bồ Khố Lý. Nàng thấy một chàng trai cao lớn cười ngựa đứng đấy từ lúc nào, đang nhe răng cười khanh khách, tỏ vẻ đắc ý.

Một vùng sơn ao cô tịch hoang vắng bỗng trở thành ồn ào náo nhiệt. Trong nhà Cán Mộc Nhĩ, tiếng người kêu la ầm ỹ. Người con trai cả của ông tên gọi Nặc Nhân A Lát vội leo lên nóc nhà; thối tù và inh ỏi để báo động.

Dân làng nghe tiếng tù và biết có chuyện ẩu đả, chẳng ai bảo ai đều bật dậy như những chiếc lò xo, tay cầm khí giới, vụt chạy ra khỏi nhà. Kẻ chạy bộ, người cưỡi ngựa, cưỡi bò làm thành một đám đông hỗn độn và ồn ào hết mức, ước đến bốn, năm trăm người. Ông Cán Mộc Nhĩ đi đầu, chỉ huy đám đông, xuất phát khỏi sơn ao. Miệng sơn ao vốn có cất một cái cổng lớn bằng gỗ. Đám đông vừa ra khỏi cổng, Cán Mộc Nhĩ liền hạ lệnh đóng chặt cửa, bọn đàn bà con gái đành phải đứng bên trong, ghé mắt kiểng chân mà nhìn ra ngoài xem.

Về phía bắc núi Bồ Khố Lý, có thôn Lê Bì Cốc. Dân làng này vốn có thù hằn với dân làng Bồ Nhĩ Hồ Lý ở phía nam núi đã từ lâu. Dân chúng giữa hai thôn thường tìm nhau để trả thù rửa hận. Một lời không hợp là y như có chuyện ẩu đả đến, thậm chí dẫn đến án mạng. Đã ba năm yên hàn, hai thôn không xảy ra chuyện gì. Nhưng hôm trước đây, dân làng Lê Bì Cốc được tin ông Cán Mộc Nhĩ sắp đưa một đàn lừa ngựa đông đảo về làng. Thôn Lê Bì Cốc có vị thôn chủ tên gọi Mạnh Kha, tuổi đã ngoài sáu mươi. Ông này có một cậu con trai Ô Lạp Đặc, sức mạnh hơn người, rõ ràng là một nhân tài xuất chúng. Đặc thường đem dân làng vượt khỏi núi để báo thù, lần nào cũng đắc thắng trở về. Dân làng Bồ Nhĩ Hồ Lý bị thua hoài, nên thù Đặc đến xương tuỷ. Và hôm nay, Đặc lại chỉ huy một đám đông dân làng có ý tới cướp đàn lừa ngựa của ông Cán. Đặc một mình đứng trên đầu núi, bắn ba phát tên trước để cảnh cáo. Thấy ông Cán chỉ huy một

đoàn người ngựa trở ra bèn khoát ngọn giáo một cái, tức thì đám dân binh thôn Lê Bì Cốc theo chân Đặc, kẻ dao người gậy, rùng rùng kéo xuống chân núi. Khi tới giữa một khu đất rộng rãi và bằng phẳng dân hai thôn mới bày thành thế trận.

Rồi một tiếng gào lên của hàng ngàn cái miệng vang dội khắp nơi sơn khê, hai cánh quân bắt đầu đâm chém nhau. Dao cắt lên thì giáo phóng đi. Có kẻ gãy tay, có kẻ què chân, những chiếc đầu bị chém máu chảy lênh láng, những cái lưng bị đập nằm sóng soài trên mặt đất.

Ông Cán hôm đó cười một con ngựa cao lớn, chỉ huy dân binh ác đấu, thấy có kẻ bị thương liền gọi người cướp lấy khiêng vào trong cổng để cho bọn đàn bà con gái băng bó dịt thuốc.

Ba cô con gái của ông cũng hăng hái tham gia vào công việc cứu thương, hết băng đầu cho người này lại bó chân cho người kia. Cô cả tên là Ấn Khố Luân. Cô thứ nhì gọi là Chính Khố Luân, và cô út gọi là Phật Khố Luân. Ấn Khố Luân thì đã có chồng. Chính Khố Luân thì đã có người bỏ miếng trâu. Chỉ còn Phật Khố Luân là chưa có ai mai mối. Cả ba chị em đều xinh đẹp, nhưng Phật Khố Luân thì thật là một trang giai nhân sắc nước hương trời, trai làng người nào cũng mê mết, nhiều cậu trai say mê đến nỗi ăn không ngon ngủ không yên. Mỗi khi gặp nàng, dù có chuyện hay không cũng muốn nói với nàng vài ba câu để gọi là được gần gũi người đẹp trong chốc lát cho thỏa lòng mộng ước. Buồn một nỗi là đám trai làng Bồ Nhĩ Hồ Lý tuy nhiều mà chẳng có cậu nào xứng đôi phải lứa, lọt vào được mắt xanh của nàng, khiến mỗi khi gặp họ, nàng chẳng bao giờ thêm liếc mắt để ý tới.

Hôm nay thôn nàng đánh nhau với thôn bên, nàng đem hết sức mình cùng với chị em trong xóm bó chạy chữa cho những người chiến đấu bị thương. Khi thì dìu một cậu trai gãy chân đặt nằm trong giường bệnh. Khi thì an ủi một thanh niên khác bằng đôi lời nói ngọt ngào êm dịu, khi băng bó vết thương ột cậu trai nọ bị thương ở trên lưng, khi thì pha sữa, đem nước cho bất kỳ kẻ nào kiệt sức vì quá mệt hay quá khát, cho họ chóng lấy lại sức, tiếp tục ra trận chiến đấu.

Bất cứ một trai nào được nàng săn sóc tới, tức thì khôi phục được tinh thần ngay để lại tham gia vào cuộc đấu bên ngoài cổng đang tiếp diễn ác liệt.

Cuộc ác đấu kéo dài đã làng giờ. Dân làng Bồ Nhĩ Hồ Lý lần này không giống năm trước nữa. Họ liều mạng xông vào trận, đem hết sức bình sinh để chiến đấu. Dân làng Lê Bì Cốc xem ra đã có mùi thua đến nơi. Ông Lạp Đặc ngồi trên lưng ngựa thấy dân làng mình chống không lại, bèn gào lên một tiếng lớn, nhảy xuống ngựa, múa tít cây đao dài xông thẳng vào đám đông. Mọi người thấy cây giáo của Đặc vun vút trước gió, ai cũng sợ phải giãn ra, nhường cho Đặc một lối rộng tiến vào. Đặc đắc thế, xông tới trước mặt ông Cán Mộc Nhĩ. Ông Cán vốn lệ tay lạnh mắt, thấy Đặc đến gần, bèn rút tên đặt lên cung, bắn một phát trúng vào hõm xương vai Đặc, Đặc trúng tên đau quá, gào lên một tiếng lớn, rồi quay đầu bỏ chạy.

Ông Cán vội quát ngựa đuổi theo. Năm trăm dân làng Bồ Nhĩ Hồ Lý được thể rượt theo, cùng hô lớn:

- Bắt lấy, bắt lấy tên Ô Lạp Đặc! Bắt mau!

Dân làng Lê Bì Cốc thấy chủ tướng của mình bị trọng thương, ai nấy đều hoảng sợ, quay lại che chở cho Đặc, rồi cả bọn hè nhau chạy trốn lên phía đỉnh núi. Nhưng người cầm hện nhất lúc này phải là Nặc Nhân A Lạp. Ba năm về trước, nhân một cuộc ác đấu với dân làng Lê Bì Cốc, Nặc đã bị Đặc bắn ột phát bị thương. Bởi vậy hôm nay kẻ đại thù đã bại, lẽ nào Nặc lại chịu bỏ? Nặc vội phóng ngựa như bay đuổi theo hy vọng bắt sống được Đặc để báo cái thù mũi tên thuở nọ.

Nặc hăng máu, gặp người là đâm, thấy người là khảm, khiến ấy trăm dân binh thôn Lê Bì Cốc bị một phen tơi bời tan xác, chạy bên đông lánh bên tây, chỉ còn biết than thầm cha mẹ không sinh thêm ỳnh đôi chân nữa để lúc này chạy cho nhanh hơn. Nặc đánh rốc một hồi xem chừng đã xa thôn mình, nhắm đám dân thôn Lê Bì Cốc kẻ chết kẻ trốn không còn mấy người thế mà đại thù chẳng thấy đâu cả. Nặc tuy thắng thế nhưng vốn tính còn hơi nhát nên không dám tiếp theo lên quá đỉnh núi. Nặc dừng thương, quay ngựa lại rồi phóng nhanh xuống núi.

Cuộc đại chiến này, thôn Bồ Nhĩ Hồ Lý đại thắng. Dân làng sung sướng đến cực điểm. Họ vỗ tay hoan hô, họ cười, họ nói, họ múa, họ nhảy rồi họ mổ lợn ba con trâu, năm con heo, mười hai con dê, một trăm con gà để ăn khao. Họ rao mô triệu tập toàn thôn, từ già đến trẻ, từ trai đến gái, lại nhà ông Cán để chèn chèn say sưa. Ba chị em Ấn Khố Luân cũng theo cha mẹ vào dự tiệc.

Đêm đó là đêm rằm tháng tư. Trên không trung trời quang mây tạnh, trăng tròn vành vạnh, rọi ánh vàng óng như kim tuyến xuống nóc trang viên, trên ngọn cây đỉnh núi. Cảnh sắc đẹp như mộng khiến khách đa tình không một ai có thể quên được những giờ phút thiêng liêng của chị Hằng vui tươi chờ đón gió xuân. Phật Khổ Luân cô nương đêm đó thoa thêm chút phấn, bôi thêm chút son, sửa lại mái tóc mây. Gương mặt nàng trở nên long lanh bội phần, nhất là khi nàng tung tăng chạy đi chạy lại trước vườn hoa hồng thắm, thơm ngát dưới ánh trăng rằm. Các thanh niên, bợm nhậu đêm đó chưa uống mà đã say. Họ nhìn nàng bằng những cặp mắt say đắm tình tứ, họ kêu tên nàng cho sướng miệng, cũng có vài kẻ làm bộ ta đây, chạy lại bên nàng định tâng bốc nịnh nọt, mong được nàng để ý tới. Nhưng họ chỉ làm cho nàng bức mình thêm.

Trên trời trăng sáng quá! Thật là một đêm kỳ ảo chốn bồng lai mà trần gian ít khi có được! Thôn Bồ Nhĩ Hồ Lý nằm ở giữa đông núi Trùng Bạch. Từ tháng tám trở đi, miền bắc này băng tuyết phủ khắp sơn khê, cảnh đã hoang lương lại hoang lương hơn. Tuy nhiên, cứ mỗi độ xuân về hè tới chốn núi cô tịch ít bóng người qua lại này lại được dịp phô khoe hoa sắc, thắm đượm hương trời, đưa gió mát trăng thanh vào tận hang cùng ngõ hẻm. Phật Khổ Luân vốn là một trang giai nhân tuyệt thế, sinh trưởng nơi đèo heo gió hút, khi ho còn gầy này khi gặp một đêm lương tiêu thanh dạ như đêm nay, há có thể ngồi một mình, âm thầm chiếc bóng trong căn phòng cô tịch được sao? Nàng càng thấy cảnh đẹp thì lòng càng nao nức xốn xang. Đôi khi nàng không khỏi than thầm số phận mình muộn màng, hẩm hiu. Giữa cái đám quê mùa trong thôn Bồ Nhĩ Hồ Lý thử hỏi có ai xứng đáng là một trang nam nhi anh tuấn tài năng để sánh với nàng nào? Nghĩ tới đó, nàng sức nhớ đến chàng Ô Lạp Đặc lúc ban ngày đứng trên đỉnh núi. Chàng thực là một tay anh hùng khí khái. Khi chàng chỉ huy dân làng xông tới cổng thôn thì cái gương mặt kiêu hùng của chàng càng trông càng thấy đáng yêu. Mũi chàng đỏ, răng chàng trắng, mày chàng thanh, mắt chàng đẹp! Thật là một gương mặt lý tưởng và cuộc hôn phối ấy mới là duyên kỳ ngộ tài tử giai nhân, xứng đôi phải lứa. Nhưng chàng hiện nay lại là kẻ đại thù của nàng, thì mối lương duyên mà nàng mơ tưởng đó cũng chỉ là một trường mộng ảo. Mà thật, tâm tư khúc mắc buồn rầu ấy chỉ mình nàng rõ.

Nàng đứng trước trang viên ngửa mặt lên không nhìn ánh trăng vàng vạc càng như khêu gợi mối u tình. Nàng càng nghĩ tâm tư càng rối loạn. Bỗng nàng sức nhớ cái cảnh ao hồ của thôn nhà vào lúc này hẳn là đẹp lắm, đẹp vì nước lặng trăng sáng.

Hồ nước này cách nhà nàng không xa, ngày thường nàng vẫn cùng hai chị ra ven bờ du ngoạn. Nàng ham cái cảnh đẹp thần tiên ấy nên thông thả rẽ liễu rạch hoa mà đi. Chẳng bao lâu nàng đã thấy hồ nước sáng như gương ở trước mặt, chung quanh vắng lặng như tờ, trên không trăng sáng chiếu xuống đáy nước long lanh. Nàng tìm một phiến đá nhẵn gần bờ nước, ngồi xuống.

Một con suối từ chân núi róc rách chảy ra rồi vòng quanh chân phiến đá chảy xuống hồ.

Lúc đó nàng mới cảm thấy tinh thần thư thái, bao nhiêu ý nghĩ hỗn loạn vừa rồi đã biến mất. Nàng ngửa mặt lên khóc nhìn trăng. Bỗng nàng nghe có tiếng người thở dốc ở hốc núi gần bên. Rồi tiếng cò rậm gáy đổ lác rác tiếp theo. Một bóng người bò ra như một bóng ma.

14. Chương 14: Giai Nhân Sa Miệng Cọp

Phật Khổ Luân thấy cái bóng bò ra, sợ hãi giật mình. Chính lúc định hô hoán ầm lên thì nàng thấy một chàng thiếu niên cổ gượng mãi mới cất được đầu lên. Mặt chàng nhợt nhạt, càng nhợt nhạt hơn dưới trăng. Nàng chú ý nhìn kỹ lại thì ra đó chính là Ô Lạp Đặc. Nàng bị xúc động mạnh, vội giơ cao ống tay áo lên che đôi môi thắm rồi lặng lẽ đứng nhìn.

Ô Lạp Đặc cổ lết, vẻ mặt nhọc và đau đớn in hằn trên khuôn mặt xanh mét. Miệng chàng rên không ngớt. Toàn thân máu me bết áo quần rách toạc tả tơi. Chàng lết mãi, một lúc lâu mới tới được bờ suối. Chàng thấy nước, tỏ ý vô cùng mừng rỡ. Chàng giơ hai tay ra thọc sâu xuống dòng suối rồi vốc lên một vốc nước đưa vào miệng. Chàng uống liền một hơi mấy ngụm, thấy tinh thần sảng khoái phần nào. Chàng ngoảnh đầu lại chẳng ngờ thấy một trang giai nhân tuyệt thế đang đứng ở bên cạnh nhìn mình chăm chú. Chàng giật mình, tỏ vẻ ngạc nhiên đến cùng độ. Một lát sau, bình tĩnh trở lại, chàng vừa thở hổn hển vừa nói:

- Cô nương là người thôn Bồ Nhĩ Hồ Lý phải không?

Phật Khổ Luân chẳng tiện đối thoại với kẻ thù nên khẽ gật đầu tỏ ý xác nhận.

Ô Lạp Đặc thấy vậy, bèn cố gượng đứng dậy rồi lê bước về phía cô gái họ Cán. Phật Khổ Luân cho rằng chàng định tiến tới để báo thù nên vội quay mình định bỏ chạy. Nhưng Ô Lạp Đặc biết ý, vội lên tiếng:

- Ô Lạp Đặc thân đã bị trọng thương, lại bị cô nương bắt gặp thì dù có muốn trốn cũng chẳng thoát được. Cô nương chẳng cần về báo động thôn xóm làm chi! Đặc này có một con dao, tại đây, xin cô nương hãy cắt đầu Đặc đem về làng, cô nương kiếm được chút công lao, còn Đặc này được chết dưới bàn tay một người đẹp như cô nương kể cũng đã mãn nguyện lắm!

Ô Lạp Đặc nói xong thò tay móc con dao, quăng xuống đất keng một tiếng. Thân hình của chàng đổ luôn theo. Phật Khổ Luân nghe chàng nói càng tỏ lòng thương hại. Nàng lại thấy chàng đã ngã vật xuống đất, nằm sõng xoài chẳng cử động gì được. Trước tình cảnh đó, nàng tiến thoái lưỡng nan.

Nhưng chỉ một lát sau nàng thấy lòng mình se lại, vội bước lên mấy bước rồi cúi xuống vực chàng dậy, chẳng ngờ Ô Lạp Đặc bị thương khá nặng nên đã ngắt đi từ lúc nào, trên vạt áo chàng một vết máu lớn đã đóng váng gần chặt vào vai. Những dòng máu tươi vẫn còn chảy ròng ròng không ngừng.

Phật Khổ Luân bất giác xúc động: nàng bèn luồn tay xuống dưới hông Ô Lạp Đặc bế xốc chàng tới cạnh bờ suối gần đó rồi co một bên chân lại, đặt chàng xuống, gối đầu chàng lên đùi mình. Nàng nhẹ nhàng cởi chiếc áo đã rách mướp của chàng rồi lấy tấm khăn vuông bằng lụa của mình, đắp nước suối lau rửa những vết máu bết quanh mình chàng. Nàng lại xé một mảnh áo của mình để băng vết thương. Ô Lạp Đặc nằm ngửa mặt lên trời, ánh trăng vàng chiếu sáng khuôn mặt anh tuấn của chàng càng làm cho nàng thêm động lòng chú ý. Hơi thở của chàng đều đều thổi lên má phớt mịn màng càng làm cho nàng thêm băng khuâng mơ tưởng. Giữa lúc còn mải mê nhìn ngắm khuôn mặt tuấn tú đáng yêu của Ô Lạp Đặc thì bỗng nàng thấy chàng vận mình một cái rồi kêu lên một tiếng: “ôi chao!” và từ từ tỉnh lại.

Chàng thiếu niên anh dũng thôn Lê Bi Cốc mở mắt ra thấy mình nằm ngay trong lòng một giai nhân tuyệt sắc, bất giác mỉm cười. Phật Khổ Luân lúc đó thẹn quá, lấy tay vội đẩy chàng ra và cố nhóm dậy để chạy đi. Nhưng nàng không ngờ bàn tay trái của nàng đã bị nắm chặt, mặc cho nàng tìm đủ thiên phương bách kế để tháo gỡ cũng không tài nào thoát được. Muốn đi mà không được, nàng bỗng nổi cơn giận, vội cúi xuống lượm con dao rồi tiện tay chém thẳng vào cánh tay Ô Lạp Đặc.

Chàng thiếu niên họ Ô nhìn thấy rưỡi dao sáng quắc, thế mà không chút sợ hãi, chàng cố hắt cao đầu lên, miệng vẫn ngọt ngào hỏi:

- Đến bao giờ tôi mới gặp lại cô nương! Tôi không biết lấy gì để cảm tạ tấm lòng quý báu của cô nương!

Phật Khổ Luân nghe xong liền rút tay dao, đáp:

- Chàng muốn gặp lại em ư? Trừ phi chàng tới được miếu Chân Chân!

Câu nói vừa dứt, nàng bỗng cười lên mấy tiếng khanh khách vừa trong trẻo vừa duyên dáng, rồi giơ phất tay ra, quay mình vụt biến vào lùm cây mất bóng.

Về phía đông núi Bồ Nhĩ Hồ Lý có một ngọn núi vách đá dựng đứng, uôn trượng, vôi vôi tận trời xanh.

Nếu từ thôn Bồ Nhĩ Hồ Lý trông lên, ta thấy ngọn núi này in hệt cổ con lạc đà chênh vênh nghêu ngẩn giữa không trung. Do đó, dân làng mới gọi là mỏm lạc đà. Trên ngọn mỏm lạc đà này có một toà cổ miếu dân làng ai cũng muốn leo lên để ngoạn cảnh và viếng chùa. Nhưng khổ nỗi, đường thì đường ruột dê, vách thì vách đá dựng đứng, không có chỗ bám víu, hơn nữa tuyết lại tích quanh năm đầy nghệt không biết đi lối nào mà lên. Cứ đến lúc giao thời xuân hạ, một ngọn thác mới bắt đầu chảy trắng xóa từ mỏm lạc đà xuống như một dải lụa trắng dài thẳng tới mãi đáy hồ. Dưới núi chính là thôn Bồ Nhĩ Hồ Lý. Khi thác nước bắt đầu chảy thì nước hồ dâng lên cao, tràn ngập cả vùng, nhận chìm luôn cả con đường vào núi. Rồi mùa thu tới, bốn phương mây khói đầy trời, âm u mù mịt che kín khắp cửa động Đào Nguyên. Dân làng dù có tìm trăm phương nghìn kế, rút cuộc vẫn hiếm kẻ leo lên được tới nơi tới chốn. Bởi vậy, một toà cổ miếu cách chẳng là bao xa mà chỉ có thể trông chứ không thể đến. Do đó họ mới mệnh danh toà miếu này là Chân Chân miếu. Họ thường nói câu: “Anh muốn tìm em, trừ phi tới miếu Chân Chân”. Đó là ý nói gặp nhau khó lắm, cũng khó như lên tới miếu Chân Chân trên mỏm núi Lạc Đà. Phật Khổ Luân sở dĩ nói ra câu đó

với Ô Lạp Đặc bắt quá chi vì nàng với chàng hai người đã trở thành kẻ thù truyền kiếp, cho nên tìm gặp nhau là điều khó đến không bao giờ có được.

Lúc đó đã quá tháng sáu, thôn Bồ Nhĩ Hồ Lý sớm đã phủ một màu thác trắng như bạc. Công việc đồng áng vừa xong, dân làng đều cưỡi ngựa vai mang cung tên, tìm đến những nơi bờ suối sườn non để săn bắn kiếm ăn. Ông Cán Mộc Nhĩ cũng mang theo năm bảy tay gia nhân lực lưỡng, ngày ngày vào dãy núi phía tây bắn điều hâu và săn hươu nai. Có một hôm ông bắn được một con mang, lấy dây đeo lên vai, miệng cười sảng sặc trở về nhà. Ba chị em Phật Khổ Luân chạy ra đón cha, rồi đem con mang vào nhà sau cắt thịt nướng chả nhấm rượu với nhau. Lát sau, ông Cán ở trước sân mới ngửi thấy mùi thịt nướng thơm đến chấy mũi, vội chạy ra nhà sau thấy ba cô con gái đang nướng chả uống rượu, trò chuyện om sòm. Ông bèn lớn tiếng nói vọng ra ngoài:

- Này, bà con ơi! Vào đây! Vào đây! Bọn ta hãy vào đánh chén đã, nếu không thì chị em lũ này ăn hết mất.

Tiếng gọi vừa dứt thì có tới mười hai, mười ba người kéo vào, nào già trẻ nào trai nào gái, toàn gia quây quần tại bàn ăn, cười nói vui vẻ. Ăn uống đã lưng lửng bụng, ông Cán Mộc Nhĩ mới chỉ cô gái út Phật Khổ Luân, vừa cười vừa nói:

- Con bé này này, nhỏ người mà tinh quái lắm! Mày lừa mọi người để đánh chén một mình. Mày chẳng biết cha mày với anh mày săn được một con mang đem về, vất vả gian nan biết bao ư? Lũ chúng mày trẻ nít chỉ biết có ăn chứ chẳng nghĩ tới ai cả! Hà! Hà! Hà!

Nghe cha nói có vẻ giấu mình, Phật Khổ Luân làm ra vẻ bướng bỉnh, vênh mặt lên, quai mồm ra nói:

- Lũ trẻ nít làm sao? Cha bảo lũ chúng con không làm được việc gì ư? Vậy ngày mai, con sẽ cùng các chị con lên núi bắt một con mang về đây cho cha xem.

Ông Cán nghe con nói, cũng ngênh vẹo cái đầu sang bên trái rồi chau mỏ ra, tỏ vẻ không tin hỏi:

- Thật hả?

Cô gái út trả lời ngay:

- Có gì mà chẳng thật, thưa cha!

Ông Cán càng tỏ vẻ hoài nghi cười rồi bảo:

- Đưa tay mày ra đây!

Phật Khổ Luân không chút do dự, chìa ngay bàn tay ra để cùng cha bắt tay đánh cá. Cả nhà đang ăn uống, thấy câu chuyện “tân kỳ” đều ngưng đũa, cười vang rồi cùng nói với cái giọng nửa đùa nửa giễu:

- Bà con mình hãy để bụng chờ thịt mang của cô ba ngày mai nữa chứ? No rồi thì còn nhậu vào đâu được?

Sáng hôm sau, Phật Khổ Luân nai nịt gọn gàng, mình mặc áo chên cộc tay, chân đi giày leo núi, cùng với hai chị cưỡi trên lưng ba con ngựa đốm hoa đào, đem theo mấy con chó săn khôn lẹ, phi nhanh vào rừng. Khi đã vào tới sườn núi họ nhảy xuống, cột ngựa vào mấy gốc cây khô bên đường: mỗi người đem theo một con chó, kẻ sục sạo hướng tây, người tìm kiếm về phía đông. Trên mặt đất phủ tuyết trắng xoá, không biết cơ man nào là dấu chân sói chứng tỏ đàn sói đông lắm vừa mới đi qua. Cô chị cả Ấn Khổ Luân bảo hai em:

- Này hai em. Bọn ta phải đề phòng cẩn thận. Vùng này vừa có một đàn sói kéo qua, dấu chân còn in rõ mồn một trên tuyết. Bởi vậy, bọn ta không nên đi xa nhau, phải ở gần nhau luôn mới được!

Phật Khổ Luân tuy miệng luôn vâng dạ, tỏ ý nghe theo lời chị, nhưng vẫn cúi đầu xuống tìm vết thú. Một lúc sau, nàng thấy con chó của nàng ngửa mặt lên trời, kêu một tiếng lớn xong chạy như bay về phía chân đồi, tới một cửa hang mở toang hoác ở dưới chân vách đá, rồi dùng hai móng cẳng trước cào tới như điên. Nàng vội chạy theo sau.

Biết chắc trong hang có dã thú nấp, nàng quay lại lấy tay ngoặc hai chị. Chính Khổ Luân và Ấn Khổ Luân vội chạy tới, thấy trong vách có ba cái hang nhưng cái ở mé tây thì lớn hơn. Hai nàng cởi mấy cái lưới thú đeo bên sườn ra, chằng kín cửa hang lớn rồi lấy sào chọc vào trong hai cái hang nhỏ.

Bỗng có đến sáu bảy con thỏ rừng nhảy ra khỏi hang, nhào vào mấy cái lưới, xông bên này, húc bên kia lung tung, cuống quýt nhưng làm sao mà thoát được. Ba chị em Phật Khổ Luân sung sướng đến phát điên lên được.

Tức thì không ai bảo ai, cô út lấy tay giữ chặt lấy lưới, cười như nắc nẻ, cô hai thò tay vào bắt từng con bỏ vào cái dậu lớn mà cô chị cả đang cầm banh cái miệng rộng toang hoác ra. Bắt thỏ xong, các cô hí hửng, khoan khoái lắm. Chính Khổ Luân như nghĩ ra điều gì, tỏ ý chưa thỏa mãn nên đề nghị:

- Bọn ta tuy bắt được một đàn thỏ, nhưng em ba ở trước mặt ba đã bạo miệng nói phét là sẽ bắt được một con mang như con mang hôm trước đem về. Tôi xem ra mang là giống thú rất nhát, bởi vậy bọn ta phải vào những nơi núi vắng lặng thì may ra mới thấy chúng.

Ấn Khổ Luân nghe xong liền nói:

- Em hai nói có lý lắm!

Phật Khổ Luân nói:

- Đã nói như vậy thì bọn ta sợ gì mà không tới chân mỏm Lạc Đà tìm chúng một phen?

Thế là ba cô chẳng ai bảo ai vội chạy xuống sườn đồi nhảy lên yên ngựa vòng một vòng hết eo núi thì đã thấy mỏm Lạc Đà cao vợi vợi trước mắt, bên dưới là hồ nước của thôn Bồ Nhĩ Hồ Lý. Nước hồ lúc đó đã đóng lại thành băng. Ba cô cho ngựa đi quanh ven hồ, khi đến mút đường thì thấy lối trèo lên núi cong queo ngoằn ngoèo. Thế núi càng lên càng hiểm trở, lại thêm băng tuyết đầy nghè cả hố hốc, khiến đường đi lối lại càng khó khăn hơn. Cả bọn bỏ ngựa đi bộ, nắm dây, vịn cành mà đi ngược lên. Đi một lúc, ba cô mệt nhoài, thở hổn hển. Bỗng thấy một đàn ưng bay vút qua, Chính Khổ Luân vội kêu cô chị Ấn Khổ Luân:

- Kìa chị, bắn mấy con ưng đi!

Ấn Khổ Luân lúc đó cũng đã trông thấy, vội rút tên, giương cung bắn vút một phát lên không; tức thì con ưng trúng tên lặn nhào xuống đất. Chó của nàng thấy chủ hạ được con ưng, thì kêu lên “ăng ăng” rồi co giò chạy như bay tới ngoặt lấy đem về.

Ba chị em họ Cán lúc đó thấm mệt, chọn một tảng đá lớn bên đường ngồi xuống nghỉ chân, vừa nói chuyện vãn vừa gỡ gói lương khô ra ăn. Phật Khổ Luân thấy mũi tên xuyên qua đầu con ưng liền tấm tắc khen tài thiện xạ của chị. Nàng còn bảo thêm, chả trách chồng chị cứ hề thấy chị là sợ hết vía lên thì phải!

Giữa lúc nói chuyện vãn đó, Chính Khổ Luân bỗng nhìn thấy một con chồn đang men theo vách núi chạy tới. Nàng vội giật chiếc cung trong tay rồi rút tên, bắn một phát trúng ngay giữa sống lưng con chồn, chồn bị thương quần quai trên vũng máu, chó ta chạy tới ngay từ lúc nào, ngoặt cổ nó đem về cho chủ. Phật Khổ Luân thấy hai chị người thì được chim, người thì được thú thì khoái chí la lên:

- Tốt lắm! Hai chị chuyến này đều đã có lời rồi chỉ còn em là chưa có cái gì thôi.

Nàng chưa nói xong thì đã nghe tiếng mang kêu gần đấy.

Nàng liền vỗ tay reo lên mà nói:

- Hay quá! Chuyến này thì em phải nhập phần với hai chị!

Nói đoạn, nàng đứng phắt dậy, nách kẹp cung tên, vội chạy vòng ra sau triền núi, chẳng thèm đợi hai chị. Ấn Khổ Luân ở đằng sau kêu mà nàng cũng chẳng đáp. Chính Khổ Luân thấy nàng đã đi xa bèn vội vàng đuổi theo, chỉ có mình Ấn Khổ Luân rớt lại sau, đường núi vừa trơn vừa gập ghềnh khó đi, nàng phải chú ý đếm từng bước. Đi một lúc nàng nhìn về phía trước, cố tìm hình bóng hai em mà chẳng thấy. Khi vừa tới eo núi, nàng bỗng nghe thấy tiếng kêu khóc của cô em thứ hai. Nàng giật mình kinh hoàng, vội chạy về phía trước, chỉ thấy Chính Khổ Luân vừa bò vừa nhảy trên sườn núi vách đá dốc dựng ngược lên. Nàng thấy vậy càng kinh hoàng, trống ngực đánh thình thình, đôi chân cơ hồ như mềm nhũn ra.

Nguyên tại, Phật Khổ Luân khi đến giữa lưng chừng núi thì bị một con cọp lớn lông vàng vằn đen, tấp một miếng vào hông rồi nhấc lên đem tấp vào trong rừng rậm, cây cối um tùm. Con chó sợ cọp cũng hoảng hồn bạt vía, quắp đuôi, theo rêu rêu đằng sau Chính Khổ Luân, chân đi xiêu bên này vẹo bên kia mà miệng thì

la ăng ăng. Con mãnh thú chỉ trong nháy mắt đã mang Phật Khổ Luân chui tọt vào rừng sâu mất hút. Ấn Khổ Luân chỉ còn có nước kêu trời rồi oà khóc rống lên.

Lúc đó nàng đã đuổi kịp Chính Khổ Luân. Hai chị em liều mạng theo vào rừng, kiểm khắp mọi nơi nhưng tứ bề vắng ngắt, chẳng thấy tung tích cô em út đâu cả, cũng chẳng nghe được một tiếng la, tiếng rên, tiếng khóc của nàng. Họ theo dõi dấu chân còn in hằn trên tuyết, thì thấy chỗ cô em út bị con mãnh thú vồ cả một vùng rộng lớn đầy rẫy những dấu chân. Họ theo dõi đến mé tây khu rừng thì bỗng mất dấu, không còn biết đường nào kiểm thêm nữa. Hai chị em vô cùng hoang mang, vừa khóc vừa kêu em, chạy hết chỗ này sang chỗ khác mà tuyệt vô âm tín. Trời lại gần tối mà tìm mãi, không thấy vẫn hoàn không thấy.

Chính Khổ Luân trong lòng hoảng loạn, hét lên một tiếng rồi co chân định gieo mình xuống chân núi, may nhờ có Ấn Khổ Luân nhanh mắt, vội nhảy tới chụp lấy em, giữ lại được.

Hai chị em chẳng còn cách nào hơn là quay xuống núi về nhà, lòng đau khổ vô cùng tận. Tới nhà thì trời đã tối mịt, hai chị em đem hết tình tiết ra kể cho cha và mọi người nghe.

Thế là cả nhà oà lên khóc thảm thiết. Bà mẹ thương con khóc đến ngất xỉu. Lúc tỉnh dậy, bà hối thúc chồng đem gia nhân lên núi tìm con ngay trong đêm đó. Ông Cán Mộc Nhĩ càng thêm hối hận vì tại mình cá với con nên mới xảy ra chuyện thương tâm. Ông không dám trái ý vợ, vội kêu một số đông gia nhân, kẻ cầm thương, kẻ vác đao, kẻ dắt đuốc, người xách đèn lồng, sửa soạn để vào rừng tìm kiếm...

15. Chương 15: Tình Vương Ý Nhạc

Lại nói Phật Khổ Luân bỏ mặc hai chị lại sau, chạy lên núi, đưa mắt tìm kiếm mọi nơi mà chẳng thấy con mang dấu cả. Giữa lúc xuất thần ấy bỗng nàng nghe đằng sau có tiếng thở phì, liền quay đầu lại, mồ hôi toát ra như tắm. Đáng thương cho hai cặp giò của nàng, chúng mềm ra như bún, khụy xuống không còn cách gì để nâng nổi tấm thân lên mà chạy nữa. Thì ra, đằng sau nàng là con cạp vằn to lớn phóng từ khu rừng ra, giơ vuốt nhe nanh chộp nàng. Phật Khổ Luân là một cô gái nhỏ thì làm gì có can đảm chống lại con thú dữ! Con mãnh thú đã phi tới gần sát sau lưng nàng bèn đập đuôi, gầm lên một tiếng lớn, rồi đứng thẳng lên như người, giơ hai chân trước to bằng hai cái quạt nan có vuốt sắc tua tủa, chộp ngay vào vai nàng. Tội nghiệp cho nàng, ba hồn chín vía lúc đó bay lên tận trời xanh, nằm vật ra trên mặt tuyết bất tỉnh nhân sự, mặc cho con mãnh hổ tha đi đâu thì tha.

Nàng mê đi không biết đã bao lâu, rồi bỗng bên tai văng vẳng tiếng người khê gọi. Nàng dần dần tỉnh lại và mở mắt.

Đang hoảng sợ nàng chợt cảm thấy kinh dị. Bởi vì con mãnh hổ trước mắt bỗng nói lên tiếng người, khe khe bảo nàng:

- Cô nương đừng sợ. Tại hạ là Ô Lạp Đặc đây!

Trong khi nàng đang ngơ ngác thì con cạp vằn đã đưa hai chân lên kéo soạt một tiếng, tấm da cạp khoác trên mình bật tung ra sần, để lộ một chàng trai khôi ngô tuấn tú, mặt mũi sáng sủa, mình cao ngực nở, chân tay vạm vỡ, đáng điệu thật oai hùng. Đằng sau chàng, lại có đến sáu bảy tên đại hán cũng cao hùng dũng.

Ô Lạp Đặc quay bảo bọn đại hán khiêng cái ghế xích đu kết bằng dây lại rồi tự mình gọi Phật Khổ Luân dậy đặt nàng vào trong ghế, ôn tồn bảo nàng:

- Cô nương đừng sợ! Chiếc dây kéo này chắc lắm, không thể đứt được đâu!

Vừa nói chàng, vừa lấy tay lắc lắc sợi dây dài, thông từ trên đỉnh núi cao, lơ lửng giữa khoảng không. Nàng la hoảng, hai tay ôm ghì lấy chiếc ghế, mắt nhắm nghiền. Nàng có cảm giác như mình đang lướt mạnh trong mây, bay lên tận đỉnh núi. Bỗng chiếc dây kéo ngừng lại. Nàng mở mắt ra xem, thì đó chính là mỏm Lạc Đà, trước miếu Chân Chân.

Miếu Chân Chân là gì và hình dạng ra sao? Nguyên lai, trên đỉnh núi này có một phiến đá đỏ lớn chia ra ngoài như một mái nhà để lộ bên dưới một cái động sâu hoắm, từ chân núi nhìn lên nó tựa một cái miếu nhỏ có tầng đồ thờ.

Ô Lạp Đặc lúc đó đã lên tới đỉnh núi. Từ trong động chạy ra hai đứa bé gái, dắt tay Phật Khổ Luân tiến thẳng vào trong.

Cửa động có hai bức màn lụa lớn màu đỏ che kín. Hai đứa bé gái tháo bức màn lên, bên trong đèn đuốc sáng trưng. Ở bốn vách treo nhiều tấm màn da, trải một tấm đệm dày. Trên chiếc giường mới trải một tấm nệm gấm đặt song song đôi gối thêu. Tóm lại căn động trước trang trí một cách hoa lệ.

Phật Khổ Luân ngồi xuống giường, mặt cúi gằm, tay mân mê tà áo chẳng nói một lời nào. Ô Lạp Đặc bước lại trước mặt nàng, chấp tay lạy ba lạy, lại nằm bò xuống đất, dập đầu tỏ vẻ hết sức cung kính. Nàng mặc cỡ quá vội đứng dậy, quay mặt đi chỗ khác, và chẳng thèm quay lại nữa. Nàng chỉ nghe Ô Lạp Đặc vẫn nằm bò dưới đất, nhỏ nhẹ nói:

- Tên Ô Lạp Đặc này bình sinh là một thám tử lòng gan dạ thép, chưa bao giờ mềm yếu trước phụ nữ, trong thôn Lê Bì Cốc tại hạ, biết bao nhiêu là cô nàng xinh đẹp. Từ trước đến nay, tại hạ thực chẳng bao giờ để ý đến họ. Nhưng từ khi gặp cô nương dưới ánh trăng trong, bên hồ nước bằng tại hạ đã nguyện đem tất cả tâm hồn giao phó cho cô nương. Hơn nữa, cô nương lại còn vui lòng cho phép tại hạ tương kiến ở Chân Chân miếu. Thành thử tại hạ ngày đêm ăn không ngon, ngủ không yên, ngồi đứng cũng bâng khuâng mong nhớ. Tại hạ phí bao nhiêu tâm tư đặt kế tìm phương đến đỉnh núi này, trần thiết trang hoàng căn động này. Đôi khi tại hạ có ý xông vào thôn để cướp lấy cô nương đem về nhưng lại sợ cô nương giận và mang tiếng cho cô nương. Tại hạ chỉ còn cách ngày ngày âm thầm dò thăm tin tức để đón lấy một dịp tốt. May thay, được tin cô nương lên núi đi săn, tại hạ liền giả trang làm cạp chờ đợi dưới chân núi. Hình như ông trời cũng có lòng thương cho nên cô nương quả nhiên đã tới. Đã tới chốn này rồi thì đó thực là cô nương đáp ứng lời hẹn tương kiến tại miếu Chân Chân với tại hạ. Và từ bây giờ, tại hạ xin bỏ hết mọi việc để ở lại động núi này hầu hạ cô nương, xin cô nương vui lòng cho phép!

Thật là một thiên tự sự hàm chứa biết bao ý nghĩa yêu đương tha thiết. Phật Khổ Luân lòng cảm động đến cực độ, hai má ửng hồng, miệng tuy không nói nửa lời nhưng cặp mắt huyền đa tình đã liếc nhanh về phía tri kỷ mà mãi hôm nay nàng mới được gặp.

Từ đó hai người như chim liền cánh, như cây liền cành. Bất cứ khi đứng khi ngồi, lúc ăn lúc ngủ, chàng và nàng không một chút nào rời nhau nữa. Sơn động trước đây vắng vẻ, lạnh lùng thì nay lại ấm cúng, thi vị. Cặp mắt nhân duyên trời định trước tưởng hết muôn ái nghìn ân trong lòng sơn động trang trí huy hoàng. Có khi họ ngồi cạnh lò sưởi, kể cho nhau nghe các chuyện vui trẻ thời niên thiếu thơ ngây. Có khi họ đối diện với hoa tươi cỏ biếc mà cầm kỳ, thi tửu. Bao nhiêu ngày tháng đối với họ đã mất đi trong lãng quên. Rồi một mùa đông qua.

Trời đất bước sang xuân, Phật Khổ Luân một hôm ngẫu nhiên nhìn qua cửa động chỉ thấy tuyết tích khắp sơn khê trắng xóa một màu, nàng phóng tầm mắt ra xa hướng về phía quê cũ cảnh xưa, đồi núi nhấp nhô chẳng khác gì điện ngọc lầu vàng cao vút lên không trung, nàng lại nhìn về phía tây một dãy nhà thấp lè tè trong sơn ao hiện rõ mồn một. Nàng biết đó chính là nhà nàng. Nàng nhớ tới cha mẹ chẳng biết giờ này đau khổ ra sao, bất giác hai hàng lệ từ từ lăn trên gò má lúc nào không hay. Nàng cảm thấy lòng tê tái, vội quay vào trong động, ngồi lặng lẽ trên chiếc giường đệm gấm, gối bông để cho nước mắt tuôn xuống như mưa.

Ô Lạp Đặc thấy vậy vội chạy lại giơ hai tay ôm nàng vào lòng, rồi thì thầm an ủi. Phật Khổ Luân tuy một mặt nhớ tới cha mẹ nhưng mặt khác không thể bỏ được người yêu trước mặt. Chàng tận lực truy vấn, lúc đó nàng mới đem tâm sự mình ra nói cho chàng hay. Ô Lạp Đặc nghe xong cúi đầu suy nghĩ một hồi rồi nói:

- Anh sẽ mạo hiểm đưa em về nhà!

Phật Khổ Luân, lắc đầu lia lịa rồi nói:

- Như vậy không được đâu! Gia đình em thù anh đến tận xương tủy. Anh lại còn bắt cóc em đi nữa. Như thế thử hỏi, cha mẹ có chịu để anh yên thân không? Chuyện này nếu anh ra đi, ắt tính mạng khó toàn. Tốt

hơn hết là anh cho em trở về một mình, khi gặp cha mẹ em sẽ có cách ăn nói.

Chàng tưởng đến cái cảnh chia tay nào nề sắp tới, bất giác nhỏ mấy giọt lệ anh hùng thấm ướt cả khăn nàng. Với một giọng ảo não thê lương, chàng nói:

- Em ra đi có liệu cách tính nào cho anh chăng?

Nàng nghe câu đó, lòng se lại, ruột như đứt ra trăm đoạn.

Nàng tự nhủ thôn Bồ Nhĩ Hồ Lý có kẻ trai nào đa tình được như chàng đâu. Song đã là kẻ thù truyền kiếp của nàng thì cái đoạn nhân duyên này thực không thể nào thành tựu được. Mà đã thế thì từ đây đời nàng đành chịu cô đơn lạnh lẽo. Nàng không còn chút hy vọng gì cùng chàng thành đôi vợ chồng trăm năm đầu bạc. Nghĩ tới đó nàng giật mình sợ hãi. Nàng cố xua đuổi ý nghĩ rùng rợn đó. Và trong lúc thẳng thốt, nàng phản ứng mãnh liệt, miệng vừa nói mắt vừa nhìn chăm chăm vào mắt chàng:

- Phen này em trở về thăm cha mẹ, phải chăng đây là cuộc vĩnh biệt đau lòng? Anh ạ! Sớm là sáu tháng, chầy là một năm, anh nên tính cách đi tìm em để cho em được cùng anh thành đôi vợ chồng bách niên giai lão. Em chỉ sợ lúc đó anh thay lòng đổi dạ mà thôi!

Ô Lạp Đặc vừa nghe đến đây liền rút trong bọc ra con dao nhỏ, đâm một nhát vào cánh tay, máu chảy ròng ròng. Chàng cầm lấy chén rượu đưa lên hứng máu rồi chuyển đến miệng nàng. Phật Khố Luân tiếp lấy uống cạn một nửa còn một nửa chàng cầm lấy uống nốt. Đây là một cách lập thệ tối trọng của dân địa phương vùng Trảng Bạch, có nghĩa là, nếu phản bội lời thề thì sẽ bị giết chết và còn bị sát thủ uống máu mình.

Phật Khố Luân thấy Ô Lạp Đặc tự đâm một nhát dao nên càng quyến luyến không muốn rời chàng, nàng vội dịt vết thương cho chàng rồi đỡ chàng nằm xuống an nghỉ.

Hai người ở lại trong động tiên mười ngày nữa. Một đêm nọ, trăng sáng như ban ngày, vành trăng vành vạnh toả ánh vàng xuống đồi cây ngọn núi. Cặp tình nhân ngồi kề vai ngoài cửa động ngắm trăng. Quang cảnh huyền ảo của đêm trăng càng làm cho Phật Khố Luân tưởng nhớ tới cha mẹ. Nàng đã bao phen thấm ướt khăn hồng. Ô Lạp Đặc phần thương người yêu phần khích động hùng khí, liền dặn bảo gia nhân treo ghế xích đu lên. Hai người cầm tay nhau mãi, rồi chàng đứng trên đầu núi bùi ngùi trông xuống, cho tới khi người yêu mất bóng mới thở dài, trở vào động.

Lại nói Cán Mộc Nhĩ khi lạc mất cô con gái cưng Phật Khố Luân, lúc nào cũng đau khổ buồn rầu. Ngày nào cũng vậy, ông đem người đi khắp núi trước núi sau để tìm kiếm. Ông đã tìm kiếm đến một tháng mà tung tích con chẳng thấy đâu.

Ông ra thở vào than, sờ tai gãi má, lẩm lức như ngây dại. Bà Cáp cũng không hơn gì. Bà nhớ tới con gái mà lòng đau như cắt, kêu khóc thảm thiết rồi ốm nằm liệt giường. Hai người chị mất thấy Phật Khố Luân bị cọp bắt tha đi lòng càng chua xót trong lòng. Người nào cũng khóc ngất từng hồi. Đám gia nhân thấy đều mặt buồn rười rượi. Ngoài trời hồi đó còn giữa đông, băng tuyết bạt ngàn, tình đã thê thảm mà cảnh lại thê lương, thành thử gia đình trước kia vui vẻ bao nhiêu thì ngày nay lại lặng lẽ bấy nhiêu.

Không bao lâu, đông qua xuân tới. Cô chị Ân Khố Luân đã trở về nhà chồng. Trong nhà chỉ còn lại mình Chính Khố Luân. Nàng lúc nào cũng ủ rũ, đêm đến ghé lại giường mẹ ngồi để an ủi, luôn tay khâu giày vá dép dưới ánh đèn, lòng nhớ tới em mặt cho lệ tràn sóng mắt.

Bỗng một đêm canh khuya, mọi người ngạc nhiên thấy cánh rèm rung động. Rồi một bóng người lách cửa bước vào. Mọi người nhìn kỹ thì chẳng phải ai xa lạ, chính là người mà cả nhà mỗi mắt đợi trông đã bấy lâu nay. Người đó chính là Phật Khố Luân. Chính Khố Luân thấy em gái bước vào vội la lên một tiếng sung sướng, nhảy tới trước, giơ hai tay ôm chầm lấy nàng, miệng nói:

- Trời ơi! Em tôi đã về!

Bà mẹ đang ngủ, giật mình tỉnh dậy, mừng rỡ khôn xiết.

Bà kéo nàng vào lòng, hôn lấy hôn để vào mớ tóc mây của cô gái cưng xa nhà đã lâu ngày. Toàn gia, già trẻ trai gái; được tin đều chạy ủa vào phòng để thăm hỏi. Ông Cán Mộc Nhĩ cầm lấy tay con, giọt ngấn giọt

dài, hỏi hết mọi điều. Nàng đứng trước mặt cha không dám nói thật. Nàng bịa chuyện rất khéo, đến nỗi cả nhà đều tin là thật.

Hôm đó, nhìn thấy con cộp vằn, con sợ quá ngất đi. Cộp tha con qua không biết đến mấy triền núi. May thay mấy người thợ săn đuổi bắt được cộp, cứu con khỏi miệng cộp. Thấy hông con bị thương, họ liền đưa về nhà chữa chạy. Gia đình họ có một mẹ già, bà ta săn sóc con rất chu đáo. Hai tháng qua vết thương vừa lành thì con lại sốt. Gia đình họ sống trong lều. Bởi vậy khi con sốt mê man bất tỉnh, họ phải chuyển đi hết chỗ này đến chỗ khác, càng ngày càng xa dần. Lúc hết bệnh con mới biết họ đưa con đến mã trại Hà Dương!

Ông Cán nghe đến đây liền thốt lên:

- Úi chà! Trại Hà Dương cách đây những tám trăm dặm. Vậy con làm cách nào về được tới đây?

Phật Khổ Luân tiếp lời cha nói:

- May thay giữa đường con gặp một bọn thợ săn khác quen họ. Bọn này nói họ qua phía Bắc núi Trang Bạch để bắn chim diều. Nhờ đó, con mới xin bọn này giúp đưa con về nhà.

Cả nhà nghe kể ai cũng tin nàng nói thật chứ có ngờ đâu đó là chuyện bịa!

Đêm hôm đó, nàng lại cùng chị là Chính Khổ Luân chui vào chăn nằm cùng giường ngủ như xưa. Ngày hôm sau, Ấn Khổ Luân, cũng đã được tin, vội chạy về thăm em. Ba chị em được đoàn tụ như trước, người nào cũng vui mừng khôn xiết.

Thôi thì hết chuyện này qua chuyện khác, họ cười nói suốt đêm mà không chán. Phật Khổ Luân lâu ngày gặp chị nên cầm tay chị, không cho về nhà riêng với chồng nữa. Từ hôm đó ba chị em lại ở chung một nơi để trò chuyện, hàn huyên. Toàn thân thấy cô gái cứng của ông Cán trở về yên lành, ai cũng có ý mừng chạy tới hỏi thăm.

Mùa xuân qua, tiết trời đã sang tháng ba. Đây là mùa của hoa trà mi. Dưới chân núi Trảng Bạch, trăm hoa đua nở xinh tươi. Nào hạnh, nào đào, nào mận, tất cả đang trong mùa rực rỡ. Gió xuân mát mẻ, mặc một chiếc áo mỏng không còn thấy lạnh. Bởi vậy, dân chúng địa phương đã từ lâu phải chịu lạnh lẽo vì băng tuyết, nay được dịp xuân sang hoà ấm, ai lại chẳng muốn đi dạo chơi nơi bờ suối ven đồi để thưởng hoa hóng gió.

Lúc đó, từ trên mỏm Lạc Đà, một dòng thác trắng xoá đã bắt đầu đổ xuống. Tiếng nước dội vào đá, nghe ầm ầm ào ào suốt từ hạ qua thu. Trong đêm khuya, dân Trảng Bạch sức tỉnh giấc nồng, ai mà chẳng nghe thấy tiếng nước đổ trào ấy?

Đối với họ, những tiếng ấy đã quá quen thành nhàm nên chẳng có nghĩa lý gì, trái lại, đối với Phật Khổ Luân thì nó có một tác dụng kỳ lạ làm cho lòng nàng rối loạn không lúc nào không xao xuyến, băng khuâng. Đã có nhiều đêm, nàng thao thức nằm canh, để mặc cho đôi dòng lệ chảy xuống như mưa trên đôi má phấn mịn màng. Trai thanh gái lịch trong vùng xúng xính trong bộ y phục sắc sỡ diêm dúa để rong chơi đây đó, nhưng riêng Phật Khổ Luân không ra khỏi phòng, chỉ suốt ngày âu sầu buồn bã ngồi lặng trên giường. Nàng nhớ tới khi cùng Ô Lạp Đặc ân ái trên mỏm Lạc Đà để mặc cho tâm hồn như si như mê, bay tới tận đỉnh núi. Mẹ nàng thấy nàng biếng ăn nhác ngủ, trần trọc ngày đêm, cho rằng nàng bị bệnh nên vội đi khắp nơi cầu Thần, bái Phật. Duy chỉ có Ấn Khổ Luân ngấm ngấm để ý và liệu biết đôi phần...

Một hôm, ông Cán Mộc Nhi nhận thấy con bị bệnh, bèn ời thầy pháp tới nhà bắt ma trừ tà. Trong nhà ngoài sân, trai gái, già trẻ được một dịp ồn ào, náo nhiệt. Ấn Khổ Luân nhân lúc vắng người, lén vào phòng nàng thấy nàng ngồi bó gối âu sầu trên giường. Người chị ngồi sát bên cạnh, thì thầm bảo nàng:

- Nay con quỉ ơi! Bên ngoài người ta đang cúng ày đấy! Liệu chị mày lại không đoán được bệnh của mày sao?

Phật Khổ Luân thấy chị bắt được thóp giết mình, luống cuống không nói được nên tời, chỉ chằm chằm nhìn vào mặt người chị như để dò xét, cầu cứu. Ấn Khổ Luân trước thái độ đó lại càng tin thêm bảy, tám phần, bèn nói:

- Hãy khoan biện bạch! Em nghe lời chì hời đây. Em bảo em bị cộp cấn ngang hông tha đi, về sau chữa lành được, thế mà sao chỗ hông chẳng có vết sẹo? Em lại còn bảo em bị sốt nặng. Bọn ta người quan ngoại mỗi khi bị bệnh sốt nóng lạnh, người đau nằm liệt đến hàng vài, ba chục ngày mà chưa chắc đã khỏi, hoặc khi đã khỏi rồi sắc mặt cũng không thể phục nguyên mau chóng được. Huống hồ, trong khi bệnh em phải theo bọn du mục sống trong lều vải, chuyển hết chỗ này tới chỗ kia hết sức vất vả. Vậy mà sau khi em đau nặng, chị chẳng thấy có một chút nào gọi là đau cả, cũng chẳng thấy có một chút nào gọi là vất vả cả? Khi em về tới nhà, chị đã để ý cẩn thận thì thấy em chẳng có vẻ gì là tiêu tụy, trái lại, gương mặt còn có vẻ xinh tươi hơn ngày xưa. Rồi lúc em kể nỗi khổ cực trên đường, chị thấy em nói năng hoạt bát vui tươi, chẳng thấy có một tí gì gọi là buồn bã âu sầu, trái lại, còn có vẻ mừng rỡ, hí hửng nữa. Tuy vậy ngoài miệng tuy xoen xoét nói khổ cực chứ thực trong lòng không phải vậy. Còn điều này nữa, em theo bọn du mục chạy hết chỗ này đến chỗ kia, cùng với tụi đàn ông sống chung trong lều thì quyết em không thể giữ tròn được danh tiết. Em biết rằng tụi đàn ông con trai nơi quan ngoại này, đứa nào thấy gái cũng lác la lác lém như chó đói thấy thịt, mèo hoang thấy mỡ. Bọn chúng vốn là một bọn sẵn bản man rợ, thô lỗ. mà em lại là cô gái dậy thì xinh đẹp. Trong lúc gặp nạn em phải theo bọn chúng sống chung nhiều ngày, thử hỏi em có bản lĩnh gì để bảo toàn được thân mình? Không thể bảo toàn được thân mình thì lúc về tới nhà em ắt phải khổ sở buồn rầu. Thế mà nay, sau khi về, em chẳng có vẻ khổ sở buồn rầu tí nào. Bởi vậy, câu chuyện của bọn du mục, theo phỏng đoán của chị, chỉ là một câu chuyện bịa thôi. Chị nói điều này em đừng giận nhé: chỉ đã quyết rằng ngày nay em không còn là một cô gái nhỏ nữa. Không còn là một cô gái nhỏ nữa nghĩa là trong bụng đã có con rồi, tức là có bầu rồi đó.

Phật Khổ Luân nghe tới đây, đôi má phấn mịn màng bỗng đỏ ửng lên như gấc chín. Nàng chỉ thốt lên được một tiếng “á” rồi thì câm bặt, mặt xám ngoách lại. Án Khổ Luân không muốn cho nàng phân trần liền nói tiếp:

- Mấy hôm nay em bệnh làm cha mẹ cuống quýt cả lên. Nhưng kỳ thực em đâu có bệnh. Giá có chẳng nữa thì cũng chỉ tại cái “nghiệp chướng” trong bụng nó làm eo mà ra. Em đừng che chống nữa. Dù em không chịu nói ra thì cái dáng điệu uể oải, cái khí sắc men mết kia sớm đã cho chị rõ rồi. Thường thường em chẳng ói mửa đó sao? Đã chẳng thèm của chua đó sao? Tất cả những triệu chứng đó báo hiệu đứa bé trong bụng làm eo đó. Cha mẹ nhất thời bị em qua mặt vì lòng thương em, chứ chị thì làm sao em giấu nổi. Nếu không tin lời chị, em hãy lấy kiếng mà soi, em sẽ thấy mi tâm trên mặt xơ xác, trông còn già dặn hơn cả chị nữa! Em yêu quý của chị! Em hãy nói thật cho chị nghe đi. Em hãy nói tất cả những gì xảy ra cho em ở ngoài...

Án Khổ Luân nói một thôi một hồi khiến Phật Khổ Luân vốn có tật giật mình đành phải câm lặng. Những lời lẽ của chị đối với nàng quá rõ ràng rành mạch. Thật là một tiếng sét mà nàng không kịp bưng tai. Đã bao ngày nàng xa cách người tình chung cho nên lòng nàng không thư thái, mặt nàng không vui tươi được. Lại thêm cái bụng kia đã reo rắc họa căn, một bầu tâm sự vừa náo nức sầu khổ, vừa xấu hổ lo âu. Nàng lo buồn hơn nữa là không có lấy một ai khả dĩ giúp mình để bàn tính mọi việc. Cho nên khi nghe chị nói đúng tâm can của mình, với những lời vừa chân xác vừa thân mật, nàng bất giác xúc động can tràng rồi bỗng nàng ngẩng đầu lên nhìn chị như có vẻ cầu cứu, sau đó ném cả thân hình vào lòng chị, nức nở không thành tiếng. Nàng ôm ghì lấy chị, mặc cho đôi dòng lệ tuôn trào ướt đầm cả vai áo chị. Nàng thút thút khóc một hồi lâu, mấy lọn tóc mây trên đầu bù rối, loã xoã xuống đôi má xanh má vì quá lo sợ!

Án Khổ Luân cũng lo lắng cho em, nên ngồi im lặng để tìm kế. Một lúc lâu đã qua nàng mới nâng em dậy, rồi đem hết lời dịu ngọt an ủi và khuyên em.

Phật Khổ Luân lúc đó đã nguôi phần nào lòng lo lắng sợ hãi, hơn nữa tin tưởng ở tấm lòng quý mến của chị, nên mới đem hết mọi sự đã qua kể lại cho chị nghe. Án Khổ Luân nghe xong một ngơ ngác lo lắng. Mãi một lúc sau, nàng mới nói:

- Việc này rắc rối to rồi! Em cũng biết cha chúng ta vốn là thôn trưởng thôn Bồ Nhĩ Hồ Lý này. Dân làng cũng vì thế mà quý trọng em. Năm ngoái, người con trai của ông Oa La Tạt Ngưu Lộc đã nhờ người mối lái tính hỏi em nhưng cha chúng ta không thuận thể mà nay mai đây cha chúng ta biết được rằng cô con gái cưng của mình lấy một kẻ thù truyền kiếp của dân làng thì thử hỏi người còn mặt mũi nào để nhìn ngó dân làng nữa. Nếu tin này truyền ra ngoài thì chẳng những cái ngôi vị thôn trưởng của cha không còn vững mà ngay cả em cũng không thể nhìn được bất cứ ai ở trong cái thôn này nữa. Đứa bé ở trong bụng em, dân làng này quyết chẳng cho nó sống ở đời này đâu...

Nghe nói đến đây, Phật Khổ Luân bỗng từ trên giường nhảy xuống đất, quỳ gối trước mặt chị, miệng lắp bắp khản khản:

- Chị ơi! Chị cứu em! Chị cứu em với!

Ấn Khổ Luân giơ tay ra nâng em dậy rồi lấy khăn lau nước mắt cho em! Giữa lúc hai chị em đang tựa nhau ngồi buồn bã âu sầu không tìm được kế thoát, thì Chính Khổ Luân, người chị hai đầy cửa bước vào.

Nàng thấy em út nước mắt chạy quanh, mặt mày xanh xao thê thảm liền tiến gần lại hỏi. Phật Khổ Luân thấy chị hỏi cũng muốn thổ lộ nỗi niềm nhưng khi nhìn vào đôi mắt như có vẻ nghi ngờ bực tức lại rụt rè không dám nói. Ấn Khổ Luân tự nhủ: Đã là chị em với nhau việc này không thể dối trá được. Huống hồ cô em hai tính vốn thông minh thì việc này cần phải cho biết để cùng bàn tính với nhau. Bởi vậy nàng bèn đem mọi việc của cô em út kể hết ra, nào là chuyện chung sống với Ô Lạp Đặc, nào là chuyện có bầu đã được mấy tháng...

Chính Khổ Luân nghe đoạn giật mình kinh hoàng, đôi mắt trừng trừng nhìn Phật Khổ Luân như suy nghĩ điều gì lung lắm. Bỗng nàng vỗ tay đánh bệt một cái rồi nói:

- Có rồi! Có rồi!

Phật Khổ Luân thấy vội cầm tay nàng giật giật, gạn hỏi:

- Em có kế sách gì hay đó?

Chính Khổ Luân lúc đó đã ngồi xuống giường. Tức thì ba chị em quây tròn chụm đầu lại với nhau. Nàng bắt đầu nói, giọng thì thào tỏ vẻ bí mật:

- Bọn ta thường nghe họ nói: Thủy tổ Chu Mông dân Cao Cú Lệ vốn là con của Liễu Hoa cô nương. Nàng có ba chị em. Người chị cả chính là nàng. Người thứ nhì gọi là Vi Hoa cô nương, còn người em thứ ba gọi là Tuyên Hoa cô nương vốn là một cô gái trẻ đẹp. Một hôm nàng đứng một mình ở sau viện, bỗng một đám sao từ trên sa xuống, chui tọt vào miệng nàng. Từ đó nàng thụ thai và sinh ra Chu Mông. Người Cao Cú Lệ nói đó là chúa tinh của trời hạ giáng, bèn suy tôn lên làm Quốc Vương. Đó là chuyện xưa, nhưng tam muội lúc này cũng có thể bắt chước việc nói có một vật gì đó rơi vào miệng rồi nuốt đi, biến thành đứa hài nhi. Khi sinh ra, nếu nó là con trai ắt dân làng cũng phải tôn lên làm thôn trưởng chứ chẳng sai!

Ấn Khổ Luân nghe xong giật mình tỉnh ngộ. Phật Khổ Luân còn chưa tin hẳn nên nói:

- Kế sách này sợ không thành mất!

Ấn Khổ Luân nói:

- Tại sao lại không thành? Em không nhớ cha thường kể cho bọn ta nghe chuyện vua nhà Thương đời xưa ở Trung Quốc sao? Ông vua Thương có người mẹ tên Giản Dịch... Bà này cùng bọn phỉ tử ba người hôm đó đang tắm gội trong ao, bỗng thấy một con chim sẻ đen từ trên trời bay xuống để rớt một quả trứng. Bà Giản Dịch há miệng nuốt quả trứng vào bụng, sau này sinh ra Khiết hoàng đế của nhà Thương. Bọn ta hãy bắt chước chuyện này, đến hồ Bồ Nhĩ Hồ Lý tắm gội. Trên bờ hồ này có rất nhiều quả hồng. Tam muội hái nuốt một trái đi rồi thì...

Giữa lúc ba chị em nhà họ Cán bàn tính kế hoạch đến lúc khoái trá xuất thân, bên ngoài ông thầy cúng cũng đã đám bắt tà. Cánh cửa mở, một bọn chị em lối xóm bước vào ngồi quây quanh giường. Cầm tay Phật Khổ Luân ân cần hỏi han.

Phật Khổ Luân lúc đó lòng đã có chủ ý nên sắc mặt đã trở lại xinh tươi, tinh thần cũng đổi ra vui vẻ. Mọi người thấy bệnh nàng khỏi mau chóng như vậy, đều cho rằng nàng có Trời Phật phù hộ độ trì, và ông thầy cúng quả pháp thuật cao cường hơn người. Hai vợ chồng nhà Cán thấy vậy cũng yên tâm.

Đã cuối hè, thời tiết trở nên ấm áp. Phong cảnh hồ Bồ Nhĩ Hồ Lý lại một phen thay đổi màu sắc, mặt nước gợn sóng lăn tăn, xanh biếc một màu. Những chóp núi cao vòi vọi giữa trời in hình xuống đáy nước rõ mồn một, quanh hồ trên các triền núi muôn hoa đua nở, y như một chiếc áo gấm khổng lồ, rực rỡ.

Một thác nước trắng xoá cao và dài từ mỏm Lạc Đà đang tuôn xuống chân núi để chảy vào trong hồ. Hai bên bờ suối cây cỏ sum xuê, nham thạch nhấp nhô. Ngọn gió mát từ xa mang hương thơm ướp khắp sơn

khê. Tới khúc quanh của con suối, nước xô mạnh vào những tảng đá khổng lồ đen sì, nhô đầu chênh vênh ra lòng suối, bỗng vọt lên trắng xoá cao đến mấy trượng rồi lại rút xuống lả tả, tạo thành những tiếng rầm rầm rào rào suốt ngày không ngớt. Nước hồ dần sang thu càng trong càng mát. Người ta nhìn rõ cả từng đàn cá tung tăng bơi lội giữa hồ, cảnh hồ đẹp nước hồ trong, bởi vậy bọn đàn bà con gái thôn Bồ Nhĩ Hồ Lý thường kéo nhau tới đây tắm gội.

Chung quanh hồ, sát mép nước, lại còn có một lớp lau sậy lá xanh rờn rậm rạp, tạo thành một bức màn che vây kín mặt hồ khiến các cô nàng tha hồ tắm gội, chẳng còn e ngại có kẻ tò mò nhìn ngó nhất là trong những lúc các nàng thích sống đôi ba phút tự do phóng khoáng như tổ tiên thời tiền sử.

Ba chị em Phật Khổ Luân một hôm rủ nhau tung tăng tới dưới thác cạnh hồ tắm gội. Cảnh núi rừng xinh đẹp lại yên tĩnh. Cả ba nàng cởi bỏ y phục, để lộ cả một tấm thân trong ngọc trắng ngà, nhảy xuống bơi lội vui đùa. Bướm ong không biết từ đâu tới cũng họp thành đàn, chấp chới bay quanh, có khi đậu cả xuống những lọn tóc mây uốn cao thành vòng trước trán.

Phật Khổ Luân vùng vẫy vui đùa dưới nước một lúc đã thấy mỏi, tứ chi mất dần sức, mềm ra như sợi tơ. Nàng bơi lại gần bờ, chọn một phiến đá nhẵn sạch ngồi nghỉ. Nàng ngẩng đầu lên thì thấy móm Lạc Đà dừng sững trước mặt. Núi xanh còn đó nhưng người cũ nơi nao? Giữa lúc nàng đang ngẩn ngơ xuất thần, bỗng có một đàn chim khách lú lo hót vang, bay từ bắc sang nam. Khi chúng lướt qua đầu, từ trên không trung một quả hồng rơi xuống trúng ngay vào giữa bụng nàng không lệch một ly nào. Nàng liền giơ tay lượm lên xem thì thấy quả hồng hết sức tươi ngon. Nàng đang còn ngẩn ngía thì bỗng nghe Ấn Khổ Luân ngồi bên cạnh bảo:

- Tam muội, em nên nuốt ngay quả hồng vào trong bụng đi! Đó chính là trời đã cố ý thưởng cho em đấy!

Phật Khổ Luân nghe chị nói, liền nuốt luôn quả hồng vào bụng. Chính Khổ Luân vịn vào vai Phật Khổ Luân leo lên bờ. Ba chị em lấy khăn lau khô mình mặc quần áo xong dắt tay nhau ra về, trong lòng thoải mái như đã làm được điều gì đặc ý. Dọc đường ba chị em còn đem chuyện ra bàn tính với nhau thật kỹ lưỡng. Vừa bước chân vào nhà, Ấn Khổ Luân vốn mau miệng liền đem chuyện con chim khách ngậm quả hồng thả vào miệng cô em út kể cho cả nhà nghe.

Ông bà Cán Mộc Nhĩ tin con là thật chứ đâu có ngờ con mình sắp đặt quỷ kế lừa mình...

Hơn một tháng sau, bụng Phật Khổ Luân càng ngày càng lớn thêm. Bà mẹ lấy làm lạ cất vấn đôi ba lần. Nàng bảo với mẹ là ăn phải quả hồng nên sinh bệnh. Bà nghe nói lo quýnh lên, vội đi mời ông lang trong thôn đến chẩn mạch. Ông lang bắt mạch mãi chẳng rõ bệnh gì. Bà càng lo, bàn tính với ông Cán tìm cách chạy chữa. Ông Cán hỏi:

- Ủ! Tôi cũng thấy bụng con bà có vẻ kỳ quái thật. Bà hãy đi bà cốt tới hỏi xem sao.

Câu nói của ông Cán khiến Phật Khổ Luân giật mình kinh hoàng, lòng nói rối như tơ vò. Nguyên lai, dân miền núi Trảng Bạch đều tin đồng cốt. Bà cốt vốn là một người đàn bà trông nom Phật đường. Theo truyền thuyết thì bà này phép thuật vô biên, nhân dân có việc gì nghi hoặc không quyết thì tìm đến bà cốt nhờ bà ta thỉnh đức Bồ Tát tới hỏi điều cát hung, họa phúc. Bởi vậy khi nghe cha muốn mời bà cốt về nhà thì nàng chỉ sợ đức Bồ Tát nói hết việc tư tình của nàng ra. Nàng lo thì lo thật nhưng chẳng dám cản cha. Nàng vội quay đi tìm hai chị. Ba chị em chụm đầu lại thì thầm bàn tính một lúc lâu. Mãi về sau, Ấn Khổ Luân mới nghĩ ra được một kế, nàng nói:

- Đã nói láo thì phải nói láo đến cùng! Tội mình phải làm như thế này... thế này... thì khi tam muội sinh đứa bé mới được toàn dân trong thôn kính trọng và quý yêu.

Cô chị nói đoạn, Phật Khổ Luân lấy trong túi áo ra một hạt minh châu to bằng đầu ngón tay đưa cho chị. Ấn Khổ Luân giấu kín viên ngọc rồi len lén ra đi, tìm tới nhà bà cốt.

Ngày hôm sau, ông Cán quả nhiên cho đi mời bà cốt tới. Người ta thấy bốn ông từ giữ đèn khiêng một cái càn thư tế thần lướt ngược lên, có bà cốt ngồi xếp bằng ngất ngưỡng bên trong. Họ chia đều mỗi người mỗi cẳng án thư rồi khiêng tới nhà ông Cán như khiêng kiệu.

Nhà ông Cán hôm đó người đông chật ních. Họ nghe nói ông Cán mời bà cốt nên mới kéo nhau tới xem. Bà cốt này trông già cả gầy guộc, tay cầm một cái gậy hun khói đen thui.

Ấn Khố Luân vừa thấy ba, vội bước ra đón vào nhà. Trên bàn thờ khói hương nghi ngút, đèn nến sáng choang, có đặt đồ lễ tam sinh. Giữa nhà treo một miếng vải đen dài từ trên nóc xuống dưới đất. Bà cốt tiến lên mấy bước, dậm gót chân một cái rồi làm lễ.

Bà cốt lấy ra một cái ống khói rồi chạy vào sau tấm vải đen. Căn phòng im phăng phắc, mọi người như nín thở. Ấn Khố Luân mình toát mồ hôi đầm đìa. Phật Khố Luân trông ngực đánh thành thình, mắt trắng bệch thất thần. Một lát sau, mọi người nghe có tiếng nói đều đều sau tấm vải đen:

- Đức Bồ Tát sai gọi ông thôn trưởng Bồ Nhĩ Hồ Lý là Cán Mộc Nhĩ nghe phán.

Ông Cán vội lay rạp xuống đất, người con trai tên Nặc Nhân A Lạp cũng theo ông quỳ mọp bên cạnh để nghe phán:

- Con gái người là Phật Khố Luân tiền thân vốn là con trời. Chỉ vì vùng này sắp có một vị anh hùng, nên trời cho chim thần thước ngậm thai gửi vào bụng con gái người. Đứa bé sắp sinh kia sẽ là một nhân vật siêu quần xuất chúng, người cần phải săn sóc nuôi dưỡng cho cẩn thận. Nó vốn dòng giống quý trên Thiên Cung. Bởi vậy không thể lấy họ của người để đặt cho nó. Sau khi nó sinh ra, bất luận là nam hay là nữ, người cũng phải đặt họ cho nó là Ai Thân Giác La, còn tên là Bồ Khố Lý Ang Thuận.

Bà cốt nói đến đây bỗng im bặt. Ông Cán biết rằng lời phán đã hết vội đập đầu lay ba lay rồi đứng lên. Bà cốt cũng từ sau tấm vải đen bước ra. Rồi cả nhà đưa tiễn bà ra cổng.

Nặc Nhân A Lạp nghe lời phán của đức Bồ Tát nhảy lên vì sung sướng. Chàng cười, chàng múa, chàng ca hát vang nhà... Chàng hãnh diện về cha chàng đã làm thôn trưởng mà em gái lại sắp sanh thiên thần.

Câu chuyện sinh thiên thần này một truyền mười, mười truyền trăm, chỉ trong nháy mắt, đã lan đi khắp thôn. Từ đó, không hôm nào là không có người đem lễ vật nào ngan nào ngỗng, nào gạo nào tiền, nào dê nào heo, tới nhà ông Cán để dung dưỡng cho thai nhi. Cũng có kẻ đem cả trâu tới để cho nữa. Kho đựng nhà ông Cán lúc nào cũng đầy nghet đồ biếu.

Cái bầu của Phật Khố Luân càng ngày càng lớn. Mẹ nàng hôm nào cũng giết gà, mổ heo cho nàng ăn. Rồi nàng sinh hạ được một đứa trai mập mạp kháu khỉnh, mày thanh mắt sáng, tiếng khóc lớn như chuông. Cả nhà ai cũng mừng rỡ, như được bửu bối. Bà con lối xóm được tin đều chạy lại xem chú bé tiểu anh hùng. Phật Khố Luân bế con trong lòng nhìn gương mặt bụ bẫm xinh tươi của nó mà liên tưởng tới dáng điệu oai hùng của Ô Lạp Đặc, bất giác sung sướng đến cực độ.

Một năm qua. Cậu nhỏ thiên thần ái Thân Giác La Bồ Khố Lý Ang Thuận ra đời đã được một tuổi. Ông Cán Mộc Nhĩ đã xây hai cái trụ đá, trên mỗi trụ ông cắm một cái cán cờ, ông lại gắn chặt lên một cái đầu tròn, bên trong đựng đầy thịt dê, thịt trâu và thịt heo để tế trời. Tới ngày cúng, bọn dân làng đều tề tựu tại đây để chúc mừng. Họ đem bày lễ vật la liệt trong nhà: ba con trâu, ba con heo, ba con dê, một số lớn gà vịt, ngan ngỗng. Trên đàn ca thờ thần, chính giữa có Thích Ca, Quan Âm, Quan Công, ba pho tượng vôi vọi uy nghi. Một chiếc lư hương đồng lớn đặt giữa hương án, nghi ngút nhả khói. Chung quanh bàn thờ lại thấp nền đốt đèn sáng rực. Các gia trưởng thôn Bồ Nhĩ Hồ Lý đều xếp bằng tròn ngồi hai bên đàn thần, dưới chân của hai bức tường bằng gạch. Còn đám đông dân làng thì đứng lố nhố đằng sau. Họ kiễng chân lên để nhìn bọn hầu bóng yếm bùa trừ tà. Bọn hầu bóng này có bốn người, đều là đàn bà. Bốn người này đi hàng một tiến vào phòng, ăn vận hết sức diêm dúa yêu kiều, trên đầu cắm hoa, má thoa phấn, lưng thắt khăn xanh, đeo lưng lẳng mấy cái nhạc đồng kêu lên xúng xoảng, một tay cầm con dao rửa một tay cầm cành cây, buộc trên đầu bảy cái nhạc vàng kêu lòng bông. Khi tới trước bàn thờ, họ liền dậm đất rồi ngồi phịch xuống làm lễ. Lễ xong, họ lại đứng lên, chia mỗi người mỗi góc, lắc mạnh cái cành cây buộc nhạc: chân nhảy miệng ca.

Đứng đằng sau họ có tám bà già, bà nào cũng tay cầm nhạc khí bà gảy đàn nguyệt bà kéo nhị, bà thổi sáo, du dương hoà điệu, khi lui lúc tiến đập theo cước bộ của bốn người hầu bóng, khiến khán giả đều mắt hoa ý loạn, hồn như say, phách như lại.

Cả bọn cứ múa ca như vậy được một lúc thì có bốn tên đại hán khiêng một con heo sống chạy như bay vào trước bệ thờ, đặt phịch xuống. Rồi một bà cốt từ từ bước tới tay cầm một be rượu rót thẳng vào lỗ tai heo. Con heo thấy động phe phẩy hai tai. Dân làng đứng vây quanh vỗ tay hoan hô, miệng cầu xin đức Bồ Tát. Trong khi đó, hai tên đại hán tuốt hai con dao găm khỏi bao, cắt xoẹt lấy hai cái tai heo, dâng lên bàn thờ.

Bọn đàn bà hầu bóng lại vây lấy con heo, nhảy múa ca hát một hồi rồi mới cho khiêng ra ngoài làm thịt. Sau đó bàn thờ thần cũng được dẹp đi...

Nhiều người khách vây quanh ông Cán ngỏ lời chúc mừng. Nặc Nhân A Lạp mời tân khách vào ngồi trong phòng trải bằng chiếu hoa cạp điều. Nặc Nhân A Lạp cùng em gái chàng là Phật Khổ Luân chạy đi chạy lại mời khách an tọa, cứ mười người một chiếu. Tính ra hôm đó có đến sáu, bảy chục chiếu.

Ông Cán thấy mọi người đã an tọa, bèn gọi bưng cỗ. Tức thì từ nhà trong sáu bảy chục người đầu đội một chiếc mâm đồng giữa có đặt miếng thịt heo vuông vức mỗi bề đến một thước, theo hàng một bước ra rồi hạ mâm xuống chiếu. Họ lại quay vào, bưng thêm sáu bảy chục cái tô lớn đựng xáo thịt để cạnh chiếc mâm đồng. Rồi cứ trước mặt mỗi người khách, bọn lực dịch này còn để thêm một cái bát, đôi đũa, một chén uống rượu, một mâm rượu to tướng.

Thấy cỗ bàn đã bày biện xong, ông Cán đứng lên, trước mặt mọi người nói một tiếng “xin mời”, tức thì cử tọa ai có phần nấy, tự động rót rượu, tự ý rút dao trong mình ra để xẻo thịt mà nhậu. Thịt heo và nước xáo thường lạt, bởi vậy thực khách thường phải lấy trong bao một xấp giấy tương do người Cao Ly sáng chế ra - họ lấy giấy làm nước tương để phơi khô rồi khi muốn ăn cứ việc bỏ vào nước là có bát nước tương ngay.

Đám thực khách càng ngày càng ồn ào ầm ĩ. Họ hò, họ kêu, họ giục lấy thêm thịt, thêm xáo, lấy thêm cơm. Bọn đại hán, lực dịch tiếp cho họ không kịp, anh nào anh nấy chạy đến liệt cả giò. Ông Cán đứng giữa nhìn khắp nơi, thấy vinh hạnh và sung sướng đến vênh cả râu. Ông nói, ông cười hênh hếch đến méo xệch cả mồm.

Bữa tiệc kéo dài mãi đến khi mặt trời gác núi mới tan.

Dân làng hôm đó được một bữa no nê, cười nói huyền thuyên, môi mép đầy những mỡ. Họ bước tới trước mặt ông Cán từ tạ. Cũng có kẻ say miệng lè nhè, chân xiêu bên nọ vẹo bên kia, loạng choạng giơ tay chào chủ nhân để rút lui.

Giữa lúc đang còn ồn ào thống khoái ấy, bỗng mọi người thấy một thằng bé con lách đám đông chạy vụt ra, ghé miệng vào tai ông Cán thì thầm. Không biết nó nói những gì mà người ta chỉ thấy ông Cán quát lên một tiếng lớn, mắt trợn lên tròn xoe như con ốc bươu, râu dựng ngược lên như những cái đinh cứng, rồi nhanh như tên bắn, ông lao cả cái thân hình to lớn của ông ra ngoài cổng...

16. Chương 16: Thoát Cơn Nguy Hiểm

Phía sau nhà ông Cán Mộc Nhĩ có một dãy tường quét vôi trắng, ẩn hiện dưới khóm hoa tươi. Cây mã anh hoa chia một cành lớn qua lỗ tường khuyết. Cánh hoa rơi lả tả mỗi khi có ngọn gió thổi qua.

Hôm đó, dưới chân dãy tường này có một đôi trai gái ngồi kề bên nhau thì thầm trò chuyện. Người con gái là Phật Khổ Luân, người con trai chính là Ô Lạp Đặc. Nàng tựa sát vào lòng chàng, vừa thút thít khóc vừa thổ thê kể nỗi tương tự cùng cảnh cực khổ khi nuôi con với chàng. Chàng vừa an ủi, vừa lấy tay gạt lệ cho chàng.

Ông Cán Mộc Nhĩ có một đứa cháu ngoại tên Ân A. Nó là con của Ân Khổ Luân, năm đó đã lên bảy. Chú bé Ân A lúc đó trèo lên cây hái hoa, liếc nhìn qua phía chân tường thấy một đôi trai gái ngồi kề nhau trò chuyện thân mật. Nó để ý nhìn kỹ thì ra cô gái chẳng phải ai xa lạ mà chính là Phật Khổ Luân - dì nó, còn cậu trai là Ô Lạp Đặc, kẻ thù của dân làng Bồ Nhĩ Hồ Lý mà bất cứ ai, từ già đến trẻ, từ trai đến gái đều ghét đến tận xương tủy.

Ân thấy kẻ thù trước mặt, nó vội lui xuống đất, lẳng lặng chạy đi tố cáo với ông ngoại. Ông Cán là một vị thôn trưởng, hơn nữa là một ông lão hiểu thắng, thì làm sao có thể bỏ qua được. Bởi vậy ông lập tức nhảy chồm dậy, chạy vụt ra ngoài cổng. Hồi đó trong thôn còn có một gã đại hán người cao lớn, lực lưỡng khỏe mạnh tên gọi Hoắc Tập Anh. Ngoài ông Cán ra trong thôn chỉ có hắn là đặc nhân tâm nhất. Hôm chèn

nhậu nhệ ở đó cũng có hấn, khi ông Cán vội vã chạy đi, hấn lẹ chân đón đường nắm tay giữ ông Cái lại để hỏi nguyên do nhưng ông Cán chỉ thờ dài không muốn nói ra.

Lúc đó khách khứa chưa tan, họ bèn vây quanh Ân A. Thằng bé bị mọi người dồn vào giữa, không còn chỗ nào tránh được nữa, đành kể lại, tất cả những gì nó đã thấy. Mẹ nó là Ân Khố Luân đứng bên cạnh nghe xong, ngăn mặt ra, chẳng nói lên được câu nào.

Tên đại hán Hoắc Tập Anh quay ngoắt mình, dùng hai tay bắt giữ ông Cán rồi trối lại. Bọn dân làng lúc đó cũng trở mặt, bắt tất cả gia đình ông Cán, nhỏ cũng như lớn, trối vào gốc cây đại thọ trước nhà. Xong rồi Hoắc mới đem theo đến bốn năm tên đại hán chạy ra sau, ngằm phục ở trên đầu tường. Riêng mình hấn leo lên cây, ghé sát tai nghe ngóng. Bên dưới, Phật Khố Luân và Ô Lạp Đặc đang thì thầm trò chuyện thì bỗng nghe một tiếng gầm vang lộng như tiếng sét giữa trời.

Rồi từ trên đầu tường, một bọn người nhảy vụt xuống đất, trong số đó có một tên đại hán nhảy đúng vào đầu Ô Lạp Đặc và ngồi hấn lên lưng chàng. Ô Lạp Đặc xuất kỳ bất ý bị tấn công nhưng chàng vốn là tay võ nghệ cao cường, sức mạnh hơn người nên trấn tĩnh được ngay, vội tập trung toàn lực đứng vụt dậy, quăng tên đại hán cưỡi trên lưng ra xa đến sáu, bảy trượng đập đầu vào đá vỡ sọ chết tươi, không kịp ngáp. Phật Khố Luân hoảng sợ đến cực điểm, lúc đó chỉ biết lẩn tránh vào trong lòng Ô Lạp Đặc mà thôi. Hoắc Tập Anh thấy thế tức điên lên, bèn nhảy lên trước xông tới toan cướp lấy nàng. Ô Lạp Đặc một tay diu Phật Khố Luân lui dần về góc tường thủ thế rồi vươn tay kia ra bắt được người là bề, là quật, là ném. Đã có kẻ bị chàng vật chết, cũng đã có kẻ bị chàng đá cho lăn củ, bị thương khá nặng nằm sõng soài dưới đất rên la.

Chàng vừa chiếm được một vị trí khá tốt, vừa có sức mạnh hơn người cho nên đối phương mới xấp chiến trong mấy phút đầu đã bị chàng hạ đến cả chục và đã có phần núng thế. Song dân làng túa ra càng ngày càng đông. Họ vác dao, cầm giáo xông vào như điên.

Giữa lúc hai bên đang giáp chiến hỗn loạn, thì một chiếc thông lọng từ trên không quăng xuống đầu chàng. Chàng nhất thời không kịp đề phòng, nên bị chiếc thông lọng trối chặt cả chân tay, giật té sấp xuống đất. Đối phương có tới tám chín chục người, nhất tề ủa tới đè lên người chàng rồi lấy dây thừng trối chặt lại như trối một con heo nọc. Phật Khố Luân cũng bị chàng trối đem vào trong nhà.

Hoắc Tập Anh ngồi trên ghế thăm vắn, Ô Lạp Đặc một lời cũng trắng trối. Chàng kể hết mọi chuyện xảy ra từ khi chiến đấu bị thương trốn nấp trên bờ hồ rồi lúc dưới trăng gặp Phật Khố Luân nàng hẹn tương ứng tại miếu Chân Chân, rồi lúc trang trí sơn động trên mỏm Lạc Đà, rồi khi giả làm cạp vắn bắt cóc nàng lên núi để giao kết mối ân tình, lại lúc đưa nàng xuống núi, lần sau được tin nàng sinh trai, rồi lên tới gặp nàng đã ba lần, mưu tính đem con trốn về Lê Bi Cốc để xây dựng một cuộc đời vợ chồng trăm năm đầu bạc. Chàng kể hết từ đầu chí cuối không thềm giấu một chút nào. Dân làng nghiêng rằng nghiêng lợi tỏ vẻ tức giận đến cùng độ. Một số lớn phụ nữ lấy ngón tay chỉ Phật Khố Luân chửi nàng là đồ vô liêm sỉ, không biết ân cừu là gì. Trong chốc lát căn nhà bỗng trở nên ồn ào ầm ỹ chẳng khác chi một cái chợ.

Hoắc Tập Anh đứng phắt dậy quát bảo mọi người im lặng rồi gọi mười hai người gia trưởng họp lại bàn tính, xét xử. Mọi người đều nói: “Kẻ nào tư thông với địch thì theo tổ tiên xưa truyền lại, phải xử tội hoả thiêu. Do đó, hôm nay bọn ta phải đem đốt chết Ô Lạp Đặc, Phật Khố Luân và đứa con trai của chúng là ái Thân Giác La Bồ Khố Lý Ang Thuận. Còn ông Cán Mộc Nhĩ thân đã làm thôn trưởng mà để cho con gái làm điều ô nhục thì không còn xứng đáng nữa. Bọn ta cần phải đuổi ông ta và cả gia đình ra khỏi thôn”.

Bản án trên vừa tuyên bố xong, dân làng ai cũng lấy làm khoái ý. Họ bèn giam ba vợ chồng con cái Phật Khố Luân vào trong một căn phòng, còn hai vợ chồng ông Cán Mộc Nhĩ cùng với Chính Khố Luân, Nặc Nhân A Lạp bốn người giam vào trong một căn phòng khác. Ân Khố Luân thực ra cũng có tội nhưng nàng nhờ có đứa con Ân A có công báo tin, nên có thể đem công chuộc tội. Hơn nữa, nàng đã đi lấy chồng thì lại cho về nhà chồng như cũ.

Qua ngày hôm sau, trong một vùng sơn ao đầu làng, người ta cất một cái đài, bên dưới chất đầy rơm cỏ củi đuốc, những đồ dẫn hoả. Dân làng hôm đó ai cũng dậy sớm, kéo nhau ra chung quanh đài để xem xử. Nhưng mãi đến đúng trưa mới thấy một đoàn người dùng mấy tấm ván khiêng Ô Lạp Đặc và Phật Khố Luân ra. Đứa bé bị trối chặt vào trong lòng mẹ nó. Họ đưa tội nhân lên đài, trối vào hai cái trụ cây đứng giữa mặt đài.

Họ nhìn mặt Ô Lạp Đặc thấy chàng vẫn tươi cười, không có vẻ gì sợ hãi. Chỉ có Phật Khổ Luân âu sầu buồn bã, cúi gằm mặt xuống, để mặc cho dòng lệ tuôn trào. Bồ Khố Ang Thuận bị trói chặt vào lòng mẹ, khóc đã gần đến khản tiếng hết hơi. Phía dưới đài một số đông dân làng Bé Nhĩ Hồ Lý vây quanh, cười nói chửi rủa, nhảy nhót múa may quay cuồng hết sức ồn ào ầm ỹ.

Phật Khổ Luân ngừng đầu lên, gương to cặp mắt đầm lệ nhìn thấy cha mẹ anh chị, những người thân thích cúi đầu buồn thảm đang chạy trước mặt, đằng sau có từng đoàn dân đình tay vác giáo, tay cầm đao áp tổng họ ra khỏi làng. Xa hơn, Ấn Khố Luân một mình kêu khóc than vãn, theo sau cùng để tiễn đưa. Khi đoàn người đi qua phía dưới đài, Phật Khổ Luân nghe mẹ mình kêu một tiếng, nhưng bọn dân làng đã xô đẩy bà ra khỏi sơn ao. Mắt nàng bỗng tối sầm lại rồi ngất đi lúc nào không biết. Mãi đến lúc mũi bị khới xông vào, nàng mới tỉnh lại thì thấy dưới đài lửa bốc cháy ngùn ngụt. Những ngọn lửa như những con rắn khổng lồ đỏ chói hùng hổ chỉ chực nuốt chửng mẹ con nàng. Nàng sợ hãi quá, tay chân như co quắp lại, trong khi Ô Lạp Đặc bị trói ở bên cạnh chỉ nói được có một câu:

- Anh làm hại đời em rồi!

Bỗng ở phía dưới đài, một tiếng gầm vang khang khác gì triều dâng núi lở. Rồi một đoàn người tay cầm đao thương hùng hổ xông tới, thấy người là chém, gặp vật là đâm, mạnh tợn không ai đương cự nổi. Ô Lạp Đặc nhận ra đó là đoàn dân đình của thôn mình, liền hô lớn:

- Bớ các anh em! Mau lại đây cứu tôi! Mau lại đây cứu tôi! Mau lại đây cứu tôi! Bớ các anh em!

Tiếng hô vừa dứt thì đã thấy sáu bảy đại hán nhảy lên đài, vung đao chém sạch những dây trói rồi cử người mang đi: Phật Khổ Luân hai chân đã mềm ra như bún, một bước cũng không xê dịch được. Ô Lạp Đặc vội bế xốc nàng lên rồi co chân nhảy vọt ra sau đài, xuống đất. Một địch thủ vác đao chém tới. Chàng tung chân lên đá mạnh vào cườm tay hắn. Hắn đau quá, buông tay ra, tức thì cây đại đao rớt xuống. Chàng thừa dịp lượm lấy thanh đao, rồi múa tít như chong chóng, tiếng gió vang dội cả một vùng. Đối phương cũng chẳng phải tay vừa, họ cạy đông người, vây lấy chàng, tấn công ráo riết, nhưng võ nghệ của chàng tỏ ra siêu quần bạt chúng, nên rút cuộc chẳng có một địch thủ nào sắp lại được gần chàng. Chàng vừa đánh vừa lùi, lùi mãi tới ven hồ Bồ Nhĩ Hồ Lý, vào sâu trong đám rừng từng cành lá xum xuê... Cách đối phương đã xa, lúc đó chàng mới yên tâm phần nào, nâng Phật Khổ Luân dậy đặt ngồi trên một phiến đá bằng phẳng cho nàng nghỉ ngơi đỡ mệt. Hai vợ chồng nhìn lại đứa con bé trong lòng mẹ thì ra nó ngủ gật o o từ lúc nào. Phật Khổ Luân nhìn con vừa nói được một lời: “Xấu hổ chưa” thì Ô Lạp Đặc đã vội xua tay ra hiệu cho nàng nín lặng. Thì ra bên ngoài ven rừng, còn có đến hơn chục truy binh đang tìm kiếm khắp nơi... Giữa lúc nguy cấp ấy chú bé bỗng khóc oa oa vang lên khiến bọn truy binh bên ngoài nghe được. Chúng hè nhau xông vào rừng.

Ô Lạp Đặc vội dắt Phật Khổ Luân theo ven hồ chạy trốn. Khốn một nỗi chỗ này một bên thì vách đá dựng đứng còn một bên thì suối sâu thăm thẳm. Phật Khổ Luân chú ý lắm mới len lỏi bước đi được nhưng nàng ngã lên ngã xuống khiến thằng bé hoảng sợ đến khóc tiếng càng lớn.

Truy binh đằng sau xem ra đã gần lắm. Ô Lạp Đặc liền đứng dừng lại, tay cầm ngang lưỡi đao chỉ còn đợi chiến đấu.

Chàng khoát tay ra hiệu cho Phật Khổ Luân trốn lẹ. Nàng chẳng còn cách nào hơn là đành phải rời chồng bé con chạy miết về phía trước, vòng qua eo núi. Thằng bé khóc tiếng càng lớn. Nàng chỉ lo ngại bọn truy binh tìm đường ắt đuổi kịp.

Lúc đó một người đàn bà với một đứa bé con thì biết lấy gì mà chống đỡ, e tính mệnh khó còn. Nàng ngược mắt nhìn lên, thì ra chỗ nàng đang chạy chính là chân núi mỏm Lạc Đà thác nước từ trên cao như một tấm lụa trắng trải dài đang cuộn cuộn xô xuống nhanh như ngựa chạy. Bên ven suối cạnh rạch nước, nàng thấy có một chiếc thuyền độc mộc. Lúc ấy sinh mưu hay, nàng quyết định ngay chủ ý, vội ôm con đặt vào lòng chiếc thuyền rồi đem sức bình sinh đẩy thuyền ra giữa hồ. Chiếc thuyền bị dòng nước cuộn cuộn trôi phẳng đi như tên bắn. Chỉ trong nháy mắt đã xa lắm: Nàng không còn nghe tiếng con khóc nữa, lúc đó mới quỳ xuống bên hồ cầu trời phù hộ cho con. Giữa lúc đang bị thương sầu khổ ấy bỗng có đôi cánh tay từ đằng sau ôm lấy thân nàng. Nàng giật mình sợ, vội quay đầu lại nhìn xem, thì ra đó là Ô Lạp Đặc. Khấp mình chàng còn đầm máu tươi, chàng thở vo vo, tỏ vẻ rất mệt nhọc nhưng môi chàng vẫn cười. Nàng vội hỏi chàng thì được biết bọn truy binh vừa rồi đều đã bị chàng giết sạch.

Chàng lại hỏi nàng về đứa con mới hay là nàng đã thả con trên thuyền độc mộc và dòng nước đã cuốn đi. Chàng hết sức thương tâm, chỉ còn biết quay mặt về phía hồ nước mà thở vắn than dài.

Hai người đứng lặng, tần ngần một lúc rồi mới cặp tay đi, tìm đường qua đám rừng cây xuống phía chân núi rồi xa dần trên nẻo đường vô định.

Nước hồ Bồ Nhĩ Hồ Lý cuộn cuộn trôi xuôi, len lỏi qua những khu rừng hoa tươi đẹp. Hai bên bờ suối cây cối in hình xuống đập nước lung lượn. Đầy đàn chim khuyen riu rít trên cành, kìa năm ba con bướm lượn trong đồng xanh.

Dòng suối lúc đầu nước còn mạnh sau chậm dần. Một cô gái búi tóc xoã sau lưng, tay cầm chiếc thùng xách nước, cúi đầu như suy nghĩ điều gì đang chầm chậm bước tới bên bờ suối.

Nàng nhìn thấy cảnh sắc xinh đẹp bất giác tức cảnh sinh tình. Nàng không vội lấy nước khê đặt mình xuống dưới gốc cây lê đang nở hoa trắng xoá. Mỗi khi ngọn gió thổi qua, cánh hoa lại rơi xuống lả tả trên mặt nước. Mùa xuân đã đẹp mà nước suối lại trong. Nàng ngẩng nhìn một lượt rồi ngửa mặt lên trời than thở.

Hoa đẹp chóng tàn, ngày xuân chóng qua. Thôn ta lại vào một nơi hoang lương sơn cùng thủy tận. Trước mặt ta chỉ thấy rặt một phường ngu phu chứ làm sao có được những chàng trai tuấn nhã phong lưu!

Tuổi ta năm nay đã ba sáu. Những ngày xuân tươi đẹp đã qua rồi. Dù ta có đẹp như hoa như ngọc thì rồi đây cũng mai một trong xô rừng hốc núi mà thôi. Ta cũng muốn lấy chồng nhưng tìm đâu cho thấy người chồng xứng đáng?

Bách Lý cô nương vốn cũng là một cô gái siêu quần ở miền Tam Tánh. Khuôn mặt nàng đã đẹp mà đầu óc lại thông minh. Các chàng trai miền này ai lại chẳng mong lấy được nàng làm vợ, nhưng những chàng trai xuẩn đột ấy, nàng có bao giờ để ý tới đâu. Mẹ nàng mất sớm, chỉ còn có người cha tên gọi Bác Đa Lý. Ông Bác cưng con từ thuở nhỏ, coi làng như hạt ngọc minh châu. Đã nhiều lần, ông khuyên con nên lấy chồng cho có lứa đôi, nhưng lần nào nàng cũng lắc đầu không chịu. Chẳng mấy chốc, nàng đã tới băm sáu tuổi lúc đó ông Bác mới cuống lên. Một hôm, ông Bác lại đề cập tới việc hôn nhân. Ông bảo cô con gái rằng ở trên núi Tây Sơn, ông Mục Nga Nhĩ có đứa con trai lớn tên Cố Thuận thân hình khôi vĩ, trâu bò lại nhiều, điền địa lại lắm, có ý muốn lấy nàng làm vợ. Nhưng Bách Lý cô nương không chịu, nàng nói với cha rằng Cố Thuận chỉ là một đứa du côn, lỗ mãng thường hay hiếp đáp đàn bà con gái thì làm sao mà lấy được. Thế là hai cha con điều qua tiếng lại, cuối cùng nàng quyết định ở giá hầu cha chứ không lấy chồng.

17. Chương 17: Trai Hai Mươi Lấy Gái Lục Tuổi

Năm đó, Bách Lý cô nương năm mươi hai tuổi. Tuy đã về già nhưng vốn người xinh đẹp nên trông nàng như mới ngoài ba mươi. Nàng đẹp nhưng tiếc là đã quá muộn màng.

Bà con lối xóm thấy nàng phòng không chiếc bóng ai cũng đều than thở cho nàng. Nhưng đối với nàng thì từ khi có chú bé tiểu thôn trưởng sớm chiều quần quýt bên nhau, nàng quên hết mọi nỗi cô tịch lạnh lùng.

Chú bé tiểu thôn trưởng Bồ Khố Lý Ang Thuận quả thật là một tay anh hùng bản tính trời sinh nên mới tám, chín tuổi đã biết cưỡi ngựa bắn cung. Nhiều người lớn tuổi trong thôn chỉ thích ngày ngày theo chàng leo núi trèo đèo, du ngoạn những nơi danh lam thắng cảnh. Bởi thế, chẳng bao lâu chàng đã hiểu biết tất cả địa thế của vùng Tam Tánh. Bách Lý cô nương lại còn là một nữ lang anh kiệt, giúp đỡ khá nhiều ý kiến cho chàng. Những lúc nhàn cảnh, nàng cùng với chú bé tiểu thôn trưởng bàn luận sự đời, nàng chỉ dạy cho chàng làm cách nào để chinh lý thôn Tam Tánh. Chú bé nhất nhất đều nghe theo nàng. Rồi một hôm chàng triệu tập tất cả mười bốn vị niên trưởng có thể lực trong thôn để giao cho họ quản trị mọi việc, trong đó có việc chia thôn Tam Tánh ra làm mười bốn xóm mỗi xóm đặt dưới quyền điều khiển của một vị quản trị. Chàng lại chọn bốn trăm tên dân đinh thân hình cao lớn khoẻ mạnh lực lưỡng, biến thành quân ngũ, ngày ngày tập luyện võ nghệ tại võ trường ở đầu thôn, nào cưỡi ngựa bắn cung, múa côn, phóng giáo, tên nào

tên này đều dũng mãnh vô địch. Chàng còn cho rào bao chung quanh bằng những rào cao quá đầu người, có cổng ra vào. Từ đó về sau không còn có chuyện trộm trâu trộm ngựa hoặc mất bò lạc dê nữa. Chưa hết, chàng còn đặt kế hoạch tuần phòng cất giữ người canh gác tại bốn cổng trước sau tả hữu của thôn để tra xét kẻ gian nên nhờ đó dân làng mới được yên tâm ngon giấc khỏi lo tai biến.

Công đức của chú bé tiểu thôn trưởng đối với thôn Tam Tính quả thật vô lường. Dân làng ai lại dám quên ơn. Tuy nói là công đức của vị tiểu thôn trưởng nhưng thực ra đó là của Bách Lý cô nương mới đúng. Bởi vì tất cả những kế hoạch chỉnh lý thôn Tam Tính đều do Bách Lý cô nương sáng kiến ra cả. Ấy cũng vì vậy nên chàng càng ngày càng kính yêu Bách Lý cô nương.

Bố Khố Lý Ang Thuận có một điều mâu thuẫn kỳ quái, là khi chàng ra ngoài ngồi trên lưng con tuấn mã hiên ngang oai dũng thì thôn dân ai cũng sợ hãi, dốc lòng kính phục, nhưng trái lại lúc trở về nhà, chàng thấy Bách Lý cô nương thì tự nhiên cái thân bầy thước mây râu kia cứ mềm lại như bún, nhũn như con chi chi, không còn một tí nào là anh hùng quả thước nữa.

Cái thân trai mười bảy tuổi cao lớn thế kia mà lúc nào cũng chỉ có một việc theo hầu Bách Lý cô nương nửa bước chẳng rời. Có khi ngồi tựa bên gối hoặc có khi nằm gọn trong lòng Bách Lý cô nương y như một đứa trẻ nằm trong lòng mẹ, mặc dầu chàng đã mười bảy tuổi, cao lớn có khi còn hơn cả Bách Lý cô nương nữa. Bách Lý cô nương nuôi chàng từ nhỏ cho nên nếp sống thân mật ấy giữa đôi người đã thành một thói quen, không một ai để ý tới điều dị nghị nam nữ nữa. Hai người ngày đêm cười nói bên nhau để giải buồn, khiến hóm.

Nhiều khi chàng sờ đầu vuốt tóc Bách Lý cô nương và đến lúc quá thân thiết chàng đưa tay nâng đôi má Bách Lý cô nương, tiếng gọi “chị, chị” ra chiều quý mến cực độ. Tối đến, chàng ngủ chung một giường với Bách Lý cô nương, cùng đắp chung một chăn, nằm chung một chiếu. Thế nhưng cuộc sống chung đặc biệt này có điều độc đáo là tuy hai người khác giống, một đàng thì nam còn một đàng thì nữ, cả hai đều giữ được tuyệt sạch giá trong, không có điều gì gọi là xấu xa, dè tiện về phương diện dâm ô cả.

Khi tiểu thôn trưởng Bố Khố Lý Ang Thuận hai mươi tuổi thì thôn Tam Tính người ngày càng đông, binh lực ngày một mạnh, lúa gạo sản xuất ngày một nhiều. Có những buổi rảnh rang, chàng đem theo đám binh sĩ vào trong khu rừng săn bắn mua vui.

Một hôm đi săn bắn, giữa lúc đang lùng kiếm con mồi trong rừng, chàng thấy ngoài ven rừng trên cánh đồng có đến bảy, tám chục con trâu trâu ngựa đang gặm cỏ rải rác đó đây.

Tham tâm bỗng nổi trong lòng, chàng ra lệnh cho đám binh sĩ được tiến ra khỏi rừng, đánh cướp. Bọn binh sĩ được lệnh nhất tề ồa ra bao vây trâu ngựa dồn chúng vào giữa. Đàn trâu ngựa này vốn của đám dân du mục Nga Mạc Huệ. Lúc đó họ đang nghỉ ngơi ở trong lều, được tin có người đánh cướp bắt trâu ngựa, tức thì cầm binh khí xông ra cản trở. Bọn dân binh thôn Tam Tính nào phải kẻ tầm thường, họ đã làm là làm tới đâu có ngán chuyện hiểm nguy. Tức tốc, hai bên dàn trận. Thế rồi dao qua kiếm lại, hai bên chém giết một trận toí bởi đến quý khốc thần kinh, thiên sâu địa thảm.

Bọn du mục Nga Mạc Huệ đuối sức, dần dần xem ra khó chống. Họ đành phải bỏ cả đàn trâu ngựa, chạy trốn về hướng bắc. Bố Khố Lý Ang Thuận chưa chịu thôi, còn xuất lĩnh dân binh vượt khỏi đầu non, truy kích, giết thêm mấy tên nữa mới thôi. Đám binh dân dờ hết lều vải, lượm lặt mọi vật dụng của bọn du mục rồi đón đầu trâu ngựa cướp được về thôn.

Dân làng được tin ra đón tiếp. Họ thấy vị thôn trưởng của mình còn nhỏ tuổi mà đã to gan, nên người nào cũng có vẻ kính sợ thậm chí còn bỏ cả xuống đất lạy lỵ để tỏ lòng cung kính.

Bố Khố Lý Ang Thuận chạy đến trước nhà mình thì xuống ngựa. Bách Lý cô nương đã sớm chờ đón ở trước sân. Chàng đem những lều vải, trâu ngựa cướp được cho nàng xem.

Nàng thấy trong số có một con ngựa ô hết sức khoẻ đẹp, liền bảo chàng:

- Giữ con ngựa này lại, còn bao nhiêu thì đem phân phát cho bọn quản trị và binh lính.

Từ đó chàng quen mui, thường đem bọn binh sĩ đi khắp nơi đánh cướp, ý thế người đông sức mạnh, mỗi lần xuất mã là mỗi lần chàng đắc thắng trở về.

Miền Nga Mạc Huệ ở về phía đông núi Tràng Bạch. Mặt trước có một cánh đồng bằng cỏ mọc xum xuê, rải rác các khu rừng nhỏ cây cối xanh tươi. Đây là một nơi rất tốt đối với bọn du mục, bởi vậy họ thường chăn trâu bò lừa ngựa ở đó. Không ngờ thôn trưởng Tam Tính dữ tợn quá đời nên chẳng có kẻ nào dám đem trâu ngựa tới chăn dắt trên cánh đồng cỏ này nữa. Thằng hoặc có kẻ không biết điều nguy hiểm đó, lảng vảng nơi đây thì đều bị bắt cả người lẫn vật. Từ đó tiếng tăm của Bố Khố Lý Ang Thuận ngày càng lớn. Cả thôn xóm lân cận sợ oai dần dần quy hàng đông đảo. Chàng ước định thổi tù và làm hiệu mỗi khi thôn xóm có biến để cấp cứu. Nhờ vậy mà chưa đầy ba năm chàng đã thu phục được cả bảy là mười ba thôn xóm. Do đó hội đồng quản trị gồm nhiều quản trị viên quyết định triệu tập một cuộc hội nghị cử chàng làm vị “bối lạc”. Thế là một hôm người ta thấy mười bốn vị quản trị viên của thôn Tam Tính đi đầu xuất linh một số đông quản trị viên của các thôn xóm lân cận kéo nhau tới quảng trường giữa thôn để mở một cuộc đại hội. Giữa quảng trường, người ta thấy đắp một đài cao. Bố Khố Lý Ang Thuận được rước tới đây và được đặt ngồi trên đài để cho hội đồng quản trị cúi đầu lạy chàng. Phía sau dân làng cũng bắt chước gục đầu lạy. Toàn thôn tung hô, phong cho chàng chức “bối lạc” của mười bốn thôn.

Lễ tấn phong với nhiều nghi lễ phiền toái vừa xong thì một tiệc mừng được tổ chức ngay tại quảng trường. Họ ăn thịt uống rượu, nhậu nhẹt say sưa, rồi ca hát, nhảy múa, khoái thích như điên. Vị tân bối lạc đi mời Bách Lý cô nương. Hai người ngồi đối diện trên đài, uống rượu ăn thịt.

Từ giờ thìn đến giờ ngọ, họ ăn hết con trâu này đến con dê kia, uống hết hũ này đến hũ khác. Thật là một dịp vui mừng ngàn năm một thuở. Họ lại ca lại múa, lại nhảy lại hát. Vị tân bối lạc Bố Khố Lý Ang Thuận gặp lúc tửu hứng, cũng đứng dậy cầm tay Bách Lý cô nương múa nhảy lung tung ở trên đài. Nhảy múa hồi lâu, chàng sức nhớ tới con ngựa ô khoẻ đẹp, bèn lặng lặng nhảy xuống đài không cho ai biết rồi cùng với Bách Lý cô nương chạy ra khỏi cổng thôn, nhảy lên lưng ngựa phóng đi như bay. Một đôi ngựa ô, tai kẻ tai, đuôi kẻ đuôi một đôi nam nữ cũng kẻ vai, kẻ chân, như những đám khói mờ dần trên con đường tiến tới đồng cỏ Nga Mạc Huệ.

Bố Khố Lý Ang Thuận cùng Bách Lý cô nương vừa phi ngựa vừa trò chuyện nói cười vui vẻ, bất giác đã ra khỏi cánh rừng cây lớn. Hai người quay đầu nhìn lại, thấy các thôn xóm đằng sau đã mờ bóng trong sương. Bách Lý cô nương đã từ lâu không cưỡi ngựa nên hôm nay nàng thấy mệt, thở hổn hển, mồ hôi nhễ nhại. Ang Thuận thấy thế vội dừng ngựa và đỡ nàng xuống yên, hai người dắt tay nhau đến ngồi trên một đoạn tường đổ chỉ còn sót lại chút móng. Chàng thu mình nằm gọn vào lòng nàng. Hai người im lặng, không ai nói một câu nào. Chàng ngược mắt nhìn lên trời xanh cao rộng, ngắm mây trời lơ lững. Nàng cúi xuống nhìn khuôn mặt tuần tú của chàng, hồi hộp xúc động. Chàng nghĩ thấy hơi thở thơm ngát của nàng, lòng thâm băng khuâng.

Bỗng chàng ngồi nhồm dậy, quay lại, mặt đối mặt với nàng, rồi nhanh như chớp, đưa hai tay ra ôm lấy cổ nàng, đặt cái hôn nồng cháy vào khoé miệng xinh tươi. Bách Lý cô nương tuy tuổi đã sáu chục mà vẫn còn là một xử nữ, chưa hề biết nụ hôn đàn ông là gì. Nay được Ang Thuận, trong lúc cuồng nhiệt, đặt một cái hôn nồng cháy lên môi, tự nhiên lòng nàng kích động đến cực độ. Nàng không còn tự chủ được nữa, ôm ghì lấy chàng. Hai người như phiêu diêu nơi đâu, mắt không nhìn thấy gì, tai cũng chẳng còn nghe gì nữa...

Đến khi buông tay nhau ra và ngẩng đầu lên thì cả hai đã thấy một đội quân binh đứng sững trước mặt, lặng lẽ nhìn họ.

Phía sau, dân làng thôn Tam Tính cứ ngó chăm chăm vào mặt hai người mà cười ngất, khiến Bách Lý cô nương xấu hổ đỏ mặt tía tai, giận không thấy một cái hốc nào mà trốn. Bỗng trong đám đông, ít ra có đến hàng đôi ba trăm người, đồng thanh hô lớn:

- Hoan hô bối lạc! Hoan hô Bạch cách cách! Hoan hô trăm họ thôn Tam Tính!

Tiếng hoan hô chấm dứt. Túc thời một đoàn người rầm rộ tiến lên, trai thì xúm quanh bối lạc Khố Ang Thuận, gái thì vây lấy Bách Lý cô nương, rồi nâng cả hai người lên ngồi trên lưng ngựa, kẻ trước người sau đưa rước về mãi tới nhà, vừa đi vừa nhảy múa tưng bừng.

Sau khi về nhà, bối lạc Ang Thuận được mười bốn vị quản trị mười bốn thôn khuyên nên ngay đêm đó cưới Bách Lý cô nương làm “phúc tấn”. Chàng mừng rỡ nghe lời. Bọn quản trị mừng ra mặt, ùn ùn kéo nhau ra, triệu tập đông đảo người các thôn để nói cho họ rõ mọi việc. Mọi người nghe nói thấy đều sung sướng múa nhảy, ca hát âm ỹ, thổi tù và loan báo tin vui, rồi rầm rộ kéo tới khu vườn rộng trước phủ đệ của bối lạc.

Hôm đó, giữa quang trường, người ta dựng một cây cờ lớn ông Đồng, bà Cốt, bốn người y phục đặc biệt, từ từ bước tới lễ đường. Bồi lạc và phúc tấn cũng bước theo họ vào lễ. Dân làng đứng bốn chung quanh cất tiếng reo hò vang dội.

Tiếp sau đó là mười sáu cô gái hầu bóng, ăn mặc hết sức diêm dúa, múa nhảy múa khoảng giữa quảng trường. Cuối cùng, mười bốn viên quản trị tiến lên dâng đồ lễ vật chúc mừng...

Bồi lạc Ang Thuận sau khi làm lễ xong, mời tất cả mọi người lại quảng trường để dự tiệc, kéo dài mãi tới chập tối.

Đèn trong phủ đã thấp sáng trưng, thế mà họ vẫn còn kêu thét đòi rượu, không muốn chấm dứt cuộc vui. Bồi lạc Ang Thuận hôm đó vui quá cũng đã say chén quá say. Phúc tấn Bách Lý diu chàng vào phòng.

Qua ngày hôm sau, Bách Lý phúc tấn tỉnh dậy, nàng tưởng nhớ tới khi cha mẹ còn sinh thời nàng đã phí bao tâm tư về việc hôn nhân, chỉ tại không có người xứng đôi với mình. Lẳng đặng mãi tới nay không ngờ tuổi đã sáu mươi mà còn lấy được người chồng tuổi mới đôi mươi. Bồi lạc thiếu niên này xem ra tuy lòng dạ anh hùng nhưng cũng có ân tình nhi nữ. Nay ta đã lấy chàng thiết tưởng không nên để cho chàng mai một chí anh hùng. Bởi vậy ta phải đem hết tài trí giúp chàng kiến tạo một sự nghiệp huy hoàng.

Trong lúc Bách phúc tấn nhủ thầm như vậy thì Ang Thuận bồi lạc giật mình tỉnh giấc. Chàng nhìn người vợ mới nằm cạnh.

Tuy nàng đã sáu chục tuổi gương mặt vẫn còn xinh tươi chẳng khác gì gái ba mươi. Càng nhìn lâu chàng càng thấy đắm đuối say sưa. Chàng khẽ đưa tay qua, kéo nàng sát lại lòng mình.

Nàng nằm gọn trong chăn, thỏ thẻ bên tai chàng những lời dịu ngọt bàn tính việc quốc gia đại sự. Việc đầu tiên nàng đề nghị là di dân thôn Tam Tính tới một nơi hiểm yếu, có núi sông vây bọc, đắp thành đào hào, xây dựng thành một quốc gia. Việc thứ hai là luyện tập binh sĩ tinh nhuệ rồi chinh phục các bộ lạc lân cận để tạo dần thành một nước lớn, lúc đó đừng nói là làm một bồi lạc mà phải nói là làm một Khả Mãn mới đúng.

Chàng nghe nàng nói vậy hốt nhiên nổi hùng tâm, tức thì nhảy ra khỏi giường, triệu tập ngay hội đồng quản trị mười bốn thôn thương nghị việc thiên cư đắp thành. Hội đồng tán thành và hoan nghênh nhiệt liệt. Chàng lại lên tiếng hỏi xem có ai biết nơi nào núi sông hiểm trở không thì ngay lúc ấy bức rèm lay động, một giai nhân xinh đẹp xuất hiện.

Giai nhân đó chẳng ai xa lạ mà chính là Bách Lý phúc tấn, người vợ mới cưới của chàng.

18. Chương 18: Đô Đốc Hiến Châu Vệ

Lại nói Bách Lý phúc tấn vốn rất quan tâm đến quốc gia đại sự Nàng đứng sau cánh cửa, nghe bồi lạc Ang Thuận cùng mọi người bàn tính việc xây thành đắp lũy bên ven màn bước ra. Mọi người nhất tề đứng dậy đón chào hết sức cung kính. Bồi lạc cũng đứng dậy dặt tay nàng cùng ngồi bên cạnh.

Nàng đợi cử tọa an vị rồi mới hỏi:

- Bồi lạc muốn tìm một nơi sơn thủy hiểm yếu để đào đắp thành trì phải không? Từ thuở nhỏ tiện thiếp thường được thân phụ nói cách nơi đây ba dặm về hướng tây, xuyên qua khu rừng cây tại đồng cỏ Nga Mạc Huệ có một toà thành gọi Ngạc Đa Lý. Toà thành này vốn do tổ tiên của tiện thiếp xưa kia xây nên. Tiên thân của tiện thiếp sau khi bị Minh Thái Tổ đánh đuổi chạy ra miền quan ngoại bèn lui về giữ thành Ngạc Đa Lý. Về sau bị bọn Mông Cổ đánh thành, nào đất, nào giết, tàn phá tan hoang khiến một toà thành đẹp như gấm xinh như vóc mà nay chỉ còn tro bụi đá tảng và năm ba vết tường đổ. Tổ tiên của tiện thiếp bị người Mông Cổ tàn sát đành phải ly tán mỗi người một nẻo nhưng khi chúng bỏ đi thì mọi người lại trở về chốn cũ, lấy mười bốn thôn Tam Tính này. Nếu bồi lạc không có ý muốn mưu đồ đại sự thì thôi, còn trái lại nếu muốn lập nghiệp thì theo ngu kiến của tiện thiếp, bồi lạc nên khuyên toàn thôn di cư tới

thành Ngạc Đa Lý. Thành này ba mặt là núi, một mặt là sông, địa thế hết sức hiểm yếu. Để đỡ một phần tổn kém công của, bồi lạc nên theo cách kiến trúc của người xưa với những nền tảng sẵn có thì tốt nhất.

Khi Bách Lý phúc tấn nói tới đây thì bồi lạc Ang Thuận tiếp lời, nói với mọi người:

- Trăm nghe không bằng một thấy. Phúc tấn đã nói như vậy, chi bằng bọn ta kéo nhau tới đó xem có phải hơn không.

Mọi người đồng thanh đáp:

- Đúng đấy!

Tức thì bỏ phòng họp ra đi. Họ nhảy lên lưng ngựa. Đoàn người phóng như bay, xuyên qua khu rừng câu, tới đồng cỏ Nga Mạc Huệ thì thấy di tích của thành xưa. Chân tường chỗ thấp chỗ cao, dựa vào chân núi làm thành một vòng lớn. Bồi lạc định thần nhìn kỹ một lúc, bất giác mỉm cười rồi ghé vào tai Phúc tấn thì thầm mấy câu, nghe xong Phúc tấn bỗng nhiên đôi má ửng hồng rồi liếc mắt nguyệt bồi lạc. Thì ra chỗ chân tường đồ kia chính là nơi mà trước đây hai người đã ngồi nghỉ cho đỡ mệt và sau đó, bằng cái hôn nồng cháy, để bắt đầu một cuộc tình ái thi vị hiếm có trên nhân thế. Cái phiến đá lớn bên cạnh chính là viên đá tảng của thành Ngạc Đa Lý xưa.

Phải chăng hai vợ chồng Bách phúc tấn có cái sứ mạng trùng hưng họ Mãn cho nên trời xui đất khiến mời ngồi trên phiến đá “Tam Sinh Thạch” đó để kết mối lương duyên?

Vợ chồng bồi lạc Ang Thuận ngồi trên ngựa, thả tầm mắt ra xa, chỉ thấy một dãy núi non trùng điệp chạy dài từ phía đông bắc tới, vây quanh lấy ba mặt thành Ngạc Đa Lý, chẳng khác gì cái giao ý ôm toà thành vào lòng. Còn một mặt thì sông Đan Giang nước chảy nhanh như ngựa phi từ hướng tây bắc lại. Thực là một vị trí kiên cố, hiểm yếu khiến tiến có thể đánh, lui có thể giữ. Bồi lạc Bồ Khố Lý Ang Thuận xem xong cả mừng, một mặt ra bằng triệu tập nhân công, một mặt hội họp các hội đồng quản trị ở trong phủ bồi lạc ngày ngày bàn tính việc thiên cư.

Suốt ba năm trường, bồi lạc Ang Thuận đem hết tâm lực để lo tính mọi việc, vì nước quên cả nhà, vì công quên cả tư, khiến cả một toà thành Ngạc Đa Lý cũ đã trở thành toà thành mới đồ sộ nguy nga, hùng tráng vào bậc nhất. Trong thành, phố xá nhà cửa san sát, nhất nhất cái gì cũng hoàn bị.

Đến ngày thiên cư, quang cảnh thật là huyền ảo. Dân cư mười bốn thôn sửa soạn lên đường, nào gà nào chó, nào ngựa nào trâu, nào đồ ăn thức uống, nào trai nào gái, nào già nào trẻ, lũ lượt kéo nhau vui vẻ ra đi.

Ở giữa thành, có cất một toà bồi lạc phủ, dành riêng cho hai vợ chồng bồi lạc và phúc tấn ở.

Thiên cư được một năm thì Bách phúc tấn sinh hạ một đứa con trai. Lúc đó Phúc tấn đã sáu mươi bốn tuổi. Đứa con trai của Phúc tấn vừa khôi ngô lại vừa thông minh. Dân chúng toàn thành ai cũng mừng rỡ. Họ làm lễ cúng thần để cầu phúc cho gia đình phúc tấn!

Sau khi đã ổn định việc xây thành đắp lũy và thiên cư định dân, bồi lạc Bồ Khố Lý Ang Thuận nghĩ đến việc mở rộng bờ cõi cho quốc gia ngày một lớn mạnh.

Hồi đó, có bọn dã nhân Hốt Thích Ôn tiến dọc theo bờ Hắc Long Giang, hướng về phía tây nam mà kéo xuống. Chúng rất hung ác, thấy người là giết, thấy vật là cướp. Ngay cả sảnh đường của Nỗ Nhĩ Can nhà Minh cũng bị chúng đốt phá tiêu sạch cả.

Dân cư suốt một giải miền Hải Tây đều phải chạy trốn, mười nhà bỏ không đến chín. Rồi chúng kéo tới chân núi Tràng Bạch.

Bồi lạc Ang Thuận được tin tức giận lắm. Ông bèn đích thân đem quân kéo tới mai phục dưới chân núi Tràng Bạch.

Bọn dã nhân Hốt Thích Ôn diễu võ dương oai, hùng hổ kéo qua. Hai bên ác đấu một trận tới bởi đến quỷ khóc thần kinh.

Bọn dã nhân đại bại, phải bỏ cả giáp, quăng cả mu mà chạy trốn. Từ đó chúng không còn dám nhìn ngó gì tới thành Ngạc Đa Lý nữa.

Sau cuộc đại thắng bọn Hốt Thích Ôn, uy thế của thành Ngạc Đa Lý càng ngày càng lớn. Các bộ lạc lân cận kéo nhau về hàng phục mỗi ngày một đông. Bối lạc Ang Thuận nhất nhất đều thu nhận, chỉ bảo họ cách thức tập luyện quân mã, phương pháp bảo vệ thành trì. Trong mười năm công phu, bối lạc đem hết tâm lực để xây dựng quốc gia, đêm quên ngủ, ngày quên ăn, nhiều khi đến chén trà cũng không kịp uống.

Bách Lý phúc tấn mãi tới tám mươi tám tuổi mới mất. Thế là thành Ngạc Đa Lý mất một vị lão mỵ nhân! Dân chúng trong thành ai cũng khóc than nhỏ lệ.

Bối lạc Ang Thuận sớm tối sầu khổ, nhớ một hồi, khóc một hồi, chẳng khác gì đứa trẻ khóc mẹ, đến nỗi cơm nước cũng chẳng thiết ăn uống nữa. Ông ngày đêm cười khóc bất thường, tinh thần hỗn loạn, dần dần thành bệnh, cuối cùng theo chân vị phúc tấn về Tây phương cực lạc Hội đồng quản trị toàn thành cử người con trai của bối lạc Bồ Khố Lý Ang Thuận lên làm bối lạc thành Ngạc Đa Lý.

Vị bối lạc này cũng dóc một lòng cần kiệm liêm chính, yêu dân như con đỏ, lo việc nước hơn việc nhà.

Họ Ái Thân Giác La truyền hết đời này qua đời khác, thế nước cũng ngày một mạnh thêm. Các bối lạc con cháu ai cũng đều tuân theo di huấn của tổ phụ là bối lạc Ang Thuận huấn luyện quân sĩ dũng mãnh, tinh nhuệ. Họ thường đem binh đi đánh thành này, cướp đất kia. Bởi vậy những thành trì lân cận dần dần đều bị thu phục dưới quyền họ một dải Hải Tây Nữ Chân, Hốt Thích Ôn dã nhân, đều quy về một mối.

Nói đến bọn dã nhân Hốt Thích Ôn thì ai cũng phải sợ cái tính hung hăng táo bạo của bọn chúng. Bọn người này từ khi bị bối lạc Ang Thuận đánh ột trận tới bờ thì không dám bén mảng tới biên giới thành Ngạc Đa Lý nữa. Nhưng ngược lại, dân Ngạc Đa Lý cũng đó dám lãng vãng tới đất họ.

Ở về phía tây nam thành Ngạc Đa Lý có một thành tên gọi Cổ Liệt thành, còn một thành nữa gọi Đồ Luân thành. Hai toà thành này đồng đất phì nhiêu, khí hậu lại ấm áp. Người Ngạc Đa Lý đã sớm biết điều đó. Họ chỉ mong tìm cách thôn tính. Đợi đến mùa xuân ấm áp, cỏ dài ngựa béo rồi họ mới kéo tới thành Cổ Liệt để uy bức đầu hàng. Bối lạc thành Ngạc Đa Lý kéo đại đội hùng binh tới. Dân thành Cổ Liệt đứng trong thành thấy binh tướng của đối phương trùng trùng, lớp lớp, giáp trụ sáng loà, đao kiếm giáo mác như rừng chìa mũi lên trời xa đến hàng dặm, thì hoảng hồn bạt vía, cố lo cách chống đỡ nhưng vô hiệu.

Cổ Liệt thành vốn chỉ là một thành nhỏ, được Minh triều bảo hộ, nay đột nhiên bị quân Ngạc Đa Lý bao vây, dù có muốn cầu viện cũng không kịp nữa. Thành Đồ Luân ở phía tiếp cận Liêu Tây thành có một vị tổng binh của Minh triều trấn thủ.

Bởi vậy, muốn cứu Cổ Liệt, chủ tướng Đồ Luân thành vội cho người cáo cấp với Liêu Tây. Tổng binh Liêu Tây được tin lập tức sai đại đội nhân mã lên đường tiếp cứu, nhưng khi tới nơi thì đã trễ; thành Cổ Liệt đã bị quân của Ngạc Đa Lý thu phục trước đó độ mấy tiếng đồng hồ. Quan tổng binh nhà Minh tức bực hết sức, tức tốc phái người tới gặp bối lạc thành Ngạc Đa Lý trách sao dám cướp thuộc địa của thiên triều. Bối lạc thành Ngạc Đa Lý thấy Minh triều can thiệp lấy làm sợ hãi.

Ông bịa chuyện nói rằng chỉ tại bọn du mục láo lếu nên nhất thời ông mới vào nhằm Cổ Liệt thành. Nay chẳng may bị thiên triều quở trách ông tình nguyện đem cả thành của ông làm thuộc quốc của Minh triều hàng năm tiến cống. Tổng binh Liêu Tây chẳng suy xét kỹ cho những lời nói đó của ông là thật, bèn dâng sớ về triều. Bối lạc thành Ngạc Đa Lý sai mười hai viên quản trị đem chím ưng, thú lạ, nhân sâm, đà điểu theo tổng binh Liêu Tây tới Bắc Kinh tiến cống. Minh triều hoàng đế thấy người Ngạc Đa Lý vào tiến cống, lấy làm vừa lòng và đãi họ rất hậu. Nhà vua truyền chỉ thiết yến ở Tây Thiên.

Khi họ ra về, nhà vua còn ban thưởng cho khá nhiều vàng bạc, tơ lụa. Bối lạc thành Ngạc Đa Lý được vua Minh thưởng tứ, lấy làm hân diện. Ông cho người đem đồ thưởng đi khắp nơi để khoe.

Người Hải Tây, người Hốt Thích Ôn thấy người Ngạc Đa Lý được vinh dự như vậy thì ghét lắm. Bối lạc của hai bộ lạc này bèn cùng phái người vào triều tiến cống nhà Minh. Họ đem nào ngựa, nào da chuột bạch, nào da xá lợi tôn, nào thổ thuốc, nào hoàng ưng, nào a giao, nào hải nha v.v... đủ mọi thứ vật lạ.

Chẳng mấy chốc tin này đến tai bối lạc thành Ngạc Đa Lý. Sợ người Hải Tây và người Hốt Thích Ôn chiếm được ưu thế hơn mình ở Minh triều, bối lạc thành Ngạc Đa Lý lại sai người vào Bắc Kinh lần thứ hai để tiến cống.

Minh triều hoàng đế xét qua tình hình trên biết ngay rằng dân chúng ở miền này có ý ganh ghét, nhau. Để

giúp họ khỏi xích mích với nhau, nhà vua bèn cải tên Ngạc Đa Lý thành Kiến Châu vệ, Hốt Thích Ôn thành Nữ Chân vệ. Các bồi lặc đều được phong là Chỉ huy sứ.

Kiến Châu vệ, từ khi có chỉ huy sứ, binh càng ngày càng mạnh, ngựa càng ngày càng khoẻ. Họ kéo binh đi khắp nơi cướp bóc, chinh phục. Họ còn oán Minh triều, cho rằng vua Minh không trọng thị họ. Họ là người đã tiến cống trước tiên, thế mà vua Minh cũng liệt họ ngang hàng với hai bộ lạc Hải Tây và Hốt Thích Ôn kia. Với ý quyết tranh tiến, họ lại cho người sang tiến cống lần thứ ba, xin Minh triều hoàng đế gia phong.

Hoàng đế nhà Minh tại vị lúc đó là Tuyên Đức. Ông thấy người Kiến Châu vệ ngày càng thêm mạnh bèn nghĩ tới kế “lấy độc trị độc” mượn binh lực của Kiến Châu vệ để diệt người Hải Tây và Nữ Chân. Bởi vậy ông gia phong Kiến Châu vệ chỉ huy sứ lên chức Kiến Châu vệ đô đốc, cấp ấn tín, còn thưởng thêm lụa hai kiện, đoạn bốn tấm, sa hai tấm. Ông cũng phong cho những viên quản trị chức đô chỉ huy và thưởng lụa ba kiện, đoạn bốn tấm, sa hai tấm. Minh triều hoàng đế lại dặt dờ thêm nếu giữ chức đô đốc đủ ba năm sẽ được thưởng mũ lớn đai vàng...

Thật là một ân sủng đặc biệt đối với Kiến Châu vệ. Từ đó về sau, đô đốc Kiến Châu vệ ngất ngưỡng ngang tàng, chẳng coi các bộ lạc lân cận ra gì nữa. Ông bắt chước kiểu kiến trúc Kinh đô của nhà Minh, cho xây cất rất nhiều cung điện ở trong thành Ngạc Đa Lý. Ông cũng sai người chọn lựa hơn mười người con gái đẹp trong các dân thôn để đưa vào cung làm phi tử.

Từ lúc có gái đẹp, đô đốc ngày đêm chỉ uống rượu xem hát hoặc ôm phi tử ngủ trong cung cấm, binh cũng chẳng luyện mà việc quân cũng chẳng thêm ngó tới nữa. Ăn nhậu chơi bởi nhiều nên tốn kém, ông bèn phái các vị đô chỉ huy vào từng nhà dân một, bắt nộp tiền bạc đem về cho ông xài. Ông xài quá đến nỗi dân cũng tài kiệt khiến người oán trời giận. Lại thêm mấy năm liền mùa màng thất bát vì hạn hán, nhân dân càng ngày càng khốn khó, thậm chí nhiều địa phương đã có vô số người chết đói chết rét. Vậy mà các đô đốc vẫn mặc kệ, cứ ăn chơi thả cửa, chỉ biết hưởng lạc riêng mình thôi.

Nữ Chân vệ kém chức Kiến Châu vệ nên có ý bất phục từ lâu. Khi thấy bọn đô đốc hôn ám, ăn chơi sa đoạ, làm hại nhân dân như vậy, chỉ huy sứ Nữ Chân vệ bèn ngầm sai quân đội tới các thôn xóm ngoại thành Kiến Châu vệ cưỡng đoạt ruộng đất gian dân phụ nữ, mặt khắc lại chạy tới cáo cấp ở phủ đô đốc.

Đô đốc Kiến Châu vệ lúc đó tay tả đang ôm một mỹ nhân, tay hữu cầm hồ rượu lên tu, vừa nghe xong lời cáo cấp liền là nhè bảo:

- Đối với bọn tao, tìm khoái lạc mới là chuyện cần! Việc dân ư! Kệ cha chúng nó!

Các quan chỉ huy đề nghị phát quân bảo hộ bách tính, thì quan đô đốc cười lên khắc khắc:

- Ngày mai ta còn phải đem quân ra ngoài thành đi săn, công đâu mà đi bảo hộ bách tính?

Bọn đó nghe xong giận đến sôi gan, chạy ra luôn cổng phủ. Ngoài cổng phủ, dân chúng đã tụ tập khá đông từ hồi nào. Họ đang đợi tin tức. Bọn đô chỉ huy đành phải nói thật những lời nói của đô đốc. Mọi người máu hận bốc lên đầu, có kẻ nghiêng răng nghe ken két. Thế rồi, như một tiếng sét nổ vang trời, họ hét lên và không ai bảo ai đồng thanh nói:

- Hay giết chết tên đô đốc hôn ám đó trước đã!

Họ nhảy, vào trong phủ, sục tìm quan đô đốc. Đội vệ binh vác binh khí ra ngăn cản. Nhưng người kéo tới mỗi lúc một đông, chẳng mấy chốc đã lên tới con số bảy, tám trăm. Họ cướp lấy đao thương trên giá rồi đánh thốc vào hậu viện. Trong khi đó, quan đô đốc hai tay vẫn ôm hai phi tử trẻ đẹp hai bên, miệng vẫn tu hồ lô rượu cho đến cạn.

Đám đông đã tiến sát tới giường mà ông vẫn là nhè nói cười khắc khắc. Chỉ trong nháy mắt, đầu ông đã lia khỏi xác. Mấy nàng phi tử thấy cảnh tượng khủng khiếp, hoảng hồn bạt vía, tìm lối chạy trốn.

Cuộc biến cố kéo dài từ giờ Ngọ mãi tới giờ Thân mới chấm dứt. Khắp phủ đệ, xác chết nằm ngổn ngang máu chảy thành vũng. Chém giết đã rồi đám dân chúng điên loạn kia mới ngừng tay. Họ tính nhổ cỏ phải nhổ tận gốc, nhưng họ đã bỏ sót đứa con trai út của viên đô đốc tên gọi Phạm Sát, năm đó mới có mười hai tuổi.

Sáng sớm hôm ấy, Sát ra ngoài thành đi săn với một nhóm binh sĩ. Thấy con thỏ chạy ngang đường, Sát vội thúc ngựa đuổi theo. Ngựa chạy rất nhanh mà vẫn không đuổi kịp, cuối cùng thỏ mất dạng không thấy tăm hơi đâu nữa. Sát vừa buồn vừa bức, thả lỏng dây cương cho ngựa thông thả trở về. Vừa ra khỏi sơn ao, bỗng Sát nghe có tiếng người nói lào xào sau một cây đại thụ. Sát tuy tuổi còn nhỏ nhưng có trí hơn người, bèn cho ngựa dừng lại lắng tai nghe:

- Hôm nay bọn tao giết cả nhà tên đô đốc, chỉ còn sót lại mình tên tiểu tặc Phạm Sát. Mọi người đều bảo nhỏ cổ phải nhỏ cả gốc. Bởi vậy quan tân đô đốc phái tao tới đây để gạt nó trở về thành, khi thành công chúng mày cũng sẽ được trọng thưởng...

Sát nghe tới đây giật mình kinh sợ, chẳng đợi cho tên kia nói hết, liền quay ngựa phi nhanh. Phía sau bọn binh sĩ đông cỡ hai, ba chục, thấy Sát bỏ chạy, vội hè nhau thúc ngựa đuổi theo.

Sát một mình một ngựa chạy như điên ở phía trước. Bọn binh sĩ đuổi đã gần kíp. Sát hoảng quá. Trời lúc đó đã về chiều. Bóng tối đã nhuộm đen các lùm cây. Phút cấp bách, Sát bỗng nảy ra kế, vội ghì cương ngựa, quay ngoắt lại, vòng quanh một cây đại thụ, leo lên dốc.

Đi thêm được mấy bước, Sát nhảy xuống, đập cho ngựa chạy tạt vào con đường nhỏ, còn mình thì vội cõ hết y phục, trùm kín đầu mặt, lại bẻ thêm một cành cây rậm lá phủ lên trên, sau đó lẩn vào đứng giữa đám cỏ rậm, nín thở...

19. Chương 19: Chinh Phục Để Mở Nước

Mặt trời gác núi. Nha thước đang xao xác trong bụi cây kẽ lá. Kỳ lạ nhất là lúc đó có một đàn chim chích không biết từ đâu tới đậu ngay cành cây che trên đầu Sát, rồi nhảy nhót tung tăng và lên giọng hót líu lo.

Bọn binh sĩ phi nhanh như một luồng gió cuốn vụt qua mặt Sát, Sát hoảng quá, nín hơi không dám thở. Đám truy binh đầu lương được quý kế của Sát lúc thắng thốt không ngờ.

Chúng giờ rơi vụt vào đất ngựa trót trót, sợ đuổi không kịp mà trời thì đã tối. Trong nháy mắt, đoàn truy binh đã vọt xa.

Sát thở phào một cái, lẩm bẩm: “Xấu hổ chưa!”, Sát định ném cành che trên đầu đi. Vừa lúc đó bọn truy binh lại phóng ngựa quay lại đường cũ. Tối cạnh một khóm cây rậm, chúng nhất tề nhảy xuống ngựa, chui cả vào trong tìm kiếm.

Sát hồn vía lên mây, chắc chết cả mười phần, liền té xỉu, ngất đi lúc nào không hay. Khi tỉnh dậy, Sát ngơ ngác nhìn quanh thì tứ bề vắng lặng, chẳng hiểu mình nằm đó đã bao lâu và bọn truy binh kia đã bỏ đi từ lúc nào.

Sát vội gạt bỏ cành cây còn phủ trên mình, đứng dậy co giò chạy tăt quá đầm cỏ rậm. Trời tối sập, giờ tay mà không thấy ngón. Sát bắt chập tối hay sáng, cứ vạch lá bẻ cành mà đi. Sát đi bừa, chẳng cần tìm đường, thực ra, không thể tìm được đường. Sát chẳng biết đông tây nam bắc gì, cứ lao đại vào bụi cỏ lùm cây. Không biết mình đã đi bao lâu và được bao nhiêu đường đất rồi, Sát thấy mệt nhoài, trong lòng chán nản đến cùng độ. Bỗng Sát quay mặt về phía trái, thấy có ánh đèn le lói xa xa. Mừng đến phát điên lên được, Sát hăng hái lần tới chỗ đèn sáng... Phải vất vả lắm, Sát mới tới được một khu vườn nhỏ có bức tường thấp bao quanh. Sát ngẩn cổ nhìn vào. Thì ra ánh đèn từ một ô cửa sổ nhỏ phát ra. Sát đứng lặng một lúc nghe ngóng, thấy không có gì khả nghi, mới yên tâm tiến đến, gõ cửa. Một ông lão bước ra mở cửa, hỏi:

- Thằng bé nào đó? Mày ở đâu mà ban đêm gõ cửa thế?

Sát bước lên thềm, chỉ trả lời được có ba tiếng “cha mẹ cháu...” rồi òa lên khóc lóc thảm thiết. Nhưng rồi Sát nín bật vì chợt nghĩ mình đang chạy nạnh không thể để cho ai biết được gốc tích của mình. Sát bèn tìm cách nói trở đi.

- Thừa cù, sáng ngày cháu đi theo cha mẹ đi săn. Khi vào tới rừng sâu, chúng cháu gặp phải một đàn sói. Cha mẹ cháu đều bị sói tha đi. Cháu bỏ hết cả ngựa lẫn đồ đạc, may thay chạy được thoát thân. Thật đáng thương cho cháu, đường thì chẳng thuộc, ăn thì chẳng có, chạy suốt cả ngày mới tới đây. Xin cù làm ơn cứu cháu với!

Ông lão nhìn thằng bé mặt mày sáng sủa, tình cảnh lại đáng thương, bèn cầm tay nó dắt vào trong nhà. Một bà lão và một cô gái đang ngồi xếp bằng trên giường, khâu vá dưới bóng đèn dầu... Sát để ý cô gái, thấy tuổi xấp xỉ tuổi mình.

Nàng vừa nghe cha nói, vừa liếc mắt nhìn Sát từ đầu tới gót, miệng mỉm cười, tỏ vẻ vui mừng lắm.

Gia đình ông lao vốn họ Mạnh Cách, tên gọi Đồ Lạc. Tổ tiên xưa làm ruộng, truyền nghề mai tới ông. Đôi vợ chồng già dưới gối chỉ có một mụn con gái. Bởi vậy hai ông bà mong sao sinh hạ thêm một đứa trai để sau này giúp ông trông coi vườn ruộng, giữa lúc sốt ruột mong chờ thì quả nhiên có thằng con trai đã tới với cặp vợ chồng già! Thật không có gì sung sướng cho ông hơn nữa!

Từ đó Sát ở lại nhà này, hàng ngày giúp ông chăn bò coi dê. Sát vốn dòng dõi quý tộc giàu sang, nên hết sức bơ ngỡ. May sao Sát lại có Kiều Phương, cô con gái duy nhất của ông lão Đồ Lạc chỉ dẫn.

Ngày tháng thoi đưa, đã sáu năm qua. Phạm Sát năm đó đã mười tám tuổi. Sát với Kiều Phương xem ra tâm đầu ý hợp lắm, chàng nhớ thì nàng thương, sớm tối có đôi, chẳng một phút rời nhau.

Hai ông bà Đồ Lạc đã rõ hết tâm tình của đôi trẻ. Ông bà liền chọn ngày lành tháng tốt cho chúng giao bái thiên địa, thành vợ thành chồng. Mãi đến lúc đó, Sát mới đem gốc gác của mình nói cho vợ nghe. Kiều Phương biết chồng mình vốn là con trai của quan đô đốc nên không khỏi giật mình. Hai ông bà Đồ Lạc dần dần mất cả. Lại mấy năm sau, hai vợ chồng Kiều Phương cũng theo gót ông bà mà rời xa nhân thế! Vợ chồng Sát để lại cho con một trang trại khá lớn.

Hết con đến cháu, đời đời nối dõi, nhưng phải truyền đến đời cháu tên gọi Mạnh Đặc Mục thì trang trại kia mới biến thành một trang viên đồ sộ khang trang, với tám trăm mẫu điền địa. Ngoài ra, Mạnh còn có đất trồng cây ăn trái ở khắp mười hai trái núi. Trang viên Mạnh có đến trên hai, ba trăm gia đình tráng kiện. Những lúc rỗi rảnh, họ tập quyền võ nghệ, kẻ nào kẻ nấy đều có bản lĩnh hơn người.

Mạnh Đặc Mục thực ra cũng là kẻ có chí khí anh hùng. Mạnh thường tự hào mình giòng dõi quý phái nhất quyết không chịu làm một tên trang chủ tầm thường để chết già trong chốn rừng hoang núi thẳm. Với ý đồ lớn lao đó, Mạnh ngày đêm ra công tập luyện bọn trai tráng, chờ dịp báo thù cho tổ tiên bị hại thuở trước.

Kịp đến khi Mạnh bốn hai tuổi, cơ hội báo thù đã đến.

Số là hôm đó đô đốc Kiến Châu về đem một cánh quân đi săn ở vùng Hách Đồ A Cáp, dưới chân núi Hồ Lâm Cáp Đạt, trong thung lũng Tô Cách Lan Hữ Hà.

Ngon Hồ Lâm Cáp Đạt là một ngọn núi cao, ba mặt vây quanh như một bức bình phong. Hai chóp mũi nhô lên tận trời xanh, giữa để lộ một con đường nhỏ hẹp, chỉ một người một ngựa mới có thể đi qua được. Sau khi được tin tức đích xác, Mạnh liền đem ba trăm tráng đinh đến mai phục trong sơn ao. Đô đốc Kiến Châu về lúc đó đang hò hét bốn chục thân binh qua lại săn bắn trên cánh đồng Hách Đồ A Cáp. Bỗng có tiếng sói kêu từ phía sườn núi dội tới. Ông giật mình kinh hãi, vội khoát tay ra hiệu cho binh lính chạy qua ngã sơn ao.

Nhưng khi tới lưng đèo, ông và đoàn tùy tùng thấy bốn bề vắng ngắt, chẳng có bóng một con sói nào, mà chỉ thấy cây cối rậm rạp, thế núi hiểm trở.

Giữa lúc ông còn hoài hoài nghi nghi, chưa hiểu chân giả ra sao, bỗng một tiếng gầm vang động cả sơn khê. Trong nháy mắt, quân mai phục bốn bề nhất loạt đứng dậy, xông tới bao vây ông. Ông hoảng hốt, luống cuống, tính thoát ra cửa rừng nhưng cửa rừng đã bị gỗ đá chặt ngổ ngang chặn mất đường.

Ông đành phải quay lại tử chiến: hai bên ác đấu. Quân ông yếu thế rõ rệt. Chẳng mấy chốc, ông với bốn mươi thân binh đều bị trói gô lại xếp thành một hàng dài. Mạnh đứng trước chỉ huy, hô một tiếng "sát", tức thì bọn tráng đinh nhất tề động thủ, gươm tay đao chém xuống.

Quan đô đốc còn chưa bị chém. Mắt nhìn thấy mấy chục cái đầu lâu lằn lằn lóc lóc trên mặt đất, ông khiếp hãi, đành phải hạ mình xuống, chấp tay cúi đầu xin tha mạng, tình nguyện đem ấn tín quan đô đốc và thành trì Kiến Châu về dâng cho Mạnh. Mạnh động lòng thương, gật đầu ưng thuận, rồi sai một trăm trang đinh áp giải quan đô đốc theo sau, còn tự mình chỉ huy hai trăm tên khác đi trước. Đến cửa rừng, Mạnh bèn đem chuyện tổ tiên xưa bị hại ra sao và mưu đồ việc phục thù như thế nào cho cả bọn quân binh lẫn bọn trang đinh cùng biết.

Bọn quân lính lúc đó mới rõ mọi sự, vả lại quan đô đốc của chúng đã bị bắt trời dẫn đi sau kia thì chúng chỉ còn có nước đập đầu xin hàng quan tân đô đốc mà thôi.

Mạnh Đặc Mục chỉ huy đám binh sĩ còn sót lại, cộng thêm ba trăm trang đinh của mình, diệu võ dương oai kéo thẳng tới phủ đô đốc Kiến Châu về, đoạt lấy ấn tín. Rồi, một mặt phái người qua Minh triều đầu phong, một mặt cho bắt trời tất cả bọn tử thù giết hại tổ tiên xưa, đưa có tên tuổi địa vị thì đem chém đầu, đưa vô danh tiểu tốt thì đuổi ra khỏi thành.

Minh triều phong Mạnh Đặc Mục làm đô đốc Kiến Châu về cũng như các đời trước. Để kỷ niệm nơi mình đã báo được thù xưa Mạnh bèn rời kinh thành về cánh đồng Hách Đồ A Cáp. Mạnh lấy vợ, sinh được hai trai. Đứa lớn tên Sung Thiên, đứa nhỏ gọi Chữ Yến. Sung Thiên về sau sinh ba trai. Thằng lớn tên Thoả La, thằng hai tên Thoả Nghĩa và thằng ba gọi Tích Bảo Tế Thiên Cổ.

Tích sau đó lại sinh một trai gọi Phúc Mãn. Đến Phúc Mãn thì sinh luôn một hơi bốn trai. Thằng lớn tên Đức Thế Khố. Thằng hai tên Lưu Xiển, thằng ba tên Sách Trường A và thằng út tên Bảo Thực.

Phúc Mãn làm đô đốc truyền chức lại cho con thứ tư là Giác Xương An, xây cất thêm năm toà thành trì nữa. Đức Thế Khố đóng tại miền Giác Nhĩ Sát, Lưu Xiển đóng tại miền A Cáp Hà Lạc. Sách Trường A đóng tại miền Hà Lạc Cát Thiên. Bảo Lãnh A đóng ở vùng Ni Ma Thích. Còn Bảo Thực đóng ở vùng Chương Giáp, năm toà thành trì này cách Hách Đồ A Cáp gần thì năm dặm mà xa thì hai mươi dặm. Tất cả đều xưng là Minh Cổ Tháp bối lạc. Sáu vị bối lạc này người nào cũng có võ nghệ cao cường. Các bộ lạc xa gần nghe danh đều kinh sợ. Duy chỉ có hai bộ lạc, một gọi Thạc Sắc Nạp ở phía tây, một gọi Gia Hổ ở phía đông, tỏ ý ương ngạnh bất phục.

Hai bộ lạc này dữ tợn đến thế nào mà dám cả gan chống lại oai quyền của đô đốc Phúc Mãn? Thạc Sắc Nạp có chín con trai đều được tập luyện võ nghệ hơn người. Những lúc nhàn rảnh vô sự, chúng thường kéo thủ hạ đi tứ xứ, phá nhà cướp của. Các bộ lạc thân cận, bộ lạc nào cũng bị chúng cho ăn đòn ít ra đôi ba lần nhưng thế yếu đành phải chịu. Gia Hổ cũng có bảy con trai đọ được với Thạc Sắc Nạp. Đám này cũng đều dữ như sói, mạnh như cọp; đi tới đâu chúng cũng đốt nhà giết người hung dữ chẳng kềm.

Một hôm chín con trai của Thạc Sắc Nạp kéo tới tỷ võ với bọn Gia Hổ. Hai bên cam kết trước rằng hễ ai bại thì phải hàng. Thế rồi nhập cuộc chiến. Hai bên ác đấu đến quý khốc thân sâu, từ sáng tới trưa rồi đại từ trưa tới tối mà không phân thắng bại. Hai phe mên tãi nhau bèn kết làm anh em, thề với nhau rằng có phúc cùng hưởng, có hoạ cùng chịu. giữa lúc đôi bên còn đang bàn tính chuyện trò, bỗng từ trong đám đông nhô ra một trang thiếu niên mặt trắng môi son, khôi ngô tuấn tú. Người thiếu niên lẫm lẫm, chẳng thèm nói một lời với ai, chàng bước thẳng tới chín con trâu. Bắt đầu từ con thứ nhất. Chàng giơ hai tay ra nắm lấy sừng trâu, dùng kinh lực quật mạnh. Mọi người chỉ nghe một tiếng rống thê thảm, cổ trâu đã gãy từ lúc nào. Thân trâu như một đồng thịt lớn đổ kềnh xuống đất bất động. Chưa hết, chàng tiến qua con thứ hai rồi thứ ba, lần lượt tới con thứ chín, vẫn chỉ dùng một thế võ như trước. Chín con trâu được mộng nặng hàng tấn, mạnh như voi, thế mà chỉ trong nháy mắt, chàng đã biến tất cả thành những đồng thịt nằm chềnh ềnh trước các tay hảo hán của hai bộ lạc. Vừa quật chết xong đàn trâu, chàng liền giơ cao tay khoát một cái tức thì hơn hai chục đại hán lẫn trong đám đông từ lúc nào nhất tề động thủ, hè nhau xúm lại cướp mấy con trâu đem đi.

Trước thái độ ngang ngạnh hỗn xược của người thiếu niên, bọn Thạc Sắc Nạp và Gia Hổ đến lúc này không còn nhịn được nữa. Họ đồng loạt nhảy lên trước, cản bọn đại hán của người thiếu niên, rồi lên tiếng cãi lý với chàng. Nhưng thiếu niên chẳng nói nhiều lời, giơ ngang quả đấm tổng ối tên một đấm vào mặt. Thế là cuộc ẩu đả bùng nổ. Chẳng biết thiếu niên có thần lực gì mà chàng đánh cho kẻ nào kẻ nấy tơi bời, kẻ thì lẫn cù ra đến mấy trượng kẻ thì té ngựa ra mặt đất, không bỏ dậy được nữa.

Mấy chục người vây đánh một thiếu niên mà từ trước đến sau chẳng một ai lại gần được chàng và cuối cùng

đuổi sức trông thấy nếu không muốn nói là sắp thảm hại. Người của hai bộ lạc còn một số đông đứng ngoài thấy người mình thua đến nơi, nhất tề xông vào, vây chặt thiếu niên cùng hai mươi đại hán vào giữa, dùng hết bình sinh ứng biến.

Chàng thiếu niên không một chút hoang mang, cùng đám tùy tùng, lưng kề lưng, vai kề vai, mặt quay bốn phía, trả đòn kịch liệt. Cuộc đấu kéo dài từ trưa cho đến tối, ác liệt chưa từng có. Chàng thiếu niên không hề bị một vết thương nào.

Trái lại, về phía hai bộ lạc kia, kẻ nào cũng bị đập đánh tơi bời, không ít thì nhiều đều bị thương tích. Họ thấy thế nguy chỉ còn một ý nghĩ duy nhất là chạy tháo thân. Giữa lúc khốn quân đến cùng cực đó, bỗng họ nghe một tiếng quát vang lên ở mặt chính nam khiến trăm người như một ai nấy đều hoảng hồn bạt vía. Một đội binh mã không biết từ đâu hùng hổ xông tới như một trận cuồng phong.

Người hai bộ lạc biết thế nguy cấp, vội bỏ người thiếu niên và đoàn đại hán, cầm đầu bỏ chạy, chân vấp lên tận cổ. Thiếu niên dẫn quân đuổi theo sau thành một hàng dài đến mấy dặm.

Khi chạy tới một thôn xóm rộng lớn có rào kỹ bao quanh, hai bộ lạc hốt hoảng chạy vào trong đóng ập cổng lại, cắt người canh gác, chờ sẵn ứng chiến. Chàng thiếu niên ở bên ngoài vòng rào đốc suất binh sĩ khiêu chiến. Họ lên tiếng chửi bới thậm tệ. Bỗng cổng thôn mở. Từ bên trong một đội binh mã xông ra. Thế là hai cánh quân ráp lại ác chiến.

Cánh quân của chàng thiếu niên đã từng chiến đấu nhiều phen nên không coi cánh quân của hai bộ lạc kia ra gì. Chẳng bao lâu cánh quân của hai bộ lạc đã bị quét sạch. Người thiếu niên đứng lược trận, thấy đối phương đại bại bèn phóng ngựa như bay qua cổng thôn vào trông thấy người là dân, thấy vật là cướp. Anh em Thạc Sắc Nạp chín người chết mất bốn, còn anh em Gia Hồ cũng vậy, bảy người chết mất ba. Những người còn sống sót đều bị trói chặt và áp giải về thành Chương Giáp.

Người thiếu niên đó chẳng ai xa lạ, chính là cháu gọi đô đốc Phúc Mãn là ông nội, con của Bảo Thực, tên gọi A Cáp Nạp Ốc Tế Cách. Chàng theo cha đóng tại thành Chương Giáp. Chàng có khuôn mặt khôi ngô tuấn tú, thêm một tấm thân mình đồng da sắt. Chàng vẫn thường nghe nói hai bộ lạc Thạc Sắc Nạp và Gia Hồ hung dữ, ngang ngạnh rất khó trị, đã từ lâu chàng có ý tới khiêu khích để so tài thử sức. Hôm đó, chàng chuẩn bị đầy đủ xong rồi ra đi. Quả nhiên, chàng đại thắng trở về, đem dâng hết những chiến lợi phẩm lên cho cha, nào trâu bò ngựa, nào vàng bạc, đàn bà con gái. Nhưng cha chàng chẳng dám tự tư dùng, lại đem những chiến lợi phẩm đó dâng lên cho đô đốc Giác Xương An.

Giác Xương An một mặt khen thưởng ốc Tế Cách, một mặt kiểm điểm nhân mã, lên đường thẳng tới tra xét hai bộ lạc Thạc Sắc Nạp và Gia Hồ. Ông thu phục luôn một lúc hai, ba chục thôn phường rồi ra bằng an dân. Từ đó những miền chạy dọc theo phía đông núi Ngũ Linh hoặc phía tây sông Tô Cách Lan, xa chừng hai trăm dặm, đều quy về Kiến Châu vệ.

Sau khi chàng thiếu niên ốc Tế Cách lập được công lớn, đô đốc Giác Xương An tỏ lòng yêu quý lắm. Ông lưu chàng ở lại trong thành, luôn luôn bên cạnh ông. Chàng là một chàng thiếu niên tuấn tú khôi ngô, cho nên không một phúc tấn nào, một cách cách 1 nào không có mỹ ý đối với chàng. Bà phúc tấn vợ đô đốc Giác Xương An muốn làm mối cho chàng một cô vợ Chàng nói với bà:

- Nếu không lấy được một người đẹp bậc nhất thiên hạ, cháu thề suốt đời không lấy ai.

Một hôm chàng theo chú Giác Xương An ra miền đông ngoại thành để săn bắn. Vì ngọn núi chàng tới để săn rất xa thành nên chàng phải đem theo lều vải để nghỉ qua đêm.

Hôm sau, chàng dậy thật sớm. Đang lúc cao hứng, chàng một mình lấy ngựa ra đi. Chàng rời xa lều vải, ruổi ngựa vào mãi khu rừng già. Thấy một đàn hươu sao đang chạy ngoài ven rừng, chàng nấn lại tên, uốn lại cung rồi dục ngựa phi theo.

Đàn hươu sao nghe tiếng vó ngựa lộp cộp đằng sau giật mình kinh hoảng, cất gót chạy như bay, chỉ trong chốc lát đã không còn thấy bóng dáng đâu nữa. Chàng đành rẽ cương cho ngựa đi vào một khu rừng cạnh đường. Chàng ngược mắt nhìn lên, không ngờ trông thấy một mỹ nhân đẹp như hoa xinh như ngọc, ngồi trên mình ngựa, mặt hơi cúi xuống ra chiều e lệ.

Mỹ nhân xuất hiện đột ngột, quá, khiến chàng bối rối băng khuâng, khó nói nên lời.

1Phúc tấn là vợ của bối lạc - Cách cách là con gái của bối lạc và phúc tấn.

20. Chương 20: Tình Cô Sơn Nữ

Người giai nhân tuyệt sắc, môi son má phấn, mắt phượng mày ngài ấy đi một đôi hài thêu kim tuyến nhỏ nhắn, nhẹ đạp trên một đôi dây ngựa vàng. Nàng đưa đôi tay ngọc thon thon ra phía trước để ghì cương ngựa. Nàng quay mặt về phía Ốc Tế Cách liếc nhanh cặp mắt đa tình. Nàng đẹp đến nỗi chàng ốc ngồi trên lưng ngựa không muốn vững nữa. Đôi mắt chàng như bị hút chặt vào cái miệng tươi như hoa và đôi má mịn màng, phẳng phất hương thơm lúa chín.

Thấy Tế như ngây như dại, mỹ nhân quay đầu lại mỉm cười. Nụ cười của nàng vừa dứt thì làn sóng hồ thu cũng vừa quét một vòng qua thân hình chàng họ Ốc. Rồi nàng giật mạnh giây cương, ngựa nhảy chồm lên hí một tiếng vang rền lao về phía trước như mũi tên bắn, chỉ trong nháy mắt đã mất bóng sau lùm cây tùng rậm lá trước mặt.

Chàng thanh niên họ Ốc vội đạp hai gót vào hông ngựa; tức thì con bạch mã nhảy vọt về đằng trước rồi cũng lao đi như tên bắn, cố hết sức đuổi theo cái chấm đen nhấp nhô giữa những rặng cây, đôi cô đang mờ dần. Vó ngựa đập lộp cộp trên con đường sỏi ngoằn ngoèo khúc khuỷu, vang động cả khu rừng tĩnh mịch âm u. Một ngựa trước, một ngựa sau, tung bụi mù thành một vệt dài mờ mờ trắng đục trong không gian. Chúng đuổi theo nhau, qua không biết đã bao nhiêu khóm tùng, rừng trúc, vượt không biết bao nhiêu đèo núi, sườn non. Nhưng rồi bóng mỹ nhân biến mất, chẳng hiểu nàng đã rẽ cương sang neo nào.

Mất hút bóng người đẹp, Cách dừng ngựa ngơ ngác nhìn quanh nhưng chỉ thấy một vùng sơn cốc bốn mặt toàn là vách đá dựng ngược, chẳng khác một cái giếng rộng đào sâu vào lòng núi. Trên mặt đất gai góc mọc đầy. Chân ngựa chàng bị vướng, nhiều lúc không thể cất lên nổi. Chàng thả lỏng cương mặc cho ngựa bước đi đâu thì đi, lòng bối rối xốn xang, mặt như ngây như mê, chẳng khác người trong mộng. Chàng rẽ về bên trái, rồi lại quay về bên phải, rồi thả ngựa bước tràn, chỉ mong sao tìm thấy lại bóng mỹ nhân.

Chàng đi như vậy không biết đã bao lâu. Mãi đến khi vô tình ngược mắt lên cao, chàng bỗng mừng quýnh vì trước mắt là hình bóng người đẹp lý tưởng của mình. Giai nhân như có ý trêu ghẹo chàng, đang dừng ngựa đứng chênh vênh trên đỉnh núi cao. Cũng với, nụ cười nửa miệng như bông hoa hàm tiếu, nàng liếc mắt đưa tình trong khi làn tóc loã xoã trên gò má phất phơ trước làn gió nhẹ đầu non. Chàng nhìn thấy nàng, trống ngực đập rộn, liền quất ngựa leo lên. Nhưng núi rừng rậm rạp gai góc mọc đầy, vó ngựa chàng không tiến lên được nửa bước. Vùng vẫy mãi và vô phương thoát đám cỏ gai, chàng đâm cuống, vội nhảy xuống ngựa, rẽ cây vạch cỏ lần đi. Mặt đất gồ ghề, chỗ cao chỗ thấp, khiến chàng té lên ngã xuống đến nỗi da trầy đầu vỡ, máu chảy loang lổ đầy người. Tuy vậy, chàng vẫn không chịu dừng chân, cố leo lên cho tới tận đỉnh.

Nhưng vách đá dựng đứng, làm sao mà lên được. Chàng đành phải đi quanh bốn phía, mong tìm được một con đường mà leo lên. Những ai đã yêu mới biết tình ái có một sức mạnh vô biên. Chàng thiếu niên họ Ốc đã nếm phải bả tình, dù núi có cao vách đá có hiểm trở, chàng chẳng coi ra gì. Bởi vậy chàng cố lấy lại sức, xắn tay áo, bám vào những dây leo, đu người lên không, chân đạp vào những mép hốc đá hoặc những mô đá nhô ra mà lần lần bò ngược lên trên. Chàng vừa bò vừa trèo như thế chẳng biết bao lâu rồi, chỉ thấy miệng thở phì phò, mồ hôi chảy ra nhễ nhại khắp mình. Tuy đã quá mệt nhưng chàng vẫn không sờn lòng thôi chí. Chẳng mấy chốc chàng đã sắp lên tới đỉnh. Chàng khắp khởi mừng thầm vì chỉ trong vài phút nữa chàng sẽ được ngắm dung nhan người đẹp, sẽ được nghe tiếng oanh thỏ thẻ của giai nhân. Nhưng chẳng ngờ một cục đá dưới chân chàng bỗng tách ra khỏi vách đá rồi rớt xuống chân núi đánh rầm một tiếng. Bàn chân chàng cũng tuột theo. Chàng giật mình, hai tay đồng thời cũng tuột luôn chỗ bám. Tức thì toàn thân chàng bật ngửa ra, chới với giữa không trung. Trên đỉnh núi mỹ nhân thấy thế, vội cúi mình thấp xuống, giơ cánh tay xinh như ngọc ra, nắm chặt lấy vạt áo chàng.

Vốn võ nghệ cao cường, chàng nhờ tay cô gái, lấy đà tung người lên trên không, rồi rớt xuống đỉnh núi, bên cạnh cô gái. Đã quá mệt, lại phải vận dụng toàn lực vào cú nhảy vọt vừa rồi nên vừa rớt xuống khỏi mặt đất chàng liền ngất đi, nằm sóng soài bên cạnh mỹ nhân.

Thật là một dịp tốt cho nàng tha hồ nhìn ngắm diện mạo của chàng. Chàng quả là một trang thiếu niên tuấn tú. Lòng nàng tự nhiên cảm động, nhất là khi nàng thấy quần áo của chàng rách tướp, tà vạt tả tơi như cánh bướm, còn đầu, mặt, chân tay thì bị đá toạc, máu chảy ra đỏ lôm. Nàng lấy trong bọc ra một chiếc khăn lau sạch những vết máu. Chiếc khăn toả mùi hương ngào ngạt. Hương thơm ấy bay xộc vào mũi khiến chàng giật mình hồi tỉnh, chàng mở mắt ra vừa lúc nàng đang đắm đuối nhìn chàng. Trời, khuôn mặt sao mà đẹp đến thế! Đôi má trắng mịn thoa phớt lượt phấn hồng, cặp lông mày cong cong vành lá liễu. Cặp mắt đa tình đen lay lý toả dài tia sáng rồi chiếc trán trắng hồng buông loã xoã hàng tóc ngắn, như những sợi tơ nhỏ mượt, và cái cổ nõn nà ba ngón trắng như tuyết. Đáng yêu nhất phải nói là đôi môi hồng thắm điểm thêm nụ cười duyên dáng quyến rũ.

Ốc Tề Cách thừa lúc nàng không đề ý, vọt dưới cao lên một chút, hôn vào chiếc miệng xinh tươi của người đẹp. Nàng có ý giận, biến ngay sắc mặt, nhú đôi lông mày, đẩy chàng ra rồi quay mình chạy đi. Chàng hoảng lên, vội giơ tay nắm lấy vạt áo nàng giữ lại. Nàng thấy không đi thoát, bèn quay đầu lại, nghiêm nét mặt hỏi chàng:

- Mi là thằng khốn kiếp nào vậy?

Câu nói còn chưa dứt thì nghe soạt một tiếng, cây bội đao của nàng đã tuốt ra khỏi vỏ rồi vung lên và chém xuống. Chàng vội giơ tay ra đón bắt cánh tay nàng, rồi đem tung tích của mình kể hết cho nàng nghe. Nhân lúc này chàng nói lên điều sở nguyện của mình, mong được kết mối lương duyên với nàng.

Nghe thiếu niên họ Ốc nói, nàng biết ngay chàng chẳng phải kẻ tầm thường, vả lại chàng còn là một trang thiếu niên xinh đẹp khôi ngô, lời ăn tiếng nói tỏ ra rất ôn nhu, tha thiết, cho nên lòng nàng bỗng mềm lại, miệng nở một nụ cười duyên dáng, đồng thời tay nàng thông thả tra đao vào vỏ.

Chàng bèn quỳ hai gối trước mặt nàng để cầu mong nàng gán bó mối tình vợ chồng đầm ấm lâu dài. Nàng hai má ửng đỏ, cúi đầu lặng thinh chẳng biết nói gì. Chàng họ Ốc thấy vậy lại càng cầu khẩn luôn mồm, nào tình yêu tha thiết, nào bề cần non mơn, nào trăm năm đầu bạc. Bỗng nàng bảo:

- Hãy cắt mớ tóc của chàng đi để...

Câu nói của nàng chưa dứt thì tay nàng đã đẩy mạnh chàng ra bên, rồi nhảy thốc lên lưng ngựa, giật cương chạy như bay xuống chân núi. “Cắt mớ tóc đi...” vốn là một câu nói rất quan trọng của trai gái người Mãn lúc yêu thương tình tự. Câu đó có nghĩa là: Con trai đã cắt tóc đi thì tóc không thể mọc cũng như đã yêu người con gái nào rồi thì không thể yêu người con gái khác nữa hoặc người con gái đã lấy tóc của người con trai nào rồi thì lòng luôn vương vấn với người con trai đó, mai mãi không nguôi. Trang giai nhân nói câu đó tức là đã tỏ ra yêu chàng hết sức rồi. Nhưng vì mắc cỡ nên nàng vội phi ngựa chạy trốn luôn. Chàng đứng nhìn bóng nàng dần khuất sau rặng cây bên khúc rẽ mà lòng hồi hộp, thần thờ như ngây như dại, miệng lẩm bẩm nhắc đi nhắc lại câu nói vừa rồi của nàng.

Bỗng chàng nổi lên một tràng cười ha hả vang động cả một vùng núi âm u tĩnh mịch. Nhưng tiếng cười lại ngừng bật vì chàng chợt nhớ ra mình vẫn chưa biết họ tên nàng là gì và quê quán nơi đâu, vội co giò chạy gấp xuống chân núi. Chàng chạy hồi lâu, mồ hôi đã toát ra như tắm mà chẳng thấy tăm hơi người đẹp đâu. Chàng thấy âu sầu bực bội hết sức. Đưa mắt nhìn quanh, bỗng chàng thấy con ngựa của mình đang gặm cỏ cạnh đường. Chàng leo lên lưng ngựa thả lỏng giây cương cho ngựa thông thả bước đi.

Chẳng bao lâu chàng về tới phủ đô đốc. Bá mẫu của chàng nhìn thấy chàng mặt có vết máu, y phục rách nát, ngạc nhiên hết sức, vội hỏi chàng. Chàng không giấu giếm chút nào, bèn đem tất cả mọi việc vừa xảy ra kể cho bá mẫu nghe. Bá mẫu và người chị của chàng bắt giác cười lên khanh khách. Người chị còn vỗ tay den đét, cười mà bảo chàng:

- Thế mới thật là trời có mắt chứ! Mẹ chị làm mai cho chú mà chú không chịu. Nay tìm cô này, mai lại tính cô khác, vậy mà chú đều lắc đầu. Bây giờ thì chú đã gặp rồi, khỏi phải mai gả nữa nhé!

Tâm sự Ốc Tể Cách là tâm sự của một kẻ tương tư, lại thêm các chị cười cợt chế diễu, chàng không còn giữ được bình tĩnh nên đôi má bỗng ửng đỏ, hai chân như muốn khụy xuống đất chàng nói:

- Em mà không lấy được mỹ nhân này về làm vợ thì kiếp này quyết cắt tóc đi tu mà thôi.

Giữa lúc cả nhà đang cười nói om xòm thì bá phụ chàng là đô đốc Giác Xương An bước vào phòng. Ông thấy cháu ông có mặt tại đây liền hất hàm hỏi:

- Tại sao cháu lẳng lặng trở về, chẳng nói năng gì để bá phụ sai người đi kiếm khắp cả vùng Đông Sơn thế?

Bà phúc tấn, vợ ông, thấy ông hỏi vậy biết rằng ông chưa hiểu gì về chuyện kỳ ngộ của cháu mình, chỉ chàng mà cười nói:

- Ông có biết không? Ông tiểu bối lạc này ngồi tán gẫu suốt ngày với người đẹp ở Đông Sơn đấy!

Đô đốc Giác Xương An ngạc nhiên, vội hỏi:

- Người đẹp nào thế?

Lúc đó cách cách lớn của ông đem chuyện Ốc Tể Cách gặp một mỹ nhân ở đỉnh núi Đông Sơn ra kể cho ông nghe.

Nghe chị kể vừa xong, Ốc Tể Cách liền quỳ xuống đất ngỏ lời cầu xin bá phụ mình tìm cho ra người đẹp nhờ đứng làm chủ hôn, tác hợp cho đôi lứa. Bá phụ chàng vốn rất yêu quý chàng nên vui lòng đứng ra lo liệu. Ông nói:

- Đã là con gái ở những miền phụ cận thành này thì việc tìm kiếm đâu có khó khăn gì? Thằng cháu của bá phụ ơi, cháu lo gì mà phải gấp thế?

Nói rồi, ông Giác Xương An bèn hạ lệnh cho người đi khắp nơi điều tra tung tích cô gái.

Không đầy bốn, năm ngày, thủ hạ ông đã điều tra ra.

Nguyên lai mỹ nhân này vốn là người Minh Cổ Tháp, em gái Ba Tư Hãn Ba Đồ Lỗ. Nàng là một cô gái có vẻ đẹp chim sa cá lặn, hoa nhường nguyệt thẹn. Năm đó, nàng hơn hai mươi tuổi, cha nàng rất yêu quý nàng, các bối lạc của những bộ lạc xa gần đều tới cầu thân nhưng đều bị Ba Tư Hãn cự tuyệt. Ông cự tuyệt là vì ông đã có một chủ ý. Ông nghĩ rằng con gái của ông sắc nước hương trời như vậy thì phải gả ột trang thiếu niên tài mạo song toàn mới xứng đôi vừa lứa.

Bởi vậy bất cứ ai tới hỏi, ông đều từ chối, chẳng cần hỏi ý con gái. Một hôm đô đốc Giác Xương An phái người tới cầu hôn. Ba Tư Hãn thấy vậy lại cho rằng quan đô đốc đường đường là một vị trọng thần có ý cầu thân cho chính mình để làm một vị phúc tấn thì còn gì hay bằng. Nhưng hiềm nỗi quan đô đốc tuổi đã quá lớn, e rằng không xứng với con mình. Ông đặt một giả thuyết khác cho rằng có thể một cậu con trai nào đó của quan đô đốc muốn lấy con gái ông làm vợ. Cậu này một là còn trẻ, hai là sẽ trở thành đô đốc trong tương lai, như thế thì thật là phú quý song toàn, khỏi nói cũng biết là đặc ý nhất rồi! Nhưng đến khi ông mới vào vấn đề, nói là thay mặt quan đô đốc đến hỏi cô con gái ông cho người cháu trai thì lòng ông đã có đôi phần không ưng. Ông còn nghe thêm cả chuyện con gái ông, tình tự với cháu quan đô đốc ở Đông Sơn nên ông lại cho rằng ông mới có ý giấu cợt mai mỉa ông, do đó ông lại càng không vừa ý. Tuy vậy, ông không dám quyết liệt cự tuyệt vì ông còn nể mặt quan đô đốc. Ông trả lời người mới rằng xin cho Ốc Tể Cách đích thân đến diện đàm mới có thể quyết định được việc hôn nhân. Theo ý Ba Tư Hãn thì ông muốn xem Ốc Tể Cách diện mạo và phẩm chất ra sao trước đã.

Ít hôm sau, chàng thiếu niên họ Ốc tới nhà Ba Tư Hãn.

Chàng nhủ thầm mình là cháu quan đô đốc thì một tên Ba Đồ Lỗ này có nghĩa lý gì đối với chàng. Do đó chàng dương dương tự đắc bước vào, cất tiếng đồng dục nói với Ba Tư Hãn:

- Lệnh ái đâu. Xin mời ra cho tại hạ diện kiến.

Ba Tư Hãn tức giận đến tái mặt bèn trả lời hết sức lạnh nhạt:

- Tiện nữ sinh trưởng nơi thâm khuê lại rất trọng lễ giáo nên không thể diện kiến với người được.

Ốc Tể Cách liền nói.

- Tại hạ cùng lệnh ái có duyên phận vợ chồng thì sự diện kiến nào có hại gì?

Ba Tư Hãn không để Ốc Tể Cách nói xong, tiếp luôn:

- Về việc cầu thân tiếc rằng tiểu bối lặc tới trễ quá! Hôm qua tại hạ đã định việc chung thân cho người khách khác rồi!

Ốc Tể Cách giật mình lên như điện giật. Vội hỏi:

- Với ai vậy?

Ba Tư Hãn nói:

- Quyết định này do chính tiện nữ chủ trương. Tiện nữ đã thuận lấy con trai Khắc Triệt Ba Nhan, tù trưởng Đồng Ngạc bộ, tên gọi là Ngạch Nhĩ Cơ Ngoã Ngạch!

Thất khiếu Ốc Tể Cách như bốc khói, đôi mắt trợn ngược, miệng há hốc ra. Không nói được lời nào. Chàng lắp bắp mãi mới nói được có một câu:

- Có thực lệnh ái quyết định như vậy?

Ba Tư Hãn cười nhạt, chẳng thèm trả lời. Ốc Tể Cách như phát điên lên, tuốt lẹ cây yêu đao đánh soạt một tiếng.

Ba Tư Hãn thấy thế lại cho rằng chàng tuốt đao để chém mình, cũng tuốt vội yêu đao lăm lăm cầm trong tay. Nhưng Ba Tư Hãn không ngờ được rằng chàng tuốt đao chẳng phải để giết người, mà để cắt phứt bím tóc trên đầu mình, ném lên mặt bàn rồi nói:

- Xin nhờ tôn ông đưa giùm cho lệnh ái. Tại hạ là Ốc Tể Cách, kiếp này nếu không lấy được lệnh ái làm vợ thì không còn gọi được là trang kỳ nam tử đội trời đạp đất ở đời này nữa.

Nói xong, chàng cũng chẳng quay đầu chào, cứ việc chạy đại ra ngoài cổng như một con trâu điên.

Ngạch Nhĩ Cơ Ngoã Ngạch trước đây đã có lần cầu thân với Ba Tư Hãn. Về mặt tài mạo thì Ngạch chẳng có gì xuất sắc khó sánh được với con gái ông. Nhưng sự thể đã quá gấp, ông Hãn cho cưới ngay trong ba ngày, dùng kế sét đánh chẳng kịp bưng tai.

Quả nhiên ba ngày sau, con gái ông Hãn đã gả về Đồng Ngạc Bộ.

Ốc Tể Cách được tin này càng căm giận đến tận xương tuỷ ít lâu sau, có một hôm Ngạch Nhĩ Cơ Ngoã Ngạch một mình cưỡi ngựa đi chơi dưới chân núi Bát Đạt. Bỗng từ trong sơn ao nhảy ra chín tên đại hán, quật ngã Ngoã Ngạch xuống đất rồi nhắt tề gươm đao chém xuống, băm nát thân Ngoã Ngạch.

Vài hôm sau tù trưởng Khắc Triệt Ba Nhan mới tìm ra được thân của con trai ông dưới chân núi. Ngạch là đứa con trai duy nhất của ông, bảo sao ông không thương tâm và căm giận cho được. Ông một mặt cho liệt xác con, một mặt cho người điều tra hung thủ. Ông cho yết bảng khắp nơi hễ có ai đó biết họ tên hung thủ sẽ được thưởng trâu một trăm con, ngựa cũng một trăm, vàng mười cân. Tin này vừa truyền ra ngoài thì dư luận đã xôn xao bàn tán, cho rằng trong chín tên hung thủ đó có một tên là Ốc Tể Cách. Tuy biết vậy nhưng chẳng ai dám tố cáo để lĩnh thưởng, bởi vì Cách là cháu của quan đô đốc Kiến Châu vệ. Thấy người ta khiêng con về tới nhà, ông Ba Nhan đau khổ vô cùng, cứ ôm choàng lấy thân con mà khóc hu hu. Con dâu ông cũng khóc lên khóc xuống, một tiếng lang quân hai tiếng lang quân. Hai người khóc lóc thảm khiến cả nhà ai cũng mũi lòng, nghẹn ngào trong nước mắt.

Giữa lúc cả nhà đang than khóc, vật vờ thì được tin Ba Tư Hãn Ba Đồ Lỗ tới. Ông Ba Nhan định chạy ra đón tiếp thì đã thấy Ba Tư Hãn vào tới trong nhà, nắm tay con gái.

Cô gái đầu tóc rũ rượi, miệng luôn luôn xin cha báo thù cho chồng, ông khuyên con thôi khóc, bảo ông Ba Nhan:

- Lão nghe bên ngoài đồn rầm lên kẻ mưu sát con trai ông chẳng phải ai xa lạ chính là cháu ruột Kiến Châu vệ tên gọi là Ốc Tể Cách đó.

Ba Nhan ngạc nhiên hết sức vội hỏi:

- Ốc Tể Cách với con trai lão, kiếp trước không thù, đời này không oán, tại sao hắn lại hạ độc thủ như vậy?

Ba Tư Hãn bị hỏi vắn như vậy, không biết trả lời cách nào. Ông chỉ biết quay đầu lại đưa mắt nhìn cô con gái, ý muốn bảo hãy thay ông mà trả lời. Con gái ông lúc đầu thấy chồng bị hại thì căm lắm, nhưng tới khi nghe nói hung thủ chính là Ốc Tể Cách thì cặp má hồng tươi kia không khỏi nóng bừng.

Lòng nàng cảm thấy mềm lại. Nàng nhớ lại ngày nào cùng với Ốc Tể Cách kỳ ngộ trên đỉnh núi Sơn Đông. Rồi cũng vì mối tình thắm thiết đó chàng đã tự tới cầu thân, cắt tóc để lại. Nàng cho rằng chính là nàng đã không xứng đáng, vì nàng đã phụ rẫy trước, chứ không phải chàng. Phụ thân nàng cố chấp nên mối lương duyên của hai người dang dở. Ngày nay, xảy ra tai vạ đó phải chăng là do tiền oan nghiệp chướng?

Vừa nghĩ tới đó cũng vừa lúc thân phụ nàng quay lại nhìn nàng. Nàng chỉ còn biết thở dài một tiếng cho vơi bớt sầu tư.

Rồi nàng lấy khăn lụa lau qua mấy giọt lệ còn vương lại trên đôi gò má mịn màng, cất bước vào phòng trong...

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/thanh-cung-muoi-ba-trieu>